Ève Curie

NỮ BÁC HỌC MARIE CURIE



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

Mục Lục





LỜI GIỚI THIỆU

Trong những nhà bác học lớn của thế kỷ 20, thế kỷ của vật lý học, có một hình ảnh sáng ngời rất đỗi gần gũi chúng ta. Đó là Ma-ri Qui-ri, nữ bác học người Ba Lan, mà tên tuổi cùng với chồng là nhà vật lý Pháp Pi-e Qui-ri, gắn liền với một giai đoạn phát minh khoa học và phát triển kỹ thuật vô cùng rạng rỡ trong lịch sử văn minh loài người.

Một khám phá đảo lộn cả nền triết học và vật lý của mấy thế kỷ trước, là ánh bình minh của thời đại nguyên tử, trong điều kiện nghiên cứu thô sơ, tạm bợ "bốn năm ở một nhà xe" nghe như chuyện thần tiên lại do một phụ nữ rụt rè, thầm lặng, tính tình nếp sống chẳng khác gì chị em lao động bình dị, chất phác, nhưng tâm hồn, tư tưởng có tầm vóc thời đại.

Cuối thế kỷ 19, nước Ba Lan còn bị vùi dập dưới ách phong kiến phụ thuộc. Do tư tưởng trọng nam khinh nữ, thời đó phụ nữ không được vào Đại học, Ma-ri-a Xkhua-dốp-xka, con một gia đình nhà giáo yêu nước bị chèn ép, đã không chịu sống trói buộc, thấp hèn, ra sức học hỏi tích luỹ kiến thức với một lý tưởng quán xuyến cả cuộc đời say mê khoa học.

Em bé chưa đầy mười hai tuổi mồ côi mẹ, thời thơ ấu bị đau thương đè nén, càng yêu quê hương đất nước, yêu từ tiếng nói đến lịch sử dân tộc. Đang học trung học, mặc dầu bị cấm đoán Ma-ri-a Xkhua-dôp-xka vẫn lén lút tìm dự các buổi "Đại học di động". Say sưa với những luồng tư tưởng tiến bộ hướng về tầng lớp lao động.

Cô gái mười bảy, hiếu thảo tận tình, muốn giúp chị có tiền ra học nước ngoài, đỡ đần cha và dành dụm thêm cho mình, đã đi tỉnh xa dạy tư tám năm ròng rã, gần gũi con em nông dân với một lòng yêu chân thành. Tha thiết khêu gợi cho các em thấy vẻ đẹp của tiếng nói mẹ đẻ và lịch sử đất nước Ba Lan. Cô tìm thấy ở các em "niềm vui lớn và nguồn an ủi chính" của mình, ở địa phương hẻo lánh, không người hướng dẫn, cô vẫn tự mình cố gắng học thêm.

Cô nữ sinh viên 25 tuổi, miệt mài sách vở, kham khổ ba năm để giành hai bằng cử nhân toán lý, đỗ nhất và nhì đồng thời trang bị cho mình một vốn kiến thức khoa học cơ bản vững chắc. Khi tốt nghiệp xong, cô đã

hoàn lại học bổng mình nhận trước kia, để số tiền này lại có thể giúp một bạn học nghèp khác.

Người mẹ hai con vẫn thi thạc sĩ đỗ đầu, lại chuẩn bị thi tiến sĩ. Bốn mươi lăm tháng trời vất vả, nghiên cứu các chất phóng xạ, cùng chồng tìm ra hai kim loại mới, và cả phương thức khai thác. Một thành công kỳ diệu đã đem lại cho hai vợ chồng giải Noben vật lý 1903, chung với một nhà bác học nổi tiếng đương thời.

Người quả phụ 38 tuổi, trong bước thảm khốc của đời mình đã nén đau thương, tần tảo lao động nuôi con và chăm sóc bố chồng già, lại đảm đương trọng trách thay chồng một cách xuất sắc, tiếp tục nghiên cứu, phát minh, đặt nền móng cho một khoa học và một công nghiệp mới, giật thêm một Noben về hoá học. Có thể cho con cái một gia tài lớn, nhưng bà đã đem lại cho nhà nước Pháp mảnh kim loại trị giá một triệu "francs" và đem tiền thưởng Noben cùng trang sức của mình chuyển thành quốc trái, với ý nghĩ đơn giản mà cao đẹp: "con cái nó phải tự kiếm sống là điều lành mạnh tất nhiên". dạy dỗ con gái thành tài, sau này cũng nối nghiệp mẹ và cũng được giải Noben (1934).

Nữ bác học nổi tiếng vẫn giữ bản chất tốt đẹp của một người lao động, cần mẫn, giản dị, không hay nói đến mình, không thích tiền tài, danh vọng, chỉ say sưa nghiên cứu, chỉ muốn làm việc và cống hiến. Trong chếin tranh, ra tiền tuyến với chiếc xe điện quang tự thiết kế, bà lăn lộn khắp chiến trường cứu chữa thương binh, như một chiến sĩ, chẳng nề hà gian khổ, chẳng đòi hỏi đối xử riêng biệt. Nhìn rõ trách nhiệm của người trí thức "không thể đứng trên cuộc chiến đấu và sẽ phản lại sứ mệnh của mình, nếu không kiên trì bảo vệ văn minh và tự do tư tưởng". Chính nhờ đi vào thực tế cuộc sống chiến đấu mà bà đã có thêm nhiều thành tựu độc đáo về khoa học ứng dụng và kỹ thuật thực hành. Như đã thấy được đây là cả một sự nghiệp quần chúng, bà đã đào tạo hàng trăm người làm công tác khoa học kỹ thuật là con em nhân dân lao động cho yêu cầu thời chiến. Càng tha thiết đến tiền đồ khoa học, bà càng quan tâm đến "những tài năng chưa phát triển, trong những tầng lớp xã hội ít được nâng đỡ" vì "một nông dân, một công dân, biết đâu chẳng là mầm mống một nhà văn, nhà bác học, hoạ sĩ?"

Nhà tri thức chân chính và từng trải đã thành một người có tài tổ chức và cổ vũ, ra sức vun đắp thế hệ trẻ với lòng hy sinh cao cả, vừa chỉ đạo chuyện môn, vừa hoạt động xã hội "chú trọng phát triển các học bổng quốc

tế về nghiên cứu khoa học, đấu tranh cho một nền văn hoá quốc tế vẫn tôn trọng các nền văn hoá dân tộc, bảo vệ nhân cách và tài năng bất cứ nơi đâu, củng cố sức mạnh tinh thần lớn lao của khoa học trên thế giới".

Qua hình ảnh Ma-ri, người phụ nữ Ba Lan giàu tình cảm ước mơ, nhưng còn giàu nghị lực và ý chí hơn nữa, luôn luôn cưỡng lại số phận tàn khốc, vươn lên làm tròn nhiệm vụ mà cuộc sống và lịch sử đặt cho mình, ngay cả lúc đau khổ nhất, hàng vạn chị em phụ nữ Việt Nam có thể tìm thấy những nét về thời tuổi trẻ và đời sống tình cảm của mình, của những con người dũng cảm, bất khuất, trung hậu, đảm đang trên hai miền đất nước. Và kiều bào ta trên thế giới bấy lâu da diết nhớ quê cha đất tổ giờ đây thông cảm hơn bao giờ hết với người trí thức Ba Lan bốn chục năm xa quê hương vẫn không quên được tiếng mẹ đẻ và dòng sông Vit-xtuyn, vẫn tha thiết với vận mệnh và tiền đồ tổ quốc Ba Lan, đã tìm cách tặng thủ đô Vác-xô-vi của lòng mình một viện Ra-đi-om, để đền đáp ơn nghĩa chôn nhau cắt rốn vì đã gửi gấm cả cuộc đời hoạt động khoa học trên đất nước người.

Ngày nay trên đất nước đang lớn lên, có bao khó khăn, thử thách chúng ta càng được khích lệ và tin tưởng khi nghĩ đến điều kiện làm việc rất đỗi khó khăn mà lại thành công rực rỡ của Ma-ri Qui-ri. Chị em phụ nữ ta đều có thể học tập những điều bổ ích ở cuộc đời và sự nghiệp của Ma-ri Qui-ri ở lòng say mê học hỏi nghiên cứu phát minh khoa học không vì tiếng hay danh vọng và đức tính cần cù, nhẫn nại, giản dị, thanh liêm.

Học tập giờ đây đâu chỉ là nhu cầu cuộc sống mà còn là phẩm chất đạo đức, là đấu tranh với thiên nhiên và bản thân khắc phục mọi trở ngại khó khăn do dốt nát sinh ra, nâng cao mại trình độ tiếp thu và tích luỹ kiến thức của dân tộc và thế giới nhằm giải quyết tốt đẹp mọi vấn đề đời sống con người và xã hội, vì ngày mai hạnh phúc huy hoàng của nhân dân ta, dân tộc ta, Tổ quốc ta.

Trân trọng giới thiệu với bạn đọc cuốn "Nữ bác học Ma-ri Qui-ri" do con gái bà là E-vơ Qui-ri viết, nguyên bản tiếng Pháp đã được dịch ra 26 thứ tiếng. Một tác phẩm sinh động chân thật về một phụ nữ đại tài, một nhà khoa học chân chính .

________Tháng 4 năm 1982

ĐÀO TRỌNG TỪ

MỤC LỤC

CHƯƠNG XXVII

LỜI TÁC GIẢ

Cuộc đời của Ma-ri Qui-ri rất nhiều nét cao siêu đến nỗi người ta muốn kể lại như một câu chuyện cổ tích.

*

*   *

Một phụ nữ thuộc một dân tộc bị áp bức, nghèo và đẹp. Theo tiếng gọi của một chí hướng mãnh liệt, bà rời tổ quốc Ba Lan của mình, đến Pa-ri học, sống những năm cô đơn túng bách.

Bà gặp Pi-e Qui-ri, cùng một thiên tư hiếm có. Hai người lấy nhau. Hạnh phúc của họ có một chất lượng duy nhất.

Qua nỗ lực kiên trì và vô vàn gian khổ, Ma-ri và Pi-e Qui-ri tìm ra một chất màu nhiệm: đó là nguyên tố Ra-đi. Phát minh này không chỉ khai sinh ra một khoa học mới và một triết học mới, nó còn mang đến cho loài người cách điều trị một căn bệnh khủng khiếp.

Giữa lúc vinh quang của hai nhà bác học lan khắp thế giới, tai ương đổ xuống đầu Ma-ri. Phút chốc, cái chết cướp đi của bà người bạn đời kì diệu.

Đau khổ và bệnh hoạn không sờn lòng, bà tiếp tục công việc đang tiến hành, phát triển một cách rực rỡ bộ môn khoa học do hai vợ chồng sáng lập ra.

Cho đến cuối đời, Ma-ri Qui-ri chỉ biết có cống hiến. Với thương binh, bà đã hiến dâng tất cả lòng tận tụy và sức khỏe của mình. Sau này bà dành toàn bộ kiến thức và thì giờ cho những sinh viên từ khắp năm châu đến học, được bà hết lòng khuyên răn, đào tạo thành những nhà bác học tương lai.

Xong sự nghiệp, kiệt sức, bà từ giã cuộc đời sau khi đã khước từ phú

quý và dửng dưng với danh vọng.

*

*   *

Câu chuyện không khác gì truyền thuyết này, tôi cảm thấy có tội lỗi nếu đặt thêm vào dù chỉ là một điều trang trí nhỏ bé nhất. Mỗi giai đoạn được kể ra đây đều đã xác minh chắc chắn, mỗi lời chủ yếu là trung thực, cả đến màu sắc một chiếc áo. Sự việc đã xảy ra, lời lẽ được nói ra đúng như vậy.

Họ hàng bên mẹ tôi ở Ba Lan, nhất là dì ruột tôi là bà Du-xki, người chị thân thiết của mẹ tôi, đã cung cấp cho tôi những lá thư quý giá, và những kỷ niệm sống về tuổi niên thiếu của nhà nữ bác học. Viết về cuối đời của Ma-ri Qui-ri, tôi đã dựa vào giấy tờ riêng cùng những ghi chép vắn tắt của bà và những câu chuyện và thư từ của bạn bè người Pháp và người Ba Lan, những ký ức của chị tôi là I-ren Giô-li-ô Qui-ri và anh rể tôi là Phơ-rê-đê-rich Giô-li-ô.

Mong rằng bạn đọc, qua những diễn biến nhất thời của một quãng đời, nhận rõ điều mà ở bà Qui-ri còn quý hơn cả sự nghiệp và cuộc sống nên tranh của bà: đó là tính kiên định, sự nỗ lực kiên trì, tất thắng của trí tuệ, lòng hy sinh của một con người đã biết cho tất cả mà không biết lấy một thứ gì, thậm chí nhận một thứ gì. Và sau cùng là tâm hồn mà không có gì – thành công xuất sắc hay hoạn nạn – làm vẩn đục được tính trong trắng tột bực.

Chính do tâm hồn như vậy mà Ma-ri Qui-ri đã không chút ngần ngại gạt xa những thuận lợi mà danh vọng vẫn đem lại cho những thiên tài chân chính.

Bà đã phải đau khổ vì thế giới đương thời cứ muốn bà đóng vai một nhân vật tiếng tăm. Con người vốn nghiêm khắc với mình và sống nhiều về nội tâm, đã không thể chọn thái độ thường đi đôi với danh vọng: thân mật, hòa nhã một cách máy móc, nghiêm nghị cố ý, khiêm tốn bề mặt.

Ma-ri Qui-ri không biết kiểu cách cư xử của những người danh tiếng.

*

*   *

Tôi sinh ra khi mẹ tôi đã 37 tuổi. Lớn lên, đủ trí khôn nhận xét, tôi thấy bà Qui-ri đã là một phụ nữ có tuổi, lừng lẫy. Thế nhưng chính “nhà bác học nổi tiếng” lại xa lạ với tôi hơn cả có lẽ vì Ma-ri Qui-ri không hề bận tâm với ý nghĩ rằng mình có danh vọng. Và tôi luôn luôn cảm thấy như vẫn sống với một nữ sinh viên nghèo dạt dào ước vọng tên là Ma-ri-a Xkhua-đốp-xka, từ rất lâu trước khi tôi ra đời.

Cho đến lúc thở hơi cuối cùng, Ma-ri vẫn giống người con gái đó. Một sự nghiệp lâu dài, vất vả, sáng chói đã không làm cho bà lớn hơn hoặc thấp kém, hóa thần thánh hoặc sa đọa. Và đến ngày cuối cùng, vẫn một vẻ dịu hiền, bướng bỉnh, dứt dát và ham hiểu biết như thuở hàn vi.

Đối với một con người như vậy, lúc chết, giá có được nghi lễ linh đình, theo kiểu mà các chính phủ thường dành cho các vĩ nhân của họ thật là một điều phạm thánh, bất kính. Bà được an táng giản dị, lặng lẽ tại một nghĩa trang thôn quê[1], giữa hoa lá đồng nội, dường như cuộc sống vừa chấm dứt cũng bình dị như trăm nghìn cuộc sống khác…

*

*   *

Ước gì tôi có khiếu viết văn để miêu tả người nữ sinh muôn thuở mà nhà bác học Anh-xtanh đã nói:

“Trong tất cả những danh nhân, bà Qui-ri là người duy nhất không bị vinh quang làm cho hư hỏng”.

Bà đã bước trên đường đời như một người ngoài cuộc, nguyên vẹn, hồn nhiên, gần như dửng dưng với số phận lạ lùng của mình.

E-VƠ QUI-RI

PHẦN THỨ NHẤT

CHƯƠNG I

"AN-CHIU"

Như mọi chủ nhật, trường trung học ở phố Nô-vô-lip-xki chìm đắm trong im lặng. Dưới tấm da mặt nhà có khắc mấy tiếng Nga "Trường Nam trung học", cổng chính khóa chặt, hành lang toàn cột trông như một ngôi đền bỏ hoang. Cuộc sống đã rút khỏi cái công trình kiến trúc chạy dài, thấp, chỉ có một tầng gác này, khỏi những gian phòng sáng sủa, bàn kê hàng dọc, gỗ đen, mặt bàn xây xát đầy vết dao con khắc tên kỷ niệm, chỉ nghe thấy tiếng chuông chiều ở nhà thờ Đức Mẹ Đồng Trinh thong thả gióng, thỉnh thoảng xen lẫn tiếng xe bò lọc cọc hoặc vó ngựa uể oải của chiếc xe khách "đô-rốt-sca" từ ngoài phố vọng vào. Phía trong hàng rào vây quanh sân trường, bốn cây tử đinh hương khẳng khiu, bụi bặm đang trổ hoa. Mùi hương ngào ngạt thường làm khách qua đường, mặc diện ngày chủ nhật, bất giác ngoảnh lại, ngạc nhiên. Chưa sang tháng sáu mà trời đã nóng. Ở Vác-xô-vi cái nóng cũng khắc nghiệt, thấm thía như cái rét.

Bầu không khí tĩnh mịch của ngày chủ nhật ấy đang bị khuấy đảo. Từ gian trái tầng dưới, nơi ở của ông Vla-đi-xoáp Xkhua-đốp-xki, giáo sư vật lý đồng thời là hiệu phó, vọng ra những tiếng động bí mật như búa đập không thành nhịp. Bỗng thấy xoảng một cái, một công trình xây dựng nào đó đổ nhào; tiếp theo là tiếng trẻ con hò la, the thé. Rồi lại tiếng khua.

Rồi những mệnh lệnh ngắn gọn, bằng tiếng Ba Lan:

- Hê-la ơi, tao hết đạn rồi!

- Cái tháp! Dô-dếp ngắm cái tháp!

- Ma-ni-a! Tránh ra!

- Ấy chớ! Em mang thỏi gỗ đến mà!

Lại ầm ầm, bao nhiêu thỏi gỗ vuông rơi tung tóe xuống sàn đánh bóng xi như lệnh vỡ: ngọn tháp không còn nữa. Tiếng hò hét càng loạn xạ. Đạn bay tới tấp, trúng đích.

Bãi chiến trường là một phòng rộng, vuông vắn, cửa sổ mở trông ra sân trường phía sau. Bốn chiếc giường con kê bốn góc. Bọn trẻ nhỏ từ năm đến chín tuổi rưỡi đang chơi trận giả, la hét inh ỏi. Chẳng là ông cậu, vốn thích chơi bài, đêm Nô-en có tặng mấy cháu bộ đồ chơi xếp gỗ này. Và chắc ông không ngờ được công dụng cuối cùng của nó. Vài ngày đầu, Dô-dếp, Brô-ni-a, Hê-la và Ma-ni-a còn ngoan ngoãn chơi xếp thành quách, cầu cống, nhà thờ theo mẫu vẽ trên hộp gỗ to. Nhưng rồi các mảnh gỗ ấy mau chóng đi theo số phận của chúng. Cột nhà bằng gỗ sến ngắn biến thành pháo, ô vuông thành đạn trái phá và mấy nhà kiến trúc tí hon đã nghiễm nhiên là những nguyên soái.

Dô-dếp đang nằm rạp xuống sàn, lấn dần tới và lần lượt đẩy khẩu pháo của mình về phía địch. Ngay giữa trận đánh gay go, nét mặt đứa trẻ khỏe mạnh trông vẫn nghiêm túc như hệt mọi viên tướng ra trận. Nó lớn tuổi hơn cả, sáng trí nhất trong bốn đứa trẻ, và cũng chỉ mình nó là con trai ở đây. Mấy đứa kia toàn con gái, ăn mặc như nhau, có viền xếp nếp trên bộ áo ngày chủ nhật, yếm màu nâu sẫm thêu hoa dây.

Phải nói rằng bọn con gái cũng cừ đây. Hê-la, đồng minh của Dô-dếp, mắt long lên sòng sọc. Nó uất ức vì mới chỉ sáu tuổi rưỡi, không được ném những thanh gỗ xa hơn, mạnh hơn. Chao, giá nó cũng lên tám như Brô-ni-a, cô bé múp míp, hồng hào, có mớ tóc hung cứng quật gió trong khi nó khoa chân múa tay chống đỡ cho đạo quân của mình đang dàn ở giữa hai cửa sổ.

Cạnh Brô-ni-a, một tiểu đội phó tí hon mặc yếm có hoa dây lon ton từ tốp quân này, sang tốp quân khác nhặt đạn, bận rộn, mặt mũi đỏ bừng môi khô lại vì hò hét và cười nhiều quá.

- Ma-ni-a!

Đang chạy, đứa bé sửng sốt dừng lại, buông rời vạt yếm nó đang ôm gọn vào ngực. Thỏi gỗ rơi loảng xoảng xuống sàn.

- Gì cơ? Chị Dô-sa?

Trong năm đứa con ông giáo, Dô-sa nhớn nhất. Tuy chưa đến mười hai tuổi, nhưng đối với 4 em, cô đã ra vẻ chững chạc. Tóc màu tro, hất về phía sau, xõa xuống ngang vai, mặt xinh xắn nhiệt tình, đôi mắt cũng màu

tro, mơ màng tuyệt đẹp.

- Mẹ bảo là đã chơi quá lâu rồi, phải nghỉ thôi.

- Nhưng Brô-ni-a còn cần đến em cơ mà. Em mang thỏi gỗ đến cho chị ấy.

- Mẹ gọi em ra với mẹ đấy.

Sau một giây phút lưỡng lự, Ma-ni-a cầm tay chị ung dung đi ra. Kể mới năm tuổi mà chơi đánh trận thì cũng mệt đấy, cô bé cũng nhọc rồi, chẳng phải là không muốn thôi. Có tiếng ngọt ngào, âu yếm từ buồng bên:

- Ma-ni-a!... Ma-ni-u-sa!... An-xi-u-pê-trô của mẹ đâu?

Ở Ba Lan, người ta ưa gọi nhau bằng những tên nựng nịu ấy.

Trong gia đình ông giáo, từ trước đến nay cô cả Xô-phi vẫn được gọi thân mật là Dô-sa, cô hai Brô-nhi-xoa-va là Brô-ni-a, Hê-lê-na thành Hê-la, còn Dô-dếp là Dô-sô. Nhưng có nhiều tên nhất là Ma-ni-a, cô út, yêu nhất nhà. Ma-ni-a là tên gọi thường ngày, Ma-ni-u-sa là gọi âu yếm, và từ khi còn đặt trong nôi, cô được cả nhà đặt cho một cái tên ngộ nghĩnh: An-xi-u-pê-trô. An-chiu bé nhỏ.

- Sao tóc con bù thế? Sao mặt con đỏ thế? An-chiu bé nhỏ của mẹ!

Hai bàn tay xanh xao, gầy guộc dịu dàng thắt lại dải yếm, vuốt ve những búp tóc quăn, để lộ ra gương mặt cương nghị của một nữ bác học vĩ đại tương lai. Dần dần, đứa bé trở lại yên tĩnh.

*

* *

Ma-ni-a rất yêu quý mẹ. Trên trái đất này, có lẽ chẳng ai xinh đẹp, dịu hiền, đoan trang bằng mẹ. Bà giáo là con gái đầu lòng của một gia đình khá giả ở nông thôn. Thân sinh là Fê-lích Bô-gu-xki, thuộc tầng lớp quý tộc nhỏ thường gặp ở Ba Lan thời đó. Không đủ sống trên mảnh đất của mình, ông phải làm quản lý cho các nhà quý tộc khác giàu sang và có thế lực hơn. Trong sáu chị em, có lẽ bà giáo tính tình thăng bằng và sáng trí nhất, không

bị ảnh hưởng một kiểu Xla-vơ nào. Chẳng lập dị, không sôi nổi mà cũng không thái quá. Tốt nghiệp xong trường phố Phrê-ta ở phố Vác-xô-vi, được tiếp thụ một nền giáo dục ưu tú, bà quyết đi vào sư phạm, sau một thời gian dạy học, được cử làm hiệu trưởng. Năm 1860, khi giáo sư Xkhua-đốp-xki hỏi cưới, ông đã chọn được một người vợ hoàn toàn. Bà không có của hồi môn nhưng là con nhà giáo, mộ đạo, hoạt bát, có một nghề nghiệp chắc chắn và lại biết âm nhạc. Bà chơi dương cầm và hát những bài hát trữ tình thời ấy với một giọng say sưa, tuyệt diệu.

Bà rất đẹp. Bức ảnh hồi mới cưới cho ta thấy một khuôn mặt đều đặn, mái tóc dày óng mượt bện giản dị, đôi mắt xám có đuôi theo kiểu Ai Cập có cái nhìn dịu hiền, huyền ảo dưới cặp mày ngài.

Một cuộc hôn nhân nghe nói là "tương xứng". Họ nhà trai cũng thuộc tầng lớp quý tộc nhỏ mà thảm họa của nước Ba Lan thời đó làm cho sa sút, gốc tích ở Xkhua-đi, một vùng thôn trại cách Vác-xô-vi độ một trăm cây số. Nhiều gia đình thông gia với nhau cùng quê quán ở Xkhua-đi đã lấy tên là Xkhua-đốp-xki.

Nghề nghiệp tự nhiên của những hộ này là canh tác, trồng trọt. Gặp thời tao loạn, đất đai ngày càng cằn cỗi và phân tán dần. Đến thế kỷ 18, ông tổ trực tiếp của Vla-đi-xoáp Xkhua-đốp-xki có vài trăm mẫu ruộng, sống phong lưu nhàn hạ, đời con hãy còn là điền chủ sung túc nhưng đến Dô-dếp, thân sinh của ông giáo thì không thế nữa.

Muốn nâng cao thân phận bạc bẽo thấp hèn, và làm vinh dự cho cái tên mà ông tự hào, Vla-đi-xoáp hướng về đường học vấn. Sau nhiều năm lăn lộn với nghề mà các cuộc đảo chính và chiến tranh làm cho bi đát, ông được bổ nhậm làm hiệu trưởng trường Nam trung học một thành phố quan trọng là Lu-blin. Đó là người trí thức đầu tiên trong họ.

Hai gia đình Bô-gu-xki và Xkhua-đốp-xki đều đông anh em, một nhà sáu, một nhà bảy. Nhiều người làm ruộng, đi giáo học, một người là thẩm phán tòa án, một nữ đi tu và cũng có một vài nhân vật kì quặc. Hen-rich, một em trai của bà giáo là tay chơi bất trị, cứ tưởng mình tài giỏi về những chuyện phi thường, mạo hiểm. Và anh chàng Di-xoáp – em ông giáo – sống lông bông hưởng lạc, đang là sinh viên ở **Pê-téc-bua**[2], gặp cuộc khởi nghĩa ở Ba Lan, đã đi lính, trong thời gian lánh nạn ở **Tu-lu-dơ**[3] đã từng làm thơ

bằng tiếng Prô- văng-xơ rồi trở về nước, làm quản lý văn khế ở các tỉnh, cuộc đời cứ luôn luôn phất rồi lại mạt.

Trong hai dòng họ, những tâm hồn mơ mộng, đắm đuối ở cạnh những tính tình điềm đạm, những hiền triết sống bên những nhà du hiệp.

Cha mẹ của Ma-ri Qui-ri là những người khôn ngoan. Vla-đi-xoáp noi gương bố, học hết đại học ở Pê-téc-bua, trở về Vác-xô-vi dạy toán và lý. Bà giáo mở trường nữ học có kí túc xá mà các nhà giàu sang trong thành phố đều cho con gái đến học. Gia đình ở phố Phrê-ta trên gác, sống ở đây tám năm trời. Mỗi buổi sáng khi thầy giáo bước chân qua cửa; nhìn ra sân, thầy thấy các bao lơn nhẹ nhàng như những tràng hoa giăng từ cửa sổ này đến cửa sổ nọ, thì mấy buồng phía trước đã rộn ràng tiếng cười nói của các cô học sinh đợi giờ học đầu tiên trong ngày.

Năm 1869, ông giáo được bổ nhiệm về dạy và làm hiệu phó trường Nam trung học phố Nô-vô-lip-xki, bà giáo phải thích nghi với sự thay đổi này. Không thể đến chỗ ở mới do chức vụ của chồng được thu xếp, đồng thời tiếp tục quản lý kí túc xá và chăm sóc con cho chu đáo. Bà đành nhường lại trường tư thục, lòng rất luyến tiếc, rời phố Phrê-ta, nơi trước đây ít lâu – ngày 7 tháng 9 năm 1867 – cô bé Ma-ni-a ra đời.

Ma-ni-a chưa hiểu nổi cái lý do khe khắt của những cử chỉ ấy và nỗi cô quạnh mà mẹ em đang giam hãm mình vào. Bà giáo lâm bệnh nặng. Triệu chứng lau phổi đầu tiên chớm nở ngay từ khi mới sinh Ma-ni-a cho đến nay đã năm năm rồi, khám và chữa rất nhiều, bệnh vẫn cứ phát triển. Người đàn bà ngoan đạo ấy rất can đảm, luôn luôn gọn gàng trong ăn mặc, bận rộn việc nội trợ, làm ra vẻ như là mình vẫn khỏe. Nhưng bà tự ràng buộc vào một khuôn khổ chặt chẽ: dùng thìa, bát riêng và không hôn hít các con. Mấy đứa trẻ chỉ biết phảng phất về căn bệnh nguy hiểm của mẹ: thỉnh thoảng lại một cơn ho khan chúng nghe thấy từ buồng bên, nét mặt rầu rĩ của ông giáo và một câu ngắn gần đây được thêm vào đoạn cầu nguyện buổi chiều: “Cầu chúa cho mẹ chúng ta khỏe lại”.

Người mẹ trẻ đứng dậy đẩy nhẹ bé Ma-ni-a cứ bám chặt lấy váy bà.

- Ma-ni-u-sa, cho mẹ yên nào. Mẹ bận.

- Con ở đây được không? Con đọc một tí mẹ nhé?

- Mẹ thích con ra vườn. Ngoài kia trời đẹp quá.

Cứ nói đến đọc sách thì đôi má Ma-ni-a lại ửng hồng. Năm ngoái, Brô-ni-a ở thôn quê học chữ cái một mình thấy chán mới rủ bé chơi làm "cô giáo, học trò". Trong mấy tuần, hai chị em xếp các chữ bằng bìa cắt, đặt lộn xộn. Rồi một buổi sáng, trong khi Brô-ni-a ê a đánh vần một bài rất dễ cho bố mẹ nghe, Ma-ni-a sốt ruột giằng lấy sách đọc một mạch hết câu đầu. Mới đầu nó thấy thích thú vì mọi người lắng nghe nên cứ kéo dài cái trò say sưa ấy. Nhưng bỗng nó thấy sợ hãi. Sự kinh ngạc lộ trên mặt ông bà Xkhua-đốp-xki, còn Brô-ni-a thì nhăn nhó, phụng phịu. Nó bập bẹ vài câu lí nhí rồi bật tiếng khóc không nén được. Đứa trẻ xuất chúng giờ đây chỉ còn là một em bé bốn tuổi, đang nức nở, và nhắc đi nhắc lại rất thiểu não:

- Con xin lỗi… con không cố ý, chẳng phải lỗi con… chẳng phải tội của Brô-ni-a. Tại là dễ quá.

Tâm hồn trẻ thơ của nó chợt hiểu ra rằng có lẽ không bao giờ được tha tội vì đã tập đọc sớm thế.

Từ buổi sáng đáng ghi nhớ ấy, Ma-ni-a làm quen dần với các mặt chữ, và nếu không tiến bộ rõ rệt, đó là tại cha mẹ không bao giờ để em cầm đến quyển sách. Là những nhà sư phạm thận trọng, ông bà Xkhua-đốp-xki không muốn con học quá sớm; mỗi khi đứa bé giơ tay muốn lấy một trong những tập tranh có chữ to để quanh trong nhà thì lại được gợi ý: "Con chơi xếp gỗ nhá! Búp bê của con đâu rồi? Con hát cho mẹ nghe nào!". Và như hôm nay: "Mẹ thích con ra vườn hơn".

- Con đi tìm chị Dô-sa vậy

- Cũng được.

- Dô-sa!

Qua cái sân nhỏ hẹp nơi hằng ngày chúng vẫn chơi "đuổi bắt" và "bịt mắt bắt dê", hai chị em cầm tay nhau đi dọc theo trường trung học, đến một cái vườn lớn, cửa gỗ mọt ọp ẹp. Giữa bốn bức tường, những thảm cỏ lưa thưa, những cây cao tù hãm thoảng một mùi đất, một hương vị đồng nội.

- Chị Dô-sa ơi! Bao giờ lại đi Dơ-vô-la đây?

- Sau tháng bảy mới đi cơ. Em còn nhớ Dơ-vô-la à?

Ma-ni-a có một trí nhớ lạ lùng, không quên cái gì hết. Cái thác nước mùa hè năm ngoái mấy chị em bì bõm hàng giờ, mò đất nặn "những bánh xà phòng" rồi đem phơi nắng trên một tấm ván ở một chỗ chỉ có chúng biết mà thôi, đứa nào đứa nấy váy và yếm bùn bê bết. Bảy tám đứa trẻ rủ nhau trèo lên cây chè già, đem theo cả cô bé có đôi tay quá yếu, đôi chân ngắn ngủn. Họ lấy những lá cải vừa lạnh vừa giòn, phủ lên những cành to và gói trong những lá cải khác, nào là quả dâu tây, củ cà rốt non mơn mởn, quả anh đào, để giấu trong hốc tường cho tươi. Lại nhớ đến làng Mác-ki nữa, cái kho lúa nóng khiếp, Dô-dếp vẫn đến học cửu chương, chúng chơi vùi Ma-ni-a dưới đống lúa. Còn bác Xkri-pốp-xki mỗi lần đánh xe ngựa qua, hay quất cái roi da nghe đến là vui! À, còn đàn ngựa của chú Xa-vi-ê nữa!

Bọn trẻ tỉnh thành ấy thường có những ngày hè say sưa như vậy. Họ hàng đông chỉ một nhánh ra ở thành phố. Tỉnh nào cũng có hai dòng họ Xkhua-đốp-xki và Bô-gu-xki làm ruộng, nhà cửa ở thôn quê tuy không rộng rãi lắm, nhưng cũng có đủ buồng để đón ông giáo cùng gia đình về nghỉ mát. Do đó mặc dù hoàn cảnh bố mẹ không lấy gì làm phong lưu lắm, Ma-ni-a chưa hề biết đến những nhà trọ tầm thường tại những nơi nghỉ mát bình dân ở Vác-xô-vi. Và cứ mùa hè, cô bé gia đình trí thức ấy lại trở thành một em gái thôn quê thật sự, đúng với bản chất sâu xa của dòng họ.

- Chúng mình chạy thi nào… chị cuộc là sẽ đến cuối vườn trước Ma-ni-a đấy. – Dô-sa vui vẻ thốt lên với giọng chững chạc của một chị cả.

- Em chả muốn chạy đâu. Em muốn nghe kể chuyện cơ.

Không ai biết kể chuyện như Dô-sa, cả ông giáo và bà giáo, trí tưởng tượng của cô thêm thắt nhiều chi tiết li kì vào những giai thoại, những chuyện thần tiên như những khúc biến tấu tài tình của một người chơi đàn rất giỏi. Dô-sa còn tự nghĩ ra những đoạn hát kịch ngắn và đóng rất sôi nổi trước con mắt ngạc nhiên của các em. Chúng hoàn toàn bị chinh phục bởi tài tác giả và nghệ sĩ. Ma-ni-a lúc thì cười ngặt nghẽo, khi thì run bắn lên khi nghe những chuyện hoang đường quái đản mà tuổi lên năm của nó khó mà theo dõi liên tục.

Hai chị em quay về nhà. Càng đến gần trường, Dô-sa càng hạ giọng, và tự kiềm chế. Câu chuyện còn đang nghĩ và kể dở, cô bỗng dừng lại. Đi qua gian nhà phía tay phải có cửa sổ treo rèm cứng, hai đứa bé im bặt.

Sau những rèm cửa ấy, có một con người mà gia đình ông giáo rất ghét mà cũng rất sợ, đó là viên hiệu trưởng I-van-nốp, đại diện của chính phủ Sa hoàng trong trường này.

*

*   *

Năm 1872. Còn ai khổ nhục bằng người dân Ba Lan “thuộc Nga” ở vào hàng ngũ trí thức đa cảm, mà thần kinh đã căng thẳng, và đầu óc cách mạng đang âm ỉ, họ cay đắng, nhức nhối hơn mọi tầng lớp khác vì ách đô hộ đè nặng trên đầu.

Đúng một thế kỷ rồi, những vua chúa tàn bạo, lân bang đáng sợ của một nước Ba Lan suy nhược đã quyết định bóp chết nước này. Đức, Nga, Áo đã ba lần chia đi cắt lại mảnh đất đau thương đó. Người dân Ba Lan đã đứng lên chống lại bọn đô hộ. Mỗi lần thất bại, cái thòng lọng buộc vào cổ họ lại càng thắt chặt. Sau khi cuộc đảo chính oanh liệt năm 1831 không thành, Sa hoàng Ni-cô-lai I đã ra lệnh trừng trị khốc liệt: hàng loạt người yêu nước bị tù đày, tịch thu tài sản.

Năm 1863, lại một lần dấy lên, lại một lần bị dìm trong máu. Nghĩa quân chỉ có đinh ba, lưỡi liềm và gậy gộc chống với súng đạn của Sa hoàng. Mười tám tháng chiến đấu thất bại, ngoài thành quách Vác-xô-vi dựng lên năm giá treo cổ, thây bao người yêu nước vật vờ trước gió.

Sau thảm họa đó, bọn thống trị tìm mọi cách khuất phục nước Ba Lan không cam tâm chịu chết. Từng đoàn tù chính trị tay cùm chân xích bị áp giải đi Xi-bê-ri, đến những nơi quanh năm phủ tuyết. Hàng loạt người khác kéo vào Ba Lan để Nga hóa vùng này. Đó là những cảnh sát, giáo sư, viên chức, mà nhiệm vụ là do thám dân Ba Lan, khủng bố tôn giáo của họ, cấm đoán sách báo tiến bộ, dần dần xóa bỏ tiếng nói của nước này, tóm lại, tiêu diệt linh hồn một dân tộc.

Những cuộc đề kháng được tổ chức ngay ở hàng ngũ bên kia. Kinh nghiệm xương máu cho người Ba Lan thấy rõ ràng lúc đó, thời cơ chưa đến để giành lại tự do bằng vũ lực. Họ buộc lòng phải đợi và chống lại những nguy cơ của sự chờ đợi là nhu nhược và chán nản.

Thế là cuộc chiến đấu thay đổi trận địa. Những anh hùng giờ đây không còn là những chiến sĩ chỉ có liềm hái trong tay xông vào đám quân Cô-dắc và ngã xuống, miệng hô như nhân vật Lu-i Mác-buyt nổi tiếng: "Sung sướng thay được chết cho Tổ quốc ta!" mà là những trí thức, những nghệ sĩ, nhà tu hành, thầy giáo – những người quyết định tinh thần của thế hệ mới. Sự dũng cảm của họ là cố nén lòng, giấu những ý nghĩ tình cảm của mình, chịu nhẫn nhục bám lấy những vị trí mà Sa hoàng còn thí cho họ để từ đó, có thể bí mật đào tạo lớp trẻ, hướng dẫn đồng bào.

Thế là trong mỗi trường trung học ở Ba Lan, thường có mâu thuẫn sâu sắc giữa những người chiến bại và những kẻ chiến thắng, những giáo sư bị chèn ép và những hiệu trưởng do thám, những Xkhua-đốp-xki và những I-va-nốp, dưới bề mặt lịch thiệp giả tạo.

Đặc biệt đáng ghét là tên I-va-nốp. Hắn không một chút thương xót những người làm việc dưới quyền bị bắt buộc phải dạy trẻ nước mình bằng tiếng Nga. Đương ngọt ngào, đường mật, hắn có thể trở mặt ngay, văng tục cục cằn, thô lỗ. Tuy dốt đặc cán mai, hắn vẫn soi mói xem lại bài làm của các học sinh ngoại trú để bới tìm "những cách nói Ba Lan". Giữa I-va-nốp và ông Xkhua-đốp-xki quan hệ trở nên lạnh nhạt như băng giá kể từ ngày ông giáo, muốn bênh vực học trò, đã bình tĩnh nói thẳng vào mặt hắn: "Thưa ông I-va-nốp, em bé này chẳng qua chỉ sơ ý nên mới viết lỗi. Bản thân ông còn có thể viết tiếng Nga sai, và rất nhiều lần nữa là khác. Tôi chắc rằng cũng như những học sinh của tôi, hẳn ông không cố ý…"

Dô-sa và Ma-ni-a đi chơi về, bước vào phòng ông giáo, thấy bố mẹ đang nói chuyện về I-va-nốp. Ông Xkhua-đốp-xki khẽ bảo vợ:

- Bà biết không, tuần trước, ở nhà thờ, bọn học sinh năm thứ hai tổ chức một buổi cầu nguyện "cho mong muốn tha thiết nhất của họ được toại nguyện". Chúng góp tiền với nhau để trả phí tổn và khăng khăng không cho cha xứ biết điều mong muốn ấy là gì. Thế mà hôm qua, thằng Ba-đin-xki thú hết với tôi: "Bọn con trai được tin là con gái tên I-va-nốp bị thương hàn, vì căm ghét hắn mà chúng cầu kinh cho con bé chết đi". Cha cố mà biết điều này thì hắn phát điên lên vì đã vô tình nhận một trách nhiệm trọng đại như vậy.

Ông giáo tỏ vẻ thích thú về chuyện đó, nhưng bà giáo vốn ngoan đạo nên không cười. Bà lúi húi với công việc đang làm, một công việc khá vất

vả: tay dao, tay dùi, bà khâu giầy. Nào người mẹ tần tảo ấy có nề hà một việc gì. Từ dạo sinh nở và bệnh tật giữ chân ở nhà, bà đã học nghề đóng giầy và giờ đây, những đôi giầy da mà đàn con đi mòn như phá chỉ tốn tiền da mà thôi. Cuộc sống chẳng dễ dàng chút nào…

- Đôi này khâu cho con đấy, An-chiu à. Con xem, sẽ rất đẹp.

Ma-ni-a chăm chú nhìn đôi bài tay dài cắt đế, rút sợi dây nhớp nháp. Bên cạnh, ông giáo ngồi thoải mái trong cái ghế bành ông ưng ngồi nhất… chao, giờ mà trèo lên lòng bố thì thích nhỉ, tháo cái nơ bố thắt rất cẩn thận ở cổ áo, đùa nghịch bộ râu màu hung trên khuôn mặt điềm đạm đang nở một nụ cười hiền hậu…

Chuyện người lớn nghe chán lắm! Chỉ những I-va-nốp… cảnh sát… Sa hoàng… đi đày… âm mưu chống đối… Xi-bê-ri… Những tiếng ấy vẫn rì rầm bên tai Ma-ni-a kể từ khi mới lọt lòng, như bao hàm một ý nghĩ đáng sợ. Tự nhiên, đứa bé lảng ra xa, sau này nó sẽ hiểu.

Rời chỗ bố mẹ đang trò chuyện, giọng nói thì thầm đầy yêu thương, xen lẫn tiếng cắt da xoèn xoẹt và tiếng búa đóng đinh lách cách, Ma-ni-a tha thẩn trong phòng để tâm hồn chạy theo những chuyện ngây thơ.

Ma-ni-a thích nhất phòng làm việc này mà nó thấy là đẹp hơn cả, thú vị hơn cả trong nhà, một cái bàn giấy kiểu Pháp, rộng thênh thang bằng gỗ đào hoa tâm, bộ ghế bành thời Phục hưng bọc nhung đỏ làm cho lòng em tràn đầy trân trọng. Sao những đồ đạc này sạch sẽ thế, bóng loáng thế! Sau này, khi đến tuổi đi học, Ma-ni-a sẽ được ngồi chỗ đằng đầu cái bàn giấy đồ sộ rất nhiều ngăn kéo của ông giáo mà cứ mỗi buổi trưa, bọn trẻ quây quần xung quanh để làm bài.

Bức họa Đức giám mục nghiêm trang đứng giữa khung mạ vàng treo ở tường cuối buồng – mà trong nhà, chỉ trong nhà thôi, bảo là của họa sĩ **Ti-tiêng**[4] – không làm Ma-ni-a chú ý bằng cái đồng hồ đá cẩm thạch vân xanh, bóng loáng đặt trên mặt bàn giấy và chiếc ghế đẩu do một người anh họ mang từ Pa-lec-mơ về năm ngoái. Mặt ghế là một bàn cờ mà mỗi ô làm bằng một mẩu đá hoa khác nhau.

Có một cái giá đặt chiếc chén sứ Xe-vrơ màu xanh lơ trong vẽ chân dung vua Lu-i thứ XVIII trông mặt rất hiền, nhưng vì bố mẹ cứ luôn nhắc là

không được sờ vào thành thử Ma-ni-a đâm ra sợ. Em cứ đi tránh cái giá rồi dừng lại trước những đồ vật mà em thích nhất. Đó là cái phong vũ biểu kim vàng, nền trắng trông rất nổi, ông giáo thường vặn lại và lau chùi rất đều đặn vào những ngày nhất định, trước những cặp mắt chăm chú của đàn con. Rồi đến cái tủ kính nhiều ngăn đựng bao nhiêu là thứ kỳ lạ và hấp dẫn: nào là ống thủy tinh, chiếc cân bé nhỏ, mẩu quặng và có cả một cái điện nghiệm có lá bằng vàng. Trước kia, ông giáo thường mang các đồ lề ấy đến lớp để giảng bài nhưng từ ngày có lệnh giảm bớt những giờ khoa học thì cửa tủ luôn luôn đóng chặt.

Ma-ni-a chưa hiểu được mấy thứ đồ chơi mê li đó dùng để làm gì. Một hôm, em đang kiễng chân ngắm nghía, mồm há hốc ra, thì ông giáo nói: “Đó là những dụng cụ vật lý”.

Cái tên nghe mới kỳ lạ.

Em không quên – Ma-ni-a có hề quên cái gì bao giờ - và nhân lúc đang vui, em cứ nhắc lại mãi mấy chữ đó, vừa đi vừa hát.

CHƯƠNG II

NHỮNG NGÀY ĐEN TỐI

- Ma-ri Xkhua-đốp-xka.

- Có tôi.

- Em hãy nói về Xta-ni-xlat O-gut-xtơ.

- Năm 1764, Xta-ni-xlat O-gut-xtơ Pô-ni-a-tốp-xki lên làm vua nước Ba Lan. Người rất thông minh, giàu kiến thức, là bạn của văn nghệ sĩ. Người hiểu thấu các tệ nạn làm suy yếu nước nhà và muốn tìm phương cứu chữa. Tiếc rằng Người đã thiếu can đảm…

Em học sinh đứng trong hàng ghế thứ ba, gần cửa sổ cao trông ra những thảm cỏ phủ tuyết của công viên Xắc-xơ đang đọc bài bằng một giọng dễ thương, vững vàng. Em trông không khác các bạn mấy trong bộ đồng phục ở ký túc xá may bằng thứ len mỏng màu lơ tím, khuy sắt. Cổ cồn trắng là thẳng đứng làm cô bé lên mười trông như rụt cổ. Đâu rồi những búp tóc quăn luôn rối bời của bé An-chiu xưa kia? Một mớ tóc bím quá chặt buộc bằng một cái dải vải bé, kéo bộ tóc quăn ra sau hai tai nhỏ xinh xắn làm cho khuôn mặt cương nghị hóa ra tầm thường. Một mớ tóc bím khác dày hơn cũng đã thay những "búp kiểu ăng-lê" của Hê-la, chị của Ma-ni-a ngồi ở bàn bên. Theo nội quy của trường tư thục Xi-coóc-ca, ăn mặc phải chỉnh tề, tóc chải nghiêm túc.

Cô giáo cũng chẳng diêm dúa gì hơn. Vả lại, với chiếc áo lụa đen, cổ cồn không theo thời trang, cô Tu-pac-xca chẳng có gì là đẹp. Mặt thô và xấu, được cái dễ thương. Các em thường gọi thân mật là cô Tup-sa. Cô dạy toán và sử, đồng thời còn làm giám thị, thỉnh thoảng vẫn phải nghiêm khắc với tính tình phóng khoáng và ngang bướng của "con bé Xkhua-đốp-xka".

Tuy thế nhưng cô nhìn Ma-ni-a bằng ánh mắt âu yếm. Làm sao không tự hào khi có một học trò xuất sắc như vậy. Ma-ni-a kém các bạn hai tuổi, và đối với em, hình như không có gì là khó. Môn nào cũng nhất, toán, sử, văn, đều nhất, nhất cả tiếng Pháp, tiếng Đức và kinh bổn.

Cả lớp im lặng như tờ. Một cái gì hơn cả sự lặng lẽ. Bài Sử mới rồi tạo ra một không khí say sưa tha thiết. Hai mươi nhăm tâm hồn yêu nước ngây thơ, nồng nàn, hai mươi nhăm cặp mắt bừng sáng cùng vẻ mặt khắc khổ của cô giáo trẻ ánh lên một niềm hào hứng nghiêm nghị.

Ma-ni-a nói đến một nhà vua đã mất từ bao nhiêu năm, giọng chan chứa nhiệt tình.

- Tiếc rằng vua đã thiếu can đảm.

Từ cô giáo ít tươi cười đến các học trò nhỏ quá nghiêm túc học lịch sử Ba Lan bằng tiếng mẹ đẻ, lớp học có vẻ như đang làm điều gì mờ ám.

Họ bỗng run lên, không khác gì những người âm mưu thật sự: từ ngoài thềm, vừa có tiếng chuông điện rung kín đáo.

Hai tiếng dài, hai tiếng ngắn…

Một cảnh nhốn nháo hồi hộp nhưng lặng lẽ tức khắc diễn ra. Cô Tup-sa đứng phắt dậy, thu vội sách vở tản mạn. Các quyển sách và vở viết bằng tiếng Ba Lan trên các bàn học sinh cũng được những bàn tay nhanh nhẹn vơ hết và chồng vào các tạp dề của năm học sinh. Họ biến thoắt sau cánh cửa thông sang buồng ngủ nội trú. Có tiếng xô ghế, mở nắp và đóng nắp nhẹ. Năm cô bé thở chẳng ra hơi quay về chỗ. Cửa phòng ngoài chầm chậm mở.

Lão Hoóc-no-be, thanh tra các ký túc xá của thành phố Vác-xô-vi xuất hiện trên ngưỡng cửa. Người lão bó chặt trong bộ đồng phục đẹp màu vàng, áo xanh lơ khuy bóng loáng. Thân hình nặng nề, tóc húi ngắn, mặt béo phị, mắt rất sâu sau đôi kính gọng vàng.

Hắn nhìn học sinh không nói một lời. Cô hiệu trưởng Xi-coóc-ca đi theo, đứng cạnh hắn, cũng nhìn các em – ngoài mặt thản nhiên nhưng trong lòng lo sợ bằng chừng nào. Hôm nay, không hiểu sao khoảng cách thời gian quá ngắn. Ngoài cổng vừa mới bấm chuông báo hiệu Hoóc-no-be đã đi trước người hướng dẫn, bước lên thềm, vào trong lớp. Trời, không biết mọi việc có đâu vào đấy không?

Đâu vào đấy cả. Hai mươi nhăm em gái nhỏ đang lúi húi học khâu, ngón tay lồng trong đê, tập thùa khuyết trên những mảnh vải vuông xơ mép.

Kéo và chỉ để bừa ra trong các ngăn bàn rỗng. Cô giáo ngồi trên bục mặt đỏ gay, gân trán hơi nổi, chưng ra một quyển sách mở in bằng chữ "chính thống".

- Thưa ngài thanh tra, các em có hai giờ nữ công mỗi tuần. Cô hiệu trưởng khoan thai nói bằng tiếng Nga.

Hoóc-no-be bước tới chỗ cô giáo:

- Cô vừa đọc to quyển gì đấy?

- Truyện cổ tích kri-lốp. Hôm nay chúng tôi mới bắt đầu. - Giọng cô Tup-sa thản nhiên và đôi má cô cũng đã trở lại sắc thái bình thường.

Lơ đãng Hoóc-no-be mở một ngăn bàn gần nhất. Chẳng thấy gì bên trong. Không một quyển sách, một quyển vở.

Các em cẩn thận đính xong mũi khâu và cái kim vào vải rồi xếp công việc lại ngồi khoanh tay, im lặng, tất cả đều giống nhau trong trong bộ đồng phục màu sẫm và cổ cồn trắng toát. Hai mươi lăm khuôn mặt trẻ thơ ấy bỗng già đi, với một vẻ kín đáo che giấu nỗi sợ hãi, trí mưu mẹo, lòng căm ghét.

Hoóc-no-be nhận cái ghế Tup-sa trao cho, nặng nề ngồi xuống:

- Cô gọi cho tôi một học sinh.

Ma-ni-a ngồi bàn thứ ba tự nhiên quay mặt ra cửa sổ, nét mặt đăm đăm. Lòng thầm cầu xin: "Lạy Trời, đừng gọi tôi! Đừng, đừng gọi tôi!"

Nhưng lại chắc chắn thể nào mình cũng sẽ được gọi. Đã thành lệ rồi, mỗi lần có thanh tra chính quốc tới hỏi vấn đáp, bao giờ cô giáo cũng gọi em học sinh thông thái nhất lớp và tiếng Nga rất giỏi.

Nghe gọi tên mình, Ma-ni-a đứng dậy. Em thấy nóng bừng à không, lạnh toát cả người. Và thẹn đến chín dừ, cổ họng như tắc lại.

- Đọc kinh. - Hoóc-no-be buông một tiếng, dửng dưng chán chường.

Ma-ni-a đọc một mạch bài kinh "Đức Cha của chúng ta" với một giọng đều đều. Sa hoàng quả đã không tìm được cách làm nhục quái ác hơn là bắt các trẻ em Ba Lan hằng ngày đọc kinh Thiên chúa giáo bằng tiếng

Nga! Một mặt thì làm như tôn trọng tín ngưỡng của các em nhưng đồng thời lại thóa mạ điều các em tôn kính nhất.

Lại im lặng.

- Các Sa hoàng nào trị vì trên đất thánh Nga sau Ca-tơ-rin II?

- Ca-tơ-rin II, Pôn I, A-léc-xang I, Ni-cô-lai I, A-léc-xang II.

Lão thanh tra tỏ vẻ bằng lòng. Con bé có trí nhớ tốt. Và giọng nói tiếng Nga mới hay làm sao! Cứ y như đẻ ở Pê-téc-bua vậy.

- Nói cho ta nghe tên và chức tước các vị trong Hoàng tộc.

- Đức hoàng hậu, Đức Hoàng tử Txa-rê-vích A-léc-xang, Đức Quận công…

Danh sách dài, đọc một mạch làm Hoóc-no-be nhếch mép cười.

- Ừ, tốt đấy! - Lão không thấy – hay không muốn thấy vẻ mặt bối rối và đanh lại của em gái đang cố nén bực dọc trong lòng.

- Danh vị của Nga Hoàng trong tôn ti quyền quý?

- Đức Hoàng đế.

- Còn chức tước của ta?

- Ngài đại thần.

Lão thanh tra thích thú về những chi tiết ngôi thứ ấy mà hắn còn coi trọng hơn cả số học hay ngữ pháp. Hắn lại hỏi thêm.

- Ai trị vì chúng ta?

Những cặp mắt bốc lửa của cô hiệu trưởng và cô giám thị cố chăm chú ngắm nghía quyển sách gọi tên đặt trước mặt. Chưa được ngay câu trả lời, Hoóc-no-be cáu, sẵng giọng nhắc lại.

- Ai trị vì chúng ta?

- Đức Hoàng đế A-léc-xang II, Sa hoàng của tất cả nước Nga.

Ma-ni-a mặt tái nhợt, đáp lại, giọng nặng trĩu.

Cuộc lục vấn đã xong. Lão kia bước khỏi bục, khẽ hất đầu chào rồi sang lớp bên cạnh, cô hiệu trưởng Xi-coóc-ca theo sau.

Lúc này, cô Tup-sa mới ngẩng đầu lên.

- Em lại đây, linh hồn bé nhỏ của ta.

Ma-ni-a ra khỏi hàng, bước đến gần cô giáo, cô lặng lẽ hôn lên trán em. Và trong lớp học đang nhộn nhịp hẳn lên, em bé Ba Lan, thần kinh quá căng thẳng bỗng òa khóc nức nở.

*

* *

"Lão thanh tra đã đến! Lão thanh tra đã đến!"

Đàn em gái nhỏ ríu rít báo cái tin mới ấy cho các bà mẹ, các chị đứng đợi ở cổng trường vào lúc tan học. Những nhóm học sinh mặc áo rét dầy cộp, các người lớn to sù trong chiếc áo bông rảo bước tản nhanh trên vỉa hè phủ tuyết đầu mùa, ai nấy chỉ nói chuyện thì thầm. Mỗi người lảng vảng ngoài đường, mỗi anh chàng nghênh ngang bước trước các cửa hiệu, biết đâu chẳng là một tên chỉ điểm?

Hê-la huyên thuyên kể lại câu chuyện buổi sáng cho cô Mi-sa-lốp-sca thường gọi là cô Lu-sa – đến đón hai cháu.

- Hôm nay lão Hoóc-no-be hỏi Ma-ni-a nhiều lắm cô ạ. Nó trả lời được cả. Thế rồi nó khóc cô ạ. Cháu nghe bạn cháu nói ở tất cả các lớp, lão thanh tra không bới móc được điều gì.

Hê-la vốn tính bộc trực cứ rủ rỉ kể mãi, Ma-ni-a lững thững bên cạnh, không hé nửa lời. Cuộc đối đáp đã qua được mấy giờ rồi mà em vẫn thấy xúc động, bàng hoàng. Ma-ni-a rất ghét những lần sợ hãi bất thần như thế này. Em không ưa lối đóng kịch nhục nhã, cứ phải nói dối, lúc nào cũng nói dối, không đúng với lòng mình…

Sau lần lão Hoóc-no-be đến thăm trường, Ma-ni-a càng cảm thấy đời mình có một nỗi buồn. Còn đâu em bé vô tư lự xưa kia? Bốn năm gần đây, bao tai họa đã liên tiếp giáng xuống gia đình ông giáo làm cho em tưởng như một cơn ác mộng.

Đầu tiên là bà giáo đi Ni-xơ cùng với Dô-sa. Cả nhà bảo Ma-ni-a rằng mẹ đi nghỉ dưỡng ở bờ biển cho khỏi hẳn sẽ về. Một năm sau, gặp lại mẹ thì thấy mẹ đã già xọp đi, không nhận ra nữa. Và số mệnh như đã định trước rồi.

Rồi đến thu 1873, một ngày ảm đạm sau kì nghỉ hè. Khi cùng với gia đình trở về phố Nô-vô-lip-xki để tiếp tục làm việc vào năm học mới, ông giáo thấy trên bàn giấy một lá công văn: theo lệnh trên, ông bị rút lương, đòi nhà, cách chức hiệu phó.

Đó là cách trả thù của tên I-van-nốp đối với những người dưới quyền không chịu cúi đầu nịnh nọt.

Sau nhiều lần đổi chỗ ở, gia đình Xkhua-đốp-xki chuyển đến một căn nhà góc phố Ni-vô-li-xki và Các-mê-lít.

Hoàn cảnh ông giáo lúc này đã thay đổi, ngày càng túng bấn, lúc đầu ông chỉ nhận hai, ba người trọ học, về sau đến năm, mười người vừa ăn, ở và học tư, nhà thành như cái chợ, chẳng còn không khí gia đình thân mật ấm cúng nữa.

Không chỉ vì địa vị đã sút kém hoặc vì muốn để vợ đi Ri-vi-e-ra chữa bệnh mà ông giáo phải thu xếp như vậy. Cũng còn một lý do khác. Đó là vì ông đã nhẹ dạ nghe người em vợ gọi chung vốn mua một cối xay máy để tính chuyện làm giàu. Và con người vốn cẩn thận đó, bỗng chốc mất nhẵn ba mươi nghìn rúp, kết quả một đời làm việc và ky cóp. Vừa hối, vừa tiếc, lại lo nghĩ về tương lai, ông cứ tự trách là đã làm cho gia đình nghèo túng và mấy con gái mất của hồi môn.

Nhưng chỉ cách đây hai năm – vào tháng giêng 1876 – Ma-ni-a mới biết thế nào đau thương, bất hạnh. Một người học trò trọ học bị lên đậu đã lây ra Brô-ni-a và Dô-sa. Trời! Những tuần lễ khủng khiếp! Buồng bên này bà mẹ lao cố nén cơn ho, buồng bên kia, hai cô gái lên cơn sốt rên rỉ và run lập cập.

Rồi một buổi thứ tư, ông giáo gọi Dô-dếp, Hê-la và Ma-ni-a và dẫn chúng đến với chị chúng. Dô-sa mặc toàn trắng nằm trong quan tài, mặt nhợt nhạt và như mỉm cười, đôi tay chắp lại, đầu cạo trọc, nhưng trông mới đẹp làm sao!

Lần đầu tiên, Ma-ni-a trông thấy cái chết. Lần đầu tiên, em mặc một áo choàng đen đi đưa tang. Brô-ni-a mới khỏi nằm trong giường nức nở và bà giáo kiệt sức không đi được, cố lê đến khắp các cửa sổ để nhìn theo linh cữu của con gái chầm chậm đi xuôi phố Các-mê-lít.

*

*   *

- Này các cháu thân yêu, ta đi quành một tí nhé. Mùa rét đến nơi rồi, cô phải mua trước ít táo.

Buổi chiều tháng một này ở vườn hoa Xắc-xơ như vắng ngắt. Cô Lu-sa xinh đẹp và tốt nết thường tìm cớ dẫn các cháu đến đây, đi chơi cho thoáng, khỏi gian nhà chật hẹp mà bà mẹ ho lao ngồi thẫn thờ suốt ngày. Nếu lây thì đến khổ! Hê-la còn khá, chứ em nó thì xanh lướt như tàu lá, yếu thế kia!

Ba cô cháu rảo bước qua vườn, đi đến khu phố cổ của Vác-xô-vi. Ma-ni-a đẻ ở nơi này đây. Đường phố trông vui hơn ở trong thành phố mới. Tại quảng trường Xta-rơ Mi-at-xtơ (Thành phố cổ) nhà nào nhà nấy mái dốc đồ sộ, mặt nhà màu xám phô bày hàng nghìn chạm trổ: nào là đường gờ, nào là hình thánh hoặc hình súc vật đã biến thành biển hàng cho các quán trọ và các cửa hiệu.

Tiếng chuông nhà thờ đối đáp nhau ở nhiều điệu thức trong bầu không khí giá lạnh, gợi lại bao kỉ niệm về thời thơ ấu. Lễ rửa tội ở nhà thờ Xanh Ma-ri, lễ chịu mình thánh ở nhà thờ Đô-mi-ni-canh. Ma-ni-a vẫn còn nhớ mãi cái ngày ấy, cùng với Ha-ri-ét, một cô em họ thề với nhau sẽ không ghé răng cắn vào bánh thánh. Ở nhà thờ Thánh Pôn, cứ chủ nhật, các cô bé thường đến nghe giảng đạo bằng tiếng Đức.

Quảng trường Nô-vơ Mi-at-xtơ (thành phố mới) bốn bề lộng gió, thoáng đãng, vắng vẻ, cũng rất quen thuộc đối với Ma-ni-a. Gia đình ông

giáo đã đến đây một năm sau khi rời khỏi trường. Mỗi sáng, em cùng mẹ và các chị đến nhà thờ Đức bà, một kiến trúc rất độc đáo khang trang. Cái tháp vuông và các khu xây bằng đá đỏ đã mòn nhẵn vì thời gian như bám vào ngọn đồi cao chế ngự dòng sông.

Hai em bé theo cô Lu-sa bước vào nhà thờ, Ma-ni-a bước qua khung cửa kiến trúc kiểu gô-tích, đi thêm vài bước trong bóng tối rồi quỳ xuống. Em rùng mình, hôm nay đến đây chạnh nhớ Dô-sa, thật chua xót, Dô-sa không còn nữa và thiếu cả người mẹ có tính tình thần bí mà Chúa hình như chẳng đoái hoài.

Ma-ni-a cầu khấn với lòng tin dạt dào vào chúa. Em cầu chúa đem lại sức sống cho mẹ em, người mà em yêu quý nhất đời, với tất cả lòng tha thiết nhưng cũng với một nỗi tuyệt vọng, em xin hiến dâng đời mình để đánh đổi điều cầu nguyện đó. Em sẵn sàng chết để mẹ em được sống.

Cô Lu-sa và chị Hê-la cũng cúi đầu gần đây, khấn khấn, niệm niệm…

Ba cô cháu ra khỏi nhà thờ, bước từng bậc mấp mô xuống tận bờ sông. Dòng sông Vit-xtuyn trải ra mênh mông, không có vẻ dịu tính chút nào. Nước sông vàng bệch uốn quanh những cồn cát bồi thành những hòn đảo nhàn nhạt nhấp nhô giữa dòng. Nước vỗ vào hai bờ khúc khuỷu, chen chúc nhà tắm và bến giặt, mấy chiếc thuyền nghỉ mát, hình thon dài màu xám, mùa hè nhộn nhịp những đoàn người đi chơi sông là thế mà bây giờ nằm im, buồm, cột tháo dỡ hết, chỉ còn quanh đám thuyền táo là tấp nập. Hai chiếc xuồng to, hẹp và nhọn đằng mũi, nước mấp mé đến tận mạn.

Chủ thuyền vùi mình trong một tấm da cừu, bới từng ôm rơm rạ cho khách mua xem hàng. Dưới ổ rơm mềm mại phủ lên để chống băng giá, những quả táo đỏ mọng, rắn tươi, bóng loáng trông rất thích mắt. Có đến hàng nghìn quả chất đầy khoang thuyền: Táo vùng Vit-xtuyn thượng phải mất bao nhiêu ngày mới từ thành phố Cac-dơ-mia đẹp đẽ xuôi thuyền về tới đây.

- Để cháu chọn, cháu chọn táo cho…

Hê-la mừng rỡ nói rối rít. Ma-ni-a cũng vội bỏ cặp xuống rồi cởi bao tay ra.

Không gì thích hơn những lần đi mua táo như thế này: nhặt từng quả, ngắm chọn kỹ rồi bỏ vào một cái giỏ mây, quả nào thối quăng ngay xuống sông rồi nhìn theo dòng nước cuộn xoáy tròn. Được đầy giỏ rồi lên bờ, tay ai nấy cầm một quả táo đẹp đẽ hơn tất cả…

Táo lạnh, cắn vào răng kêu ken két, ăn thật tuyệt. Cô Lu-sa mặc cả và thuê một em bé mặt đầy trứng cá đứng cạnh đấy bưng giỏ về nhà.

*

*   *

Sau bữa chiều, lúc năm giờ, mấy chị giúp việc đã lau dọn bàn và thắp cái đèn dầu to treo giữa nhà. Đã đến giờ học. Các cậu học sinh trọ học đã quay về phòng của họ, cứ hai ba người chung một phòng. Con trai và mấy con gái ông giáo ở lại buồng ăn, lúc này đã thành buồng học. Ai nấy đem sách vở ra, rồi chỗ nào cũng rì rầm tiếng học, những âm thanh dai dẳng sẽ hàng nhiều năm nữa là chủ đề chính trong điệu nhạc của ngôi nhà này.

Vẫn những giọng đọc quen thuộc ê a những câu thơ La Tinh, những niên hiệu lịch sử hoặc những đầu bài toán. Trong cái nhà máy kiến thức này, nơi nào người ta cũng phải trầy trật gian khổ. Thật khó khăn đấy. Một bài toán chứng minh bằng tiếng mẹ đẻ thì ai cũng hiểu ngay, nhưng tiếng Nga – tiếng chính thống – thì không lần ra được, càng không thể nhắc lại. Đã bao phen trò chán nản, thầy lại phải động viên, dỗ dành.

Nhưng Ma-ni-a không biết nỗi khổ ấy. Em có trí nhớ tài tình đến nỗi chỉ cần đọc hai lượt một bài thơ là thuộc lòng không sai chữ nào. Các bạn cứ đổ cho là gian lận, lén học từ trước. Ma-ni-a thường làm xong bài trước các bạn và nhiều khi ngồi rỗi và do dễ dãi tự nhiên, em vẫn giúp một bạn gái đang bí.

Nhưng em thích nhất là như chiều hôm nay, ngồi ở cái bàn to, trước quyển sách mở, khuỷu chống lên bàn, tay đỡ lấy trán, hai ngón cái bịt lỗ tai để khỏi nghe Hê-la đang "gào" bài. Cẩn thận như vậy xét ra cũng chẳng cần thiết. Vì chỉ một lúc sau, em đã mê mải đọc, không để ý gì đến xung quanh nữa.

Tài tập trung cao độ ấy là điều lạ lùng duy nhất ở đứa bé bình thường và khỏe mạnh đó, làm mấy chị và chúng bạn rất thích bông đùa. Nhiều lần

với sự thông đồng của bọn học sinh ký túc, Brô-ni-a và Hê-la đã khua gõ loạn xạ xung quanh Ma-ni-a đang vùi đầu vào quyển sách vẫn không làm cho em ngước mắt lên.

Chiều nay lúc các chị muốn tìm ra những trò chơi hay hơn, nhất là có thêm Hăng-ri-ét, con cô Lu-sa, họ càng nghịch tợn. Họ kiễng chân đi rón rén, xếp chồng ghế cái nọ lên cái kia chung quanh Ma-ni-a đang ngồi yên như pho tượng. Mỗi bên đặt hai ghế, đằng sau lưng đặt một, chồng hai cái khác lên bốn cái trước, và một cái trên cùng, như một giàn giáo. Xong họ rút lui lặng lẽ, giả vờ làm việc và đợi.

Ma-ni-a vẫn không biết gì cả, không để ý đến những tiếng rì rầm to nhỏ, những chuỗi cười khúc khích cố nén lại, và cả đến bóng mấy chiếc ghế trên mái tóc và người em, suốt nửa giờ ngồi như thế, dưới cái tháp chênh vênh sắp đổ mà không biết. Đọc xong chương sách, cô mới ngẩnh đầu lên. Một tiếng rầm, mấy chiếc ghế đổ nhào. Hê-la thích thú cười la inh ỏi, Hăng-ri-ét và Brô-ni-a sợ bị phản ứng, vội né ra xa.

Nhưng Ma-ni-a vẫn thản nhiên, không tỏ ra bực mình và cũng không cười cái trò tinh quái đã làm cho em một phen hoảng sợ. Đôi mắt màu tro trông hớt hơ hớt hải như người đương mê ngủ choàng tỉnh. Em xoa chỗ vai trái bị ghế đập phải, nhặt sách lên và sang phòng bên. Đi qua các chị lớn, em chỉ nói: “Chả hay gì cả!”

Câu trách nhẹ nhàng, nhưng các chị cũng không bằng lòng lắm.

Những lúc miên man đọc sách quên hết cảnh vật bên ngoài là Ma-ni-a thấy lại thời thơ ấu rực rỡ của mình. Em say sưa đọc: sách giáo khoa, văn thơ, truyện phiêu lưu, sách kỹ thuật, tất cả những sách vở có trong tủ sách của bố. Và dầu chỉ vài giờ ngắn ngủi, em đã đẩy xa những con ma vẫn hằng ám ảnh mình. Em quên hết, những tên do thám của Sa hoàng, những cuộc đi kiểm tra trường của lão Hoóc-no-be, quên cả vẻ mặt phờ phạc của bố suốt ngày tất bật trong những công việc tầm thường, quên đi gian nhà không lúc nào ngớt tiếng động, ồn ào, huyên náo, và sáng sáng cứ phải dậy thật sớm, lúc trời còn tối đen, đang ngái ngủ đã phải rời cái ghế tràng kỷ lót nhung để nhường chỗ cho các học sinh trọ học ăn sáng vì buồng ăn trong nhà cũng là buồng ngủ của mấy đứa con ông giáo.

Và Ma-ni-a quên tất cả mọi nỗi lo âu khiếp đảm, lo sợ kẻ áp bức, lo sợ về tôn giáo, lo sợ bệnh hoạn và chết chóc. Bản năng tự nhiên đã thúc đẩy

em tìm cách thoát khỏi cái không khí nặng nề ấy.

Những giây phút lãng quên quá đỗi ngắn ngủi. Chợt nhớ ra, là lại thấy tất cả, và bắt đầu là nỗi lo âu về bênh lao của mẹ đã quá trầm trọng. Người đàn bà trước kia khỏe đẹp thế, nay chỉ còn cái bóng. Không lời an ủi nào đánh lừa được Ma-ni-a nữa. Em cảm thấy rằng sự say mê ngưỡng mộ, lòng yêu mẹ vô hạn, lời cầu khẩn thiết tha của mình sẽ không còn đủ sức mạnh ngăn cản được diễn biến khủng khiếp đang đến gần.

*

* *

Bà giáo cũng nghĩ đến sự kết thúc khó lòng tránh khỏi đó. Bà muốn rằng khi nó đến thì mình đã sẵn sàng, không để nó làm đảo lộn nếp sống ở gia đình. Ngày 9 tháng 5 năm 1879, bà đã yêu cầu thầy thuốc nhường chỗ cho cha cố. Chỉ cha cố sau này mới thấu nỗi sầu muộn của người đàn bà ngoan đạo ấy, đau buồn vì phải để lại cho chồng thân yêu cáng đáng bốn đứa con thơ và lòng luôn luôn bị vò xé mỗi khi nghĩ đến tương lai của chúng, đến cái An-chiu mới mười hai tuổi đầu.

Trước mặt chồng con, bà chỉ lộ ra những nét nguôi dịu, đến giờ phút cuối cùng càng cao đẹp khác thường. Bà chết như lòng mình đã từng mong muốn, không mê, không lẫn. Trong căn phòng sạch sẽ, chồng, con trai, con gái đứng quanh giường bệnh. Đôi mắt dài màu xám, sầu ải, đã mờ đi vì cái chết sắp đến, hết nhìn chồng lại đến con, như muốn xin lỗi vì mình đã gây ra nỗi đau thương ấy.

Bà còn đủ nghị lực để vĩnh biệt từng người, rồi lịm dần.

Sự sống chỉ còn là một tia lửa hiu hắt. Bà chỉ có một cử chỉ và một lời nói cuối cùng.

Cử chỉ là bàn tay run rẩy làm dấu chữ thập để cầu phúc cho cả nhà.

Lời cuối cùng, thì thầm trong hơi thở hắt ra, con người hấp hối nhìn chồng và con, vĩnh biệt: “Ta yêu tất cả”.

*

*   *

Trong căn nhà phố Các-mê-lít, Ma-ni-a lại mặc áo tang đen một lần nữa, thờ thẫn âu sầu, đi đi lại lại. Em chưa thể quen được khi đến tối chị Brô-ni-a sang ngủ ở buồng mẹ mới chết, chỉ còn Hê-la ngủ cùng em trên chiếc tràng kỷ nệm nhung. Em cũng chưa quen ngay được với bà quản gia mà ông giáo phải nhờ đến giúp hằng ngày, sai khiến người làm, sắp đặt hai bữa ăn cho nhóm học trò và chăm lo qua quýt việc ăn mặc, tắm rửa cho bọn trẻ. Ông giáo còn thì giờ nào rỗi để dành hết thời gian cho đàn con côi, như gà trống nuôi con, vụng về và cảm động biết bao.

Cuộc sống đã sớm chỉ cho Ma-ni-a biết đời đầy khắc nghiệt: khắc nghiệt với các dân tộc, khắc nghiệt với con người. Dô-sa đã chết, bà giáo cũng đã chết. Thiếu tình âu yếm dịu dàng của mẹ, thiếu sự chăm sóc thương yêu của chị cả, em đã lớn lên trong cảnh cô quạnh nhưng không hề có một lời than thân.

Một sự chịu đựng dũng cảm nhưng không nhẫn nhục. Giờ đây, mỗi lần Ma-ni-a đến quỳ ở nhà thờ, nơi mà xưa kia, em vẫn thường đến với mẹ, em bắt đầu cảm thấy âm thầm uất hận.

Em không còn cầu chúa với tất cả lòng thành kính năm xưa nữa. Em thấy chúa bất công vì đã giáng xuống đời em những tai họa khủng khiếp, đã dập tắt xung quanh em niềm vui, trí tưởng tượng và cảnh êm đềm.

CHƯƠNG III

TUỔI NIÊN THIẾU

Lịch sử mỗi gia đình thường có một thời nảy nở toàn diện. Có những lí do bí ẩn làm cho một thế hệ bỗng trỗi lên hơn hẳn mọi thế hệ trước và mọi thế hệ sau nó về tài năng dồi dào, sức sống rạng rỡ, sắc đẹp khác thường và thành công lớn lao.

Thời đó đã đến với nhà ông giáo, mặc dầu vừa mới phải góp phần bất hạnh với đời. Thần chết đã bắt mất Dô-sa, một trong năm đứa con thông minh và nồng nhiệt. Nhưng bốn đứa còn lại, bốn thiếu niên, con của một bà mẹ chết vì lao và một người cha trí thức làm việc đến kiệt sức, họ mang trong mình một sức mạnh không gì chống nổi. Họ sẽ thắng mọi tai họa, đạp bằng mọi trở ngại, và sẽ đều trở thành những con người khác thường.

Vào buổi sáng mùa xuân tràn đầy ánh nắng đó, năm 1882, bốn anh em ngồi quây quần ăn lót dạ quanh chiếc bàn to. Trông họ đẹp làm sao! Hê-la 16 tuổi, nhớn và duyên dáng, đúng là "Cô gái xinh nhất nhà"; Brô-ni-a mặt mày đầy đặn, tóc vàng, nước da mịn màng như hoa, anh cả Dô-dếp trong chiếc áo quàng trắng sinh viên khoa y, trông vạm vỡ như một lực sĩ phương Bắc.

Còn Ma-ni-a? Hiện nay còn ít tuổi nên em không đẹp bằng các chị. Nhưng cô gái tròn lẳn trong bộ đồng phục nữ sinh có khuôn mặt tươi cười tinh nghịch, mắt và tóc màu nhạt và nước da sáng ngời của những thiếu nữ Ba Lan.

Chỉ hai cô gái út bận đồng phục. Hê-la vẫn học trường tư thục Xi-coóc-ca, mặc màu xanh lơ. Ma-ni-a mười bốn tuổi, là học sinh xuất sắc tại trường trung học của nhà nước, mặc màu hạt dẻ. Chính Brô-ni-a cũng đã tốt nghiệp trường này, năm ngoái, với huy chương vàng làm cho cô vẻ vang thực sự.

Dô-dếp cũng được huy chương vàng khi tốt nghiệp trung học, anh đang học Y. Các em gái khâm phục anh và cũng mong muốn được học lên

đại học như anh. Sớm có hoài bão học cao, hiểu rộng, cả ba chị em đều nguyền rủa cái luật lệ khắc nghiệt không cho con gái vào trường đại học ở Vác-xô-vi. Nghe anh Dô-dếp kể về trường đại học của Sa hoàng, các cô rất háo hức. Nhưng thật ra nó cũng tầm thường, vì ở đó, thầy người Nga thì đầy tham vọng, còn thầy người Ba Lan thì tâm hồn nô lệ.

Vui chuyện không làm cho mấy anh em ăn kém một miếng nào. Chỉ thoáng một lúc, bánh mì, kem, bơ, mứt đã hết nhẵn.

- Anh Dô-dếp ơi, chiều nay tập vũ, anh đi bước nam cho chúng em nhé!

Đó là lời của Hê-la, và cô không quên một việc quan trọng:

- Chị Brô-ni-a này, áo của em mà đem là phẳng phiu liệu còn mặc được không?

- Chẳng còn cái nào khác thì đành mặc vậy chứ sao! – Brô-ni-a triết lý trả lời. - Ba giờ chiều nay, khi nào em về, ta sẽ lo đến việc đó.

- Áo các chị đẹp lắm – Ma-ni-a nói.

- Mày còn bé, đã biết cái gì!

Họ tản đi. Brô-ni-a thu dọn bàn ăn. Dô-dếp ôm sách vở biến mất. Hê-la và Ma-ni-a xô nhau chạy xuống bếp.

- Bánh mì của em đâu? Xúc xích của em đâu? Bơ đâu rồi?

Ăn sáng no nê thế mà hai cô nàng còn lo đến thức ăn buổi ra chơi hồi mười một giờ: một chiếc bánh mỳ nhỏ, một cặp dồi ngắn và to làm theo kiểu Ba Lan, một quả táo, tất cả nhét trong túi vải.

Ma-ni-a cài túi thức ăn chật căng và ném cặp sách lên vai.

- Nhanh lên cô ả! Chậm rồi, chúng bạn đang đợi đây! – Hê-la giễu thế rồi cũng sửa soạn đi.

- Không đâu! Mới tám giờ rưỡi. Chào chị

Cô bé vội xuống cầu thang, trước hai anh trọ học. Họ cũng đến

trường, nhưng chậm hơn.

Trường trung học, kí túc xá, trường tư thục… mấy tiếng đó luôn quện lấy tuổi thơ trẻ của Ma-ri. Ông giáo dạy ở trường trung học, Brô-ni-a tốt nghiệp trường trung học, Ma-ni-a đi học trường trung học, Dô-dếp học đại học, Hê-la học trường tư thục. Cả đến ngôi nhà mấy bố con đang ở cũng không khác gì một trường học. Cô chắc hẳn phải tưởng tượng như cả thế giới là một trường trung học khổng lồ chỉ có thầy và trò mà một lý tưởng là học, học mãi.

Từ dạo gia đình rời phố Các-mê-lít ảm đạm để dọn sang phố Le-skô. Vấn đề trọ học cũng đỡ phiền toái một chút. Ngôi nhà đẹp đẽ, kiểu cách, có một cái sân tịch mịch, chim bồ câu xám gù gù, dây leo hoa tím phủ kín các bao lơn. Tầng gác trên khá rộng nên mấy bố con ông giáo ở riêng bốn buồng tách hẳn với đám học sinh trọ học.

Phố Le-skô cũng "ra vẻ" lắm, lòng đường rộng rãi giữa hai dãy nhà đồ sộ. Không còn thấy lối kiến trúc Xla-vơ độc đáo nữa. Trong khu phố lịch sự này, cái gì cũng gợi tính cách Tây Âu, từ nhà thờ Tin lành phía trước mặt đến ngôi nhà nhiều cột hoàn toàn xây theo kiểu Pháp ở phố Ry-man-xca.

Cặp sách đeo gọn sau lưng, Ma-ni-a chạy vội đến biệt thự bá tước Da-moi-xki, quen gọi là "Lâu đài xanh". Cô tránh cổng giữa mà đi sang một cái sân cổ xưa có một con sư tử bằng đồng đen ngồi chồm chỗm như canh giữ. Bất giác, cô dừng lại, thất vọng. Sân vắng ngắt. Đang định quay ra thì nghe gọi giật:

- Ma-ni-u-sa, đừng vội đi, Ca-di-a nó đang xuống đấy.

- Ồ, bác đấy ạ, cám ơn bác.

Từ cửa sổ tầng dưới cùng, bà Psi-bô-lốp-xka, vợ ông thủ thư của bá tước Da-moi-xki có bộ tóc quấn trần đầy bím, trìu mến nhìn cô bé má phính, đôi mắt tinh anh, thân với con gái mình từ hai năm nay.

- Đến trưa, tan học, cháu về đây ăn bánh. Bác sẽ làm bánh ngọt với món sô-cô-la đường mà cháu thích.

- Đúng rồi, đằng ấy đến ăn bánh với mình nhé – Ca-di-a chạy vội xuống cầu thang, khoác tay bạn – Rảo bước lên Ma-ni-a ạ. Muộn rồi đấy.

- Ừ, mình đang định quay cái vòng của con sư tử lên.

Ngày nào Ma-ni-a cũng đến rủ Ca-di-a cùng đi, hẹn đợi nhau dưới vòm nhà. Nếu không thấy ai, cô nhấc lại cái vòng nặng ở mõm con sư tử bằng đồng đen, quay ngược ghếch trên mũi con vật rồi tiếp tục đi đến trường. Ca-di-a nhìn cái vòng biết là bạn mình đã đi qua rồi, phải bước gấp mới đuổi kịp.

Ca-di-a là một cô bé rất tuyệt, vui tính, niềm nở, được bố mẹ chiều. Ông bà Psi-bô-lốp-xki rất quý Ma-ni-a, coi như con, cố bù đắp thiệt thòi cho đứa trẻ mất mẹ. Nhưng cứ nhìn qua nhiều chi tiết nhỏ trong cách ăn mặc và dáng điệu của hai cô nữ sinh cùng đồng phục màu hạt dẻ, cũng dễ đoán là một đằng được nuông chiều, mỗi sáng mẹ chăm chút chải đầu và quấn dải mầu vào tóc, một đằng lớn lên, đã mười bốn tuổi, trong một gia đình mà không ai có thì giờ săn sóc đến.

Hai đứa bé khoác tay nhau đi dọc theo phố Da-bi-a chật hẹp. Mới xa nhau từ bữa ăn sáng hôm qua mà đã có lắm chuyện muốn kể với nhau. Những chuyện về trường trung học ở đại lộ Kra-lô-kốp.

Từ kí túc xá Xi-coóc-ca có phong thái Ba Lan thuần túy chuyển đến một ngôi trường chính thống có xu hướng thân Nga rõ rệt là một thay đổi lớn đối với Ma-ni-a. Một thay đổi cần thiết. Chỉ những trường trung học của Sa hoàng mới cung cấp bằng có giá trị. Để phản ứng, Ma-ni-a và Ca-di-a thích nhạo báng các giáo sư từ Nga sang, có lão mục sư Mê-din dạy tiếng Đức chán ngấy và mụ giám thị May-e mà các em ghét cay ghét độc.

Người bé choắt, tóc râu bóng nhẫy, đi giầy vải đế êm – để dễ rình mò – mụ May-e là kẻ thù số một của cô gái Ba Lan. Mụ đổ lên đầu cô trăm thứ tội: nào là bướng bỉnh, khó bảo, nào là “có cái cười khinh khỉnh” mỗi khi nói chạm đến nó. Rồi luôn mồm:

- Cái con Xkhua-đốp-xka ấy à. Hơi sức đâu mà đối khẩu với nó.

Bộ tóc quăn của Ma-ni-a làm cho mụ May-e lộn ruột, mụ cho là “bù xù và trông khỉ lắm”. Thế là mụ lấy bàn chải, chải tuột những mớ tóc ngạo ngược, mụ muốn biến em thành một cô gái Đức bím tóc thật chặt. Nhưng mụ vừa mới rời tay lược thì mấy mớ tóc nhẹ nhàng, nhún nhảy lại hiện trên khuôn mặt tươi tắn mà đôi mắt ngây thơ cứ chằm chằm vào cái dây buộc tóc

óng ánh của mụ giám thị.

- Tao cấm mày không được nhìn tao như thế. Cái kiểu đâu như bề trên nhìn xuống! – Mụ cáu tiết rít lên.

- Nhưng tôi không thể làm khác được.

Một lần không nén được, Ma-ni-a trả lời như vậy, vì cô cao hơn mụ May-e một đầu.

Không ngày nào không xảy ra đôi co như thế giữa cô học sinh khao khát tự do và mụ đàn bà khe khắt.

Cơn giông tố dữ dội nhất nổ ra năm ngoái. Đó là lần mụ May-e bất ngờ bước vào lớp, bắt gặp Ma-ni-a và Ca-di-a nhảy múa vui mừng giữa bàn ghế đang lúc có lệnh phải để tang Sa hoàng A-lếch-xăng II bị ám sát.

Sự o ép về chính trị có một hậu quả đáng buồn là gây cho lớp người bị đè nén một tình hình khắc nghiệt. Ma-ni-a và Ca-di-a có một tâm hồn dịu hiền và tấm lòng quảng đại, nhưng vẫn đôi khi có những cái hằn học xa lạ với người dân tự do và các cô không thoát khỏi cái luân lý của những người nô lệ - lấy chống đối làm nết tốt và coi vâng lời là hèn nhát.

Hai cô rất mến thầy dạy toán, ông Glát trẻ đẹp và thầy Xua-xa-ki dạy sinh vật là những người Ba Lan chân tình. Với thầy người Nga, thái độ của các cô có nhiều mức độ. Nghĩ gì về ông Mi-li-ê-sin bí ẩn, muốn thưởng học trò, đã im lặng tặng một tuyển tập thơ Nê-cra-xốp, một nhà thơ cách mạng. Các nữ sinh ngạc nhiên nhận ra những cử chỉ đoàn kết kín đáo ngay ở phía hàng ngũ thù địch. Sa hoàng đâu chỉ có những thần dân trung thành!

Lớp học của Ma-ni-a có cả học sinh Ba Lan, Do Thái, Nga và Đức. Giữa họ, không có gì là xung khắc trầm trọng. Cùng trẻ tuổi, lại cùng đua nhau học hành, họ tạm lãng quên sự khác nhau về chủng tộc, hoặc về tâm tư. Nhìn học trò giúp nhau học tập hoặc vui đùa trong giờ chơi thì tưởng như họ rất hòa thuận. Nhưng khi ra khỏi trường, ai nấy lại quay về với tiếng nói riêng, lòng yêu nước và tín ngưỡng của mình. Chị em Ba Lan cùng cảnh áp bức thường đi thành nhóm riêng, dần dà cũng ăn quà trưa chung với nhau, không thích mời bạn khác đến dự.

Ngoài công viên La-gien-ki mà Ma-ni-a hay lui tới những lúc rảnh

rang thì vườn Xắc-xơ là nơi cô thích nhất ở thành phố quê hương, hàng nhiều năm nữa cô sẽ mãi gọi là "Vác-xô-vi yêu mến của tôi".

Qua cổng sắt đôi bạn gái đi dọc theo con đường dẫn đến lâu đài. Hai tháng trước, ngày nào các cô cũng mang ủng lội vào các vũng bùn lớn cố giữ sao cho nước chỉ đến cổ giầy, không để ngập hẳn. Nay mùa khô, lại có những trò khác, đơn giản nhưng cũng làm hai chị em cười chảy nước mắt. Thí dụ trò miếng "xanh".

- Có đi mua vở với tao không? – Ma-ni-a thản nhiên hỏi bạn – Có nhiều quyển vở rất đẹp, bìa "xanh".

Ca-di-a đã thủ thế rồi. Thoạt nghe tiếng "xanh" cô đã chìa ra một miếng nhung xanh giấu trong túi. Thế là không thua cuộc. Ma-ni-a làm như không chơi nữa, lái câu chuyện về bài sử thầy giáo đọc cho chép hôm qua, nói rằng Ba Lan là một tỉnh, tiếng Ba Lan là một tiếng địa phương và người Ba Lan vô ơn bạc nghĩa đã làm Sa hoàng Ni-cô-lai I – thật đã yêu họ quá đỗi – phải buồn rầu mà chết!

- Tuy vậy, lão ta cũng ngượng về những chuyện xằng bậy ấy. Mày có thấy mắt lão len lét không? Cái mặt trông đến tởm!

- Ừ, mặt lão "xanh lè". – Ca-di-a thản nhiên nói. Nhưng tức khắc đã thấy lất phất trước mũi một lá cây dẻ màu xanh non.

Trước mặt đám trẻ đang chơi nhà bằng cát và nhảy vòng, hai cô gái cười như nắc nẻ. Qua dãy cột thanh thanh của cung điện Xắc-xơ, rồi qua một quảng trường lớn, Ma-ni-a chợt kêu lên:

- Ta đi qua đài kỷ niệm rồi, phải quay lại thôi!

Không nói một lời, Ca-di-a cũng quành lại.

Hai cô đãng trí đã phạm một lỗi không tha thứ được. Chả là ở giữa quảng trường Xắc-xơ dựng một cột lưu niệm tráng lệ, với bốn con sư tử đá chầu bốn bên và mang dòng chữ "chính thống": "Tặng những thần dân Ba Lan trung thành với quân vương của mình". Cái ơn nghĩa này của Sa hoàng đối với những tên phản bội đã liếm gót kẻ áp bức làm cho những người yêu nước Ba Lan ghê tởm. Cứ mỗi lần đi qua phố đều nhổ vào đấy, dần dần thành một truyền thống, ai lỡ quên thì phải quay lại làm đúng thủ tục đó.

Hai cô bạn lại tiếp tục tán chuyện:

- Tối nay nhà tớ có vũ đấy – đằng ấy có đến xem không?

- Có chứ. Nhưng Ma-ni-u-sa này, bao giờ mới đến lượt bọn mình dự? Chúng ta đã biết đi bước van khá rồi. Ca-di-a sốt ruột.

Bao giờ? Khi nào các cô "bước vào đời" đã. Lúc này các cô mới chỉ được phép tập dượt với nhau về các điệu lăng-xi-ê, pôn-ka-ma-duốc-ka học được ở trường và cũng được ngồi trên hai cái ghế nhỏ xem thanh niên nam nữ gia đình bạn bè hàng tuần vẫn đến tập vũ ở nhà ông giáo.

Trong khi chờ đợi cũng sẽ đến lượt mình được các bạn nam mời, các cô còn phải học nhiều tháng nữa ở trường trung học. Đó là một ngôi nhà lớn ba tầng mộc mạc ngay cạnh nhà thờ Thăm Viếng, trang trí hoa mĩ, nên trông như một khối kiến trúc từ thời Phục Hưng Ý, giữa những lâu đài nghiêm trang. Bạn học đã vào cả trong trường: có bạn Vun mắt xanh, bạn A-ni-a Rốt-te, người Đức, mũi tẹt, học rất giỏi, trong lớp chỉ thua Ma-ni-a và Lê-ô-ni Cu-níc-ca.

- Con bé Cu-níc-ca có chuyện gì đấy nhỉ? Mắt nó sưng húp lên. Xưa nay, lúc nào nó cũng ăn mặc gọn gàng, hôm nay lôi thôi thế nào ấy.

Ma-ni-a và Ca-di-a không cười đùa nữa. Hai đứa sán lại gần bạn.

- Mày sao thế, Cu-níc-ca. Có chuyện gì thế?

Mặt Cu-níc-ca tái nhợt cô mãi ấp úng:

- Anh, anh mình… anh ấy vào hội kín… có kẻ đi báo, đã ba hôm nay, ở nhà không biết anh ấy đi đâu.

Rồi nghẹn ngào, nước mắt giàn giụa:

- Sáng sớm mai, chúng treo cổ anh ấy!

Hai cô bé rụng rời, sít lại gần bạn bất hạnh. Họ còn đang tìm lời hỏi han an ủi bạn, đã thấy tiếng mụ giám thị May-e ken két:

- Thôi, thôi, ít chuyện chứ! Nhanh lên!

Ma-ni-a rùng mình, thẫn thờ trở về nhà; mới lúc nãy còn mơ đến âm nhạc, đến vũ, bây giờ mấy câu đầu bài địa lý cứ quay tròn trong đầu, không còn biết chúng nghĩa là gì nữa; trong tâm trí, chỉ thấy khuôn mặt nồng nhiệt và non trẻ của người thanh niên xấu số rồi thấy giá treo cổ và tên đao phủ.

Tối hôm đó, năm cô gái tuổi đôi bảy, đôi tám không thiết gì đi xem vũ. Ma-ni-a, Brô-ni-a, Hê-la và hai chị em nhà Ca-di-a đã đến với Lê-ô-ni Cu-níc-ca thức trắng đêm trong phòng của bạn.

Họ hòa chung nước mắt buồn thương và uất hận. Họ chỉ biết âu yếm chăm sóc người bạn đang quằn quại đau khổ, lấy khăn ướt chườm đôi mắt sưng vù, ép bạn uống một ít trà nóng. Thời gian sao trôi quá chậm mà cũng quá nhanh như vậy, đối với mấy cô gái mà bốn người còn mặc đồng phục nữ sinh.

Lúc trời hửng sáng ánh bình minh nhợt nhạt rọi vào những bộ mặt cũng nhợt nhạt là lúc điểm giờ phút cuối cùng của người anh. Họ quỳ tất cả xuống sàn, trong một lời cầu nguyện cuối cùng và giấu trong lòng bàn tay những bộ mặt đầy khiếp đảm.

*

*   *

Gia đình ông giáo lần lượt nhận một huy chương vàng, hai huy chương vàng, ba huy chương vàng. Cái thứ ba do Ma-ni-a giành được ngày 12 tháng 6 năm 1883 khi tốt nghiệp trung học.

Hôm đó trời oi bức ngột ngạt. Nghe đọc danh sách các học sinh được thưởng xong đến diễn văn và nhạc kèn đồng, các thầy giáo lên khen ngợi và sau đó là cái bắt tay thờ ơ, lỏng lẻo của viên tổng thanh tra giáo dục của Sa hoàng ở Ba Lan thuộc Nga, rồi Ma-ni-a trịnh trọng cúi chào một lần cuối cùng.

Một bó hoa hồng nhỏ cài trên chiếc áo lễ phục màu đen theo tục lệ, cô học sinh tốt nghiệp từ biệt bạn bè tay nắm tay, thề thề thốt thốt là sẽ biên thơ đều hàng tuần cho nhau. Ôm một chồng sách đồ sộ bằng tiếng Nga – một phần thưởng mà cô lớn tiếng nói là “ghê tởm” (Ngày học cuối cùng, cần gì), Ma-ni-a từ giã mãi mãi trường trung học ở đại lộ Vác-xô-vi, khoác tay ông

giáo, người cha rất tự hào về thành tích học tập của con gái.

Ma-ni-a đã học tập rất tốt, cố gắng vượt bậc, nên ông giáo quyết định để cô về sống một năm ở nông thôn trước khi chọn nghề ra đi làm.

Suốt một năm hè! Rất dễ mường tượng rằng một thiên tư sớm bị một chí hướng ám ảnh, sẽ phải tìm cách đọc bằng được những sách báo khoa học. Sự thật đã không vậy. Lứa tuổi dậy thì kể cũng lạ. Ma-ni-a bỗng thay đổi tính tình, uể oải, không còn ham mê sách vở nữa.

Một giai đoạn thôn dã đẹp xen vào lịch sử người con gái nhà giáo đó. Biên thư cho Ca-di-a, cô nói "Lúc này mình không thể tưởng được rằng trên đời lại có hình học và số học. Mình đã quên hết hai môn đó rồi". Những tháng xa Vác-xô-vi và mái trường trung học, về ở nông thôn, với những họ hàng chỉ nhận một khoản tiền ăn nhỏ, nhờ cô dạy qua quýt cho mấy đứa trẻ trong nhà, lần đầu tiên được đắm mình trong một cuộc sống thảnh thơi, êm đềm, Ma-ni-a tươi tỉnh hẳn lên, vui vẻ hồn nhiên hơn rất nhiều so với những ngày thơ ấu ảm đạm.

Thư gửi Ca-di-a:

"Có thể nói rằng mỗi ngày mình chỉ dạy một giờ tiếng Pháp. Cả thêu thùa đang làm dở cũng bỏ đấy… không có thời gian biểu cho một chú bé, còn hoàn toàn không làm một chút gì gọi là việc… gì hết… không đọc sách gì thuộc loại nghiêm túc mà toàn xem chuyện giải trí, vô thưởng vô phạt, và mặc dầu được bà con ở đây nể nang vì có mảnh bằng tốt nghiệp, mình cảm thấy dốt, dốt ơi là dốt, làm mình không khỏi tự cười thầm!

Bọn mình đi chơi rừng, nhẩy vòng, đánh cầu lông (mình rất kém về môn này), chơi mèo bắt chuột và rất nhiều trò con nít như vậy. Ở đây, dâu rừng sẵn lắm, năm xu một bát tú ụ. Tiếc rằng hết mùa rồi. Mình đang lo là khi trở về sẽ ăn khỏe đến phát sợ.

Hết đánh đu lại đi tắm. Đến tối tối, lại đốt đuốc bắt tôm…

Mình đã đi Dô-vô-la mấy ngày, được nghe một nghệ sĩ, ông ta tên là Kô-tô-bin-xki từ Vác-xô-vi về đây biểu diễn, ông ta hát và ngâm thơ rất tuyệt, nói chuyện rất vui. Bọn mình thích quá, hôm ông ta ngược Vác-xô-vi, chúng mình đã tết một vòng hoa rất to lúc tiễn chân mới tặng…"

Ở đây vui lắm, có một không khí tự do, bình đẳng, độc lập mà Ca-di-a không thể tưởng tượng được…

Suốt năm hè đó, hoạt động trí tuệ như lắng xuống, nhường chỗ cho một say mê mới sẽ mãi mãi thấm sâu tâm hồn của Ma-ri Quy-ri. Đó là lòng yêu thôn quê thắm thiết. Nay về tỉnh này, mai đến tỉnh kia, đón chờ các mùa thay đổi, Ma-ni-a luôn nhìn ra nhiều vẻ đẹp mới lạ của mảnh đất quê hương Ba Lan đây đó đều có họ hàng sinh sống. Đây – Đơ-vô-la một vùng bao la, tịch mịch, ngoảnh nhìn đây cũng chỉ thấy chân trời xa thẳm hơn bất cứ nơi nào trên thế giới. Kia – Da-vi-ê-poyt-xơ, quê chú Xa-vi-ê có đàn ngựa năm mươi con thả trên đồng cỏ. Ma-ni-a đã từng tập cưỡi ngựa, đi nước kiệu và phi nước đại rất thành thạo.

Và cảnh núi Các-pát tuyệt trần! Những đỉnh núi tuyết phủ long lanh, những ngọn thông đen thẳng tắp, làm cô gái vùng đồng bằng lên đây ngạc nhiên đến sững sờ. Quên sao được những cuộc leo núi, qua những sườn đồi quất rừng bao phủ, cheo leo túp lều của thổ dân mà mỗi đồ vật là một công trình trạm trổ, khắc gỗ tài tình, và mãi tận đỉnh cao chót vót, mảnh gương của cái hồ nước xanh biếc như tròng con ngươi, có cái tên tuyệt diệu là “mắt biển”.

Mùa đông năm đó, Ma-ni-a đến chỗ người chú là Di-xoáp, làm văn khế ở Xkhan-bơ-mia, hai vợ chồng có ba con gái. Ở đây cứ mỗi dịp có hội hè dân gian là cả nhà huyên náo hẳn lên, trong khi người lớn chuẩn bị thịt thà, mấy cô gái làm bánh ngọt hoặc ngồi trong nhà khâu vội bộ quần áo cải trang để tham dự trò múa dân gian “kulich” sắp tới.

Thật ra, đó không chỉ là một cuộc vui hát múa, mà là một hành trình thần tiên huy hoàng. Từ buổi chiều Ma-ni-a cùng ba cô em họ ăn mặc như những chị em nông dân vùng Kra-kốp ngồi trên hai xe trượt tuyết, ai nấy trùm chăn kín. Những trai làng quần áo mộc mạc cưỡi ngựa cầm đuốc đi theo một chiếc xe trượt tuyết khác có bốn nghệ nhân trong làng chơi đàn vi-ô-lông, cử lên những dân vũ Ba Lan quen thuộc. Ánh đuốc chập chờn qua cành thông và tiếng nhạc rộn ràng trong đêm tối. Lần lượt thêm ba, năm, mười xe trượt tuyết nhập bọn, vừa lướt xe xuống những dốc tuyết đóng băng nhanh đến chóng mặt, vừa đàn hát náo nhiệt.

Cứ qua mỗi nhà, cả đoàn người và xe dừng lại: Chủ nhà làm ra vẻ bất ngờ, nhưng thật ra, thức ăn được chuẩn bị từ trước được dọn ra ngay và cuộc

vũ bắt đầu dưới ánh lửa đuốc. Sau một lúc vui huyên náo, họ lại lên xe, lên ngựa, đến một nhà khác, rồi một nhà khác nữa, xuyên qua rừng, qua núi. Đoàn người mỗi lúc đông thêm với những lực lượng mới mẻ. Hết đêm hôm đó, rồi cả ngày hôm sau, cuộc hành trình đàn hát múa này không lúc nào gián đoạn và kết thúc bằng một "hội múa" vào đêm thứ hai ở ngôi nhà rộng nhất trong vùng, vẫn theo tiếng vi-ô-lông dồn dập không biết mệt mỏi của bốn anh kéo đàn trẻ.

Và giữa những hình tượng múa tuyệt diệu, Ma-ni-a, cô gái khỏe khoắn hồng hào múa đẹp nhất đêm hôm đó. Trong chiếc áo cánh nhung ngắn, hai tay bồng bằng lanh mịn, đầu đội một vòng tết bằng bông lúa với những giây màu sắc sặc sỡ tỏa xuống quanh người, trông cô giống như một cô gái dân tộc miền núi trong trang phục ngày hội.

Biên thơ cho Brô-ni-a, cô kể lại sự hào hứng của mình:

"Thứ bẩy vừa qua, em lại được tham gia một cuộc vũ trá hình rất thích thú. Chị biết không, bây giờ em nhảy được điệu dân vũ ô-be-rếch khá lắm rồi…

Có lẽ không bao giờ trong đời em sẽ lại được hưởng những phút vui đùa thắm thiết như vậy. Nó để lại trong em một nỗi nhớ nhung da diết. Dì nói đùa là nếu vài năm nữa, em đi lấy chồng, nhất định sẽ tổ chức cưới theo phong tục vùng kra-kốp có vũ dân gian và cưỡi xe trượt tuyết, tất nhiên chỉ là câu đùa, nhưng em cũng rất ưa thích!"

Nhiều năm về sau, mẹ tôi thỉnh thoảng nhắc lại những ngày vui đó với một giọng dịu dàng và như cam phận. Nhìn khuôn mặt mệt mỏi, hao mòn sau gần nửa thế kỷ lo âu và lao lực, tôi thầm cám ơn số phận đã dành cho mẹ nhiều phút êm đềm trước khi quyết định bà phải đi theo một chí hướng nghiêm nghị và khắc nghiệt.

CHƯƠNG IV

CHÍ HƯỚNG

Sau mười bốn tháng sống ở nông thôn, đến tháng chín, Ma-ni-a trở về Vác-xô-vi. Lúc này, gia đình cô lại dọn đến gần trường trung học ở phố Nô-vô-lip-xki, nơi cô đã sống thời thơ ấu.

Vì một thay đổi lớn đã đến gia đình này. Ông giáo tuy vẫn dạy ở trường trung học, nhưng nay đã có tuổi, nên thôi nhận học sinh trọ học. Từ đây, Ma-ni-a cùng với bố và anh chị ở một căn nhà nhỏ hơn, thanh bạch hơn. Khung cảnh và môi trường ấy khêu gợi suy nghĩ và làm việc.

Ai mới gặp ông giáo lần đầu sẽ nghĩ là ông nghiêm khắc, khó gần. Ba mươi năm trời gõ đầu trẻ ở trường trung học đã tạo cho người đàn ông béo lùn ấy một dáng đạo mạo, có nhiều chi tiết chứng tỏ đây là một công chức tiêu biểu: quần áo màu sẫm, luôn luôn chải chuốt, tưởng như không còn vướng một hạt bụi, cử chỉ điệu bộ chính xác, ưa dùng châm ngôn thị phạm. Mỗi việc trong đời ông đều có phương pháp, quy củ. Ông đã viết một bức thư thì câu cú phải gọn gàng, nét chữ nắn nót. Nghỉ hè, nếu định đi tham quan danh lam thắng cảnh thì từng chi tiết đi đứng phải được xếp đặt từ trước. Một chương trình tỉ mỉ sẽ lần lượt đưa mấy bố con đến những nơi đáng xem, rồi vừa đi, ông vừa ca ngợi cảnh đẹp hoặc giải thích ý nghĩa lịch sử của một công trình kiến trúc. Ma-ni-a không hề để ý đến cá tính đó của nhà giáo. Cô chỉ càng yêu cha tha thiết.

Đối với Ma-ni-a, ông giáo vừa là cha, vừa là một người thầy thông thái, uyên thâm. Quả vậy, gần như môn gì ông cũng tỏ ra am hiểu. Ngày nay khó mà tìm ở một nước Châu Âu, một thầy giáo âm thầm, vô danh, mà hiểu rộng như thế. Phải tất bật sớm chiều mới lo nổi cân bằng chi thu gia đình, người cha tần tảo đó vẫn để thì giờ trau dồi kiến thức khoa học qua những sách báo trầy trật lắm mới có được. Ông nhận thức rõ không những cần học tiếng La Tinh, tiếng Hy Lạp, mà còn phải biết những bước tiến của hóa học và lý học, và ngoài tiếng Ba Lan, tiếng Nga còn phải hiểu tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Đức. Ông dịch ra tiếng mẹ đẻ nhiều tác phẩm văn thơ ưu tú của nước ngoài. Ông còn làm thơ, và chép cẩn thận vào một quyển vở bìa đen và xanh,

những bài như: *Tặng các bạn, một ngày kỷ niệm. Chúc rượu mừng đám cưới. Tặng học trò cũ của tôi.*

Cứ đến chiều thứ bảy, cả nhà quây quần bên ấm trà bốc khói, bình văn thơ. Ông giáo ngâm thơ hoặc đọc sách. Con trai và ba con gái ngồi nghe chăm chú say sưa. Người thầy giáo già, trán hói, mặt bầu bầu, điềm đạm, với bộ râu màu tro, rất có tài về khoa nói. Thứ bảy nào cũng vậy, Ma-ni-a lại được nghe các tác phẩm văn học cổ điển do một giọng thân thuộc đọc. Cũng cái giọng khi xưa đã từng kể cho cô nghe chuyện cổ tích, tường thuật du lịch, hoặc giới thiệu cuốn Đa-vít Cơ-pơ-phin của nhà viết tiểu thuyết Anh **Đích-kơn**[5] *(Charles Dickens-NS)* ông giáo vừa đọc, vừa dịch từ tiếng Anh ra tiếng Ba Lan, không vấp váp chỗ nào. Giờ đây, với một giọng rè khan vì bao nhiêu giờ lên lớp ở trường trung học, ông ngâm cho bốn thanh niên chăm chú nghe những tác phẩm của các nhà thơ lãng mạn ở Ba Lan như Xlo-vat-xki, Cra-sin-xki và Mic-kê-vich *(Adam Mickiewcz-NS)*, viết về cảnh nô lệ và sự chiến đấu. Những trích đoạn của thiên anh hùng ca "Ông Ta-đê"[6] *(Pan Tadeuse-NS)* hoặc những vần thơ Coóc-đi-an đau thương in trên những trang sách bạc màu mà một số bị Sa hoàng nghiêm cấm vẫn cứ được in ra lén lút.

Ma-ni-a sẽ còn nhớ mãi những buổi chiều ấy. Cô lớn lên trong một môi trường trí thức có một phẩm chất đặc biệt mà ít bạn gái được biết. Một sợi dây vô hình gắn bó cô với người cha đã cố gắng hết sức mình để tạo cho con gái một cuộc sống có ý thức và bổ ích. Cô yêu cha nồng nàn và cảm thông nỗi buồn lắng đọng dưới bề mặt bình thản của ông giáo: nỗi buồn thương nhớ vợ khôn nguôi, nỗi buồn của một công chức bị chèn ép, phải làm những việc thấp kém, nỗi hối hận, day dứt của một con người vốn thận trọng đến lúc này vẫn còn trách mình năm nào đã nhẹ dạ làm tiêu ma vốn liếng của gia đình.

Những lúc không trấn tĩnh được, ông giáo than thở với các con "*Sao cha lại có thể hồ đồ như thế nhỉ?Cha vẫn hằng mong cho các con có một học vấn tinh tế nhất, được đi đây đi đó, ra học nước ngoài. Nay thế là lỡ hết rồi! Cha không còn tiền, không giúp các con được. Mà rồi đây, các con lại còn phải nuôi cha. Các con sẽ ra sao?*"

Ông giáo thở dài, nhìn đàn con, như chờ đợi những lời phản đối vui vẻ mà mấy anh em Ma-ni-a sẽ nói để an ủi cha. Chúng ngồi đấy, quây quần bên ngọn đèn dầu trong căn phòng xinh xắn, có những bồn cây xanh được chăm

sóc ân cần, làm cho thêm tươi tắn. Bốn mái đầu kiên nghị, bốn nụ cười đảm đang. Những tròng mắt sáng ngời, từ màu xanh biển cả đến màu xám tro, cùng ánh lên một bầu nhiệt tình, một niềm hy vọng. "*Cha cứ yên tâm. Chúng con còn trẻ, chúng con khỏe*".

*

*   *

Tâm trạng ông giáo cũng dễ hiểu. Năm đó, một năm quyết định đối với tương lai, tình hình kinh tế gia đình không sáng sủa lắm.

Vấn đề rất đơn giản. Đồng lương giáo học của ông sắp về hưu chỉ đủ trả tiền nhà, tiền ăn và công chị giúp việc. Ngay từ bây giờ, mấy anh em Dô-dếp, Brô-ni-a, Hê-la, Ma-ni-a phải tự kiếm sống.

Là con nhà giáo, ý nghĩ đầu tiên của cậu con trai và ba cô gái là đi dạy tư. "Sinh viên khoa y nhận kèm cặp ở nhà", "Nữ sinh có bằng tốt nghiệp nhận dạy toán, hình học, Pháp văn giá phải chăng". Mấy anh em Xkhua-đốp-xki giờ đây đã đứng vào hàng ngũ hàng trăm những người trí thức trẻ ở Vác-xô-vi phải đến từng nhà dạy tư để sinh sống.

Cái nghề bạc bẽo. Mới mười sáu tuổi, Ma-ni-a đã biết đến những nỗi vất vả, nhục nhằn mà một cô giáo dạy tư phải chịu đựng.

Mưa hay rét vẫn phải đi dạy, cuốc bộ từ đầu tỉnh đến cuối tỉnh. Học trò thì bướng bỉnh, chây lười. Lại thêm cái tội các bậc cha mẹ cứ bắt cô giáo chờ mãi trong phòng đợi gió lùa "mời cô nán thêm một lát, em nó xuống ngay đấy" và có khi đến cuối tháng, quên khuấy mấy đồng rúp mà người ta mong đợi từ bao nhiêu lâu rồi và cứ nhắc đến sáng hôm ấy là có.

Mùa đông đến. Ở phố Nô-vô-lip-xki, cuộc sống phẳng lặng trôi, ngày nào cũng giống ngày nào.

Ma-ni-a viết:

"Ở nhà, chẳng có gì mới. Mấy bồn cây vẫn xanh tươi, khóm đỗ quyên vẫn trổ hoa đều. Con chó Lăng-xê vẫn quen ngủ trên tấm thảm nhỏ. Chị Gu-xi-a, thợ may theo công ngày vừa chữa xong cái áo mà mình đem nhuộm, trông lịch sự và đẹp. Áo của chị Brô-ni-a cũng xong rồi, khá lắm. Mình chả

viết thư cho ai cả, rất ít thì giờ và ít tiền. Có một bà được giới thiệu đến hỏi giá cả học tư ra sao. Chị Brô-ni-a nói là nửa rúp một giờ, thế mà bà ta chạy như cháy nhà".

Phải chăng Ma-ni-a chỉ là một cô gái nghèo, chịu khó và biết nghĩ, và chỉ lo có một việc là cố nhận thêm học sinh? Không. Vì nghèo túng, cô đã dũng cảm chịu đựng thiếu thốn, vất vả đi dạy học tư. Nhưng cô lại có một cuộc sống khác phong phú, say sưa – cuộc sống nội tâm. Như mọi cô gái Ba Lan đương thời thuộc tầng lớp mình, Ma-ni-a có một tâm hồn rạo rực mơ ước.

Có một hoài bão chung cho tuổi trẻ Ba Lan thời đó. Đó là Tổ quốc. Lòng tha thiết phục vụ đất nước đi trước cả tham vọng bản thân, trước cả tình yêu và gia đình. Người thì khát khao một cuộc chiến đấu dũng mãnh, táo bạo và rèn dựng những mưu đồ to lớn, hiểm nghèo. Người thì mơ tưởng đấu tranh bằng ngòi bút. Lại có kẻ ôm ấp một ảo mộng huyền bí. Vì Thiên chúa giáo cũng là một nơi ẩn dật, một sức mạnh chống lại kẻ áp bức khác đạo.

Từ lâu, Ma-ni-a đã tỉnh hẳn giấc mơ huyền bí. Cô vẫn đi nhà thờ đều, nhưng là theo tập tục và phép lịch sự mà thôi. Lòng tin ở đấng chí tôn đã bị lung lay từ ngày bà Xkhua-đốp-xka qua đời, cứ phai nhạt dần. Xưa kia, cô hoàn toàn phục tùng người mẹ rất mộ đạo. Nhưng đã sáu bảy năm nay sống với cha, cô bị ảnh hưởng sâu sắc của một người chỉ đi đạo một cách hững hờ, tuy không nói ra, nhưng chính là vô đạo. Lòng sùng đạo thời thơ ấu nay chỉ còn là một khát vọng mơ hồ, mong muốn thờ phụng một cái gì cao cả nhất.

Bạn gái Ma-ni-a có nhiều người yêu nước giàu tinh thần cách mạng. Cô đã từng liều lĩnh cho mượn giấy thông hành nhưng Ma-ni-a không hề có ý nghĩ, muốn tham gia các cuộc ám sát hoặc ném bom vào xe của Sa hoàng hay cả viên thị trưởng. Một phong trào mạnh mẽ dấy lên giữa tầng lớp trí thức trong đó có Ma-ni-a, nhằm gạt bỏ mọi ảo tưởng trống rỗng, mọi luyến tiếc hão huyền, mọi hồ hởi đòi tự chủ bừa bãi, chỉ còn làm việc, vun đắp cho nước Ba Lan một vốn trí thức huy hoàng và phát triển sự nghiệp giáo dục nhân dân mà các nhà chức trách chủ tâm dìm sâu trong dốt nát.

Chủ nghĩa tiến bộ dân tộc ở Ba Lan hồi đó có một hướng đi đặc biệt, do ảnh hưởng các học thuyết triết học thời bấy giờ. Những năm ấy, thuyết thực tiễn của Công-tơ[7] (August Comte-NS) và thuyết tiến hóa của Xpen-

xe[8] (Herbert Spencer-NS) đã đem lại cho các nước Tây Âu những nếp tư duy mới. Trong khi đó, các công trình của Pat-xtơ[9] (Louis Pasteur-NS), Đát-uyn[10] (Charles Robert Darwin-NS) và Clốt Béc-na[11] (Claude Bernard-NS) nâng cao rất nhiều uy tín của khoa học thực nghiệm. Ở Vác-xô-vi cũng như nhiều nơi khác và hơn các nơi có xu hướng xa rời những tác phẩm lãng mạn, xa rời cái thế giới xúc cảm và của nghệ thuật. Lớp trẻ vốn thích những khẳng định dứt khoát, nay bỗng đề cao hóa học và sinh vật học, đặt lên trên cả văn học. Xưa kia tôn sùng các nhà văn, nay họ quay ra chiêm ngưỡng các nhà bác học. Nếu ở các nước độc lập tự do, những luồng tư tưởng trên có thể phát triển công khai, thì ở Ba Lan phụ thuộc mỗi biểu hiện tự do tư tưởng bị coi như khả nghi. Các thuyết tiến bộ phải đi “đường ngầm” để đến với quần chúng.

Ít lâu sau khi trở về Vác-xô-vi, Ma-ni-a chơi thân với một số bạn gái hăng say theo thuyết “thực dụng”. Có một chị tên là Pi-a-set-xka ảnh hưởng sâu sắc đến cô. Chị độ hai mươi sáu, hai mươi bảy tuổi, tóc màu hung, người gầy gò, mặt xấu nhưng dễ thương. Chị dạy ở một trường trung học và yêu một sinh viên tên Noóc-blin vừa mới bị đuổi ra khỏi đại học vì hoạt động chính trị. Chị say sưa với những học thuyết hiện đại thời đó.

Ma-ni-a thoạt đầu còn dè dặt e ngại nhưng về sau bị những ý kiến táo bạo của chị Pi-a-set-xka lôi cuốn. Cùng với hai chị Brô-ni-a và Hê-la và một bạn gái tên là Ma-ri-a Ra-kốp-xka, Ma-ni-a được dự các buổi “đại học di động”. Đó là những buổi giảng về giải phẫu, khoa học tự nhiên, xã hội học, do những thầy giáo dạy không lấy tiền cho đối tượng trẻ muốn mở mang kiến thức. Lớp học mở bí mật ở nhà Pi-a-set-xka hay một vài tư nhân khác. Tám hay mười người tụ họp lại, ghi ghi chép chép, truyền tay nhau sách báo, bài toán. Hơi khẽ có tiếng động là run bắn lên. Nếu lộ, chỉ có tù đày.

Bốn mươi năm sau, Ma-ri Qui-ri viết:

“Tôi còn nhớ rất rõ cái không khí xã hội tri thức thân mật ái hữu đó. Phương tiện hoạt động thì nghèo nàn và kết quả chẳng được là bao, nhưng hồi đó, tôi vẫn tin rằng những lý tưởng dìu dắt mình, là duy nhất có thể đưa đến một tiến bộ xã hội thật sự. Không thể mong xây dựng một thế giới tốt hơn nếu không cải tạo con người. Với mục đích ấy, mỗi chúng ta phải làm việc để tự nâng cao bản thân, đồng thời nhận lấy phần trách nhiệm của mình

trong cuộc sống của nhân loại. Chúng ta có bổn phận giúp đỡ những người mà ta thấy có thể giúp ích nhiều nhất".

Vai trò trường "đại học di động" không chỉ bổ túc cho những thanh niên mới ở trường trung học ra. Sự nghiệp giáo hóa này được cả sự tham gia của học sinh. Được chị Pi-a-set-xka cổ vũ, Ma-ni-a nhận dạy học cho dân nghèo. Cô đến đọc sách cho chị em công nhân ở một xưởng may và dần dà xây dựng cho chị em một tủ sách tiếng Ba Lan.

Làm sao tưởng tượng được sự say mê của cô gái mười bảy tuổi. Tuổi thơ ấu của cô đã trôi qua trước những sinh linh bí ẩn là dụng cụ vật lý của bố. Và ngay trước khi khoa học tự nhiên được mọi người chú ý, ông giáo đã truyền cho con gái lòng ham muốn say mê hiểu biết. Nhưng đối với một cô gái dạt dào sức sống sôi sục, cái thế giới ấy chưa đủ. Giờ đây, cô đang bước vào các lĩnh vực khác của nhận thức về thế giới. Phải nắm được thuyết thực dụng của Công-tơ. Phải tiếp thu tiến triển xã hội! Ma-ni-a không chỉ ao ước học toán và hóa. Cô còn muốn chấn chỉnh lại trật tự xã hội, và đem ánh sáng kiến thức đến đông đảo quần chúng nhân dân.

Giữa những hoài bão, ước mơ đó, Ma-ni-a chưa thấy rằng cần có một sự lựa chọn. Cô chưa ý thức được đâu là ý thức dân tộc, đâu là tư tưởng nhân đạo và đâu là nguyện vọng của người trí thức.

Thật lạ là cô vẫn giữ được bản chất dịu dàng, dễ thương trong tình trạng tao loạn ấy, giữa những học thuyết ấy. Được tiếp thu ở cha mẹ một nền giáo dục chặt chẽ, cao quý và tấm gương sáng của những con người thanh khiết đã chăm sóc đến tuổi thanh xuân của cô, Ma-ni-a đã tránh được nhiều điều cực đoan. Bản chất cô mang một phong thái đoan trang, một vẻ duyên dáng, sau này sẽ luôn đi cùng với lòng hăng hái của cô, cả những lúc đắm đuối nhất. Trong đời Ma-ni-a, chưa hề có lúc nào biểu lộ phẫn uất hoặc bừa bãi phóng đãng. Tuy tính khẳng khái, tự do, chưa bao giờ nói một lời tục tằn, chưa bao giờ cô nghĩ đến châm hút một điếu thuốc lá...

Sau những giờ ôn tập cho lớp học khu phố, giảng bài cho công nhân xưởng và những buổi học lén lút về giải phẫu ở "đại học di động", nếu còn rảnh Ma-ni-a thường đóng cửa ngồi nhà đọc và viết. Thời kỳ chỉ xem tiểu thuyết "giải trí nhẹ nhàng" đã qua rồi. Giờ đây Ma-ni-a đọc Đốt-xtôi-ép-xki[12] (Dostojeewki-NS), Gôn-xa-rốp[13] (Gontscharow-NS), "Những

người được giải phóng” của Bô-let-xoáp Prút-xơ[14] (Boleslav Pruss-NS) và tìm thấy trong tác phẩm này hình ảnh của chính bản thân mình và của chị em phụ nữ Ba Lan khao khát học hỏi. Sổ tay nhật ký của cô cho ta biết cuộc sống nội tâm của một thanh niên đầy tham vọng và quá dồi dào năng khiếu nên gần như mất phương hướng. Mười trang liền về bút chì minh họa thơ ngụ ngôn Pháp của La Phông-ten[15] (La Fontaine-NS). Các bài thơ tiếng Ba Lan và tiếng Đức. Một trích đoạn của Mắc Noóc-đô[16] (Max Nordot-NS), nhiều đoạn của Kra-zit-ki[17] (Ignacy Krasicki-NS), Xlô-vat-xki[18] (Juliusz Slovacki-NS) và Hai-nơ[19] (Heinrich Heine-NS). Ba trang của Rơ-năng[20] (Ernest Ronan-NS) nói về “Cuộc đời Giê-su”, “không ai bằng Người, đã đề cao lợi ích của Loài người trên những phù hoa trần thế”. Những tiểu luận triết học bằng tiếng Nga, một đoạn của Luy-Blăng[21] g (Louis Blanc-NS), một trang của Bran-đét-xơ[22] (Georges Brandes-NS). Rồi lại đến tranh vẽ hoa lá, giống vật. Lại thơ của Hai-nơ. Rồi đến Mu-xê[23] (Alfred de Musset-NS), Suy-li Pruy-đơm[24] (Sully Prudhomme-NS)và Phơ-răng-xoa Cô-pê[25] (François Coppé) do Ma-ni-a dịch ra tiếng Ba Lan.

Thật là mâu thuẫn. Người con gái có tư tưởng “tự giải thoát”, không thích diện nên đã cắt phăng mớ tóc hung duyên dáng đi, lại vẫn than thở một mình và chép lại nguyên những vần thơ tình tứ và hơi nhạt nhẽo như:

Nếu anh cứ nói anh yêu

Mắt xanh em có thấu điều này chăng?

Cố nhiên là Ma-ni-a không bao giờ nói cho các bạn gái cố chấp, rằng cô thích bài “Vĩnh biệt, Suy-đông em” hoặc bài “Chiếc bình vỡ”, có lẽ cô cũng không tự thú điều đó ngay cả với bản thân mình. Ma-ni-a thường ăn mặc nghiêm chỉnh, nhưng bộ mặt non trẻ lạ lùng với mớ tóc ngắn cũn cỡn chẳng những không làm nổi bật được phong cách của cô mà còn làm cô gái trông ngây thơ hơn.

Hết đi học lại nói chuyện, đến đâu Ma-ni-a cũng hăng say tranh luận.

Cô say sưa ngâm cho các bạn nghe thơ Át-ních đã thành niềm tin tưởng của cả nhóm:

Hãy tìm tia sáng trong vắt của chân lý

Hãy tìm những con đường mới mẻ chưa ai đi

...Tầm mắt con người dù đưa xa đến đâu ,

Vẫn sẽ không hết những điều lạ lùng, kỳ diệu

...Mỗi thời đại đều có ước mơ hoài bão

Và bỏ lại những giấc mộng hôm qua

Nào các bạn, hãy cầm lấy bó đuốc của tri thức

Hãy làm nên một sự nghiệp mới trong công việc các thế kỷ,

Và xây dựng lên Lâu đài của Tương lai...

Trên một tấm ảnh chụp cùng chị Brô-ni-a, và tặng Ma-ri-a Ra-kốp-xka, Ma-ni-a viết: "*Tặng một bạn "thực dụng lý tưởng" của hai chị em theo thuyết lý tưởng nhưng có đầu óc thực tế*".

Hết ngày này đến ngày khác, hai chị em "lý tưởng thực tế" đó ngồi bàn tính với nhau, cô thảo ra một kế hoạch cho cuộc sống ngày mai. Tiếc thay! Cả Át-ních lẫn Bran-đét-xơ đều không chỉ được cách cho hai cô được theo học đại học ở một thành phố vẫn cấm đoán phụ nữ vào trường đại học. Hai nhà tư tưởng đó cũng chẳng đem lại cho hai cô phép màu nhiệm có thể gây nhanh một vốn lớn với những buổi dạy tư nửa rúp một giờ.

Ma-ni-a vốn giàu độ lượng, càng thấy đau khổ. Đứa con út của gia đình ấy tự thấy có trách nhiệm đối với tương lai các anh chị. Cũng may là không cần phải lo cho anh Dô-dép và chị Hê-la. Dô-dép sắp ra bác sĩ. Còn chị Hê-la xinh tươi và sôi nổi nhiệt tình đang lưỡng lự giữa đi về sư phạm hoặc trở thành ca sĩ. Hê-la có giọng hát mê ly, tốt nghiệp cả hai trường. Đã nhiều nơi dạm hỏi mà chị chưa ưng đám nào.

Nhưng còn Brô-ni-a, làm sao giúp đỡ Brô-ni-a đây? Từ khi rời ghế nhà trường, Brô-ni-a về quán xuyến gia đình. Thôi thì mọi việc nhà việc cửa

đều đổ lên đầu chị: hết đi chợ búa, mua thức ăn, lo thay đổi món lại điều khiển việc nấu mứt. Dần dà, Brô-ni-a trở thành một người nội trợ rất đảm đang. Nhưng chính cái đó làm chị chán nản. Chị không muốn chỉ có thế. Ma-ni-a hiểu thấu tâm tư chị mình. Brô-ni-a muốn đi học đại học Y ở Pa-ri rồi về Ba Lan làm thầy thuốc ở nông thôn. Chị cũng đã dành dụm được ít nhiều để thực hiện nguyện vọng đó. Nhưng học ở nước ngoài tốn kém lắm! Còn phải đợi bao nhiêu tháng, bao nhiêu năm nữa?

Ma-ni-a luôn luôn suy nghĩ về nỗi băn khoăn day dứt của chị mà lãng quên đi mơ ước của bản thân mình. Bản chất cô vốn vẫn như vậy. Vì chính cô cũng bị nơi "đất thánh" là Pa-ri quyến rũ. Ma-ni-a cũng đã từng ao ước vượt qua mấy ngàn cây số để đến Xoóc-bon học cho thỏa lòng khao khát hiểu biết rồi mang về nước vốn kiến thức quý giá, dạy học ở Vác-xô-vi cho đồng bào ruột thịt.

Sở dĩ Ma-ni-a để tâm đến nghề nghiệp của chị là vì giữa hai chị em có những tình cảm thắm thiết hơn cả tình máu mủ. Từ ngày bà giáo mất đi, hai chị em càng quấn quít yêu thương nhau, bổ sung cho nhau: chị có vốn sống thực tế và từng trải hơn, được em gái phục và tin yêu, em thường đem công việc tỉ mỉ hằng ngày ra hỏi ý kiến chị; Ma-ni-a thì say đắm hơn, e lệ hơn, là một người bạn gái tuyệt diệu của Brô-ni-a, một tình bạn đượm lòng biết ơn và bao hàm một sự đền đáp.

Một hôm, Brô-ni-a đang mải gạch xóa những con số trên một mảnh giấy, tính đi tính lại không biết bao nhiêu lần khoản tiền đã có, hay nói cho đúng hơn, khoản tiền chưa có, thì Ma-ni-a bất giác nói:

- Chị này, từ ít lâu nay, em đã nghĩ lung về vấn đề của chúng ta. Em cũng đã bàn với cha. Sẽ có cách.

- Cách gì?

Cô xích lại gần chị. Chuyện này khá tế nhị, phải cân nhắc từng lời thì chị mới nhận.

- Đây nhé. Chị liệu có thể ở Pa-ri được bao lâu với số tiền đã gom góp được?

- Không kể tiền tàu thì được một năm ăn học ở Đại học – Brô-ni-a trả lời rất nhanh – nhưng học Y phải năm năm, hẳn em cũng biết.

- Đúng thế. Vậy thì, chị nhỉ, cứ dạy tư nửa rúp một giờ thì chẳng bao giờ chúng mình thoát khỏi cảnh này. Thế thì sao ta không thể kết hợp với nhau. Nếu cứ phấn đấu riêng rẽ thì chả người nào đi được. Nhưng bằng theo cách em tính thì chỉ vài tháng nữa, sang thu, chị có thể lên tàu đi Pháp.

- Ma-ni-a, em điên à?

- Không. Bước đầu, chị hãy tiêu tiền của chị. Em sẽ thu xếp gửi tiền cho chị sau. Và cả cha nữa. Đồng thời, em gây vốn để rồi cũng đi học. Khi chị đã ra bác sĩ, sẽ đến lượt em đi. Lúc ấy, chị sẽ giúp em.

Brô-ni-a nước mắt lưng tròng, ý nghĩa của đề nghị này cao cả làm sao! Nhưng còn một điểm chưa rõ trong chương trình vừa phác ra.

- Chị chưa hiểu. Làm thế nào em có thể vừa kiếm được đủ ăn cho mình, kiếm thêm giúp chị mà lại còn để dành được nữa?

- Đúng thế! Ma-ni-a khẽ đáp – Đó chính là "Cách" của em. Em sẽ làm cô giáo dạy tư. Ăn, ở mặc do chủ nhà chịu. Mỗi năm được bốn trăm rúp, hoặc hơn nữa. Như vậy chẳng phải mọi việc đều ổn hay sao?

- Ma-ni-a, Ma-ni u-a yêu dấu của chị!

Chẳng phải Ma-ni-a chọn cái nghề phụ thuộc ấy mà Brô-ni-a cảm động. Cô cũng theo thuyết lý tưởng như em gái , coi khinh những thành kiến của xã hội. Không... Cô xúc động khi nghĩ rằng vì muốn cho chị được học, ngay từ bây giờ Ma-ni-a phải tự ghép mình vào một cái nghề không hứng thú gì và phải khổ tâm chờ đợi. Vì thế cô cưỡng lại:

- Nhưng tại sao người đi trước lại là chị? Sao không đổi ngược? Em có năng khiếu, có thể còn hơn cả chị.

Ồ, Brô-ni-a, chị còn hỏi tại sao à? Thì tại chị đã hai mươi, mà em mới mười bảy. Tại chị đã giẫm chân tại chỗ hằng bấy lâu rồi, mà em, em còn nhiều thời gian. Cha cũng bảo: đứa nhớn cần đi trước. Khi đã mở phòng khám bệnh, chị sẽ thừa tiền để giúp em. Nghĩa là em mong như thế. Có vậy, chúng ta mới làm được một việc thông minh, thiết thực.

*

*   *

Một buổi sáng tháng chín năm 1885, trong phòng đợi của một sở tìm việc, có người con gái lặng lẽ ngồi chờ đến lượt mình. Có hai chiếc áo dài, cô đã chọn mặc chiếc áo trông chỉnh tề nhất. Dưới cái mũ đã bạc màu, mớ tóc mới nuôi lại mấy tháng nay cặp còn chưa gọn. Một cô giáo, dù có tư tưởng "thực dụng" đi nữa, cũng không được để tóc ngắn. Một cô giáo phải ăn mặc gọn ghẽ, không có gì đặc biệt khác người.

Cửa mở, một chị gầy gò, vẻ mặt chán nản, lững thững đi qua phòng đợi, gật đầu chào Ma-ni-a trước khi về. Chị cùng cảnh ngộ như Ma-ni-a. Hai người lúc nãy đã làm quen với nhau, họ ngồi trên mấy chiếc ghế mây là đồ đạc duy nhất trong phòng này. Họ đã cùng chúc nhau may mắn.

Ma-ni-a đứng dậy. Bất giác, cô thấy e ngại, tay cứ nắm chặt một tập giấy tờ và thư từ. Trong buồng bên, sau một bàn giấy nhỏ, có một bà to béo.

- Cô muốn gì?

- Tôi tìm một chỗ dạy tư.

- Cô có giấy tờ gì không?

- Tôi đã từng dạy tư nhiều nơi. Đây là nhận thực của cha mẹ học sinh. Còn đây là bằng tốt nghiệp.

Nhìn qua những chứng chỉ mà Ma-ni-a vừa đưa, với con mắt nhà nghề, bà giám đốc sở bỗng chăm chú. Bà ngẩng đầu, ngắm cô thiếu nữ kỹ hơn.

- Cô biết tiếng Đức, tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Ba Lan và tiếng Anh phải không?

- Vâng, tiếng Anh thì hơi kém, nhưng tôi có thể dạy các môn trong chương trình. Tôi mới tốt nghiệp trường trung học với huy chương vàng.

- À, vậy ý cô thế nào?

- Bốn trăm rúp một năm và đảm bảo ăn ở.

- Bốn trăm, – bà ta nhắc lại, mặt vẫn thản nhiên – Cha mẹ cô làm gì?

- Cha là giáo sư trường trung học.

- Được. Tôi sẽ thẩm tra. Có thể có việc cho cô. À, cô bao nhiêu tuổi?

- Mười bảy – Mặt đỏ bừng, Ma-ni-a nói tiếp với một nụ cười động viên:

- Sắp mười tám rồi.

Bà ta ghi lên hồ sơ bằng một kiểu chữ viết ngả mẫu mực:

“Ma-ni-a Xkhua-đốp-xka. Chứng chỉ tốt. Có học lực. Công việc muốn làm: Cô giáo. Lương: bốn trăm rúp một năm”.

Bà giả Ma-ni-a giấy tờ:

- Cảm ơn cô. Khi nào có việc, tôi sẽ gửi giấy báo.

CHƯƠNG V

CÔ GIÁO

Thư của Ma-ni-a cho em họ là Hăng-ri-ét Mi-khai-lốp-xka:

"*Hăng-ri-ét mến yêu!*

Kể từ ngày xa rời Hăng-ri-ét, cuộc sống của chị không khác chi một người tù. Chị đến ở nhà một luật sư B. như em đã biết. Một địa ngục trần gian mà ngay đối với kẻ tử thù, chị cũng không cầu cho phải đến sống ở đây. Quan hệ của chị với bà B. đã lạnh nhạt đến nỗi chị không nén nổi nữa và nói thẳng cho bà ấy biết. Vì bà ta "hâm mộ" chị không kém gì chị "hâm mộ" bà ta nên đôi bên rất hiểu nhau.

Đây là một trong những nhà giàu mà mỗi bận có khách khứa, người ta nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp – một thứ tiếng Pháp tồi một cách kinh khủng. Hóa đơn để đến hằng nửa năm không chịu thanh toán, thế nhưng họ vẫn tiêu xài như phá rồi lại bủn xỉn như tí dầu đèn. Thuê năm người làm, rồi ra vẻ tự do, phóng khoáng, nhưng thật ra lại đần độn đến mức lú lẫn. Ngoài mặt thì giọng ngọt xớt, nhưng lòng độc địa, nói xấu chẳng từ ai...

Thế là chị hiểu thêm một chút về loài người. Chị nhận ra rằng các nhân vật miêu tả trong văn học là có thật và mình không nên gần những kẻ mà giàu sang làm cho vẩn đục đi."

Bức họa nghiêm khắc, do một con người không có ác ý cho ta thấy Ma-ni-a còn quá ngây thơ và ảo tưởng. Do ngẫu nhiên vào một gia đình Ba Lan khá giả, cô những mong gặp những cha mẹ học trò sẵn thiện cảm, những trẻ nề nếp dễ bảo. Lòng cô chỉ muốn quyến luyến, yêu thương. Sự thất vọng mới phũ phàng làm sao.

Do đâu mà chí hướng và thiên tài của Ma-ni-a không được phát hiện sớm hơn? Tại sao người ta không cho cô đi học ở Pa-ri mà lại để cô đi dạy tư? Muốn trả lời được câu hỏi này, phải nhìn vào phẩm chất cao quý và sự

thông minh tuyệt vời của mấy anh em con nhà giáo đó.

Bên cạnh ba thanh niên ưu tú khác thường, người nào cũng học giỏi, đỗ cao, cũng ham làm việc và giàu mơ ước thì cô gái sau này trở thành bà Ma-ri Quy-ri, lúc đó chẳng có gì đặc biệt... Giá như ở vào một môi trường dốt nát, kém cỏi, những năng khiếu của cô sẽ nổi bật và làm cho người ta ngạc nhiên, thán phục. Nhưng ở đây, dưới cùng một mái nhà có Dô-dếp, Brô-ni-a, Hê-la và Ma-ni-a, bốn anh em đều học tập xuất sắc, đều rất có khiếu và hiểu biết rộng. Thế là từ già đến trẻ, chẳng ai nhìn ra trong bốn thanh niên đó dấu hiệu của một bộ óc vĩ đại. Chưa ai chú ý đến những tia sáng đầu tiên của Ma-ni-a. Chẳng ai ngờ rằng Ma-ni-a có một bản lĩnh khác anh và các chị. Bản thân cô cũng không biết.

Ma-ni-a khiêm tốn gần như tự ti khi so sánh mình với anh chị. Nhưng ở vào những gia đình trưởng giả mà cô có dịp lui tới trong nghề nghiệp của mình, cô nổi bật lên hẳn. Chính Ma-ni-a cũng nhận thấy và thích thú điều đó.

Người con gái vốn dĩ không coi trọng những đặc quyền đặc lợi do tông tích, phú quý đem lại, mà cũng chẳng bao giờ để cái ghen ghét lởn vởn trong tâm trí, nay lại tự hào về dòng dõi của mình và về nền giáo dục đã tiếp thu được. Rồi đây, qua những nhận xét về các "ông chủ" của cô, thỉnh thoảng ta thấy toát lên lòng khinh thị và một sự kiêu hãnh ngây thơ.

Từ những kinh nghiệm vào đời đầu tiên, cô không chỉ rút được nhiều bài học triết lý về con người và về "những kẻ mà giàu sang làm cho vẩn đục đi". Cô còn thấy rằng chương trình bàn với Brô-ni-a trước đây cần phải điều chỉnh lại.

Sở dĩ cô xin việc làm ở Vác-xô-vi là để có thể giải quyết kinh tế mà không phải đi xa. Đối với một cô giáo mới tập sự, dù sao, ở thành phố cũng đỡ vất vả. Được gần nhà, hằng ngày được nói chuyện với cha, vẫn liên lạc với chị em bạn ở "đại học di động" và biết đâu còn có dịp học thêm, theo các lớp buổi tối? Nhưng đã hy sinh, không thể hy sinh nửa vời. Cuộc sống mà cô gái tự chọn cho mình chưa đủ khắt khe! Ma-ni-a chưa kiếm ra nhiều tiền, nhất là lại tiêu quá mức. Lương lĩnh về cứ chi lắt nhắt hằng ngày, đến cuối tháng chẳng còn mấy nữa. Thế mà đã đến lúc phải gửi tiền cho chị. Brô-ni-a đã đi Pa-ri, hiện đang sống chật vật ở khu La-tinh. Ông giáo thì sắp về hưu. Rồi đây, ông cũng cần được giúp. Làm thế nào?

Hai ba tuần trước, có người giới thiệu một chỗ dạy tư ở nông thôn,

lương khá. Ma-ni-a không trù trừ lâu. Cô nhận đi ngay địa phương, dấn mình vào những nơi chưa hề quen biết. Hàng năm sẽ phải sống hoàn toàn cô đơn, xa cách họ hàng thân thuộc. Nhưng có hề chi! Có lương cao, và ở nơi sơn cùng thủy tận đó, càng đỡ tiêu pha.

- Thế mà ta không nghĩ ra từ trước! Mình vốn thích sống ở nơi thoáng đãng! – Ma-ni-a tự nhủ.

Thư cho cô em họ Hăng-ri-ét:

..."*Sau khi suy đi tính lại, chị đã quyết định nhận một chỗ ở thôn quê, năm trăm rúp một năm, bắt đầu làm từ tháng Giêng. Chính cái nơi được giới thiệu cách đây ít lâu mà chị đã bỏ lỡ. Họ không bằng lòng cô giáo trước nên nhờ đến chị. Rất có thể là rồi chị cũng chẳng làm cho họ hài lòng hơn!*"

Ngày mồng một tháng Giêng 1886, ra đi trong rét mướt. Một kỷ niệm buồn trong đời Ma-ni-a. Cô can đảm từ biệt cha. Một lần nữa, Ma-ni-a đọc cho ông giáo ghi địa chỉ của cô:

"Ma-ni-a Xkhua-đốp-xka

Nhà ông bà Z

Ở Schuc-ki qua Prát-snich".

Ngồi trên xe lửa, Ma-ni-a còn nhìn lại mãi hình dáng thâm thấp của ông giáo và tươi cười với cha. Rồi bỗng cô cảm thấy một nỗi hiu quạnh nặng nề chưa từng biết đến trước đây. Lần đầu tiên trong đời, cô sống một mình một thân.

Một nỗi hoảng sợ đột ngột đến với cô gái mười tám tuổi ấy. Trong cái toa xe nặng nề đưa cô đến một gia đình xa lạ, Ma-ni-a bất giác rùng mình, lo hãi. Nhỡ ra chủ mới lại như chủ cũ thì sao? Nhỡ ra ông giáo ở nhà đau ốm trong khi con cái đi vắng cả thì thế nào? Chẳng biết cô có còn gặp lại cha nữa không? Việc cô đang làm phải chăng là điên rồ? Đầu óc cứ quay cuồng với bao nhiêu câu hỏi. Trời tối dần. Ngồi nép cạnh cửa toa xe, cô lấy tay gạt nước mắt cứ ròng ròng, lặng nhìn cánh đồng tuyết phủ mênh mông đang lướt qua trước mặt...

Ông Z, người nhận Ma-ni-a đến làm cô giáo dạy tư, là quản lý một

phần đất đai cho một họ hoàng tộc, cách Vác-xô-vi một trăm cây số về phía Bắc. Sau ba giờ ngồi tàu, bốn giờ ngồi xe trượt tuyết trong một chiều đông bao la, phẳng lặng, Ma-ni-a đến nơi giữa một đêm băng giá. Cô đã mệt lả, chỉ thoáng nhìn thấy trong giấc mơ bóng dáng cao lớn của người chủ nhà, khuôn mặt lu mờ của bà vợ và những cặp mắt hau háu, tò mò của mấy đứa trẻ.

Một chén trà nóng, mấy lời niềm nở, đón chào cô giáo mới. Xong, bà Z dẫn Ma-ni-a lên buồng của cô ở trên gác ba, rồi xuống ngay, để mặc cô gái một mình với mấy thứ hành lý nghèo nàn.

*

*　　*

Ma-ni-a gửi em họ là Hăng-ri-ét, ngày 3 tháng hai 1886: "*Thế là chị đến đây. Thấm thoát được một tháng rồi. Và đã bắt đầu thích nghi với hoàn cảnh mới. Cho đến nay, thấy khá thoải mái. Ông bà Z rất tốt. Chị đã làm quen với cô gái lớn là Brôn-ka, nhờ vậy mà cuộc sống cũng vui thêm. Học trò của chị là em gái An-gia, lên mười, ngoan, chỉ phải cái rất bừa bãi vì quá được nuông chiều. Nhưng không thể đòi hỏi cái gì cũng hoàn toàn!*

Ở đây, người ta không làm gì cả, chỉ nghĩ đến vui chơi. Và vì không muốn đàn đúm, mà chị trở thành câu chuyện chế giễu trong vùng. Chả là một tuần lễ sau khi đến đây, chị đã thoái thác không đi tham gia tối vũ ở Các-vát-sơ, một nơi mà không có chuyện gì trong địa phương lại không được đem ra đây bàn tán. Cũng may là chị không đi, vì ông bà Z, mãi đến trưa hôm sau mới về.

... Mỗi ngày chị làm việc bảy giờ, bốn với An-gia, ba với Brôn-ka. Cũng khá nhiều, nhưng đành vậy! Buồng chị ở tầng thượng. Rộng, yên tĩnh, dễ chịu. Ông bà Z rất đông con: ba trai ở Vác-xô-vi (một học đại học, hai ở ký túc xá). Ở nhà có Brôn-ka 18 tuổi, An-gia 10 tuổi, Sta-xơ ba tuổi và cuối cùng là bé gái Ma-rich-na mới sáu tháng. Thằng Sta-xơ nhộn lắm. Nghe người giữ nó giải thích rằng Chúa trời ở khắp nơi, Sta-xơ tỏ vẻ lo âu trên khuôn mặt xinh xắn, hỏi: "Thế nó có đuổi bắt em không? Nó có cắn không?" làm mọi người được một trận cười rũ rượi!"

Ma-ni-a ngừng viết, đặt bút trên cái bàn kê gần cửa và bước ra ngoài bao lơn, mặc dầu thời tiết đã lạnh. Quang cảnh bày ra trước mắt làm cô phì

cười. Thật khôi hài là đi về một nơi ở vùng thôn quê hẻo lánh, cứ chắc mẩm là sẽ đến trước một khung cảnh thôn dã với những đồng cỏ, rừng rú, rồi vừa mở cửa sổ đã thấy một ống khói nhà máy cao sừng sững, che kín và phun khói đen làm bẩn cả bầu trời.

Đằng đẵng hàng mấy cây số, không một lùm cây, không một mảnh đồng cỏ, chỉ thấy ruộng củ cải đường mênh mông đơn điệu. Thu đến, củ cải rỡ còn đất, chất đầy xe bò từ khắp nơi chậm rãi ùn về xí nghiệp, là một xưởng làm đường. Mọi công việc của nông dân ở đây, từ gieo, xới đến gặt hái đều nhằm phục vụ nhà máy. Những dãy nhà gạch đỏ buồn tẻ của xưởng đã thu hút về đây những túp lều tranh của cái làng bé nhỏ Kra-xi-ni-ét. Ngay con sông cũng biến thành nô lệ của nhà máy, chảy đến thì trong vắt, chảy đi thì đục ngầu, bọt váng nhầy nhụa.

Ông Z, là một kỹ sư nông học, rất theo sát những kỹ thuật hiện đại. Ông có nhiều cổ phần của xưởng đường và điều khiển việc khai thác hai trăm héc-ta củ cải. Trong gia đình này cũng như ở nhiều nhà khác, mọi câu chuyện đều hướng về công việc của xưởng đường.

Mình rơi vào đây, kể ra chẳng đến nỗi nào, Ma-ni-a vừa đóng cửa sổ vừa thầm nghĩ. Nhà máy chẳng có gì là đẹp, dù sao, chính nhờ nó mà cái địa phương hiu quạnh này mới nhộn nhịp hơn các nơi khác một chút. Vẫn thường có người ở Vác-xô-vi đi đi về về. Ngay trong xí nghiệp có một môi trường trí thức là kỹ sư và giám đốc khá thú vị. Có thể đến đây mượn sách báo, bà Z khó tính nhưng không xấu bụng. Đôi lúc bà thiếu tế nhị với cô giáo Ma-ni-a có lẽ vì bản thân bà trước đây cũng đi dạy tư và bước lên phú quý quá nhanh. Ông Z , một kỹ sư rất lịch thiệp, cô gái cả thật đáng yêu, bọn trẻ cũng dễ chịu. Được như thế là may mắn rồi!

*

*   *

Một cô giáo tại gia, lại ở thôn quê viết rất nhiều thư, thường khi chỉ là để được thư trả lời cùng các tin tức thành phố. Hết tuần rồi hết tháng, thời gian chậm rãi trôi. Ma-ni-a kể cho họ hàng và bè bạn từng chi tiết cuộc đời làm thuê của mình, từ công việc âm thầm hằng ngày đến những lúc “hầu chuyện” và giải trí miễn cưỡng.

Hết biên thư cho bố lại viết thư cho anh và hai chị. Cô cũng viết thư

đến cho Ca-di-a bạn cũ ở trường trung học và cho Hăng-ri-ét, cô em họ mới lấy chồng ở Lô-vô, một tỉnh nhỏ, và đến giờ vẫn là một con người "thực dụng" sôi nổi. Ma-ni-a thổ lộ tâm tư, nói ra những thất vọng cùng ước mơ thầm kín của mình.

Thư cho Hăng-ri-ét, ngày 5 tháng 4 năm 1886.

"*Chị sống ở đây như mọi người trong cảnh ngộ này quen sống. Ngoài việc dạy học, chị cũng học thêm, nhưng không dễ đâu, cứ khách đến là cả thời khóa biểu trong ngày bị đảo lộn. Nhiều lúc rất bực mình vì con bé An-gia được thể cứ chơi tràn, mỗi lần ngừng học giữa giờ là không tài nào bảo nó học lại được. Hôm nay lại có chuyện. Buổi sáng, đến giờ rồi mà nó lại không chịu dậy. Sau cùng chị phải lẳng lặng cầm tay nó kéo ra khỏi giường. Trong bụng, mình giận điên lên được. Em không thể mường tượng những chuyện nhỏ nhặt ấy tai hại như thế nào. Cứ mỗi lần như vậy là chị mệt hàng giờ. Nhưng mệt thì mệt vẫn phải cương quyết với nó.*

Còn khách khứa ấy à? Toàn là kiểu ngồi rỗi lắm chuyện về hàng xóm, về những kiểu khiêu vũ, hội hè v.v... Nói về khiêu vũ thì khó mà tìm ra một nơi nào có những cô gái giỏi hơn vùng này. Ở đây, cô nào cũng nhảy tuyệt đẹp. Họ không phải là những người xấu, có nhiều cô rất thông minh nhưng không được học hành mở mang trí óc, mà còn bị quá nhiều hội hè không đâu làm cho phân tán. Còn thanh niên thì chẳng mấy người gọi là thông minh. Đừng nói đến "thuyết thực dụng" hoặc "vấn đề thợ thuyền" với trai gái ở đây. Chẳng khác gì nói trước bức vách. Có khi họ còn chưa hề nghe thấy những chữ đó.

Nếu em biết được chị đi đứng mẫu mực như thế nào! Chủ nhật và ngày lễ đến nhà thờ đều, không bao giờ vin cớ nhức đầu hay mệt mỏi để ngồi nhà. Không hề đả động đến vấn đề giáo dục đại học của phụ nữ. Nói chung trong lời nói, chị luôn luôn giữ đúng cương vị của mình.

Lễ Phục sinh này chị sẽ về Vác-xô-vi vài ngày. Cứ nghĩ đến trước là lòng lại rạo rực, phải cố kiềm, nếu không đã kêu lên vì sung sướng".

*

* *

Tuy nói mỉa mai cách "đi đứng mẫu mực" của mình như vậy, trong

lòng Ma-ni-a vẫn ủ một tâm hồn táo bạo, khác thường, không chịu nổi lối sống khép nép theo khuôn khổ. Vẫn còn đây cô gái "thực dụng lý tưởng" nóng lòng muốn giúp ích, nóng lòng phấn đấu.

Ngày nào, Ma-ni-a cũng gặp trên con những con đường lầy lội trẻ em nông thôn, trai cũng như gái quần áo rách rưới, tiều tụy, vẻ mặt láu lỉnh dưới những mớ tóc rối bù. Một ý định nở trong tâm trí cô. Những tư tưởng tiến bộ mà lòng hằng tha thiết, sao không đem nó ra thực hành trong cái thế giới nhỏ ở vùng Schuc-ki này? Năm ngoái cô còn mơ ước "soi sáng" cho dân. Thì cơ hội là đây! Trẻ em trong làng phần lớn mù chữ. Số rất ít em được đến trường thì lại học vần chữ cái Nga. Lúc này mà mở lén lút một lớp dạy tiếng Ba Lan, khêu gợi cho những bộ óc non trẻ ấy biết vẻ đẹp của tiếng nói và của lịch sử dân tộc thì hay biết mấy!

Brôn-ka được cô giáo ngỏ ý, đồng tình ngay và sẵn sàng giúp đỡ.

- Chị cứ nghĩ cho chín – Ma-ri-a thấy cần làm dịu bớt sự bồng bột của bạn – Nếu có kẻ tố giác thì hai chúng mình sẽ bị đày đi Xi-bê-ri đấy!

Nhưng không gì dễ lây bằng lòng dũng cảm. Nhiệt tình và quyết tâm ánh lên trong khóe mắt của Brôn-ka, Ma-ni-a chỉ còn xin phép chủ nhà và đi đến các túp lều tranh giải thích và hô hào một cách kín đáo.

Thư cho Hăng-ri-ét, ngày 3 tháng 10 năm 1886:

"*Chị có thể xin phép nghỉ hè nhưng chẳng biết đi đâu nên ở lại Schuc-ki. Cũng không muốn tốn tiền đi lên núi Các-pát. Hằng ngày, hết dạy An-gia, lại đọc sách với Brôn-ka rồi còn kèm con một bác nông dân mỗi ngày một giờ để chuẩn bị cho nó thi vào trường. Brôn-ka và chị còn kèm hai tiếng cho con em nông dân. Tất cả đến mười đứa, gần như một lớp nhỏ. Chúng học ngoan lắm, nhưng việc của chị lắm lúc cũng rất khó. Chỉ được cái an ủi là dần dà, kết quả khá hơn và cũng nhanh. Một ngày của chị là như thế đấy. Khá bận. Hơn nữa, chị còn học thêm cho mình*".

Cũng viết cho Hăng-ri-ét, tháng 12 năm 1886:

"*Hiện giờ chị đã có mười tám em học sinh nông dân. Cố nhiên chúng không đến học cùng một lúc, vì như vậy không tài nào dạy được, mà ngay như thế này, mỗi thứ năm cũng mất đến hai giờ, thứ bảy còn kéo dài hơn, đến năm tiếng. Buồng của chị ở tầng thượng, có lối đi riêng, đi thang gác*

ngoài sân, không phiền đến ai cả. Niềm vui lớn và nguồn an ủi chính của chị cũng là ở mấy em bé đó".

Thế là Ma-ri-a kèm An-gia học bài, lại dạy thêm cho Brôn-ka và còn nhắc nhở Giu-lếch mới ở trường trung học Vác-xô-vi về, ngồi học cứ ngủ gà ngủ gật , chốc chốc lại phải gọi. Vẫn chưa đủ. Việc xong đâu đấy, cô gái đảm này lên buồng mình, ngóng chờ những tiếng giày ủng nhỏ lẫn với tiếng chân đất bước lên cầu thang, báo hiệu là học trò đã đến. Cô đã mượn một cái bàn gỗ bách và mấy chiếc ghế để các em tập viết được thuận tiện. Cô còn trích tiền để dành ra mua vở và bút mực mà những bàn tay cóng sử dụng rất khó khăn vụng về. Những lần có bảy, tám em cùng ngồi học ở căn buồng rộng, tường trát vôi vữa thì cả Ma-ri-a và Brôn-ka phải vất vả mới giữ được trật tự và giúp những em kém đánh vần chữ khó. Chúng cứ hít ra hít vào, phì phò đến thiểu não.

Xúm quanh bộ áo màu xẫm và mớ tóc hung của cô giáo Ma-ri-a là con em các chị đi ở, các tá điền làm rẻ, và công nhân xưởng đường. Chúng lem luốc, hôi hám. Nhiều em còn chểnh mảng, bướng bỉnh. Nhưng các cặp mắt trong trẻo đều ánh lên một lòng ham muốn chân thành và sâu sắc là biết đọc và viết: hai chiến công quá sức tưởng tượng của các em. Và tim Ma-ni-a se lại, khi thấy mục đích nhỏ bé này đã đạt được, những dòng chữ đen trên tờ giấy trắng đã có ý nghĩa, trước niềm tự hào hân hoan của con trẻ và sự thán phục của các cha mẹ không biết chữ thỉnh thoảng đến đứng ở cuối buồng.

Cô giáo trẻ nghĩ đến cái nguồn nghị lực to lớn ấy chưa được sử dụng, đến những năng khiếu biết đâu còn ẩn nấp trong lớp người mộc mạc chất phát ấy. Trước biển cả mênh mông của sự dốt nát, cô cảm thấy mình yếu ớt biết chừng nào, bất lực biết chừng nào.

CHƯƠNG VI

MỘT SỰ NHẪN NẠI LÂU DÀI

Những nông dân tí hon ấy nào có ngờ được rằng "cô Ma-ri-a" đang nghĩ ngợi chua chát về cái dốt nát của bản thân mình. Chúng có biết đâu chính cô giáo chúng đang ao ước trở lại đời học trò, không phải dạy mà chỉ được học.

Giờ phút này, trong lúc Ma-ni-a trầm tư nhìn qua cửa sổ vọng theo những xe bò chở củ cải đỏ đến nhà máy đường thì ở Béc-linh, Viên, Pê-téc-xbua, Luân-đôn, tại các phòng thí nghiệm, các bảo tàng, các bệnh viện, hàng nghìn, hàng vạn thanh niên đang được nghe giảng bài, nghe thuyết trình hoặc làm công việc nghiên cứu. Nhất là ở trường Xoóc-bon nổi tiếng, người ta đang dạy sinh vật học, toán, hóa, lý cùng xã hội học.

Có thật là một ngày kia, Ma-ni-a sẽ đáp tàu đi Pa-ri, có thể như thế không? Có thật là cô sẽ được cái hạnh phúc to lớn ấy không?

Ma-ni-a đã không còn mơ tưởng gì đi Pa-ri nữa rồi. Mười hai tháng đầu của một cuộc sống ngột ngạt ở tỉnh nhỏ đã làm tiêu tan cả hy vọng của cô. Vì mặc dầu có nhiều ước mơ, hoài bão và đam mê hoạt động trí tuệ, Ma-ri-a không mảy may là một con người ảo tưởng. Rõ ràng cô đang đứng trước một hoàn cảnh không có lối thoát. Ở Vác-xô-vi, ông giáo sắp về hưu, sẽ cần nương tựa vào con gái. Ở Pa-ri, Brô-ni-a còn cần được viện trợ nhiều năm nữa, trước khi ra đi làm và kiếm được tiền. Và ở Schuc-ki, có Ma-ni-a Xkhua-đốp-xka làm cô giáo dạy tư. Cái kế hoạch gây vốn, góp ít thành tích nhiều trước kia tưởng như dễ thực hiện, giờ đây làm cho Ma-ni-a mỉm cười. Nó trẻ con thật. Đã sa vào một nơi như Schuc-ki, khó lòng mà thoát ra được!

Chúng ta xúc động khi thấy con người thiên tư ấy chẳng phải tuyệt đối bất khả xâm phạm. Như mọi cô gái ở lứa tuổi đôi mươi, Ma-ri-a cũng có lúc ủ rũ, đau khổ, chán chường. Chúng ta cũng xúc động khi thấy cô mâu thuẫn với mình, trong lúc nói là từ bỏ tất cả mọi thứ thì lại phấn đấu mãnh liệt cưỡng lại cảnh ngộ, không chịu để tài năng của mình bị mai một. Sức mạnh gì đã thôi thức cô tối nào cũng thức khuya đọc những sách của thư viện nhà máy, về xã hội học, vật lý học và luôn luôn biên thư cho ông giáo để hỏi

thêm về toán?

Thật lạ lùng Ma-ni-a có thể kiên trì trong mấy việc ấy. Ở nơi thôn dã này không có ai hướng dẫn chỉ bảo, Ma-ri-a tự mò mẫm thu thập những kiến thức cần thiết mà các sách báo đã lạc hậu chỉ giới thiệu sơ lược. Lắm khi chán nản, cô cũng như mấy em bé nông thôn kia, mãi không đọc được thì quẳng sách đi. Nhưng cũng với lòng nhẫn nại của nông dân, cô vẫn bền bỉ cố gắng hết sức mình.

Bốn mươi năm sau, Ma-ri Qui-ri viết:

"*Dạo đó, tôi thích thơ văn chẳng kém gì xã hội học và các khoa học khác. Nhưng trong mấy năm trời làm việc hăng say ấy, suy nghĩ kỹ về sở thích và sở trường của mình, cuối cùng tôi hướng hẳn về toán, lý.*

Học một mình quả vô vàn khó khăn, chật vật. Vốn liếng khoa học tiếp thu ở trường trung học ở Ba Lan hồi đó thật quá ít ỏi – Tôi phải học thêm bằng cách đọc một số sách thu thập được đó đây. Phương pháp này cũng chẳng tốt lắm, nhưng nó tạo cho tôi thói quen làm việc độc lập và bổ sung cho tôi một số kiến có ích về sau này".

Thư viết cho Hăng-ri-ét tháng 12 năm 1886, tả lại một ngày của cô ở Schuc-ki như sau:

"*Chị thường bận suốt từ tám giờ sáng đến mười một giờ rưỡi và từ hai giờ trưa đến bảy giờ rưỡi chiều. Khoảng thời gian giữa hai buổi làm việc thì ăn bữa trưa và đi dạo. Sau khi uống trà, chị đọc sách cho An-gia nghe, hoặc hai cô cháu trò chuyện. Chị hay ngồi khâu, nhiều khi không rời kim chỉ ngay trong lúc dạy học. Từ chín giờ tối, lại vùi đầu vào sách, trừ phi bận đột xuất.*

Để làm việc thêm, chị tập dậy sớm từ sáu giờ nhưng cũng không được đều. Hiện giờ có bố đỡ đầu của An-gia đang ở đây chơi. Một ông già rất tốt. Bà chủ bảo chị nhờ ông ấy dạy chơi cờ, cho ông giải trí. Nhiều khi họ cũng gọi chị vào một ván bài cho đủ chân, thế là lại gác sách một chỗ.

Chị đang đọc:

1. *Vật lý của Đa-niên*[26] *(John Federic Daniel-NS), đã xong quyển I.*

2. *Xã hội học của Xpen-xe*[27] *(Hertbert Spencer-NS) bằng tiếng Pháp.*

3. *Giải phẫu và sinh lý học của Pôn-Be*[28] *(Paul Bert) bằng tiếng Nga.*

Chị đọc nhiều thứ một lúc vì học mãi một thứ, có thể làm cho óc mệt mỏi, mà hiện giờ đã quá căng thẳng. Khi thấy mình không thể đọc tiếp được nữa thì đem những bài toán về đại số và lượng giác ra giải. Việc này đòi hỏi phải chú ý và như thế, lại tập trung được tư tưởng.

Chị Brô-ni-a biên thư từ Pa-ri kể chuyện đi thi gặp nhiều khó khăn. Chương trình học khá nặng và sức khỏe đáng lo ngại.

Còn dự định ấy à? Chị chả có kế hoạch gì hết, mà nếu có thì cũng tầm thường và đơn giản đến nỗi chẳng có gì đáng nói. Chỉ biết gắng hết sức mình, và đến khi không cố được nữa thì từ giã cõi này; thiệt hại có là bao, thương tiếc mình để lại cũng ngắn ngủi thôi, như đối với hàng bao kẻ khác.

Ý định của chị hiện nay là như vậy. Có người nói: ít ra cũng nên nếm qua cái say đắm của tình yêu. Nhưng chương trình của chị quả không có mục này. Trước kia cũng có nhiều ý đồ khác đấy, nhưng nay tiêu tan hết rồi, chị đã chôn vùi và cố quên đi. Hẳn em cũng biết, bức tường bao giờ cũng rắn hơn cái đầu muốn húc đổ nó".

*

* *

Tại sao nàng lại có những ý nghĩ hồ đồ muốn tự vẫn và thốt lên những lời chán nản và hoài nghi tình yêu như vậy?

Nguyên nhân cũng đơn giản và thường tình. Cảnh ngộ của Ma-ri-a trong những năm đó có thể gọi là "Truyện một cô gái nghèo", đã từng được kể trong các sách nói về tình yêu.

Câu chuyện bắt đầu từ việc cô Xkhua-đốp-xka càng nhớn càng xinh, chưa phải là vẻ đẹp huyền diệu toát từ chân dung của Ma-ri Qui-ri sau này.

Cô gái má phính mười lăm đến tuổi dậy thì đã thành một thiếu nữ xinh tươi duyên dáng, rất ưa nhìn, từ nước da, mái tóc, đến cổ tay trắng ngần, đôi chân thanh thanh. Khuôn mặt không được đầy đặn lắm, nhưng có duyên do đôi môi cương nghị, đôi mắt màu tro trông càng to thêm với cái nhìn thăm thẳm dưới cặp mày ngài.

Khi Ca-di-mia, con trai cả của ông bà Z. từ Vác-xô-vi về Schuc-ki nghỉ mấy ngày lễ, sau đó, lại về trong mấy tháng hè, anh thấy ở nhà có thêm một cô giáo trẻ, khỏe, có văn hóa, biết làm thơ, khiêu vũ và thông minh, khác hẳn những bạn gái mà anh quen biết trước đây. Anh yêu ngay, đắm đuối. Mặc dầu có những tư tưởng cách mạng, Ma-ni-a vẫn ấp ủ một trái tim rung động, cũng đem lòng yêu người sinh viên đẹp trai và rất dễ thương ấy.

Nàng chưa đến mười chín. Chàng chỉ hơn vài tuổi. Họ muốn kết hôn.

Thoạt trông thì tưởng như không có trở ngại gì.

Đành rằng ở Schuc-ki, đó chỉ là "cô giáo Ma-ri-a" cô giáo của lũ trẻ. Nhưng trong gia đình ông bà Z., cô được mọi người quý mến. Ông Z. cũng nhiều lần đi dạo chơi với cô rất xa qua những cánh đồng củ cải. Bà vợ ông cũng thường bênh vực, che chở cô, còn Brôn-ka thì quý Ma-ni-a vô cùng. Cô được cả nhà chú ý, mấy lần gia đình này đã mời cha, anh cùng các chị cô về Schuc-ki chơi. Cô cũng được tặng hoa và quà vào dịp sinh nhật của mình.

Cho nên khi Ca-di-mia ngỏ ý với cha mẹ xin cưới Ma-ni-a, anh không lo lắng gì mà lại còn đinh ninh là việc sẽ thành là khác. Song câu trả lời thật không ngờ. Bố làm ầm lên, mẹ sửng sốt đến suýt ngất. Thế nào, cậu con cưng nhất nhà lại lấy một đứa con gái nghèo xơ xác, phải đi làm đi ở cho người ta à? Thiếu gì đám quyền quý giàu sang vào loại nhất nhì trong tỉnh sao nó không lấy? Dễ nó hóa điên rồi chắc?

Trong một gia đình xưa nay ngoài mặt vẫn đối xử chan hòa như tình bạn, những rào cản xã hội bỗng dựng lên tua tủa. Còn như cô gái là con nhà gia giáo, giỏi giang, nết na, con một ông giáo có danh tiếng ở Vác-xô-vi, tất cả đều không đáng kể trước lý lẽ: "***Không ai đi lấy gia sư làm vợ***".

Hết bị mắng mỏ, dằn vặt lại bị thuyết phục khuyên lơn, quyết tâm của anh chàng sinh viên tan rã dần. Vốn không có nghị lực, Ca-di-mia sợ những lời rầy la, đay nghiến. Còn Ma-ni-a, uất ức vì bị khinh rẻ, cô tự giam mình vào một vẻ lạnh lùng ngượng nghịu, một sự yên lặng cố tình. Cô nhất quyết

không bao giờ nghĩ đến chuyện này nữa. Nhưng tình yêu cũng như lòng tham vọng, đâu cứ hạ lệnh là nó khắc phải chết!

*

* *

Làm sao Ma-ni-a có thể quyết định bỏ nhà ông bà Z. mà đi được? Cô không muốn làm ông giáo lo ngại, nhất là không thể bỏ một chỗ làm lương cao như thế, giữa lúc Brô-ni-a đã tiêu hết số tiền dành dụm được và đang cần cô em gái và bố gửi cho tiền học. Hàng tháng Ma-ni-a gửi cho chị mười lăm rúp, đôi khi hai mươi rúp – non một nửa tháng lương. Vả lại, giữa gia đình ông bà Z. và cô chưa hề có lời đi tiếng lại gì và cũng chưa ai nói thẳng với cô về việc này. Ma-ri-a đành ngậm đắng nuốt cay, ở lại Schuc-ki như không có chuyện gì xảy ra.

Cuộc sống vẫn trôi đều như trước. Cô giáo vẫn ra bài cho An-gia, nhắc nhở Giu-lêch cứ hay ngủ gật mỗi lần làm việc bằng trí óc. Cô vẫn dạy trẻ em thôn quê. Cô tiếp tục đọc sách, và còn tự giễu mình, nhún vai trước sự kiên trì mà cô cho là vô ích đó. Rồi vẫn chơi cờ, đố chữ, đi khiêu vũ, dạo bộ ngoài trời...

Đau khổ vì tình, thất vọng trong hoài bão học vấn, đời sống vật chất túng thiếu, vì sau khi giúp hết người này đến người khác thì không còn gì cho bản thân nữa. Ma-ni-a cố quên đi số phận mình đã sa vào một nơi bùn lầy mà cô cảm thấy khó lòng ngóc đầu ra khỏi. Cô hướng về gia đình không phải để cầu cứu mà cũng chẳng phải để thổ lộ niềm chua chát, đắng cay.

Trong mỗi lá thư, cô chỉ biết khuyên lơn, khẩn khoản hiến dâng tấm lòng thiết tha của mình, những mong sao cha cùng anh chị có một cuộc sống tốt đẹp.

Thư biên cho ông giáo, năm 1886:

"*Xin cha yêu dấu đừng buồn phiền với ý nghĩ là không thể giúp chúng con. Khó mà tưởng tượng rằng cha còn làm được hơn thế nữa. Chúng con đã được một nền giáo dục tốt, học lực vững, tính nết chẳng đến nỗi nào. Vậy xin cha đừng tuyệt vọng. Nhất định chúng con sẽ tự xử được mọi việc. Về phần con, con muôn đời ghi lòng tạc dạ công ơn của cha yêu dấu đối với con. Cha đã làm rất nhiều cho chúng con, chỉ buồn là các con chẳng đền*

đáp được. Chúng con chỉ biết yêu mến và kính trọng cha với tấm lòng tha thiết..."

Thư cho Dô-dếp ngày 9 tháng ba năm 1887.

"*Em nói không phải, anh đừng giận. Như chúng ta đã ao ước, em nghĩ thế nào cứ thẳng thắn nói ra:*

Anh thấy đó, không có phòng thuốc, phòng khám và sách báo thì một bác sĩ dù quyết tâm đến mấy đi nữa, cũng hóa tiêu cực. Em rất đau khổ nếu điều này đến với anh vì trong khi không còn hy vọng gì cho mình, em đặt tất cả hoài bão vào chị Brô-ni-a và anh đấy. Brô-ni-a hoặc anh nhất định phải vươn lên theo năng khiếu của mình. Đó là năng khiếu của họ nhà ta, không thể để cho mai một mà cần vun đắp cho nó nẩy nở ở một trong chúng ta, càng tiếc cho bản thân, em càng trông mong ở chị Brô-ni-a và anh đấy..."

Thư gửi Dô-dếp ngày 20 tháng năm 1887.

"*... Em chưa biết cô học trò An-gia của em có sẽ đi thi hay không, nhưng em đã rất lo lắng. Sự chú ý và trí nhớ của nó hết sức bấp bênh. Với Giu-lếch cũng vậy. Cố dạy chúng quả như xây nhà trên cát, chúng học trước quên sau, lắm lúc đến khổ. Và em cũng lo nghĩ cho em nữa. Em cảm thấy như đần độn. Ngày qua rất nhanh mà chẳng thấy tiến bộ gì...*"

Thư gửi Hăng-ri-ét ngày 10 tháng 12 năm 1887.

"*... Hăng-ri-ét đừng tin những lời đồn đại rằng chị sắp kết hôn. Nó chẳng có căn cứ gì. Họ đồn ầm lên ở đây, và cả Vác-xô-vi, tuy không phải lỗi ở chị, nhưng chị e rằng có thể phiền đến mình.*

Dự định tương lai của chị rất khiêm tốn: có một chỗ ở riêng đề có thể sống với bác giai. Thật rõ tội! Bác giai nhớ chị lắm, chỉ mong chị về. Và chị sẵn sàng đổi nửa đời mình để được tự do và có một căn nhà riêng.

Nếu có thể, chị sẽ rời Schuc-ki – nhưng không thể trước một thời gian dài – chị sẽ ở hẳn Vác-xô-vi, tìm một chân giáo sư ở một ký túc xá và dạy tư để kiếm thêm. Chị không ao ước gì hơn thế..."

Thư gửi Brô-ni-a, 24 tháng Giêng 1888.

"... *Em rất suy nghĩ khi đọc quyển sách của O-ret-skho-va* Trên bờ dòng Ni-ê-men. *Tất cả mơ ước của chúng ta là ở đó, những câu chuyện say sưa đã từng làm chị em mình nóng mặt. Em đã khóc như một đứa trẻ lên ba. Tại sao mơ ước đó lại tiêu tan? Trước đây em ôm ấp hoài bão làm việc vì nhân dân, với nhân dân, thế mà đến nay mới chỉ dạy được cho mười đứa trẻ nông thôn biết đọc...*"

Thư gửi Dô-dếp, 18 tháng ba 1888.

"... *Anh thân mến, còn cái tem cuối cùng em biên thư cho anh đó. Lúc này em không còn đến một xu dính túi...*

Nếu anh biết em mong mỏi như thế nào được trở về Vác-xô-vi vài ngày. Chưa nói chi đến quần áo mặc đã cũ quá rồi, cần phải sửa sang, may mới... Mà đến tâm hồn của em cũng chẳng đương nổi nữa. Chao, giá được thoát khỏi vài ngày cái không khí giá lạnh này, lúc nào cũng bị chỉ trích, cứ phải luôn luôn xét nét từng lời nói, cử chỉ. Em cần thay đổi không khí như người ta cần tắm mát sau một ngày oi bức vậy.

Đã lâu em không được thơ Brô-ni-a. Có lẽ chị ấy cũng không còn tiền mua tem như em.

Thơ của cha và Hê-la luôn luôn chỉ thấy phàn nàn, kêu ca làm em lo không biết ở nhà khó khăn như thế nào. Nếu không nghĩ đến chị Brô-ni-a, em đã thôi việc ở chỗ ông Z. ngay tức khắc, và tìm một nơi khác, mặc dầu chỗ này lương khá như vậy..."

Viết thơ cho bạn là Ca-di-a (vừa mới báo tin cô đã đính hôn và mời Ma-ni-a về chơi), 25 tháng Giêng 1888.

"... *Mình hiện nay bề ngoài thì cười nói mà trong lòng tái tê. Đây là một kinh nghiệm kể từ lúc mình hiểu được rằng người nào có những xúc động mạnh như mình mà không thay đổi được bản chất đó của họ thì cần phải giấu kỹ. Nhưng nào ích lợi gì! Càng bị kìm nén, bản chất lại càng bật ra, thế là lại nói quá lời rồi lại hối.*

Ca-di-a kể là đã sống một tuần lễ hạnh phúc nhất đời. Còn mình thì trong mấy tháng hè đó, mình đã trải qua những ngày rất căng và đau khổ. Điều an ủi duy nhất là mình đã vượt qua được cuộc thử thách một cách đoan trang trong trắng. (Vẫn cái tính khí khái trước kia làm cho mụ May-e thù

ghét).

Bạn đừng nghĩ là mình đâm ra mơ mộng, sướt mướt, không khi nào thế đâu, vì nó hoàn toàn trái ngược bản chất của mình. Chỉ có cái gần đây hay cáu gắt. Có những kẻ tìm cách đẩy mình đến chỗ đó..."

Ma-ni-a gửi Dô-dếp tháng 10-1888.

"*... Anh thử tưởng tượng em đang học hóa học chỉ với một quyển sách. Thu hoạch ít ỏi như thế nào, chẳng cần nói anh cũng rõ. Nhưng làm sao khác được trong khi không tìm được một chỗ nào để thực nghiệm...* "

Thơ gửi Hăng-ri-ét, 25 tháng 11-1888.

"*... Không biết khi gặp lại chị, Hăng-ri-ét sẽ đánh giá kết quả thời gian chị sống ở đây như thế nào. Ai cũng nói rằng chị thay đổi nhiều về cả thể xác lẫn tinh thần. Có gì là lạ. Khi mới đến đây, mình mới 18 tuổi. Từ đó đến nay, đã qua biết bao gian truân! Chị cảm thấy như vừa qua một cơn ác mộng. Nguyên tắc đầu tiên: **"Không thể để bất cứ ai, bất cứ sự việc gì làm ta ngả lòng"**...*

CHƯƠNG VII

THOÁT LY

Thấm thoát đã ba năm làm cô giáo, ba năm đơn điệu, túi bụi và túng thiếu điểm bằng một vài niềm vui và một nỗi buồn. Giờ đây, cuộc sống im lìm, bi thảm của cô gái đang chuyển động qua từng bước mà thoạt tiên Ma-ni-a không cảm thấy được. Ở Pa-ri, ở Vác-xô-vi có những sự kiện tưởng như không quan trọng gì, nhưng thật ra đang đảo lộn ván bài định đoạt số phận của Ma-ni-a.

Ông giáo về hưu, rồi đi tìm việc làm thêm để đỡ đần các con gái. Tháng tư năm 1888, ông nhận một việc khó nhọc và khô khan: điều khiển, trông coi một nhà cải tạo thiếu niên không xa Vác-xô-vi lắm. Ở đây từ cảnh vật đến con người là một môi trường chán ngấy, nhưng tiền lương khá cao, ông có thể trích một phần, hàng tháng gửi cho Brô-ni-a.

Việc đầu tiên của Brô-ni-a là nhắn ngay cho em gái không phải gửi tiền cho chị nữa. Việc thứ hai và xin với ông giáo giữ lại mỗi lần tám rúp trong số bốn mươi rúp cha cho hàng tháng để hoàn lại dần số tiền em gái đã giúp. Thế là vốn liếng của Ma-ni-a lại từ số không tăng lên...

Lại còn nhiều tin nữa của cô sinh viên khoa y từ Pa-ri báo về. Brô-ni-a học tập đều, lần lượt đỗ các kỳ thi. Chị yêu một người Ba Lan tên là Ca-di-mia Du-xki, một bạn học duyên dáng và có nhiều đức tính. Chỉ một điều bất tiện là anh bị cấm cố ở Ba Lan vì còn án đi đày.

Sang 1889, công việc của Ma-ni-a ở Schuc-ki đã xong. Từ ngày lễ thánh Giăng, ông bà Z. không cần đến cô nữa. Phải tìm một nơi khác. Cô giáo trẻ đã nhắm một nơi rồi, một nhà kỹ nghệ ở Vác-xô-vi. Đây là sự thay đổi hàng bấy lâu chờ đợi.

Từ biệt Schuc-ki và những cánh đồng củ cải! Từ biệt gia đình! Hôm chia tay, hai bên tươi tỉnh, vui vẻ. Được giải phóng, Ma-ni-a trở về Vác-xô-vi, say sưa hít thở không khí thành phố quê hương. Rồi chưa kịp nghỉ ngơi, đã lại ngồi tàu! Đi đến một bãi biển buồn tẻ trên bờ Ban-tích – Dô-pốt, ở đây,

những chủ mới, ông bà F. đang đi nghỉ mát cùng con cái.

Thư cho Ca-di-a (từ Dô-pốt) ngày 14 tháng bảy 1889, Ma-ni-a kể:

"*Lúc đi tàu, không có chuyện gì xảy ra, mặc đầu đã có linh tính chẳng lành. Phải đổi tàu năm chỗ mà mình không nhầm toa, không bị mất cắp. Dồi thịt mang đi đường ăn hết nhẵn.*

Ông bà F. ra tận ga đón, niềm nở. Mấy đứa trẻ rất dễ thương, mình thấy mến ngay..."

Rồi cả gia đình ông F. cùng cô giáo mới lại trở về Vác-xô-vi.

Đối với Ma-ni-a, bắt đầu một năm tương đối dễ chịu, thư thái. Bà F. rất đẹp, rất sang, rất giàu. Ma-ni-a sẽ được chứng kiến và tiếp xúc lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng với tất cả sự xa hoa phù phiếm mà phú quý có thể đem lại cho một người đàn bà được nuông chiều. Được cái thích là bà F. rất khéo, quý mến và không ngớt lời ca ngợi "cô Xkhua-đốp-xka tuyệt diệu" và muốn cô cùng dự các buổi tiệc trà, khiêu vũ...

Rồi bỗng một tin đột ngột. Một buổi sáng – người đưa thư giao cho Ma-ni-a một cái thư từ Pa-ri. Thư của Brô-ni-a, viết vội trên một mảnh giấy kẻ ô vuông giữa hai buổi lên lớp ở đại giảng đường, mời em gái năm sau đến ở nhà riêng của chị.

Thơ viết từ Pa-ri tháng 3 năm 1890:

"*Chị định sẽ cưới trong hè. Anh Ca-di-mia lúc ấy đã ra bác sĩ và chị cũng chỉ còn một kỳ thi nữa thôi. Anh chị sẽ ở lại Pa-ri một năm đợi chị thi xong sẽ cùng về Ba Lan. Chị tính như vậy là phải, em nghĩ sao? Chị đã hai mươi bốn, mà anh ấy thì ba mươi tư, chẳng còn sớm sủa gì. Đợi thêm thật là vô lý!*

Còn em, em cũng phải làm việc gì cho bản thân đi chứ? Năm nay hãy cố dành dụm vài trăm rúp, sang năm có thể đi Pa-ri và đến ở nhà anh chị. Cần nhất là phải có vài trăm rúp ghi tên theo học ở Xoóc-bon. Năm đầu, cứ ở với anh chị. Mấy năm sau khi anh chị không ở đây nữa, cha sẽ gửi tiền cho em.

Thôi, em hãy quyết định đi! Em đợi quá lâu rồi! Chị tin chắc, sau hai năm em sẽ đỗ cử nhân. Vậy em nhớ dành dụm từ bây giờ, gửi tiền một nơi

chắc chắn, chớ cho vay. Có lẽ nên đổi ngay ra Phơ-răng, đổi bây giờ có lợi, ít nữa tiền sẽ bị hạ".

Dễ chừng ai đó hồ hởi nhận lời đi Pa-ri ngay chắc? Đâu có vậy! Những năm tù túng đày ải vừa qua không làm cô gái khác thường này chua xót, mà chỉ luyện cho cô tính thận trọng. Hơn thế, vẫn lòng hy sinh cao cả vốn có, lại một lần nữa làm cho Ma-ni-a bỏ lỡ dịp tốt. Cô không muốn đi, vì đã hứa là sẽ về ở với cha, giúp chị Hê-la, giúp anh Dô-dếp.

Ngày 12 tháng 3 năm 1890, Ma-ni-a biên thơ trả lời chị Brô-ni-a:

"*Em của chị đã ngu, vẫn ngu, và sẽ suốt đời ngu: nói cách khác, em không có và sẽ chẳng bao giờ gặp may cả. Em đã từng mơ ước đến Pa-ri như mong đợi Chúa cứu thế, nhưng hy vọng ấy đã từ bỏ em lâu rồi. Giờ đây, nó lại hiện ra trước mắt, em bâng khuâng không biết làm thế nào. Em không dám nói với cha. Cha đang vui với ý nghĩ rằng, năm tới, em sẽ về cùng sống. Em cũng muốn tuổi già của cha được sung sướng đôi chút, nhưng tim em như muốn vỡ ra khi nghĩ mình có khả năng mà chưa sử dụng được. Em lại đã hứa cố hết sức làm sao, năm tới, tìm được việc cho chị Hê-la ở tại Vác-xô-vi. Chị ấy vẫn như "em bé" trong nhà, em cảm thấy có nhiệm vụ lo thêm cho chị ấy!* "

Brô-ni-a cứ khẩn khoản, bàn tới. Nhưng nói gì thì nói, còn thiếu cái yếu tố quyết định: chị còn nghèo, chưa mua được cho Ma-ni-a một cái vé tàu hỏa để buộc cô phải lên tàu. Cuối cùng, hai chị em thỏa thuận khi nào hết hợp đồng với ông bà F. cô sẽ về ở Vác-xô-vi một năm, sống gần ông giáo lúc này đã thôi việc ở trại thiếu niên. Cô sẽ dạy học kiếm thêm tiền. Đến lúc đó, cô sẽ đi Pa-ri.

*

* *

Lại một giấc mơ trôi qua suốt thời gian ở tỉnh với những khách khứa rộn ràng huyên náo ở nhà ông bà F., Ma-ni-a trở về với bầu không khí lòng hằng ưa thích, sống bên cha già trong một căn nhà riêng và hàng ngày lại được nghe những câu chuyện thú vị, bổ ích. Trường "Đại học di động" lại mở của rộng đón cô. Mà một sự kiện quan trọng, một niềm vui không gì sánh tày, lần đầu tiên trong đời Ma-ri-a bước vào một phòng thí nghiệm.

Đó là ở căn nhà số 66, đại lộ Kra-kop, cuối một cái sân trồng tử đinh hương, một tầng gác có cửa sổ bé tí. Ở đây, một anh họ đàng mẹ là Dô-dếp Bô-gu-xki mở một phòng làm việc mang cái tên hoa mỹ: "Bảo tàng kỹ nghệ và Nông lâm". Tên gọi cố ý huênh hoang, mập mờ chỉ cốt che mắt các nhà chức trách Nga. Một bảo tàng không làm họ nghi ngờ gì. Và sau cửa kính của một bảo tàng, vẫn có thể giảng dạy khoa học cho những người Ba Lan trẻ.

Sau này, Ma-ri Qui-ri viết:

"*Tôi được rất ít thì giờ làm việc trong phòng thí nghiệm ấy, thường chỉ có thể tới đây vào buổi chiều, sau bữa ăn hoặc Chủ nhật. Một mình ở đó, tôi thử làm lại các thí nghiệm tả trong các sách vật lý và hóa học. Kết quả nhiều khi bất ngờ. Họa hoằn mới được một thành công nhỏ khuyến khích. Nhưng bao phen thất vọng do đổ vỡ, hư hỏng vì thiếu kinh nghiệm. Tôi thấy rằng mỗi bước tiến trong lĩnh vực này không nhanh và cũng chẳng dễ đâu. Những cuộc thử thách đầu tiên ấy làm nở trong tôi cái ý thích tìm tòi thực nghiệm*".

Tới khuya trở về nhà, Ma-ni-a vẫn còn gửi tâm trí bên những điện nghiệm kế, ống nghiệm cùng những chiếc cân chính xác. Cô bỏ áo ngoài, ngả lưng trên chiếc ghế đệm dài hẹp. Nhưng trằn trọc không sao ngủ được. Cái chí hướng bấy lâu còn lờ mờ, nay bừng sáng, thúc giục như một mệnh lệnh. Và mỗi lần nâng ống nghiệm với bàn tay khéo léo tại Bảo tàng kỹ nghệ Nông lâm này, Ma-ni-a lại liên tưởng đến những kỷ niệm xa xăm thời thơ ấu, những vật dụng vật lý nằm im lìm trong tủ kính của ông giáo, những thứ mà ngày xưa, cô hằng khao khát muốn chơi. Giờ đây, Ma-ni-a đang nối lại sợi chỉ của cuộc đời mình.

Ban đêm sống sôi nổi như vậy, nhưng ban ngày, vẫn tỏ ra bình thản. Cô không muốn những người xung quanh biết sự sốt ruột nóng lòng đang như thúc sau lưng mình. Những ngày tháng cuối cùng sống bên cha, cô muốn cha hoàn toàn sung sướng. Anh Dô-dếp cưới vợ, rồi chị Hê-la có việc làm, đều được cô góp sức tận tình. Còn một mối tình cảm nữa cứ làm cho Ma-ni-a trù trừ chưa quyết định được ngày đi. Cô còn nhớ Ca-di-mia. Tuy bị một sức mạnh thần kỳ lôi cuốn đến Pa-ri, chẳng phải là không day dứt mà Ma-ri-a nghĩ đến mấy năm xa nhà.

Tháng chín 1891, Ma-ni-a đi nghỉ hè ở Da-cô-pan vùng núi Các-pát, và hẹn gặp Ca-di-mia Z. Ông giáo viết cho Brô-ni-a:

"*Ma-ri-a còn ở lại Da-cô-pan, 13 ngày em nó mới về vì ho và cúm nặng, thầy thuốc bảo không chữa dứt thì bệnh sẽ dai dẳng suốt mùa đông. Thật vừa thương lại vừa giận. Chỉ vì xem thường sức khỏe, ăn mặc phong phanh mà nên nỗi này.*

Thư nó viết cho cha thảm thiết quá. Cha lo nó có thể yếu mòn đi vì buồn phiền và nghĩ ngợi về số phận bấp bênh. Nó có một nỗi niềm riêng tư về tương lai, nó bảo khi về sẽ kể hết cho cha. Thật ra, cha cũng đoán là chuyện gì rồi, chả hiểu nên vui hay nên buồn. Nếu cha không nhầm thì vẫn nỗi niềm ấy do cũng vẫn những con người ấy gây ra. Tuy nhiên, nếu có thể xây dựng cuộc đời theo trái tim mình và đem lại hạnh phúc cho hai người, thì cũng đáng đương đầu với những cái đó. Ngoài ra, cha chả biết gì hơn!

Tin con mời em tới Pa-ri đến với nó quá đột ngột khiến nó phát sốt lên và càng lo nghĩ tợn. Cha cảm thấy nó tha thiết muốn tìm đến ngọn nguồn của khoa học mà nó hằng mơ ước. Song điều kiện lúc này chưa cho phép, và khi em trở về nhà chưa khỏi hẳn thì nhất quyết cha không để em đi. Mùa đông ở Pa-ri khó khăn lắm. Ấy là không kể đến nhiều mặt khác, như là nếu phải xa em thì cha rất khổ tâm, nhưng chuyện này chỉ là thứ yếu. Hôm qua cha vừa biên thư cho em để an ủi nó. Về ở Vác-xô-vi, dù Ma-ni-a không tìm được chỗ dạy học, hai bố con vẫn có cách nuôi nhau trong một năm.

Con nói nhà con rất khỏe, cha mừng. Giá mỗi cô gái của cha cũng gặp được một người chồng như anh Ca-di-mia nhỉ!".

Ôi, tấm lòng cha đáng yêu! Trong thâm tâm ông giáo chả muốn chút nào để con gái út cứ lang bạt mãi trên cái thế giới bao la này. Ông thầm mong một cái gì đó sẽ giữ Ma-ri-a ở lại Ba Lan. Nên chăng, một cuộc hôn nhân với Ca-di-mia Z.?

Nhưng đôi trai gái đã có dịp tâm tình dứt khoát với nhau giữa hai cuộc leo núi ở Da-cô-pan trong vùng Các-pát. Như mọi lần, chàng sinh viên nọ cứ sợ sệt, đắn đo. Người yêu không cầm lòng được nữa, đã nói thẳng:

"*Anh đã không thấy có cách nào đưa chúng ta ra khỏi cái cảnh éo le này thì em cũng không bày cho anh được*".

Mối dây liên lạc mong manh còn giữ cô ở lại nay đã đứt. Không còn gì cản trở Ma-ri-a nữa. Cô khẩn trương chuẩn bị ra đi.

Về sau, cụ Xkhua-đốp-xki nhận xét mối tình đầu của con gái tuy có gắn bó nhưng không thắm thiết lắm và Ma-ri-a đã biết "tự hào và kiêu hãnh". Cô nhìn lại quãng đời phải sống kiên nhẫn. Tám năm xa rời trường trung học, sáu năm làm cô giáo. Giờ đây, Ma-ri-a không còn là một thiếu nữ đang đứng trước cuộc đời. Chỉ thiếu vài tuần, cô đã tròn hai mươi bốn tuổi.

Rồi bỗng nhiên, ngày 23 tháng 9 năm 1891, một lá thư kêu gọi Brô-ni-a, cầu cứu:

"*Chị Brô-ni-a ơi! Chị trả lời em dứt khoát nhé! Liệu em có thể đến ở với anh chị không? Hiện nay em thấy đã đến lúc đi Pa-ri được rồi. Em có đủ tiền tiêu pha. Nếu chị xem đảm bảo được cho em hai bữa ăn mà không thiếu thốn lắm thì biên thơ ngay cho em biết. Đối với em đó là một hạnh phúc lớn. Nó sẽ vực em dậy sau thử thách đau khổ đã đến với em trong hè vừa qua, nó còn ảnh hưởng suốt đời em. Nhưng em chẳng dám ép đâu.*

Chị đang có mang, có thể em sẽ giúp ích được chút nào chăng? Nếu chị không thấy gì bất tiện thì cho em biết. Nhân thể, chị nói rõ thi vào trường phải thi những môn gì và hạn cuối cùng ghi tên là ngày nào.

Em nóng lòng nghĩ tới ngày đi, nên không thiết bàn việc gì khác với chị cho đến khi chị trả lời. Chị biên thư ngay nhé. Em gửi đến anh chị những lời thân mến.

Thu xếp cho em ở đâu cũng được. Em sẽ không làm bận chị đâu. Em hứa sẽ không làm phiền, làm mất trật tự. Mong chị trả lời ngay, có gì cứ nói thật cho em nhé!"

*

*   *

Brô-ni-a không đánh điện trả lời để đỡ tốn tiền, còn Ma-ni-a thì chưa đi ngay được vì phải tính toán chi ly về chuyến đi to lớn này. Đặt tất cả vốn liếng lên bàn, kể cả số tiền cha cho thêm, tuy ít nhưng đối với ông giáo cũng rất quan trọng, Ma-ri-a bắt đầu tính.

Tiền lấy giấy thông hành này, tiền vé tàu từ Vác-xô-vi đến Pa-ri này. Chả dại mà đi suốt hạng ba – ở Nga và ở Pháp đó là hạng thấp nhất – nhưng

quãng đường qua Đức lại còn loại toa hạng tư, trống trải như những toa chở hàng, bốn phía kê ghế dài, khoảng giữa trống, có ghế gập mang đi ngồi thì tươm chán!

Brô-ni-a vốn có đầu óc thiết thực đã căn dặn: mang theo tất cả những gì cần thiết để đến Pa-ri đỡ phải mua. Chăn, màn, đệm nên gửi đi trước, bằng tàu thường. Ma-ri-a xếp sẵn ở trên ghế dài quần áo lót may bằng thứ vải dày, mấy cái áo ngoài, giày dép và hai cái mũ dạ. Cạnh đó là một cái rương to bằng gỗ, màu nâu, thứ đồ dùng duy nhất mới sắm, đơn giản nhưng chắc chắn, trên mặt rương đã sơn hai chữ tắt **M. X.**

Đệm gửi đi rồi, rương đăng ký rồi. Ma-ri-a chỉ còn mang theo mấy thứ lặt vặt đi đường: thức ăn và nước uống cho ba ngày ngồi tàu, cái ghế gập dùng trên toa xe lửa qua Đức, mấy quyển sách, một túi kẹo, một cái khăn.

Đặt hành lý vào túi lưới trong toa, giữ chỗ trên cái ghế dài, hẹp và cứng nhắc, Ma-ni-a bước xuống xe. Vẫn mặc chiếc áo khoác đã sờn lại rộng mà sao hôm nay trông cô trẻ đẹp hẳn lên, đôi má ửng hồng, cặp mắt màu tro long lanh như người đang cơn sốt. Bất giác cô thấy xúc động, rồi như bị giày vò vì hối hận, Ma-ni-a ôm hôn cha, nói mãi những lời âu yếm, ngập ngừng, gần như xin lỗi:

- Con sẽ không vắng nhà lâu đâu... nhiều lắm là hai, ba năm! Học xong, thi xong vài môn, con sẽ trở về rồi con sống bên cha, sẽ không bao giờ bố con xa nhau nữa, cha nhỉ?

- Phải, An-chiu bé bỏng của cha – ông giáo khẽ nói, giọng khàn khàn, hai tay cứ ôm ghì lấy con gái – Trở về nhanh, con nhé! Cố học con nhé! Chúc con may mắn!

*

*   *

Trong đêm khuya chỉ nghe tiếng còi tàu rúc giữa tiếng bánh xe sắt lăn rền, toa xe lửa hạng tư chạy qua nước Đức.

Ngồi trên chiếc ghế gập, đôi chân ủ kỹ, thu gọn quanh mình mấy gói hành lý cứ chốc chốc lại đếm đi đếm lại cẩn thận, Ma-ni-a tận hưởng niềm vui tuyệt vời của mình. Cô nhớ lại quá khứ, nghĩ đến cuộc ra đi thần tiên này

bấy lâu mong đợi. Cô thử tưởng tượng đến tương lai và trong tâm trí, đã thấy mình sắp trở về thành phố quê hương, trở thành một giáo sư bình thường, khiêm tốn.

Cô không hề có ý nghĩ – xa xôi biết bao đối với cô – rằng khi bước lên tàu, cô đã chọn giữa tối tăm và ánh sáng, giữa những chuỗi ngày buồn tẻ và một cuộc sống bao la rộng lớn.

PHẦN THỨ HAI

CHƯƠNG XVIII

PA-RI

Những khu phố đẹp nhất của Pa-ri không nằm trên tuyến đường từ khu nhà Vilet đến trường đại học Xooc-bon và cuộc hành trình chẳng chóng vánh hoặc là khó khăn ghê gớm gì. Phố Đức quốc, nơi vợ chồng chị Brô-ni-a ở vẫn có xe khách, loại xe ba ngựa kéo, hai tầng, lên tầng trên bằng một cầu thanh xoáy ốc chóng cả mặt, chở đến ga đằng đông. Từ đây tới phố Các trường, lại một chuyến xe nữa.

Tay cắp chiếc cặp da cũ có từ thời còn ở trường "Đại học di động", Ma-ri-a cố nhiên trèo lên ngồi ở tầng thượng trống trải và dãi dầm mưa nắng – rẻ tiền mà thích thú hơn biết chừng nào. Chót vót trên cái đài quan sát di chuyển ấy, gió đông thổi rát cả mặt, cô gái cúi người chăm chú nhìn. Cái phố La-fay-et dài dằng dặc chán ngấy, nhưng cần quái gì? Rồi đại lộ Xê-ba-tô-pôn chỉ toàn cửa hiệu nối đuôi nhau đến buồn tẻ, cũng cần quái gì? Những gian hàng đó, những cây trụi hết lá, cái đám đông ấy, cái mùi bụi bậm ấy, tất cả đó là Pa-ri…Đây rồi, Pa-ri!

Đến Pa-ri, sao mà người ta thấy trẻ thế, sung sức thế, như muốn bay nhảy, tràn đầy hi vọng! Và đối với một cô gái Ba Lan quả là một cảm giác giải phóng tuyệt vời.

Đang mệt mỏi, phờ phạc sau một cuộc hành trình vất vả, từ lúc đặt chân xuống sân ga Phương Bắc khói mù, Ma-ri-a cảm thấy đôi vai nhẹ bỗng đi, buồng phổi trái tim thở, đập khoan khoái, dễ chịu vì ách nô lệ không còn nữa.

Với khoản tiền nhỏ dành dụm từng đồng rúp một, giờ đây cô đã có quyền được dự thính những bài giảng mà mình thích. Có biết bao môn học, giờ giấc phân phối ghi đầy bảng thông báo. Cô lại có một chỗ trong phòng thí nghiệm, có người chỉ dẫn, khuyên bảo cho cách sử dụng các dụng cụ, không phải mò mẫm. Cô đã làm được các thí nghiệm. Vui sướng biết chừng nào! Ma-ri-a nay đã là một nữ sinh viên đại học khoa học!

Từ nay, tên cô không phải là Ma-ri-a, cũng không phải là Ma-ni-a.Trên tờ giấy đăng kí sinh viên, cô đã viết tên mình theo tiếng Pháp "Ma-ri

Xkhua-đốp-xka”. Nhưng vì bạn bè không đọc nổi mấy vần quái ác Xkhua-đốp-Xka mà cô gái Ba Lan không muốn ai gọi mình cộc lốc là Ma-ri nên cô hầu như vẫn mang một tên vô danh bí mật. Cô gái có mái tóc nhẹ nhàng màu nâu nhạt, ăn mặc khắc khổ nghèo nàn, vẻ mặt lạnh lùng, mỗi lần đi ngang qua hành lang đầy tiếng vang thường khiến các thanh niên ngạc nhiên quay lại hỏi nhau: “Ai đấy?”. Nếu có người trả lời thì cũng chỉ chung chung, lờ mờ:”Chị ta là một người nước ngoài.Tên gọi khó lắm! Luôn luôn ngồi hàng đầu lớp vật lý. Tính rất ít nói!”. Đám thanh niên nhìn theo bóng dáng xinh tươi cho đến khi cô đi khuất ở hành lang và kết luận: “Mái tóc đẹp”.

Mái tóc màu tro, vẻ mặt Xla-vơ. Một thời gian khá lâu,đám sinh viên Xoóc-bon chỉ biết được có thế về cô bạn gái trầm lặng khó gần ấy.

Lúc này, cô đâu còn tâm trí để ý đến đám thanh niên. Cô đang bị những ông có dáng điệu nghiêm trang làm mê hoặc, cô đang muốn khám phá ra bí quyết học thức uyên thâm của những người được gọi là “Các giáo sư đại học”. Thời đó, các giáo sư lên lớp đều mặc một kiểu đồng phục: cà vạt trắng, quần áo dạ đen luôn luôn đầy bụi phấn. Ma-ri bị thu hút vào những bộ quần áo trang trọng ấy, những bộ râu màu xám ấy.

Hôm kia là giáo sư Lip-man, có lối giảng điềm đạm và chí lý. Hôm qua được nghe ông Bu-ti, mặt xấu xí nhưng đầu chứa đựng cả một kho tàng khoa học. Ma-ri muốn dự tất cả những bài giảng của hai mươi ba giáo sư có tên trên bảng trắng. Cô tưởng như không bao giờ thỏa mãn được khao khát học hỏi đang bừng cháy.

Mấy tuần lễ đầu, Ma-ri đã vấp phải nhiều khó khăn bất ngờ. Cô tưởng cô đã hiểu thấu tiếng Pháp. Cô đã nhầm. Nhiều khi vì không nghe kịp và không hiểu, cô phải bỏ mất từng câu dài. Cô cũng tưởng mình có một vốn khoa học khá vững để dễ dàng theo dõi những bài giảng ở đại học đường. Song những buổi tự học ở thôn quê trong buồng riêng của một cô giáo dạy tư ở Schuc-ki, những hiểu biết thu thập qua thư từ trao đổi với ông giáo, những thí nghiệm bấp bênh tại bảo tàng kĩ nghệ và Nông lâm làm sao thay thế được chương trình tú tài chắc nịch của những học sinh trung học ở Pa-ri. Ma-ri còn nhìn ra nhiều chỗ trống trong kiến thức của mình về toán và lý. Giờ đây, phải ra sức làm việc, từng giờ từng phút, mới hòng giật được cái bằng cử nhân khoa học tốt đẹp mà mình từng mong ước.

Trong đại giảng đường thấp dần từng bậc, ánh sáng tháng chạp chiếu

mờ mờ, Ma-ri đến đầu tiên, chọn một chỗ ở hàng ghế thấp nhất gần bục giảng. Cô xếp bút và sách vở có thứ tự, quyển vở bọc vải xám chốc nữa sẽ ghi chép bằng một nét chữ đẹp đều đặn. Ngay từ phút này, cô đã tập trung tư tưởng, không còn nghe thấy chung quanh ào ào như ong vỡ tổ rồi bỗng im bặt.

Lạ thật, nhiều ông thầy có thể tạo ra một sự im lặng gần như căng thẳng. Nghe Pôn A-pen lên lớp, trình bày mạch lạc, văn vẻ, cả giảng đường cúi xuống, những khuôn mặt đẹp làm sao trong nếp nhăn vì tập trung chú ý ghi ghi chép chép các phương trình do nhà bác học viết trên bảng đen. Nơi đây chỉ có những học trò say sưa mà thôi! Đây là thế giới của toán học!

Giáo sư A-Pen trông thật uy nghiêm trong bộ y phục cứng nhắc và với khuôn mặt có chòm râu vuông. Giọng điềm đạm, nhằn từng chữ với kiểu nói hơi nặng của vùng An-dat-xơ[29]. Ông có lối chứng minh gọn gàng sáng sủa đến nỗi tưởng như không có gì khó khăn nữa và có thể biến đổi thế giới theo ý muốn của mình. Vững vàng và bình tĩnh,ông đi sâu vào những lĩnh vực tế nhị nhất của trí tuệ, rồi như đánh tung hứng với các con số, các vì sao. Pôn A-pen không ngại dùng hình ảnh táo bạo, và nói với giọng bình thản và điệu bộ khoan thai như một người chủ:

"Tôi cầm mặt trời và ném…"

Cô gái Ba Lan ngồi nghe với một nụ cười ngất ngây. Dưới vầng trán cao, đôi mắt màu tro xưa nay thầm kín thế, bỗng sáng rực lên sung sướng. Sao người ta có thể cho khoa học là khô khan nhỉ? Còn gì hấp dẫn hơn là những quy luật cố định vẫn ngự trị thế giới từ bao đời nay, và còn gì đáng khâm phục hơn là trí tuệ con người đã khám phá ra chúng? Bên cạnh những hiện tượng rất đặc biệt, nối liền với nhau theo những nguyên tắc rất hài hòa, bên cạnh cái trật tự nằm trong cái hỗn độn bên ngoài, tiểu thuyết trở nên vô nghĩa, và những chuyện thần thoại bỗng hóa nghèo nàn về trí tưởng tượng. Tâm hồn cô gái bừng nở một nhiệt tình chỉ có thể so sánh với tình yêu, muốn đi sâu vào kiến thức vô tận, vào vật chất và quy luật của nó.

"Tôi cầm mặt trời và ném.."

Được nghe câu nói đó của một nhà học giả uyên bác và điềm đạm, cũng bõ công bấy lâu phấn đấu gian khổ.

Nỗi niềm sung sướng của Ma-ri không lời nào tả xiết.

Chồng của Brô-ni-a viết cho cụ Xkhua-đốp-xki:

"Kính thưa cha.

...Ở bên này, mọi việc đều tốt lành. Cô Ma-ri học hành rất nghiêm túc, hầu như ở Xooc-bon suốt cả ngày, đến bữa ăn chiều mới về nhà. Mặc dầu cha đã biên thư rõ ràng, giao cho con trách nhiệm bảo ban, nhưng cô ấy rất tự ý, chẳng những không kiêng nể và nghe theo lời con, mà còn nhạo báng mỗi lần con tỏ ra nghiêm nghị. Con mong sẽ đưa dần vào khuôn khổ, nhưng cho đến nay, khoa sư phạm của con chưa có hiệu quả gì. Tuy thế nhưng hai anh em vẫn rất vui vẻ hòa thuận.

Con rất sốt ruột mong Brô-ni-a sớm trở lại đây. Song cô nàng không tỏ vẻ vội vã muốn về mặc dầu ở nhà rất cần sự có mặt của nhà con.

Xin nói thêm là độ này cô Ma-ri rất hồng hào tươi tắn.

Xin chúc cha khỏe mạnh".

Đó là tin tức đầu tiên bác sỹ Du-xki viết về cô em vợ mà anh nhận trách nhiệm thu xếp cho đến ở phố Đức quốc trong thời gian Brô-ni-a về Ba Lan vài tuần. Chẳng phải nói, Ma-ri được người anh rể vui tính và hay châm biếm này tiếp đón vồn vã nồng nhiệt thế nào. Trong đám kiều dân Ba Lan ở Pháp, Brô-ni-a đã khéo chọn được một đối tượng đẹp trai nhất, xuất sắc nhất, có duyên nhất. Con người hoạt bát làm sao! Ca-di-mia Du-xki trước học ở Pê-tec-bua, O-đét-xa, Vác-xô-vi. Bị tình nghi dính líu đến vụ ám sát Sa hoàng Alec xăng II, anh phải trốn ra nước ngoài, ở Giơ-ne-vơ hoạt động tuyên truyền cách mạng, ở Pháp vào trường khoa học chính trị Pa-ri rồi chuyển sang học Y và trở thành bác sỹ.

Nghe đâu gia đình anh ở Ba Lan thuộc tầng lớp giàu có. Trong hồ sơ của bộ ngoại giao Pháp còn có một bản lý lịch dựa trên điều tra của cảnh sát Nga hoàng khiến anh không được nhập quốc tịch Pháp và không được mở phòng khám bệnh ở Pa-ri.

Khi trở về, Brô-ni-a được chồng và em gái vui mừng chào đón. Quả là trong nhà đang cần sự chăm nom của chị, một người nội trợ đảm đang tháo vát. Chỉ sau vài giờ trật tự lại trở lại với gian nhà ở gác hai có bao lơn

rộng rãi nhìn ra hàng cây cổ thụ ở phố Đức quốc. Bữa ăn lại thơm tho ngon lành, nhà cửa lại gọn gàng ngăn nắp, sạch bóng không một hạt bụi, hoa tươi mua về cắm đầy lọ. Brô-ni-a thật khéo thu xếp!

Việc dọn đến khu Vi let, gần công viên Sô-mông ở ngoại ô Pa-ri chính là do Brô-ni-a. Chị không muốn ở trung tâm thành phố. Chị đã vay một ít tiền vài lần đến nhà Tầm tầm. Rồi một buổi sáng nọ, gian nhà mới thuê có thêm một bộ bàn ghế kiểu Vơ-ni-dơ diêm dúa và xinh xắn, một đàn pi-a-nô và các cửa sổ đều có rèm che xếp liền nếp rất đẹp.Thế là tạo ra được một không khí rất ấm cúng. Brô-ni-a còn khéo sắp đặt thời gian cho mỗi người. Giờ này, phòng khám dành để Ca-di-mia tiếp những người ốm thuộc các cửa hàng thịt và lò lợn. Giờ khác đến lượt Brô-ni-a thăm thai cho sản phụ cũng ở đây. Hai vợ chồng rất chịu khó đến từng nhà thăm hỏi bệnh nhân đang điều trị.

Nhưng tối đến, khi lên đèn, mọi lo nghĩ trong ngày đều gác lại. Ca-di-mia Du-xki thích vui chơi, giải trí. Mệt mỏi, túng thiếu không hề làm giảm sút tính hoạt bát, vui nhộn của anh. Sau những ngày làm việc căng thẳng, thỉnh thoảng anh vẫn dành một tối đi xem hát lấy vé hạng ít tiền nhất. Hoặc giả, nếu thiếu tiền thì anh ngồi đánh pi-a-nô vì anh đàn rất hay. Đến khuya vẫn có tiếng chuông gọi cửa, bạn bè là những cặp vợ chồng trẻ người Ba Lan biết rằng “lúc nào cũng có thể đến chơi nhà Du-xki được”. Và mỗi lần có khách, Brô-ni-a rất nhanh, biến rồi lại hiện, chỉ thoáng một cái, ấm chè bốc khói đã đặt lên bàn bên cạnh những cốc nước lọc và bánh ngọt mà chị bác sỹ vừa mới làm vội ban trưa, giữa hai đợt khám bệnh.

Một buổi tối, Ma-ri đang mải đọc trong buồng nhỏ của cô ở đầu nhà, tính làm việc đến khuya thì anh rể chạy vào.

- Lấy áo, mũ mau! Ta đi nghe hòa nhạc, tôi có vé mời đây rồi!

- Nhưng…

- Không nhưng gì cả! Đây là cái anh Ba Lan chơi pi-a-nô tôi đã kể chuyện với cô. Vé bán được rất ít, chúng mình phải đến dự cho đông. Tôi đã rủ thêm nhiều anh em khác, chúng ta vỗ tay hăng vào để tạo ra một không khí thắng lợi. Cô chưa biết chứ anh ta chơi khá lắm!

Khó mà cưỡng nổi sự lôi kéo của Du-xki , cái anh “quỉ sứ” rậm râu, mắt đen tươi sáng ấy, Ma-ri đành gập sách, đóng sập cửa. Mấy anh em lao

xuống cầu thang. Vừa ra đến phố thì xe ngựa phi nước kiệu đang tiến đến. Thế là phải chạy ba chân bốn cẳng để khỏi nhỡ chuyến.

Một lúc sau, Ma ri đã ngồi trong phòng hòa nhạc E-ra còn ba phần tư ghế bỏ trống. Trên bục xuất hiện một người gầy và cao, nét mặt khác thường, tóc da màu đồng như tỏa hào quang, rực lửa. Anh đến ngồi trước pi-a-nô. Dưới ngón tay thần tình của anh, Litx, Su-man, Sô-panh lần lượt sống lại. Vẻ mặt anh cao thượng và tự hào, đôi mắt nhìn xa đầy cảm hứng. Ma-ri say sưa nghe người nhạc sỹ lạ lùng ấy và cảm thấy dưới bộ quần áo biểu diễn bóng loáng, trước những hàng ghế trống gần hết, anh không có vẻ một nghệ sỹ mới vào đời, mà là một hoàng đế, một thiên thần.

Có nhiều tối, người nhạc sỹ ấy khoác tay một thiếu phụ rất đẹp đến phố Đức quốc. Đó là bà Gooc-xka người yêu và sau này là vợ anh. Anh nói đến cuộc đời khổ cực, những nỗi thất vọng và quá trình đấu tranh của mình, nhưng anh không tỏ ra cay đắng chút nào. Brô-ni-a và Ma-ri nhắc lại những kỉ niệm xa xưa, thời bà Gooc-xka còn là một cô gái 16 tuổi, có lần cùng đi với bà giáo đến nơi bà dưỡng bệnh. Brô-ni-a vừa kể vừa cười.

- Dạo đó, mẹ chúng em trở về Vác-xô-vi cứ nói là không dám dắt chị đi các nơi nghỉ mát vì chị đẹp quá!

Giữa câu chuyện, người thanh niên tóc bờm đỏ rực ấy bỗng cảm hứng gõ vài hợp âm. Như có phép lạ, cái pi-a-nô xuềnh xoàng của vợ chồng chị Brô-ni-a bỗng biến thành một cây đàn tuyệt diệu.

Người nghệ sỹ ấy trông hốc hác, thiếu ăn, nhưng duyên dáng biết bao. Anh đang yêu rạo rực, sung sướng mà cũng đau khổ.

Sau này, anh sẽ trở thành một nhạc sỹ thiên tài và một ngày kia, sẽ là chủ tịch hội đồng chính phủ của một nước Ba Lan giải phóng và kiến thiết lại.

Đó là I-nha-xơ Pa-đơ-rép-xki[30].

Say sưa với cuộc đời mới của mình, Ma-ri làm việc đến quên ăn quên ngủ. Một nguồn vui đối với cô là tình bạn bè giúp đỡ nhau học tập ở đại học.Vốn tính dè dặt, cô chưa kết bạn với sinh viên người Pháp và mới thân với những người đồng hương: hai bạn nữ học toán là Di-din-ka và Kra-kóp-

xka, bác sỹ Mót, nhà sinh vật học Da-nit, anh Sa-lay sau này yêu Hê-la và sẽ là con rể của gia đình Xkhua-đốp-xki, anh Vôi-trê-khốp-xki, một chủ tịch tương lai của nước cộng hòa Ba Lan. Họ đều là bạn cô trong nhóm kiều dân tượng trưng cho một nước Ba Lan tự do ở cái khu La-tinh này. Cùng cảnh nghèo với nhau, họ thường tổ chức những buổi họp, những bữa liên hoan đêm No-en. Trong dịp này, có những đầu bếp xung phong nấu các món ăn Vác-xô-vi: xúp củ cải đỏ như hoa mào gà phải dùng nóng sốt, cải bắp nấu nấm, cá măng nhồi thịt, bánh ngọt rắc hạt thuốc phiện… một vài chén rượu Vodka, rất nhiều nước chè. Có những nghệ sỹ tài tử đóng bi kịch và hài kịch. Chương trình in bằng tiếng Ba Lan có những bức vẽ tượng trưng: trên cánh đồng phủ tuyết, một túp lều, bên dưới buồng xép, một chàng trai mê mải đọc sách, một ông già No-en đang trút những sách khoa học qua ống khói lò sưởi của một phòng thí nghiệm. Và ngay đàng trước, là một cái túi rỗng chuột gặm.

Ma-ri thường dự vào các cuộc vui ấy. Cô không có thì giờ học các vai hài kịch. Nhưng trong một buổi liên hoan yêu nước do nhà điêu khắc Va-xin-khốp-xki tổ chức, cô được chọn để thể hiện hình tượng “nước Ba Lan phá xiềng xích”.

Tối hôm ấy, không ai nhận ra cô nữ sinh viên nghiêm trang hàng ngày nữa. Trên sân khấu, một người đàn bà lạ mặt, mặc chiếc áo dài cổ xưa với những nếp vải màu thạch lựu, quanh mình quàng nhiều khăn tô mỏng dài mang màu Tổ quốc, mớ tóc bung xõa xuống hai vai, bao quanh khuôn mặt cương nghị có đôi má Xla-vơ đã đem lại cho những người đang sống tha hương một hình ảnh Ba Lan thắm thiết.

Thế đấy, mặc dầu xa đất nước quê nhà, hai chị em Ma-ri và Brô-ni-a nào quên được Vác-xô-vi. Họ đã chọn đến ở phố Đức quốc này, bên lề cái thủ đô mà họ chưa dám vào hẳn, gần ngay ga Phương Bắc với những đoàn tàu đã đưa họ đến đây. Trăm nghìn dây vô hình ràng buộc nối hai cô gái Ba Lan đó với Tổ quốc, mà sợi dây thắm thiết nhất là thư trao đổi với cha.

Hai cô con nhà giáo nết na, lễ phép ấy biên thư cho cha chỉ dùng ngôi thứ ba[31] và lá thư nào cũng kết thúc bằng câu: “Con hôn tay cha yêu dấu”. Các cô tả cho cụ Xkhua-đốp-xki cuộc đời rực màu sắc của mình và nhờ cha trăm thứ vặt vãnh. Làm như ngoài Vác-xô-vi ra không còn đâu bán chè nữa, hoặc như khó lòng tìm mua được ở Pháp một cái bàn là dùng tạm!

Cố nhiên Ma-ri cũng thuật lại cho cụ giáo buổi dạ hội tại gia đình nhà điêu khắc và thành công của cô trong vai hoạt tượng "Ba Lan". Nhưng rồi cô nhận thức rất nhanh rằng những cuộc vui chơi ấy ảnh hưởng đến việc học tập của mình nên tìm cách tránh. Phải đâu Ma-ri-a Xkhua-đốp-xka sang Pháp để đóng các vai hoạt cảnh? Mỗi giây phút không học hỏi là một giây phút mất đi.

Lại một khó khăn nữa. Ở phố Đức quốc, cuộc sống thú vị và êm đềm song Ma -ri không tìm được ở đây sự yên tĩnh của tâm hồn. Không thể cấm anh rể chơi đàn hoặc tiếp bạn bè hoặc cứ đến phòng cô trong lúc cô đang nghĩ cách giải những phương trình rắc rối. Cũng chẳng ngăn được bệnh nhân của hai bác sỹ lui tới ồn ào trong nhà. Ban đêm, Ma-ri thường giật mình tỉnh dậy vì tiếng chuông gọi cửa và tiếng guốc lộc cộc của những người đến mời Brô-ni-a đỡ đẻ.

Nhưng trước hết, ở cái khu Vi-let này vô cùng là phiền phức: phải mất một tiếng mới đến được trường Xooc-bon. Và tiền vé hai chuyến xe hàng lâu dần cũng thành quá đắt.

Ma-ri thấy cần dời ra ở khu La-tinh, gần trường Đại học, gần các phòng thí nghiệm, các thư viện. Anh chị Du-xki cứ khăng khăng bắt cô cầm lấy ít tiền chuyển nhà, Ma-ri tự mình đi xem và hỏi thuê những buồng xép ở sát nóc.

Từ giã ngôi nhà ở cái khu lò lợn này, Ma-ri không khỏi luyến tiếc khung cảnh bình dị mà đầy yêu thương, dũng cảm và vui tươi. Giữa Ma-ri và Ca-di-mia Du-xki đã nảy nở một tình cảm anh em ruột thịt gắn bó suốt đời. Còn với Brô-ni-a những năm vừa qua đã là một thiên tiểu thuyết mỹ lệ về sự hiến dâng và lòng trung hậu, về tinh thần tương trợ chân thành, thân thiết.

Mang bụng khệ nệ, Brô-ni-a ân cần gói ghém mấy thứ quần áo và đồ dùng sơ sài, tiều tụy của đứa em gái út, tất cả chất gọn trong một chiếc xe người kéo. Và một lần nữa, hai vợ chồng chị lại mua vé tầng thượng trên những chuyến xe khách nổi tiếng một thời để long trọng tiễn chân Ma -ri đến chỗ ở sinh viên của cô.

CHƯƠNG IX

BỐN MƯƠI RÚP MỘT THÁNG

Phải, đời Ma-ri chưa đến nỗi nghèo túng xác xơ! Mấy tháng sống ở phố Đức quốc mới là một chặng đường thích nghi. Từ nay, cô gái sẽ dần dần dấn mình vào cảnh cô quạnh. Đối với Ma-ri, những người cô thường gặp hàng ngày giờ đây chẳng khác gì những vách tường cô vẫn đi chạm phải. Cô tự giam mình vào im lặng và họa hoằn lắm mới chào hỏi vài lời. Trong suốt ba năm tới đây, Ma-ri sẽ sống một cuộc sống hướng vào một việc duy nhất là học tập. Một cuộc sống như cô vẫn hằng mơ ước, một cuộc sống toàn thiện theo kiểu những người đi tu, những giáo sĩ.

Vả lại hoàn cảnh thực tiễn buộc Ma-ri phải sống thật giản dị, khắc khổ. Từ khi thôi không ăn ở tại nhà anh rể Du-xki, Ma-ri phải tự trang trải mọi chi tiêu. Thu nhập của cô – do tiền dành dụm từ trước đem chia thành từng khoản cộng với những số tiền nho nhỏ thỉnh thoảng cha gửi cho – thu gọn trong bốn mươi rúp mỗi tháng.

Làm thế nào mà một người phụ nữ, một người nước ngoài có thể sống tươm tất ở Pa-ri năm 1852 với bốn mươi rúp mỗi tháng, nghĩa là khoảng ba quan một ngày, mà phải chi bao nhiêu thứ, tiền nhà, tiền ăn, may mặc, tiền sách vở và học phí đại học. Đó là bài toán cần phải giải. Nhưng có lần nào Ma-ri lại không tìm ra lời giải cho một bài toán?

Không riêng gì Ma-ri mà nhiều chị em Ba Lan khác cũng nghèo như vậy, cũng phải sống với vẻn vẹn một trăm quan một tháng. Họ họp nhau lại thành từng nhóm ba, bốn người ăn chung, ở chung một buồng. Ai ở riêng thường cũng bỏ mấy giờ mỗi ngày tự nấu lấy ăn và khâu vá lấy quần áo, khéo sắp xếp vẫn có thể ăn no, mặc ấm và khá lịch sự là khác. Xưa kia, Brô-ni-a đã từng làm như vậy và chị đã từng nổi tiếng một thời ở khu La-tinh về tài nấu nướng.

Ma-ri chẳng thiết gì theo những gương khôn ngoan ấy. Cô cần yên tĩnh hơn cả nên không thuê chung buồng với ai. Chỉ tha thiết muốn làm việc, cô chẳng còn đâu thì giờ nghĩ đến tiện nghi bản thân. Mà giá có muốn cũng

chẳng làm được. Một người con gái từ năm mười bảy đã phải đi dạy học tư, ăn ở ngay nhà người ta, bận dạy học đến bảy, tám tiếng mỗi ngày, làm gì còn thì giờ để giỏi giang về nội trợ? Tất cả những gì mà Brô-ni-a học được khi còn giữ tay hòm chìa khóa ở nhà thì Ma-ri không biết. Và người ta kháo với nhau trong nhóm đồng hương Ba Lan, "Cô Xkhua-đốp-xka không hề biết xúp nấu bằng gì".

Ma-ri không biết và cũng không muốn biết. Tội gì bỏ cả buổi sáng để tìm bí quyết nấu xúp trong khi cũng thời gian ấy có thể học được vài trang vật lý hoặc đến phòng thí nghiệm làm được một phân tích lý thú?

Trong chương trình hàng ngày, Ma-ri dứt khoát bỏ hết cả buổi giải trí, gặp gỡ bạn bè và đến cả khoản tiếp xúc với mọi người. Cô khẳng định đời sống vật chất là không quan trọng, thậm chí không có nữa. Trên nguyên tắc ấy, cô tự ghép mình vào một cuộc sống khắc khổ, lạ lùng.

Thư gửi Dô-dép ngày 17 tháng 3 năm 1893:

"Có thể nói bây giờ em làm việc được rất nhiều, gấp trăm lần dạo mới qua đây, còn ở phố Đức quốc, đằng chị Brô-ni-a, hồi đó cứ bị quấy rầy luôn. Anh Ca-di-mia, chồng chị Brô-ni-a hình như nghĩ rằng hôm nào em không đến trường thì chẳng còn việc gì khác ở nhà là tiếp chuyện anh ấy. Có lần em đã phải nói thẳng... mấy hôm sau cả hai anh chị đã tiếc, đến chỗ em và ba người lại uống trà với nhau vui vẻ.

Ở đằng nhà, chị dâu em vẫn săn sóc đến cha như chị đã hứa với em đấy chứ? Cha biên thư, bắt đầu nói về chị một cách âu yếm khiến em lo rồi cha quên em đấy! ..."

Phố Phơ-lát-te, đại lộ Po Roay-an, phố Phơi-ăng-tin... Những chỗ ở mà Ma-ri thuê đều chung một đặc điểm là rẻ tiền và thiếu tiện nghi. Thoạt tiên cô đến một nhà trọ xoàng xĩnh có sẵn đồ đạc. Ở đây phần lớn là sinh viên có gia đình, thầy thuốc hoặc sĩ quan của doanh trại bên cạnh. Sau đó, muốn yên tĩnh hơn, cô tìm thuê một gian sát nóc, tầng trên cùng một ngôi nhà khá giả, là loại phòng dành cho người nhà. Với 15 hoặc 20 quan một tháng, chỉ có thể được một buồng cỏn con, không điện nước, không được sưởi ấm, ánh sáng lọt qua một cửa tò vò trên mái, chỉ đủ thấy một mảnh trời vuông.

Đồ đạc của Ma-ri vẻn vẹn có chiếc giường gấp bằng sắt và nệm mang

từ Vác-xô-vi, một lò sưởi, một bàn gỗ tạp, một ghế làm bếp, một chậu, một bình xách nước, một bếp cồn vừa bằng cái đĩa, sẽ đủ dùng nấu ăn trong suốt ba năm trời, hai cái đĩa, một dao, một dĩa, một thìa, một bát, một xoong, một ấm và ba chén uống nước, để anh chị Du-xki có đến thì cùng ngồi dùng trà, theo tục lệ Ba Lan. Giờ đây, rất ít khách khứa, nhưng mỗi lần, Ma-ri đều đốt cái lò sưởi con, lôi chiếc rương vừa là chạn đồ đạc vừa là tủ áo ra để làm ghế ngồi.

Đương nhiên, Ma-ri phải tự dọn dẹp lấy. Dù chỉ thuê một giờ người giúp việc hàng ngày thì tiền công cũng quá nặng đối với cô. Mọi chi phí về tàu xe đã sút hẳn. Thời tiết thế nào cũng mặc, Ma-ri vẫn đi bộ tới Xoóc-bon. Tiền than giảm xuống mức tối thiểu: cả mùa đông, không quá hai bao tải than quả bàng mua ở cửa hàng góc phố. Cầu thang khó đi, mỗi đoạn lại phải nghỉ để thở, cô vẫn khệ nệ chuyển từng xô than lên tận tầng sáu. Để đỡ dầu đèn, tối đến, cô sang thư viện Xanh Giơ-nơ-vi-e-vơ, ở đó có đèn sáng, ấm áp, cô gái Ba Lan nghèo, hai tay ôm đầu, có thể làm việc tới 10 giờ đêm, mãi đến khi thư viện đóng cửa. Về nhà, chỉ cần đủ dầu thắp đèn đến hai giờ sáng, học cho đến khi mắt đỏ hoe lên, cô mới buông sách, lăn vào giường ngủ.

Ngoài học ra, việc duy nhất trong thực tế hàng ngày mà Ma-ri có thể làm là khâu vá. Đây là kỷ niệm của những giờ nữ công ở ký túc xá Xi-coóc-ca và những ngày dài đằng đẵng sống ở Schúc-ki cô vừa trông học trò, vừa khâu. Nào Ma-ri có thích diện gì. Ít khi thấy cô tìm mua những mảnh vải giá rẻ để cắt may một áo bờ-lu mới. Hình như cô đã thề không bao giờ rời những chiếc áo mang từ Vác-xô-vi, dù đã cũ nhẵn bóng hay sờn chỉ cô vẫn thích mặc và gìn giữ, năng chải chuốt, may vá. Khi học đã mệt, đôi khi cô cũng giặt giũ trong cái chậu thau, cho đầu óc "đỡ căng thẳng".

Cô sinh viên nghèo đó không cho phép mình nghĩ đến đói hoặc rét. Để đỡ tiền than, và cũng do đãng trí, cô không hay đốt lò sưởi ống khói ngoằn ngoèo và mải viết những con số và những phương trình, không thấy rằng mấy ngón tay đã cóng và hai vai đang run rẩy vì rét.

Lúc này mà được bát xúp nóng hay miếng thịt rán thì khỏe ra đây! Nhưng Ma-ri nào có biết nấu xúp! Tội gì tiêu một phơ-răng và bỏ nửa giờ để lạng mỏng một miếng thịt!

Hầu như Ma-ri không hề đặt chân tới cửa hàng thịt và càng không biết đến hàng ăn vì quá đắt. Ngày nào cũng chỉ bánh mì bơ và nước chè. Nếu

thèm ăn ngon thì vào một hiệu bánh ngọt ở khu La-tinh gọi hai quả trứng hoặc mua một thỏi sô-cô-la hay một thứ hoa quả mang về.

Cô gái hồng hào tươi tắn cách đây mấy tháng khi từ giã Vác-xô-vi nay sút hẳn đi vì kham khổ. Có lần Ma-ri vừa đứng dậy khỏi bàn, thấy choáng váng, chỉ kịp bước đến giường thì ngất. Tỉnh dậy, cô nghĩ có lẽ mình ốm nên mới ngất như vậy, nhưng lại coi thường bệnh. Cô không hề thấy rằng mình bị suy nhược và cái bệnh duy nhất của cô chỉ là thiếu ăn.

Cố nhiên Ma-ri không hề cho anh chị Du-xki biết cô đang sống như thế nào. Mỗi lần đến thăm anh chị, nếu có phải trả lời những câu hỏi của Brô-ni-a về làm bếp, nấu ăn có tiến bộ gì thì cô chỉ đáp gióng một. Nếu Ca-di-mia nhận xét là cô trông không được khỏe, Ma-ri quả quyết là cô làm việc quá nhiều, và đó là nguyên nhân duy nhất. Rồi làm ra vẻ dửng dưng, cô xoay ra chơi với đứa cháu gái yêu, con chị Brô-ni-a.

Một hôm, Ma-ri ngất ngay trước mặt một cô bạn. Cô này chạy đến phố Đức quốc báo tin, một giờ sau, Ca-di-mia leo vội mấy tầng thang gác, lên tới buồng xép dưới nóc, thấy cô em đã ngồi học bài ngày mai rồi. Anh nhìn kỹ vẻ mặt xanh xao của Ma-ri, nhất là hai cái đĩa sạch trơn và cái xoong rỗng. Trong phòng chỉ có một gói chè là “thực phẩm” duy nhất. Ca-di-mia hiểu ngay. Anh hỏi:

- Bữa hôm nay cô ăn những gì?

- Bữa nay ấy à? Em chẳng nhớ nữa em vừa ăn xong.

- Thế cô đã ăn gì?

- Mấy quả anh đào, và… nhiều thứ nữa.

Cuối cùng Ma-ri phải nói ra hết. Tối hôm trước, cô đã gặm gần hết một bó củ cải đỏ và ăn nửa cân anh đào. Thức đến ba giờ sáng để làm việc, ngủ bốn tiếng, dậy đi đến Xoóc-bon. Về nhà lại ăn nốt củ cải rồi bị ngất.

Người bác sỹ trẻ không nói nhiều nữa. Anh rất bực. Bực với cô em gái đang nhìn anh một cách mệt mỏi, ngây thơ với đôi mắt màu tro. Bực với chính mình vì anh tự trách là không chăm sóc chu đáo đến Ma-ri, mặc dầu đã có lời gửi gắm của cụ Xkhua-đốp-xki. Ma-ri còn đang vùng vằng, anh đã đưa mũ áo, và bắt xếp sách vở gì cần dùng trong tuần tới để mang đi. Buồn

bực chẳng nói nên lời, anh đưa Ma-ri về khu Vi-lét, vừa bước vào nhà đã gọi Brô-ni-a xuống bếp.

Hai mươi phút sau, Ma-ri từ từ nuốt thứ thuốc mà bác sĩ Ca-di-mia kê đơn cho cô: một miếng thịt bò to rán tái, một đĩa khoai tây rán giòn. Như có phép lạ, màu hồng lại ửng lên đôi má. Đến mười một giờ khuya, Brô-ni-a vào tắt đèn ở buồng mà chị mới vừa kê một cái giường cho em gái. Sau vài ngày được chăm sóc tẩm bổ, Ma-ri lại sức. Nghĩ đến các kỳ thi sắp đến, cô vội trở về cái gian sát nóc, với lời hứa là sẽ chú ý hơn đến ăn uống. Và hôm sau, cô lại vẫn cứ "sống bằng không khí".

*

*   *

Làm việc!... Làm việc!... Bị thu hút hoàn toàn vào học tập, say sưa với tiến bộ của mình, Ma-ri tự thấy có đủ sức tiếp thu tất cả những gì mà người đời đã khám phá. Cô dự các lớp toán, lý, hóa. Cô làm quen dần với kỹ thuật thực hành khoa học, rồi đây lại có niềm vui được giáo sư Lip-man giao cho mấy công trình nghiên cứu tuy ít quan trọng song lại là một dịp để cô tỏ rõ cái khéo tay và óc sáng kiến của mình. Phòng thí nghiệm vật lý ở Xoóc-bon, một kiến trúc cao, rộng và độc đáo, có hai cầu thang xoáy trôn ốc đưa vào một hành lang bên trong, là nơi Ma-ri Xkhua-đốp-xka thả sức tìm tòi, học hỏi.

Còn gì quyến rũ hơn cái không khí tĩnh mịch giúp cho sự tập trung suy nghĩ! Cho đến giờ phút cuối cùng của đời mình, Ma-ri vẫn sẽ thích cái phòng thí nghiệm hơn mọi thứ khác. Lúc nào cô cũng đứng trước cái bàn bằng gỗ sên, trên đặt một dụng cụ đo lường chính xác, hoặc trước cái lò có chiếc đèn xì đang đốt cháy một chất gì đó. Dưới cái áo khoác vải thô, khó mà phân biệt được Ma-ri với đám thanh niên đang mê mải cúi xuống trước nhiều đèn xì cùng dụng cụ khác. Tất cả đều tôn trọng sự yên tĩnh của nơi này, không gây một tiếng động, không nói một lời nào thừa.

Một bằng cử nhân chưa đủ! Ma-ri quyết định thi hai môn vật lý và toán. Tham vọng của cô trước kia mới nhỏ bé làm sao, nay mạnh bạo, lớn lên nhanh chóng đến nỗi cô không còn thì giờ, nhất là không dám nói với cụ Xkhua-đốp-xki. Người cha tuyệt diệu đó đang nóng lòng mong đợi Ma-ri trở về Ba Lan, và có vẻ lo ngại về đứa con gái bấy lâu được ông chăm nom ấp ủ. Trong bao nhiêu năm trời chỉ biết phục tùng, chịu đựng và hy sinh, giờ đây

cô đang tỏ ra muốn tự lập.

Cụ Xkhua-đốp-xki viết cho Brô-nia ngày 5 tháng 3 năm 1893:

"Đọc bức thư gần đây nhất của con, lần đầu tiên cha mới biết Ma-ni-a có ý định thi cử nhân. Cha đã hỏi nó về việc này, nhưng trong các thư viết cho cha, không thấy nó đả động đến. Con cho cha rõ ngày nào em thi và tiền nong tốn kém là bao để cha thu xếp gửi cho em.

Dự định của cha cũng phụ thuộc vào nó. Cha tính đến sang năm vẫn giữ chỗ ở hiện nay cho cha và Ma-ni-a – nếu nó có về - chỗ này rất thích hợp. Dần dần Ma-ni-a sẽ có nhiều học trò, dầu sao, cha sẵn sàng san sẻ với Ma-ni-a cái gì cha có. Làm gì mà hai bố con chẳng nuôi nhau được".

Muốn sao mặc lòng, Ma-ri không thể tránh tiếp xúc với người này người khác. Nhiều bạn trai tỏ ra thành thực và ân cần đối với cô. Ở Xoóc-bon, những cô gái nước ngoài vẫn được coi trọng. Các cô thường là nghèo, lại rất có khiếu, từ xa xôi vạn dặm lặn lội đến đây, nơi mà hai anh em nhà văn nổi tiếng Gông-cua[32] từng gọi là "mẹ dinh dưỡng của học tập". Các cô được nhiều thiện cảm trong sinh viên Pháp. Cô gái Ba Lan dần dần thấy rằng các bạn trai của mình phần lớn là "dân học gạo". Họ rất mến cô và rất thân thiện với cô. Tình cảm này nhiều khi đến vồn vã. Có lẽ Ma-ri khá xinh, chẳng thế mà cô bạn đồng hương Di-din-xka, một bạn gái rất nhiệt tình với cô, có hôm đã phải lấy cán ô xua đuổi những anh chàng si tình quá vồ vập.

Nếu Ma-ri tỏ ra thờ ơ với những lời tán tỉnh yêu đương và để mặc bạn Di-din-xka từ chối hộ, trái lại cô hay tìm cách đến gần những người chín chắn, mà cô có thể bàn bạc về công việc của mình. Giữa hai buổi lên lớp vật lý và thực hành ở phòng thí nghiệm, cô tranh thủ nói chuyện với Pôn Panh-lơ-vê giờ đây đã làm giáo sư, với Giăng Pe-ranh, Sac-lơ Mo-ranh, những bậc thầy tương lai của nền khoa học Pháp. Cũng mới chỉ là quan hệ bạn bè sơ khai, Ma-ri không có thì giờ cho tình bạn thân thiết hoặc nghĩ đến yêu đương. Cô đang yêu toán và vật lý…

Nhờ có đầu óc chính xác, minh mẫn, Ma-ri không bị một hạn chế tinh thần nào cản trở trong cố gắng của mình. Cô có một quyết tâm sắt đá, say mê theo đuổi cái hoàn thiện với một tính bướng không tưởng tượng được. Đó là những yếu tố thôi thúc cô làm việc kiên nhẫn và có hệ thống, lần lượt đạt được những mục đích đã đề ra cho mình: Năm 1893 thi cử nhân vật

lý đỗ đầu, năm 1894 đỗ thứ nhì cử nhân toán.

Ma-ri thấy rõ tiếng Pháp rất cần cho mình nên cô quyết tâm học thật vững vàng. Nhiều bạn gái Ba Lan khác sau hàng bao năm ở Pa-ri vẫn cứ nói lơ lớ như hát và có nhiều câu sai văn phạm. Nhưng Ma-ri học cả chính tả và ngữ pháp cho nhuần nhuyễn và chú ý sửa chữa bằng hết những giọng nói sai ngữ điệu, chỉ còn chữ "R" hơi uốn lưỡi, nhưng nghe lại rất duyên dáng mềm mại.

Với vỏn vẹn bốn mươi rúp một tháng, Ma-ri vẫn đủ sống và chịu thiếu cái cần thiết để thỉnh thoảng đi xem hát, đi chơi vùng ngoại ô và mỗi lần đều mang về nhà một bó hoa rừng tươi thắm.Tâm hồn cô gái thôn quê năm xưa vẫn còn đây. Phiêu bạt giữa một thành phố lớn, Ma-ri đón chờ mùa cỏ cây nở lộc và hễ còn chút thì giờ và tiền túi là tìm đến rừng xanh bóng mát.

Thư gửi cụ Xkhua-đốp-xki ngày 16 tháng 4 1894:

"Chủ nhật trước, con đã đến một vùng ngoại ô gần ngay Pa-ri, khá đẹp dễ chịu. Các cây tu chanh và nhài cùng tất cả các cây ăn quả, kể cả táo đều nở rộ và không gian ngào ngạt hương thơm.

Ở Pa-ri, cây cối bắt đầu xanh tốt kể từ tháng tư. Lúc này lá non đã nhú, mận đã ra hoa. Nóng như mùa hè vậy. Trong buồng xép của con bắt đầu bức lắm.

Cũng may là đến tháng bảy, khi chuẩn bị đi thi, con không còn ở đây nữa vì con chỉ thuê chỗ này đến ngày 8 tháng bảy…"

Tháng bảy, mùa thi cử đã đến. Ai nấy lo lắng, bận rộn. Có những buổi sáng mệt nhọc, Ma-ri ngồi trong phòng thí nghiệm với 30 thí sinh, thần kinh căng thẳng đến mức chữ cứ nhảy múa trước mắt, phải mấy phút sau mới đọc được mảnh giấy có đề toán và câu hỏi lý thuyết sẽ quyết định số mệnh của cô. Thi xong lại đến những ngày mong đợi đằng đẵng và giờ phút nghiêm trang nghe đọc kết quả. Thí sinh và cha mẹ, họ hàng đều tụ tập trước giảng đường lớn. Trong đám đông, Ma-ri bị xô đẩy, chen lấn giữa làn sóng người ai nấy ngóng trông ban giám khảo bước vào, đọc tên những người đỗ theo thứ tự tài năng. Trong một phút, cả giảng đường im phăng phắc. Bất thần cô nghe gọi tên mình đầu tiên: Ma-ri Xkhua-đốp-xka.

Khó mà biết được xúc động của Ma-ri lúc này. Cô phải cố lắm mới lách được ra khỏi đám đông vì bạn bè cứ vây xung quanh, không ngớt lời khen ngợi.

Nghỉ hè rồi đây! Đã đến lúc về Ba Lan quê nhà. Anh chị em sinh viên Ba Lan nghèo trở về quê quán thường có những thủ tục mà Ma-ri theo rất nghiêm chỉnh. Trước hết là mang gửi đồ đạc - giường, bếp, nồi xoong - ở chỗ một bạn đồng hương có khả năng giữ một buồng ở Pa-ri trong mấy tháng hè. Sau là giao trả cái gác xép sát nóc nhà mà trước khi đi, cô quét dọn sạch sẽ tinh tươm để rồi đến chào vĩnh biệt bà gác cổng sẽ không bao giờ gặp lại, sau nữa là mua một ít thức ăn đi đường. Cuối cùng, tính nhẩm tiền còn lại, cô vào một cửa hàng bách hóa lớn. Lần đầu tiên trong suốt một năm học, Ma-ri đến đây tìm mua mấy thứ lặt vặt, những khăn quàng…

Đáng hổ thẹn cho những kẻ xa nhà khi trở về lại còn tiền túi! Lịch sự nhất, đúng đắn nhất là có đồng nào tiêu bằng hết, mua quà tặng họ hàng, bạn hữu và đã bước lên tàu, ga Phương Bắc là phải sạch túi. Thế mới là khôn ngoan biết nghĩ. Đằng đầu bên kia con đường sắt này, cách đây hai nghìn cây số, bao hình ảnh thân yêu đang đợi ta, cụ Xhua-đốp-xki, anh Dô-dếp, chị Hê-la, không khí gia đình đầm ấm, những bữa ăn no nê, ngon lành, và chị thợ may quen biết, chỉ vài đồng công là cắt và may được cả áo lót, áo dài bằng vải hoặc len, những chiếc áo mà đến tháng 11 khi trở lại Xooc-bon, Ma-ri mặc vào năm học mới.

Cô trở lại Xooc-bon người đẫy ra, mặt mày nở nang, rạng rỡ. Chả là trong ba tháng hè ở Ba Lan, cô đã đi thăm khắp lượt tất cả các gia đình họ Xkhua-đốp-xki, đến đâu họ hàng cũng ái ngại về nước da kém tươi của Ma-ri, đến đâu cô cũng cứ bị ép ăn thật nhiều. Để rồi lại bắt đầu một năm học hăng say, làm việc, học tập không biết mệt mỏi, chuẩn bị một kì thi mới và lại gầy dần…

*

*   *

Mỗi lần thu sang là một lần Ma-ri lo lắng day dứt. Tìm đâu ra tiền bây giờ? Trở lại Pa-ri bằng cách nào đây? Vốn liếng dành dụm cứ cạn nên bốn mươi rúp này rồi bốn mươi rúp khác. Nghĩ đến bố phải bỏ cả những cái vui nhỏ để dành tiền cho mình, Ma-ri rất áy náy. Năm 1893, tình cảnh hầu như bế tắc, cô đương định thôi, không đi du học nữa thì một may mắn bất

ngờ đã đến. Di-din-xka người bạn gái năm ngoái đã lấy cán ô bảo vệ cô, lúc này lại giúp đỡ Ma-ri thiết thực hơn nữa. Tin tưởng rằng Ma-ri sẽ có một tương lai rực rỡ, Di-din-xka đã ra sức vận động ở Vác-xô-vi cho Ma-ri được học bổng A-lếch-xăng-đro-vích, giành cho những sinh viên xuất sắc muốn ra học nước ngoài.

Sáu trăm rúp! Đủ sống mười lăm tháng! Ma-ri vốn chỉ biết xin cho người, có lẽ không hề nghĩ đến cầu khẩn khoản trợ cấp ấy cho mình, nhất là không bao giờ dám làm những việc giao dịch, chạy chọt cần thiết! Sung sướng, phấn khởi, cô bay bổng đến Pa-ri.

Thư gửi anh Dô-dép ngày 15 tháng 9-1893 (từ Pa-ri):

"Em đã thuê buồng ở tầng sáu tại một phố sạch sẽ, lịch sự. Anh thưa với cha là nơi em định thuê trước thì không còn chỗ nữa, và em rất ưng cái buồng hiện nay: Có một cửa sổ đóng được kín, và chữa thêm một tý thì có lẽ trong nhà không lạnh lắm, nhất là không lát gạch mà là sàn gỗ. So với cái buồng năm ngoái thì quả là một lâu đài! Mỗi năm 180 quan, nghĩa là rẻ hơn 60 quan chỗ mà cha nói chuyện với em.

Không nói, chắc anh cũng rõ em thích thú như thế nào khi được trở lại Pa-ri! Hôm ra đi, em rất đau khổ vì lại phải xa cách cha, nhưng em thấy cha khỏe mạnh và còn lanh lẹn, không cần đến sự có mặt của em, nhất là nay anh lại về ở Vác-xô-vi. Còn em, cả cuộc đời em sắp được định đoạt... Vì vậy, em nghĩ có thể lưu lại một thời gian ở Pa-ri mà không ân hận gì.

Em học toán, học gấp rút, để khi vào năm học mới khỏi bỡ ngỡ. Mỗi tuần dạy ba buổi sáng cho một bạn học người Pháp đang chuẩn bị thi cái bằng em vừa đỗ. Anh thưa hộ với cha là em quen việc này rồi, không thấy vất như ban đầu, và em định cứ tiếp tục.

Em bắt đầu dọn dẹp chỗ ở mới cho năm nay - còn sơ sài lắm, nhưng biết làm thế nào? Thứ gì cũng tự làm lấy nếu không thì tốn vô kể. Em sẽ sửa sang lại đồ đạc, nói vậy cho ra vẻ, vì tất cả chỉ đáng hai mươi quan.

Em sẽ biên thư cho anh Bô-gu-xki hỏi thêm về phòng thí nghiệm. Điều này quyết định công việc sắp tới của em".

Thư gửi anh Dô-dép ngày 18 tháng 3 năm 1894:

"...Khó mà kể tỉ mỉ cho anh cuộc sống của em vì nó cứ đều đều, đơn điệu, và xét đến cùng chẳng có gì đáng nói. Song em không hề thấy khổ vì sự bằng phẳng đó, em chỉ thấy tiếc là ngày tháng sao ngắn ngủi và trôi nhanh quá!... Chỉ thấy bao việc còn phải làm và nếu không yêu công việc của mình thì rất có thể nản chí.

Em mong anh trở thành bác sỹ. Cuộc sống chẳng có vẻ dễ dàng đối với mỗi chúng ta. Nhưng sao phải kiên trì, nhất là phải tin ở mình chứ? Phải tin rằng ta có khiếu về một mặt nào đó và quyết đạt tới cho bằng được, có thể là mọi việc sẽ trơn tru ngay khi ta ít ngờ đến nhất."

Cái học bổng A-léch-xăng-đro-vích đến đúng lúc biết chừng nào! Ma-ri vốn rất tằn tiện, cô kéo dài số tiền sáu trăm rúp để có thể ở lâu hơn nữa trong cái thế giới thần tiên của giảng đường và phòng thí nghiệm.

Và năm sau, cũng với tinh thần tằn tiện ấy, khi kiếm được tiền lần đầu tiên, do một công việc nghiên cứu cho Hội khuyến khích kỹ thuật quốc gia, Ma-ri đã lấy ra sáu trăm rúp mang đến cho Tổng thư kí của hội A-léch-xăng-đro-vích, khiến ông sửng sốt về sự đền đáp có một không hai này trong lịch sử của Hội.

Ma-ri đã nhận học bổng đó như một món nợ danh dự, một biểu hiện tin cậy. Tâm hồn thẳng thắn của cô tự thấy không xứng đáng nếu cứ giữ lâu số tiền giờ đây lại có thể cứu giúp một người con gái nghèo khác.

*

*   *

Đọc bài thơ ngắn của mẹ tôi viết bằng tiếng Ba Lan về thời kì ấy, sực nhớ những mẩu chuyện mẹ thường kể cho nghe, thỉnh thoảng lại điểm một nụ cười hoặc câu hài hước dí dỏm, nhìn ngắm tấm ảnh mà mẹ thích nhất: ảnh một nữ sinh có đôi mắt táo bạo, cái cằm cương quyết, tôi cảm thấy mẹ tôi suốt đời vẫn yêu thích hơn cả những ngày khó khăn và đầy nhiệt tình đó.

Tuổi thanh xuân ấy biết bao gian khổ

Lúa tuổi này người khác chỉ vui chơi

Mình cô, yên tĩnh, thảnh thơi

Say sưa học tập cuộc đời rộng thêm…

Sống bao ngày tháng êm đềm

Lòng yêu khoa học tự nhiên nồng nàn

Cảnh sao rõ thật gian truân

Những lo sinh sống muôn vàn khó khăn

…Nhiều khi tâm trí bần thần

Lại tìm về dưới mái trần đơn sơ

Nơi mãi mãi lòng cô yêu quí

Nơi đêm ngày lặng lẽ miệt mài

Nơi ấp ủ những ước mơ

Khắc sâu kỉ niệm bao giờ cho phai

Cố nhiên, sau này Ma-ri còn biết bao niềm vui khác, nhưng ngay trong những giờ phút ân ái mặn nồng nhất, ngay trong thắng lợi và vinh quang, không bao giờ nữ sinh viên muôn thủa ấy lại

bằng lòng mình đến thế, tự hào đến thế giữa cảnh nghèo túng và quá trình rèn luyện, nỗ lực đó. Tự hào về cái nghèo của mình, tự hào vì sống một mình và tự lập giữa một thành phố xa lạ.

Những buổi tối làm việc dưới ngọn đèn dầu hiu hắt trong một chỗ ở tiêu điều làm Ma-ri cảm thấy số phận mình tuy còn thấp nhưng dường như được nối liền bằng những sợi dây vô hình với bao cuộc đời cao cả mà cô hằng khâm phục. Cô cảm thấy mình đang trở thành người bạn âm thầm vô danh của những nhà bác học tiền bối. Các vị đó cũng đã từng sống trong những buồng thiếu ánh sáng như thế này mà đã thoát được ra khỏi thế kỉ của mình, đã ra sức tư duy để đưa tầm mắt xa hơn tri thức của loài người đương thời.

Đúng vậy, bốn năm anh dũng đó không phải là những năm sung sướng nhất trong đời Ma-ri, nhưng là những năm mà cô cho là hoàn hảo nhất, tiến gần nhất đến đỉnh cao của sứ mệnh làm người cô vẫn hằng chiêm ngưỡng.

Tuổi trẻ son rỗi, miệt mài say sưa học tập, có thể "không có gì sống" mà vẫn sống nhiều nhất. Một niềm hào hứng tràn ngập làm cho cô gái Ba Lan hai mươi sáu tuổi đó quên tất cả những thiếu thốn đang chịu đựng, để nhìn cuộc đời khốn khổ của mình với đôi mắt đầy hoài bão.

Rồi đây, tình yêu, sự sinh nở, những lo âu của người vợ, người mẹ, khó khăn phức tạp của một công việc nặng nề sẽ lại đặt con người dạt dào lý tưởng đó vào cuộc sống thực tế. Nhưng trong giờ phút mầu nhiệm này, lúc nghèo túng hơn bao giờ hết, Ma-ri vẫn vô tư như một đứa trẻ. Tâm hồn cô bay bổng nhẹ nhàng đến một thế giới khác, thế giới mà tư duy của cô luôn luôn nhận thức là trong trắng, chân thật nhất.

Một cuộc sống bấp bênh như thế khó mà ngày nào cũng tốt đẹp. Biết bao ngẫu nhiên bất thần đến đảo lộn tất cả và như không phương cứu vãn: một sự mệt mỏi không tài nào gắng gượng được, mấy ngày ốm cần người trông nom. Còn nhiều tai họa khác thật gay go như có mỗi đôi giầy thủng đế, nay bung từng mảnh, phải lo mua đôi khác. Thế là ngân sách bị xáo lộn hàng tuần và khoản chi to lớn này phải khấu dần vào thức ăn, vào dầu đèn. Hoặc giả mùa đông kéo dài làm cho căn phòng sát nóc trên tầng sáu lạnh toát, lạnh đến nỗi Ma-ri không ngủ được, cô run bắn lên. Than trữ đột ngột hết rồi. Thế nào đây? Chẳng lẽ một cô gái Ba Lan lại chịu thua cái rét Pa-ri à? Ma-ri vùng dậy, thắp đèn dầu, nhìn khắp chung quanh, cô mở rương, còn bao nhiêu quần áo lôi ra hết mặc thật nhiều lên người, xong chui vội vào chăn rồi kéo nốt mấy manh áo còn lại đắp lên mình. Vẫn còn thấy rét, Ma-ri với tay kéo cái ghế độc nhất đặt lên lớp chăn áo để tạo một cảm giác nặng và ấm. Chỉ còn đợi giấc ngủ đến, cần nhất là nằm im không động đậy để khỏi làm đổ nhào cái giàn giáo mà cô là nền móng sống.

Trong cái bình, nước dần dần đóng băng.

CHƯƠNG X

PI-E QUI-RI

Ma ri đã gạt bỏ tình yêu và hôn nhân trong chương trình cuộc sống.

Điều này chẳng có gì độc đáo cho lắm, một người con gái nghèo bị thất vọng và tủi nhục trong mối tình đầu thề không bao giờ yêu nữa, nhất là một nữ sinh viên Xla-vơ hoài bão trí thức, muốn đi theo sứ mệnh của mình, dễ dàng cương quyết từ bỏ những cái gì thường làm cho bạn gái cùng cảnh ngộ bị ràng buộc, họ có hạnh phúc, song cũng có đau thương. Thời nào cũng vậy, những chị em phụ nữ tha thiết muốn trở thành họa sỹ, nhạc sỹ giỏi đều phải hi sinh tình yêu, sự sinh nở, những chức năng thường tình của con người.

Ma ri đã tạo cho mình một thế giới riêng do lòng yêu khoa học trị vì. Ở đây, cũng có chỗ cho tình thương gia đình và tình nghĩa gắn bó với Tổ quốc còn đang bị áp bức. Ngoài ra, không còn gì nữa đối với cô gái hai mươi sáu tuổi sống độc thân một mình ở Pa-ri, hàng ngày chỉ biết có trường đại học Xooc-bon và phòng thí nghiệm.

Bị những ước mơ ám ảnh, cảnh nghèo thúc bách, lại túi bụi quanh năm ngày tháng với một công việc quá căng thẳng, Ma ri không hề biết đến nhàn rỗi và tác hại của nó. Lòng tự hào, tính e lệ và cả sự hoài nghi đã ngăn cản tình yêu đến với cô. Từ ngày bị gia đình Z. chê nghèo không muốn cô về làm dâu, cô đinh ninh rằng phận con gái không của hồi môn khó mà tìm thấy được ở đàn ông sự tận tình hoặc lòng yêu quý. Quan niệm cứng rắn ấy, ý nghĩa đắng cay ấy càng làm cô khăng khăng muốn sống tự do, đơn độc.

Đúng thế, chẳng lấy gì làm lạ rằng một cô gái Ba Lan có thiên tài, bị một cuộc đời khắc khổ đẩy vào cảnh cô quạnh, đã tự giữ mình cho một sự nghiệp lớn. Nhưng thật lạ lùng, kỳ diệu là một nhà bác học thiên tài, một người Pháp, đã giữ cho mình cô gái Ba Lan ấy, chờ đợi cô mà không hề hẹn ước. Chính vào thời mà Ma-ri còn ở phố Nô-vô-lip-xki, đang mơ ước đến học ở Xooc-bon thì Pi-e cũng từ đại học đường Xooc-bon đó, nơi mà anh đã có bao nhiêu khám phá quan trọng về Vật lý, một hôm ra về, đã viết trong

nhật kí những dòng chữ:

"Hơn nam giới, người phụ nữ yêu cuộc sống để mà sống. Những phụ nữ có thiên tài rất hiếm, cho nên khi chúng ta bị một tình yêu nào đó thôi thúc, muốn đi theo con đường không tự nhiên, khi chúng ta để cả tâm trí vào một sự nghiệp nó khiến chúng ta xa rời xã hội chung quanh thì ta phải đấu tranh với đàn bà. Người mẹ đòi hỏi trước hết tình yêu của đứa con, dù có thể vì vậy mà nó bị ngớ ngẩn đi chăng nữa. Cô nhân tình cũng muốn chiếm hoàn toàn người yêu và cho rằng ở một giờ ái ân và có phải hi sinh cái thiên tài cao đẹp nhất trên đời thì cũng rất tự nhiên mà thôi. Cuộc chiến đấu hầu như luôn luôn không bình đẳng, vì ở đây, chính nghĩa thuộc về đàn bà, họ nhân danh sự sống và tạo hóa để mà ra sức lôi kéo ta".

Ngày tháng thoi đưa, Pi-e Qui-ri chỉ biết miệt mài nghiên cứu khoa học, không hề để ý đến một cô gái nào, dù tẻ nhạt hay xinh tươi mà anh có dịp gặp. Đã 35 tuổi, nhưng anh chưa yêu ai.

Và mỗi lần tình cờ giở lại cuốn nhật kí bỏ dở từ lâu, anh đọc lại những câu mình viết năm nào, tới nay nét mực đã phai mờ, anh đăm chiêu dừng lại trước những dòng chữ đầy luyến tiếc và khát vọng:

"Những phụ nữ có thiên tài rất hiếm"

*

*   *

"Khi tôi bước vào, Pi-e Qui-ri đang đứng bên cửa sổ. Trông anh rất trẻ, tuy anh đã 35 tuổi. Tôi ngạc nhiên nhìn cặp mắt trong sáng, vóc người cao lớn, bên ngoài ít chau chuốt của anh. Lời nói chậm rãi đầy suy nghĩ, vẻ giản dị, nụ cười nghiêm trang trẻ trung làm tôi tin tưởng. Chúng tôi trò chuyện với nhau chỉ một chút đã thân mật. Câu chuyện xoay quanh vấn đề khoa học mà tôi rất sung sướng được hỏi ý kiến anh".

Buổi gặp gỡ ban đầu với Pi-e được Ma-ri kể lại với lời lẽ giản dị, ngượng ngùng. Đó là đầu năm 1894.

Một giáo sư vật lý người Ba Lan, ông Kô-van-xki, dạy ở trường đại học Phơ-ri-bua, đến nước Pháp một thời gian với vợ mà Ma-ri quen biết từ dạo còn ở Schuc-ki. Đang tuần trăng mật, đôi vợ chồng mới cưới này đi du

lịch, đồng thời kết hợp cùng chuyến đi để trao đổi về khoa học. Giáo sư Kô-van-xki có nhiều cuộc thuyết trình ở Pa-ri và dự các buổi họp của Hội Vật lý. Vừa mới đến, ông đã hỏi thăm Ma-ri về tình hình học tập, nghiên cứu và được biết nỗi băn khoăn của cô lúc này. Hội khuyến khích kĩ nghệ quốc gia đặt cho cô nghiên cứu về từ tính của các loại thép. Ma-ri đã bắt đầu tìm tòi ở phòng thí nghiệm của giáo sư Lip-man. Việc phân tích các quặng, phân loại các mẫu kim khí đòi hỏi sắp đặt dụng cụ cồng kềnh, quá cồng kềnh với một phòng thí nghiệm đã chật chội. Ma-ri phân vân, khó nghĩ.

- Tôi quen một nhà khoa học có giá trị làm việc ở trường Vật lý Hóa học – Đô-dếp Kô-van-xki nói sau mấy phút suy nghĩ - có thể anh ấy còn một phòng chưa sử dụng. Dù sao anh ấy sẽ góp ý với cô. Chiều mai, sau bữa ăn, cô lại chơi, uống trà. Tôi sẽ mời anh ta đến. Có lẽ cô biết tên anh ấy: Pi-e Qui-ri.

Buổi chiều êm ả ấy, trong một căn phòng của ngôi nhà tĩnh mịch là nơi vợ chồng Kô-van-xki ở trọ, một mối cảm tình đột ngột nẩy nở giữa nhà vật lý Pháp và nhà vật lý Ba Lan.

Pi-e Qui-ri rất duyên dáng, vừa nghiêm trang vừa nồng hậu. Anh cao lớn. Quần áo may rộng theo lối hơi cổ, hơi lùng thùng rất hợp với dáng người. Pi-e có một vẻ lịch sự rất tự nhiên mà chính anh cũng không ngờ. Đôi bàn tay dài, nhạy cảm, khuôn mặt đều đặn, điềm đạm, có bộ râu hơi cứng kéo dài thêm, trông càng đẹp với đôi mắt thanh thản có cái nhìn tuyệt vời, thăm thẳm êm đềm như quên hết mọi việc trên đời.

Tuy Pi-e luôn ý tứ, nói năng ôn tồn, người ta vẫn thấy ở anh vẻ thông minh và phong cách thanh tao hiếm có. Trong cái xã hội mà sự hơn hẳn về trí thức không phải bao giờ cũng đi đôi với phẩm chất cao đẹp, Pi-e là một mẫu người hầu như có một không hai: trí tuệ tuyệt vời, tâm hồn lại cao thượng.

Ngay từ phút đầu tiên, cô gái Ba Lan ít nói này khiến Pi-e cảm thấy như bị thu hút và bắt buộc phải chú ý. Cô Xkhua-đốp-xka đó quả là một người khá kì lạ. Thế ra cô là người Ba Lan từ Vác-xô-vi đến đây để theo học ở Xooc-bon? Năm vừa rồi đỗ nhất cử nhân vật lý à? Năm nay, mấy tháng nữa lại thi cử nhân toán? Và cái nếp nhăn lo nghĩ kia, giữa đôi mắt màu tro là do đang nghiên cứu từ tính các chất thép mà không biết đặt dụng cụ vào đâu.

Câu chuyện thoạt đầu còn chung chung, chuyển dần thành một hội thoại khoa học giữa hai người. Ma-ri rất trân trọng đặt nhiều câu hỏi và lắng nghe những gợi ý của Pi-e. Còn Pi-e thì kể những dự kiến của mình, mô tả những hiện tượng tinh thể học mà anh thấy rất lạ và đang tìm quy luật của nó.

Thú vị thật! Pi-e nghĩ thầm. Cô bạn trẻ xinh đẹp này chẳng những hiểu công việc ta thích, qua tiếng nói chuyên môn và công thức phức tạp, mà lại còn có thể bàn luận về nhiều chi tiết với một sự sáng suốt kì lạ! Quả là êm dịu biết bao!

Anh nhìn mái tóc Ma-ri, vầng trán rộng, đôi bàn tay sứt sẹo nhiều chỗ vì cốc a-xit ở phòng thí nghiệm và những công việc nội trợ. Cô không trang điểm nhưng vẻ duyên dáng tự nhiên càng khiến lòng anh bàng hoàng. Bất giác, Pi-e nhớ lại những điều ông Kô-van-xki cho anh biết về Ma-ri, cô đã làm việc nhiều năm trước khi đến Pa-ri học, cô nghèo, sống cô đơn trong một buồng gác xép sát nóc. Anh hỏi bâng quơ, không biết để làm gì:

- Cô định ở Pháp mãi chứ?

Gương mặt Ma-ri thoáng một nét buồn. Cô trả lời, giọng như hát:

- Không! Hè này, nếu đỗ cử nhân, tôi sẽ về Vác-xô-vi. Sang thu, tôi cũng muốn quay lại đây, nhưng chả biết có được không. Nay mai, tôi sẽ đi dạy ở Ba Lan và tìm cách giúp ích cho nước tôi. Những người Ba Lan không có quyền bỏ nước mình.

Đương nhiên, câu chuyện có cả vợ chồng giáo sư Kô-van-xki tham gia, hướng về đất nước Ba Lan đang bị o ép, nghẹt thở dưới ách áp bức của chế độ Sa Hoàng. Ba con người phải sống xa tổ quốc hồi tưởng lại những kỉ niệm của quê hương thân yêu, trao đổi thông tin về tin tức họ hàng, bè bạn. Pi-e nghe Ma-ri nói đến nhiệm vụ yêu nước thì rất đỗi ngạc nhiên. Là một nhà khoa học chỉ miệt mài với vật lý, anh không ngờ được rằng người con gái rất có khiếu kia lại có thể nghĩ đến những chuyện không phải là khoa học và ôm ấp một ý định sẽ đem hết sức mình đấu tranh chống lại ách thống trị của Sa hoàng…

Anh muốn gặp lại Ma-ri.

Pi-e Qui-ri là ai?

Một nhà bác học Pháp thiên tài, trong nước chưa ai biết tên nhưng đã được đồng nghiệp nước ngoài đánh giá rất cao.

Anh sinh ngày 15 tháng 3 năm 1859 ở Pa-ri phố Qui-vi-ê, là con trai thứ hai bác sĩ Ô-giên Qui-ri cũng là con một thầy thuốc. Dòng họ Qui-ri gốc ở An-đát-xơ và theo đạo tin lành, xưa kia thuộc tầng lớp trung lưu, kế tiếp mấy đời trở thành một gia đình trí thức, một gia đình bác học. Ngoài công việc thầy thuốc chữa bệnh để kiếm sống, bác sỹ Qui-ri rất ham mê nghiên cứu khoa học. Ông làm trợ lý ở phòng thí nghiệm viện bảo tàng và là tác giả của nhiều công trình tiêm chủng bệnh lao.

Từ bé, hai anh em Giắc và Pi-e cũng ham thích khoa học. Pi-e tính tự do và thích mơ mộng, không chịu gò ép vào khuôn khổ giảng dạy cho các trường trung học. Bác sỹ Qui-ri biết rằng đứa con trai quá đặc biệt này không thể là một học trò xuất sắc ở trường trung học nên lúc đầu, ông tự mình dạy con, về sau giao phó cho một giáo sư nổi tiếng là Ba-li-dơ.

Nhờ cách dạy dỗ phóng khoáng đó, 16 tuổi Pi-e đỗ tú tài khoa học, 18 tuổi đỗ cử nhân, 19 tuổi được vào làm trợ lý cho giáo sư Đơ-danh ở Đại học khoa học. Anh làm việc này 5 năm. Giắc cũng đỗ cử nhân và làm trợ lý ở Xooc-bon. Hai nhà vật lý trẻ cùng nghiên cứu tìm ra một hiện tượng quan trọng, hiện tượng áp điện và chế ra một dụng cụ mới gọi là áp điện kế có nhiều tác dụng, đo được chính xác những lượng điện rất nhỏ.

Năm 1883, Giắc được công bố làm giáo sư ở Mông-pơ-li-ê. Hai anh em rất tiếc phải xa nhau. Pi-e trở thành trưởng phòng thí nghiệm vật lý và Hóa học Pa-ri. Ngoài thì giờ hướng dẫn cho học sinh thực tập, anh đi sâu vào những vấn đề lý thuyết của vật lý tinh thể và khám phá ra nguyên lý đối xứng là một trong những nền tảng của khoa học hiện đại.

Sau quá trình nghiên cứu và thí nghiệm, Pi-e sáng chế ra một cái cân rất nhạy gọi là cân Qui-ri và tìm ra một định luật từ tính: định luật Qui-ri.

Do những công trình đó và do kết quả hướng dẫn ba mươi học sinh của trường, đến năm 1894, lương anh ba trăm quan một tháng, bằng lương một thợ chuyên môn trong nhà máy.

Khi nhà bác học nổi tiếng người Anh, công tước Ken-via tới Pa-ri,

ông không chỉ đến hội vật lý nghe những thông báo của Pa-ri, ông còn biên thư cho nhà vật lý trẻ, tỏ lòng thán phục công trình của Pi-e và muốn được gặp.

Sau đó có nhiều buổi tiếp xúc giữa hai người, bàn luận hàng giờ về những vấn đề khoa học. Nhà bác học Ken-via rất đỗi ngạc nhiên khi được biết Pi-e Qui-ri làm việc không có người cộng tác, trong một gian phòng tiều tụy, và bỏ rất nhiều thì giờ vào những công việc không đâu và ở Pa-ri không ai biết đến tên một nhà vật lý mà bản thân ông liệt vào bậc thầy.

*

* *

Pi-e Qui-ri lại còn hơn cả một nhà vật lý đặc sắc.

Khi bạn bè giục anh xin một chức vụ có thể nâng mức sống vật chất cho mình, Pi-e đã nói:

- Người ta bảo có một giáo sư muốn thôi việc và tôi nên xin vào chỗ đó. Làm cái trò đi xin xỏ địa vị thật không gì chán bằng và tôi không quen cái trò này. Tôi cho không gì hại trí óc bằng những việc đại loại như thế.

Trả lời ông hiệu trưởng trường vật lý muốn đề nghị tặng huân chương cho anh, Pi-e từ chối như sau:

"Kính thưa ông hiệu trưởng.

Tôi được ông Muy-đê cho biết ông định giới thiệu tôi một lần nữa với ông thị trưởng về vấn đề huân chương.

Xin ông đừng làm việc đó. Bằng không tôi buộc lòng phải từ chối vì tôi đã quyết không bao giờ nhận huân chương gì. Mong ông tránh cho tôi trở thành hài hước trước mặt mọi người.

Còn như nếu ông muốn chiếu cố đến tôi thì ông đã làm rồi, một cách thiết thực khiến tôi rất cảm động: Đó là cho tôi phương tiện làm việc..."

Pi-e Qui-ri có tâm hồn một nhà văn, nhà thơ và đã từng ghi vào sổ tay của mình: "Phải biến cuộc sống thành một giấc mơ và biến giấc mơ

thành sự thật".

Giờ đây, nhà thơ và nhà vật lý đang bị tài đức của một cô gái Ba Lan chinh phục: kiên trì và dịu dàng, Pi-e tìm cách đến gần con người huyền diệu ấy. Anh gặp lại cô một đôi lần trong những buổi họp ở Hội vật lý, Ma-ri tới đây nghe các báo cáo về những phát minh khoa học mới. Anh gửi tặng cô một bản "in giấy đặc biệt" công trình nghiên cứu mới nhất của anh: Về tính đối xứng trong những hiện tượng vật lý. Đối xứng giữa một điện trường và từ trường. Trang đầu có ghi: "Tặng cô Xkhua-đốp-xka với sự kính trọng và tình bạn của tác giả, Pi-e Qui-ri". Anh thoáng trông thấy Ma-ri ở phòng thí nghiệm của giáo sư Lip-man trong chiếc áo choàng vải thô, lặng lẽ, cặm cụi trước những dụng cụ nghiên cứu.

Pi-e ngỏ ý muốn đến chơi, Ma-ri cho anh địa chỉ. Thân ái, đoan trang, Ma-ri tiếp anh trong phòng của mình. Tim Pi-e se thắt lại trước bao thiếu thốn nghèo nàn, nhưng lại thưởng thức tự đáy lòng sự hòa hợp tinh tế giữa nhân vật và trang trí bên ngoài. Chưa bao giờ anh thấy Ma-ri đẹp như lúc này trong cái gác xép gần như trống rỗng với chiếc áo đã cũ sờn, vẻ mặt thiết tha nghiêm nghị. Không thể tìm một cái khung đẹp hơn là cái gian sát nóc trần trụi ấy cho gương mặt trẻ trung mang dấu vết một cuộc sống kham khổ.

Mấy tháng trôi qua. Giữa Pi-e và Ma-ri, tình bạn ngày một mặn mà, tình thân càng thêm gắn bó, tăng lên cùng lòng khâm phục, quí trọng và tin yêu lẫn nhau. Pi-e đã là tù nhân đáng mến của người con gái Ba lan rất đỗi thông minh sáng trí ấy. Anh nghe lời Ma-ri, làm theo ý của cô. Nhờ có Ma-ri thúc đẩy, khích lệ, dần dần Pi-e khắc phục được tính lơ là, chậm chạp của mình. Anh đang thảo những công trình về từ tính và sẽ bảo vệ luận án tiến sỹ xuất sắc.

Ma-ri cứ nghĩ mình còn tự do. Cô không có vẻ sẵn sàng muốn nghe những lời quyết định mà nhà vật lý chưa dám nói ra.

Chiều hôm ấy, một buổi chiều tháng sáu đẹp trời, họ lại gặp nhau, có lẽ là lần thứ mười, trong buồng nhỏ phố Phơ-ăng-tin.Trên bàn, bên cạnh những sách toán Ma-ri đang dùng để chuẩn bị cho kì thi sắp tới, trong một cái cốc có cắm mấy bông cúc trắng mà Pi-e và Ma-ri đi chơi mang về. Cô gái đun nước trên cái đèn cồn thủy chung để pha trà.

Pi-e vừa kể xong tỉ mỉ công trình mà anh đang suy nghĩ. Bất giác,

anh nói:

- Tôi muốn cô được biết bố mẹ tôi. Tôi ở với các cụ ở một gian nhà nhỏ ở Xô. Hai thân là những người tuyệt vời.

Anh tả cho Ma-ri nghe bố cô là một cụ già cao mảnh khảnh, đôi mắt xanh sắc sảo, rất thông minh, xốc nổi và nóng như lửa nhưng lại rất tốt; mẹ ốm yếu, bệnh tật, vẫn là một người nội trợ khéo, can đảm và vui vẻ. Anh hồi tưởng lại tuổi thiếu niên tinh nghịch của mình, những buổi tối đi chơi miết trong rừng cùng anh ruột là Giắc.

Ma-ri không khỏi ngạc nhiên. Sao mà giống gia đình mình như thế nhỉ? Chỉ cần đổi một vài chi tiết, chuyển ngôi nhà ở Xô đến một phố ở Vác-xô-vi thì gia đình Qui-ri sẽ trở thành gia đình Xkhua-đốp-xki. Nếu gác một bên mặt tín ngưỡng - bác sỹ Qui-ri là một con người tự do tư tưởng và chống giáo trị, không cho các con chịu lễ rửa tội - thì hai nhà có nhiều chỗ giống nhau, cũng một môi trường khôn ngoan và trọng danh dự, cũng yêu quí văn hóa và khoa học, cũng đùm bọc thân thương giữa cha và con, cũng một lòng yêu thiên nhiên sâu sắc…

Tươi cười, thoải mái, Ma-ri kể những ngày vui vẻ ở nông thôn Ba Lan , nơi quê nhà mà vài tuần nữa, cô sẽ về thăm.

- Nhưng đến tháng mười, cô trở lại chứ? Hãy hứa với tôi là cô sẽ quay lại đây. Ở Ba Lan, cô sẽ không thể nào tiếp tục học được. Bây giờ cô không có quyền rời bỏ khoa học.

Qua mấy câu chăm sóc thường tình này, Pi-e đã để lộ một nỗi lo sâu sắc. Ma-ri hiểu rằng khi anh nói "Cô không có quyền rời bỏ khoa học" ý anh định nói là "Cô không có quyền rời bỏ tôi!"

Cả hai cùng im lặng một lúc lâu. Rồi Ma-ri ngước đôi mắt màu tro nhìn Pi-e, trả lời giọng còn do dự:

- Anh nói phải. Tôi rất muốn trở lại đây.

*

* *

Nhiều lần Pi-e tỏ ý muốn lấy Ma-ri làm vợ. Song những lần đó đều không được tốt đẹp như anh mong muốn. Lấy một người Pháp ư? Từ giã gia đình nhà mình, không phụng sự tổ quốc nữa, bỏ mặc nước Ba Lan ư? Tất cả những cái đó đối với Ma-ri đều là phản bội ghê gớm. Cô không thể làm như thế! Cô đã thi đỗ xuất sắc, giờ đây cô phải trở về Vác-xô-vi, ít nhất là hè tới, và có lẽ sẽ về hẳn. Mặc cho Pi-e thất vọng, Ma-ri bước lên tầu không hứa hẹn gì, chỉ dành cho anh một tình bạn lúc này không làm anh thỏa mãn nữa.

Trong tâm trí, Pi-e hướng vọng theo Ma-ri. Anh muốn đến gặp cô ở Thụy Sĩ, cô ở đó vài tuần với cụ Xkhua-đốp-xki đã đến tận đây đón con gái. Hay là đi Ba Lan, cái nước Ba Lan mà anh ghen? Nhưng không thể được.

Ở xa, anh tiếp tục biện hộ cho ý định của mình. Trong mấy tháng hè ở Trét-ta, Lăm-be, Kra-kốp, Vác-xô-vi, đến đâu Ma-ri cũng nhận được những lá thư nét chữ vụng về hơi trẻ con, gửi từ trường Vật lý và Hóa học, cố thuyết phục cô, kéo cô trở lại, nhắc nhở cô rằng Pi-e Qui-ri đang chờ đợi.

Pi-e viết cho Ma-ri 10 tháng 8 năm 1984:

"Có vui nào bằng vui được thư cô. Mong ngóng hai tháng trời bẵng tin làm tôi bần thần. Nói để cô biết rằng thư cô đến rất đúng lúc.

Tôi mong rằng cô sẽ chóng lại sức rồi trở về với chúng tôi vào tháng 10 và phần tôi, có lẽ chẳng đi đâu cả. Tôi ở thôn quê suốt ngày trước cửa sổ mở, hoặc trong vườn.

Chúng ta đã hứa hẹn với nhau một tình bạn rộng lớn (có phải không?). Miễn là cô không thay đổi ý kiến! Vì đây không phải là vấn đề hứa mà được! Làm sao có thể ra lệnh trong những chuyện này. Tuy nhiên, giá ta được sống bên nhau mỗi người theo đuổi say sưa một ước mơ: ước mơ yêu nước của cô, ước mơ nhân đạo và ước mơ khoa học của hai ta thì thật là một sự tốt đẹp mà tôi không dám nghĩ đến.

Về phương diện khoa học, đã có những công việc mà chúng ta dám làm, con đường này chắc chắn và mỗi phát minh dù nhỏ đến đâu cũng coi như là đã được.

Cô thấy đấy, mọi việc đều có liên quan… Chúng mình hứa hẹn với nhau sẽ là đôi bạn thân, nhưng nếu sang năm, cô rời bỏ nước Pháp thì tình bạn lý tưởng ấy giữa hai con người không bao giờ gặp nhau sẽ có tác dụng

gì! Hay cô ở lại với tôi có hơn không? Tôi hiểu rằng chuyện này sẽ làm cô bực mình và tôi chả muốn nhắc đến nữa. Vả lại, tôi tự xét không xứng đáng với cô về mọi mặt.

Mới đầu tôi định xin phép gặp cô một cách ngẫu nhiên ở Phơ-ri-bua nhưng lại hiềm cô chỉ ở đây một ngày mà cái ngày ấy nhất định giành cho các bạn Kô-van-xki của chúng ta!

Người bạn tận tình của cô

Pi-e Qui-ri

Nếu cô biên thư cho tôi biết chắc chắn là thế nào tháng 10 này cô cũng sẽ trở lại Pa-ri, tôi sẽ sung sướng vô cùng. Để thư đi nhanh, xin đề theo địa chỉ: Pi-e Qui-ri, 13 phố Xa-blông ở Xô (quận Xen)"

Lại viết cho Ma-ri ngày 14 tháng 8 năm 1894:

"Tôi đã do dự cả một ngày và cuối cùng, không định đến tìm cô. Cảm nghĩ đầu tiên khi đọc thư cô là cô thích tôi không đến. Cảm nghĩ thứ hai là dù sao, cô cũng không ngăn cản tôi đến sống bên cô 3 ngày và tôi đã tính đi. Rồi tôi lại thấy hổ thẹn vì mình cứ đeo đuổi như vậy trong khi cô không thuận. Sau cùng, sở dĩ tôi ở lại là vì nghĩ rằng tôi đến sẽ làm cô không thích và cụ nhà mình mất thú vui đi chơi với cô.

Nay không còn kịp nữa thì tôi lại tiếc. Phải chăng ba ngày sống bên nhau có thể tăng gấp đôi tình bạn giữa chúng ta để rồi có đủ nghị lực không quên nhau trong hai tháng rưỡi xa cách.

Ma-ri có theo thuyết định mệnh không? Cô còn nhớ ngày tuần chay chứ? Cô mất hút trong đám đông. Tôi có cảm giác là tình bạn của chúng ta rồi cũng sẽ gián đoạn đột ngột như vậy mà cả hai chúng mình đều không muốn. Tôi không có tư tưởng định mệnh, nhưng có lẽ đó sẽ là hậu quả tình bạn của chúng ta. Tôi sẽ không biết hành động đúng lúc.

Kể ra nếu thế thì cũng rất hay cho cô, vì tôi chẳng hiểu tại sao lại cứ muốn giữ cô ở lại Pháp, đày ải cô xa Tổ quốc, xa những người thân mà chẳng có gì tốt lành đền bù cho sự hi sinh ấy?

Cô hơi quá tự tin khi cứ tưởng rằng mình hoàn toàn tự do. Ít ra ta

cũng làm nô lệ tình cảm của mình, nô lệ các định kiến của những người thân. Ta lại còn phải kiếm sống do đó, trở thành một bánh xe trong guồng máy…

Cái khó và cái khổ nhất là phải nhân nhượng các thành kiến của xã hội xung quanh. Nhiều hay ít, tùy theo chừng mực ta cảm thấy mình yếu hoặc khỏe đến đâu. Không nhân nhượng đủ mức thì bị nghiền nát. Nhân nhượng quá hóa hèn và mình thấy tởm với chính mình. Thế là tôi nay đã xa những nguyên tắc của tôi cách đây mười năm. Dạo đó, tôi cho rằng cần phải thái quá trong bất cứ việc gì và không được nhân nhượng chút nào cho môi trường quanh ta. Và nghĩ rằng ta cứ phải đi quá về cả mặt xấu cũng như mặt tốt của mình.

Sau hết, cô xem đây, tôi đã già đi nhiều và cảm thấy mình rất sút.

Chúc cô vui vẻ.

Người bạn tận tình của cô".

Thư viết cho Ma-ri ngày 7 tháng 9 năm 1894:

"Cô đoán đúng làm sao, lá thư của cô khiến tôi lo ngại vô ngần. Tôi khẩn khoản khuyên cô trở lại Pa-ri vào tháng10 này. Cô mà không trở lại thì tôi sẽ rất buồn. Chẳng phải vì ích kỉ mà tôi nói thế. Tôi chỉ nghĩ rằng ở Pa-ri, cô sẽ làm việc tốt hơn và có ích hơn.

Nếu một người cứ muốn húc đầu vào tường đá, hòng làm đổ tường thì cô nghĩ sao? Ý tưởng đấy có thể bắt nguồn từ một tình cảm tốt đẹp, nhưng thật ra lại rất buồn cười và dại dột. Tôi nghĩ rằng một số vấn đề đòi hỏi được giải quyết chung, song ngày nay không còn giải pháp cục bộ nữa, và khi ta đi vào một con đường không có lối thoát ta có thể gây nhiều tác hại. Tôi lại nghĩ rằng công lý không có thật ở trên đời này và ưu thế sẽ thuộc về chế độ nào mạnh hơn, nghĩa là kinh tế hơn. Một người làm việc đến kiệt sức mà vẫn sống khổ cực. Đó là một điều đáng căm giận, phẫn nộ, nhưng không vì vậy mà nó sẽ hết. Có lẽ rồi nó sẽ mất đi vì con người là một thứ máy và về phương diện kinh tế, cho chạy một cái máy nào đó theo chế độ bình thường của nó, có lợi hơn là làm nó quá sức.

Cô hiểu nghĩa ích kỉ một cách hơi lạ. Dạo mới tuổi hai mươi, tôi gặp một tai họa lớn: trong trường hợp khủng khiếp, tôi mất một bạn gái thời niên

thiếu mà tôi rất yêu. Tôi không đủ can đảm để kể lại chuyện này. Qua nhiều ngày nhiều đêm, tôi cứ bị ám ảnh, cứ tự giày vò mình, rồi lại nguyện sống như một kẻ tu hành, tự nhủ là chỉ nghĩ đến sự vật, chứ không nghĩ đến bản thân hoặc người khác. Từ ấy tôi thường tự hỏi phải chăng mình muốn thoát li đời sống chỉ là một cách để lãng quên?

Bên nước cô có thể viết thư tự do không? Tôi ngờ lắm và từ nay ta không nên bàn luận tự do trong thư, tuy chỉ là chuyện triết học song có thể bị phán đoán sai và phiền đến cô.

Cô có thể biên thư cho tôi nếu muốn, địa chỉ 13 phố Xa-blông.

Người bạn tận tình của cô

Pi-e Qui-ri

Tôi đưa ảnh cô cho Giắc xem. Được chứ? Anh tôi bảo rất đẹp. Và nói thêm: vẻ mặt cương quyết lắm và bướng nữa".

*

*   *

Tháng mười đây rồi. Trái tim Pi-e như muốn vỡ ra vì vui sướng. Ma-ri đã trở lại Pa-ri. Ma-ri có mặt trong lớp ở Xooc-bon, ở phòng thí nghiệm của giáo sư Líp-man. Năm nay, năm cuối cùng ở Pháp - cô nghĩ thế - Ma-ri không ở khu La-tinh nữa. Brô-ni-a nhượng cho em gái một buồng liền vách với phòng khám bệnh của chị ở số 39 phố Sa-tô-doong. Brô-ni-a chỉ đến đây ban ngày vì hai anh chị đã về ở khu Vi-let. Ma-ri có thể làm việc yên tĩnh.

Chính trong chỗ ở thiếu ánh sáng và man mác buồn ấy, Pi-e lại tha thiết nêu câu chuyện tâm tình của mình. Lòng anh cũng rạo rực một niềm tin, như người vợ tương lai của anh, một niềm tin còn tuyệt đối hơn nữa, không chút pha trộn. Với Pi-e, khoa học là một mục đích cuối cùng. Đường đời của anh vì vậy mới lạ lùng làm sao, hầu như không thể tưởng tượng được, vì nó hòa lẫn ước mơ của trái tim với hoài bão của trí tuệ. Pi-e hướng về Ma-ri do tình yêu đồng thời còn do sự nghiệp khoa học.

Pi-e lại sẵn sàng hi sinh cái mà người đời gọi là hạnh phúc, cho một hạnh phúc chỉ mình anh biết. Anh đề nghị với Ma-ri một việc thoạt đầu nghe

rất kì cục, một kế gạ gẫm, nhưng lại hoàn toàn đúng với bản chất của anh. Nếu Ma-ri không yêu anh, liệu anh có cách thu xếp theo tình bạn được không? Nghĩa là *sẽ cùng ở và làm việc trong một nhà ở phố Mup-phơ-ta, có cửa sổ trông ra vườn, có thể ngăn đôi thành hai gian riêng biệt*.

Hoặc nếu như Pi-e sang ở Ba Lan, liệu cô có lấy anh không? Thời gian đầu anh sẽ dạy tiếng Pháp, rồi dần dần cũng nghiên cứu khoa học với Ma-ri, được đến đâu hay đến đấy.

Cô giáo ngày xưa mà một nhà giàu quê kệch ở nông thôn Ba Lan chê thì giờ đây, Pi-e Qui-ri, con người hiếm có ấy khẩn khoản, van nài.

Ma-ri thổ lộ với Brô-ni-a nỗi niềm lo ngại của mình. Cô nói về ý định của Pi-e muốn rời bỏ nước Pháp, sang Ba Lan. Cô thấy mình không có quyền nhận sự hi sinh ấy. Nhưng lòng rất đỗi xao xuyến.

Biết thêm rằng Ma-ri đã nói đến mình với anh chị Du-xki, Pi-e lại cố dần thêm một bước về phía này. Anh nhiều lần tìm đến Brô-ni-a , giành được sự đồng tình hoàn toàn của chị, rồi mời chị cùng đi với Ma-ri đến gặp cha mẹ anh ở Xô. Bà bác sỹ Qui-ri kéo Brô-ni-a ra một nơi và xúc động, khẩn khoản, bà nhờ chị thuyết phục cô em út.

Bà nói:

- Chị bảo em nó đừng chần chừ nữa. Không ai trên đời này như Pi-e đâu. Lấy Pi-e, cô bé sẽ sung sướng.

Phải mười tháng qua đi, cô gái Ba Lan khẳng khái ấy mới nhận lời. Nhưng từ lâu, Pi-e đã hiểu Ma-ri. Điều làm anh gắn bó và như bị thôi miên, đó là lòng tận tụy gần như hoàn toàn của Ma-ri đối với công việc, là thiên tư mà anh linh đoán, đó cũng là lòng dũng cảm và tâm hồn cao thượng của cô.

Còn nguyên tắc ấy à? Từ lâu, Pi-e cũng đã từng sống theo những nguyên tắc mà rồi chính cuộc sống lại giải thích cho anh thật là vô lý. Anh cũng đã từng dự định là không bao giờ lấy vợ và lập gia đình. Anh chẳng có một đất nước Ba Lan để bảo vệ như Ma-ri, song anh vẫn đinh ninh rằng gia đình không thể dung hòa với một cuộc đời cống hiến cho khoa học. Kỉ niệm đau thương về một mối tình thắm thiết thời trai trẻ đã khiến lòng anh co lại, xa lánh đàn bà. Pi-e không muốn yêu nữa. Nguyên tắc có ích đó đã tránh cho anh một cuộc hôn nhân tầm thường, đợi đến ngày gặp một người đặc biệt,

một người "dành cho anh", đó là Ma-ri. Làm sao anh có thể bỏ qua cái may mắn được có một hạnh phúc lớn và một sự hợp tác tuyệt diệu? Pi-e muốn có riêng bên mình người thiếu nữ, đồng thời là một cô gái Ba Lan và một nhà vật lý. Ba con người đó giờ đây không thể thiếu trong cuộc đời anh được. Đó là những điều Pi-e dịu dàng dẫn giải cho cô bạn. Với lời lẽ đó, và nhiều lời khác âu yếm hơn, với sự săn sóc ân cần, nhất là sự có mặt hàng ngày, dần dần Pi-e làm thay đổi tâm tính của Ma-ri từ cô quạnh thành một con người thường tình.

*

* *

Ngày 14 tháng 7 năm 1895, Dô-dếp, anh cả trong gia đình Xkhua-đốp-xki biên thư từ Vác-xô-vi cho Ma-ri, báo cho cô biết sự đồng tình thân yêu của cả nhà:

"Nay em là vợ chưa cưới của Pi-e Qui-ri, trước hết anh chân thành chúc em tìm thấy hạnh phúc tươi vui bên cạnh chồng em. Em xứng đáng được hưởng hạnh phúc ấy. Đó là ý nghĩ của anh và những ai biết lòng tốt cùng tính nết của em.

Không có người nào công bằng lại có thể trách em đã đi theo tiếng gọi của trái tim. Biết em từ trước đến nay, anh tin chắc rằng em sẽ mãi mãi là một phụ nữ Ba Lan và trái tim em bao giờ cũng thuộc về gia đình ta. Anh và các chị cũng vậy, không bao giờ quên em.

Hôn em trăm lần, Ma-ri-a yêu quý và một lần nữa, chúc em hạnh phúc, vui vẻ và thành công. Gửi đến chồng chưa cưới của em những lời chúc thân ái. Nói với chồng em rằng anh sung sướng nhận Pi-e là một thành viên trong gia đình ta, dành cho Pi-e tình bạn chân thành và lòng ngưỡng mộ của anh..."

Ngày 26 tháng 7 năm 1895, Ma-ri trở dậy ở cái nhà phố Sa-tô-doong lần cuối cùng. Trời tuyệt đẹp. Mặt cô gái có một vẻ rạng rỡ mà bạn học của cô chưa hề biết đến. Hôm nay, cô Xkhua-đốp-xka trở thành Ma-ri Qui-ri.

Cô chải chuốt mái tóc đẹp của mình, mặc chiếc áo mới do bà mẹ anh rể Du-xki hiện nay ở phố Đức quốc tặng, Ma-ri nói với cụ:

"Cháu chỉ có một cái áo vẫn mặc hàng ngày. Nếu bác có lòng muốn mừng cháu một cái áo mới, cháu thích nó mầu sẫm, thiết thực để sau này có thể mặc đi đến phòng thí nghiệm".

Chị thợ may ở phố Đăng-cua do Brô-ni-a chỉ dẫn, đã cắt một chiếc áo len xanh nước biển và một chiếc áo kẻ dọc hai màu lơ và xanh nhạt. Ma-ri mặc vào trông càng đẹp và trẻ.

Ma-ri rất ưng cách tổ chức đám cưới này. Ngay trong từng chi tiết đưa dâu sẽ khác mọi đám cưới. Không có áo dài trắng, không có nhẫn vàng, cũng chẳng có tiệc cưới và lễ bên đạo. Pi-e là người tự do tư tưởng và Ma-ri, từ lâu, không còn đi nhà thờ nữa. Không cần quản lý văn khế vì hai người chẳng có tài sản gì ngoài hai chiếc xe đạp mới bóng loáng vừa sắm hôm trước với tiền mừng cưới của một người anh họ. Rồi đây, hè đến, hai vợ chồng sẽ thỏa sức đạp xe đi khắp thôn quê.

Đúng là một đám cưới giản dị, tốt đẹp, không hề vương vấn một chút gì gọi là hờ hững, tò mò hoặc ghen ghét. Ở tòa thị chính Xô và trong vườn nhà giai, phố Xa-blông, chỉ có vợ chồng chị Brô-ni-a, vài bạn thân ở đại học, cùng cụ Xkhua-đốp-xki và Hê-la từ Vác-xô-vi đến. Nhà giáo lấy làm vinh dự được tiếp chuyện bác sỹ Qui-ri bằng tiếng Pháp rất mẫu mực, chau chuốt. Giọng trầm trầm cảm động, cụ thốt ra những lời từ đáy lòng:

- Rồi cụ xem, Ma-ri là một đứa con rất đáng yêu. Từ tấm bé, nó chưa bao giờ làm tôi buồn đâu đấy.

CHƯƠNG XI

VỢ CHỒNG TRẺ

Những ngày đầu chung sống đẹp như tranh… Pi-e và Ma-ri đi chơi xe đạp khắp các nẻo đường chung quanh Pa-ri thuộc vùng "hòn đảo đất Pháp"[33], cái tên gọi Pháp thời cổ. Trên giá xe chỉ độc mấy bộ quần áo và hai chiếc áo quàng vải nhựa, phải sắm thêm vì dạo này mùa hè mưa luôn. Trưa đến, dừng xe ở một chỗ rừng thưa, ngồi nghỉ trên bãi cỏ, giở bánh mỳ, pho mát, mấy quả đào và anh đào ra ăn.

Một buổi chiều, hai người nghỉ trọ một quán dọc đường. Ở đây có xúp đặc và nóng, có một phòng ngủ bốn vách dán giấy đã bạc màu, ánh nến thắp lên cứ làm những cái bóng nhảy múa chập chờn. Đêm nông thôn không thật tĩnh mịch, chốc chốc lại nghe tiếng chó sủa xa xa, tiếng chim gù, tiếng mèo gào và tiếng sàn nhà cọt kẹt phát sợ.

Cũng có khi họ dừng xe, thủng thẳng dạo quanh các lùm cây, mỏm đá.

Pi-e yêu thích thôn quê say sưa, dạt dào. Hình như những cuộc đi bộ dài thanh thản ấy cần thiết cho tài năng của anh nảy nở và kích thích tư duy của nhà bác học. Nếu đã ra vườn, Pi-e không thể nào ngồi yên chỗ. Anh không biết"nghỉ ngơi". Anh lại không thích những cuộc đi chơi thông thường, sắp xếp trước từng chặng. Tựa hồ như anh không có khái niệm về thời gian. Sao cứ phải ban ngày mới đi, mà chẳng đi ban đêm và cứ đợi đến ngày mới ăn? Pi-e vốn quen cái nếp này từ bé, hễ thích thì đi, bất luận sáng sớm hay chiều tối, mà cũng chẳng cần biết mình sẽ quay về sau ba ngày hay sau một giờ. Xưa kia Pi-e thường cùng anh ruột đi chơi phóng khoáng như thế, cho đến nay vẫn giữ lại những kỉ niệm tuyệt vời…

Song những chuyến đi chơi đó đây, hè 1895, "tuần trăng mật du ngoạn" đó còn êm dịu hơn nhiều vì được tình yêu tô điểm và làm cho thêm rạo rực.

Chỉ tốn vài phơ-răng tiền trọ trong làng, và chịu khó đạp xe, cặp vợ

chồng trẻ đã tạo cho mình những ngày và đêm thần tiên hạnh phúc, chỉ có hai người với nhau.

Hôm nay, gửi xe đạp trong làng, Pi-e và Ma-ri đã rời đường cái, dần bước vào một con đường nhỏ chỉ mang theo mình một la bàn và mấy trái cây. Pi-e đi trước, bước từng bước dài, Ma-ri thoăn thoắt theo sau. Phớt lờ cả tục lệ, cô xắn váy cao hơn để đi cho dễ dàng. Đầu tóc để trần, cô mặc một cái áo trắng rất tươi mát, dễ coi, đi đôi giầy to và mang một thắt lưng da chỉ tiện chứ không đẹp. Trong túi thắt lưng có một cái đồng hồ, một dao díp và ít tiền lẻ.

Pi-e không ngoảnh lại nhìn vợ, vừa đi vừa nói to lên những suy nghĩ lúc này về một vấn đề tinh thể học phức tạp. Anh biết rằng Ma-ri vẫn chú ý nghe và sẽ có một câu trả lời thông minh, độc đáo và lý thú. Ma-ri cũng có nhiều dự định lớn. Cô sẽ chuẩn bị thi thạc sỹ và thể nào ông hiệu trưởng trường Vật lý và Hóa học cũng sẽ cho phép cô cùng nghiên cứu trong một phòng thí nghiệm với Pi-e. Luôn luôn sống bên nhau! Không khi nào xa rời nhau!

Xuyên qua những lùm cây, họ đến một bờ ao chung quanh đầy sậy. Pi-e như một đứa trẻ thơ hồn nhiên vui thú khám phá ra thế giới sinh vật và thực vật của đám nước tù hãm. Anh rất am hiểu về các loại thằn lằn, chuồn chuồn, kì đà… Trong khi Ma-ri ngả lưng trên cỏ, anh thoăn thoắt bước trên một cây đổ, lỡ chân là ngã và ướt hết đấy, nhưng anh cứ cố với tay hái vài bông dong vàng và hoa súng màu nhợt nổi lềnh bềnh trên mặt nước…

Chợt nhớ đến công việc, Pi-e không thiết gì đến trời đất nữa. Bao khó khăn tinh tế và mênh mông trong nghiên cứu đang đòi hỏi giải quyết, bao bí mật về sự tăng cường các tinh thể đang quyến rũ anh. Pi-e mô tả cái máy mà anh muốn lắp để làm một thí nghiệm mới. Và Ma-ri với một giọng trung thực, lại có những câu hỏi thông minh, những câu trả lời đầy suy nghĩ.

Những ngày hạnh phúc ấy, một sợi dây đẹp nhất đã nối liền đôi trai gái. Hai trái tim cùng đập một nhịp, hai bộ óc kì tài cùng chung một tư duy. Ma-ri không thể lấy ai hơn là nhà vật lý có tài, một con người khôn ngoan có tinh thần cao thượng. Pi-e cũng không thể lấy ai hơn cô gái Ba Lan tóc hung, âu yếm, linh hoạt, trong chốc lát có thể đang ngây thơ chuyển thành siêu việt, vừa là bạn vừa là vợ, vừa là người yêu và nhà bác học.

*

*   *

Mùa hè êm đềm, tuyệt đẹp! Đầu tháng 8, hai vợ chồng dọn đến gần Săng-ti-i ở một trại nhỏ lấy tên là “Con Hươu”. Lần này, cũng lại nhờ tài của Brô-ni-a, họ đã thuê được một căn nhà yên tĩnh này trong mấy tháng. Pi-e và Ma-ri đến đây ở cùng với bà cụ Du-xki, vợ chồng chị Brô-ni-a và đứa cháu gái Hê-len - quen gọi là “Lu” và cụ Xkhua-đốp-xki cùng Hê-la còn chơi ở Pháp. Thú vị thay, một ngôi nhà nên thơ, chơi vơi giữa những lùm cây gỗ, nơi trú ẩn của thỏ rừng và chim trĩ! Thú vị thay tình thân thương gắn bó hai dòng họ và ba thế hệ!

Pi-e Qui-ri đã hoàn toàn giành được tình cảm của nhà vợ. Anh bàn luận về khoa học với cụ Xkhua-đốp-xki. Anh thủ thỉ nói chuyện với cái “Lu” ba tuổi, rất kháu, rất nhộn, là niềm vui của cả nhà. Thỉnh thoảng, hai cụ Qui-ri ở Xô sang chơi. Đến bữa, trên chiếc bàn ăn rộng, lại đặt thêm hai bộ bát đĩa. Cả nhà rộn ràng tiếng nói tiếng cười, hết chuyện hóa học lại đến chuyện y học rồi sang giáo dục trẻ em, rồi vấn đề khoa học ở Pháp, ở Ba Lan.

Bản chất Pi-e không hề có một chút hoài nghi gì đối với người nước ngoài như thường thấy ở những đồng bào của anh. Hai gia đình Du-xki và Xkhua-đốp-xki lại làm cho nhà bác học siêu lòng. Muốn biểu lộ tình yêu nồng thắm của mình, anh cố gắng một cách cảm động học tiếng Ba Lan, thứ tiếng khó nhất Châu Âu và thời đó bị xem như vô ích vì là thứ tiếng của một nước đã bị xóa tên trên bản đồ thế giới.

Ở trại “Con Hươu”, Pi-e học tiếng Ba Lan. Đến tháng 9, theo chồng về ở Xô, thì lại đến lượt Ma-ri trau giồi thêm tiếng Pháp. Cô chẳng mong gì hơn. Ma-ri rất quí bố mẹ chồng. Tình thương yêu của hai cụ Qui-ri sẽ làm dịu bớt nỗi nhớ nhung của cô khi giáo sư Xkhua-đốp-xki và chị Hê-la trở về Vác-xô-vi.

Vốn có tâm hồn cao cả, hai cụ Qui-ri không hề ngạc nhiên về việc Pi-e lấy một cô gái nghèo người nước ngoài, gặp gỡ trong một gian xép sát nóc ở khu La Tinh. Ngay từ lúc đầu, hai cụ đã mến Ma-ri, không chỉ vì cái “duyên dáng Xla-vơ” mà còn do vẻ thông minh khác thường và tính tình của Ma-ri nữa.

Về ở Xô, Ma-ri chỉ lấy làm lạ có mỗi một điều là thấy mọi người ở đây rất hăng say bàn luận chính trị. Bác sỹ Qui-ri có cảm tình với trào lưu tư

tưởng 1848, chơi thân với Hăng-ri Brit-xông trong Đảng cấp tiến. Cụ thích đấu tranh. Ma-ri xưa nay đã từng quen chống đối lại ách áp bức của nước ngoài, lần này có dịp hiểu thêm các kiểu tranh chấp đảng phái thông thường mà người Pháp vẫn ưa chuộng. Cô không được nghe những cuộc tranh luận tràng giang đại hải cùng những học thuyết sôi nổi đầy tính chiến đấu và lòng nhân đạo. Và mỗi khi mệt mỏi, cô lại đến bên chồng, anh vẫn im lặng, mơ màng, không tham gia vào cuộc bàn cãi…

*

*   *

Ở số nhà 24 phố Nhà máy nước đá, cửa sổ trông ra một khu vườn rộng, cây to. Đó là thú vui duy nhất của gian nhà thiếu tiện nghi này. Đôi vợ chồng trẻ dọn đến đây từ tháng mười. Ba buồng chật hẹp. Pi-e và Ma-ri chẳng thiết trang hoàng gì, và không nhận mấy thứ đồ đạc cụ Qui-ri cho, vì chật chỗ. Thêm một tràng kỉ hay một chiếc ghế bành là thêm công quét bụi buổi sáng và lau chùi vào những ngày dọn dẹp. Ma-ri đâu có thì giờ làm những công việc ấy!

Hàng ngày, Pi-e chỉ có một say mê là cùng nghiên cứu khoa học với người vợ thân yêu. Cuộc sống của Ma-ri chật vật hơn, vì ngoài việc nghiên cứu, còn việc nội trợ tầm thường và vất vả. Giờ đây, không thể lơ là đời sống vật chất như hồi còn là sinh viên Xooc-bon nữa. Đi nghỉ hè về , Ma-ri mua ngay một quyển sổ bìa đen có in chữ vàng: "Chi tiêu".

Mỗi tháng, lương của Pi-e ở trường Vật lý và Hóa học là năm trăm quan. Trong khi chờ đợi Ma-ri thi xong thạc sỹ, sẽ được giảng dạy ở Pháp, số tiền này là tất cả thu hoạch của đôi vợ chồng trẻ. Với một gia đình bình thường thì cũng tạm đủ, Ma-ri đã học cách chi tiêu dè sẻn. Vấn đề lúc này là làm thế nào trong hai mươi bốn giờ, thanh toán hết mọi công việc nhọc nhằn của một ngày. Phần lớn thì giờ, Ma-ri ở phòng thí nghiệm, ở đây cô đã được sắp xếp một chỗ làm việc. Vào đến nơi này là hạnh phúc rồi. Thế nhưng ở nhà riêng, phố Nhà máy nước đá, phải dọn giường, quét sàn, quần áo của Pi-e phải lành lặn, chỉnh tề, các bữa ăn phải tươm tất. Mà không có ai giúp cả…

Thế là Ma-ri dậy rõ sớm, đi chợ và đến chiều, ở trường về lại cùng Pi-e tạt vào hàng thực phẩm và hàng sữa. Thời nào cô Xkhua-đốp-xka vô tư không biết nấu súp với những thứ nay còn đâu? Đối với bà Qui-ri, giờ đây biết những cái đó, là một vấn đề danh dự.

Trước khi lập gia đình, Ma-ri đã lén đến nhờ bà cụ Du-xki và chị Brô-ni-a bày cho cách nấu nướng, tập luộc gà, rán khoai. Nay cô đã làm được những món ăn ngon lành cho Pi-e, còn Pi-e thì đãng trí đến nỗi không thấy sự cố gắng vượt bậc ấy.

Ma-ri có một niềm tự ái hơi trẻ con. Cô không muốn để mẹ chồng người Pháp, nhỡ ra một hôm làm món trứng hỏng, sẽ hỏi to, chẳng hiểu họ dạy các cô gái Vác-xô-vi làm những gì mà đến tráng một cái trứng cũng không nên thân? Giả sử có như vậy thì cô sẽ hổ thẹn biết chừng nào! Cô đọc đi đọc lại quyển sách dạy nấu nướng, và mỗi lần tập, đều ghi kĩ bên trang sách lần nào làm hỏng, lần nào thành công, và tại sao, với những từ khoa học chính xác.

Người nội trợ trẻ đó nghĩ ra những món ăn dễ làm, ít phải canh, có thể để "mặc cho nó chín âm ỉ" trong những giờ mình đến trường. Nấu bếp cũng khó như nghiên cứu khoa học, cũng lắm bí ẩn không kém. Làm cách nào cho mỳ ống khỏi dính nồi? Hầm thịt bò thì cho vào nước lã hay nước đang sôi? Luộc đậu cô ve phải bao nhiêu lâu mới chín? Ma-ri, má đỏ ửng lên vì nóng, cứ thở ngắn thở dài trước cái bếp đốt bằng than khí. Nhớ lại xưa kia, ăn bánh mỳ với bơ, uống nước trà, ăn củ cải đỏ và quả anh đào, chẳng đơn giản hơn sao?

Khó thì khó, cô vẫn dần dần giỏi hơn. Cái bếp hơi đã bao phen làm cháy món thịt bò nay phải vào khuôn phép. Trước khi đi, Ma-ri vặn nhỏ lửa với sự chính xác của nhà vật lý rồi tần ngần nhìn một lần cuối mấy chiếc xoong đặt trên bếp lửa, cô đóng cửa phòng, bước vội xuống theo kịp Pi-e để cùng tới trường.

Mười lăm phút sau, cô đã đang cúi xuống những nồi cổ cong khác, cũng với một động tác thận trọng, cô lại điều chỉnh ngọn lửa của một "đèn khí phòng thí nghiệm".

*

*   *

Tám giờ nghiên cứu khoa học, và khoảng ba giờ nội trợ, nào đâu đã xong việc! Tối đến, sau khi ghi các chi tiêu hàng ngày, Ma-ri lại ngồi trước cái bàn gỗ tạp vùi đầu vào sách. Giờ là lúc chuẩn bị cho kì thi thạc sỹ sắp tới.

Ngồi bên kia ngọn đèn, Pi-e đang cặm cụi thảo giáo trình dạy ở trường Vật lý và Hóa học. Nhiều lúc,Ma-ri cảm thấy đôi mắt sâu đẹp đẽ của chồng nhìn mình. Cô ngước lên, gặp cái nhìn của Pi-e một biểu hiện yêu đương và khâm phục. Một nụ cười trao đổi giữa hai con người đang yêu đó. Đến hai, ba giờ sáng, vẫn có ánh đèn trên những khung cửa kính và trong cái phòng làm việc chỉ có hai ghế đó vẫn nghe tiếng trang sách khẽ lật say sưa và tiếng ngòi bút viết miệt mài trên giấy.

Ma-ri thi thạc sỹ, đỗ đầu. Pi-e sung sướng quàng tay vào cổ người vợ Ba Lan yêu quí. Vai kề vai, hai anh chị trở về phố Nhà máy nước đá và ngay lúc ấy, họ bơm xe đạp, soạn ba lô, đi chơi vùng Ô-véc-nhơ.

Sao mà hai vợ chồng này phung phí sức lực như thế, cả về trí tuệ và thể xác! Ngay đến những ngày nghỉ của họ cũng là một sự tiêu pha năng lượng thái quá.

Trích một trang sổ tay của Ma-ri về những ngày sống sôi nổi đó:

"Chúng tôi còn giữ một kỉ niệm rạng rỡ về một ngày nắng ráo, sau một đoạn leo dốc mệt nhọc, chúng tôi rong xe qua cánh đồng cỏ xanh tươi, mát mẻ của vùng Ô-brac, được hít thở không khí trong lành trên cao nguyên. Một kỉ niệm sống nữa là một buổi chiều, vào đến thung lũng Tơ-luy-e, được nghe một điệu dân ca rất mê ly vọng xa từ một con thuyền trôi theo dòng nước. Vì không thích tính chặng đường, mãi đến tảng sáng hôm sau mới về nhà. Chả là gặp mấy chiếc xe ngựa, những con vật thấy hai cái xe đạp hốt hoảng, lồng lên làm chúng tôi phải đi tắt qua mấy thửa ruộng vừa cày ải. Sau đó lại lên đường cái đạp xe trên cao nguyên ánh trăng huyền ảo"…

Năm thứ hai cuộc sống gia đình chỉ khác năm đầu là về tình hình sức khỏe. Ma-ri đã có mang, lòng thì mong muốn có con nhưng lại bực bội vì mệt mỏi, không còn đứng trước các dụng cụ để nghiên cứu "từ tính của các kim loại".

Tháng 7 năm 1897, Pi-e và Ma-ri, từ hai năm nay, chưa rời nhau một bước, lần đầu tiên phải xa nhau. Nhân dịp cụ Xkhua-đốp-xki sang Pháp nghỉ hè, Ma-ri đã đến ở với bố tại khách sạn "Những phiến đá xám" ở Po-blăng, còn Pi-e bận không đi được.

Pi-e biên thư cho Ma-ri tháng 7 năm 1987:

"Em rất yêu quí, hôm nay anh vừa được thư em và lòng anh tràn ngập sung sướng. Ở đây không gì mới cả, chỉ thiếu em thôi, tâm hồn anh đang bay theo em."

Mấy dòng chữ này, Pi-e viết nắn nót…

Bằng tiếng Ba Lan, thứ tiếng khó học mà nhà vật lý lại muốn viết cả những lời âu yếm nhất. Ma-ri cũng trả lời bằng tiếng Ba Lan với những câu dễ đọc, cho người mới học:

"Anh yêu dấu, trời đẹp, nắng ấm.

Vắng anh, em buồn rười rượi, em đợi anh cả sáng lẫn chiều mà không thấy anh đến. Em vẫn khỏe và cố hết sức làm việc, song cuốn sách của Poăng-ca-rê[34] *khó hơn là trước đây em nghĩ. Em cần trao đổi với anh để cùng xem chỗ nào khó hiểu đối với em".*

Lại dùng tiếng Pháp, Pi-e biên thư cho Ma-ri, mở đầu bằng "Em rất đỗi yêu quí", kể vội cuộc sống ở Xô và công việc cuối năm của anh. Anh nghiêm túc nhắc đến tã lót, áo dài tay, và áo cánh của đứa trẻ sắp chào đời.

"Hôm nay anh gửi một bưu kiện cho em, có hai áo đan dài tay, hình như của bà P. gửi. Một cỡ bé và một cỡ to. Cỡ nhỏ hợp với áo len đan chun, còn bằng vải thì phải rộng hơn. Em cần phải có hai cỡ."

Bất giác, anh lại nói đến tình yêu của mình với những lời đằm thắm hiếm có:

"Anh nhớ đến em, người đã chiếm hoàn toàn cuộc sống của anh. Và anh mong sao có thêm tài năng. Anh tưởng như nếu dồn tất cả trí tuệ vào em như lúc này anh đang làm, đáng ra anh phải có thể nhìn thấy em, xem em đang làm gì và làm em thấy rằng hiện giờ anh hoàn toàn thuộc về em. Song vẫn không tài nào có được một hình ảnh như thế".

Đầu tháng 8, Pi-e vội vã đến tìm Ma-ri ở Pô-blăng. Trong tình trạng Ma-ri có mang tám tháng, ai cũng tưởng hai vợ chồng sẽ nghỉ ngơi yên tĩnh. Không! Họ thật vô tâm như những người mất trí - hay những nhà bác học. Họ lại đi xe đạp tới Bretz - vẫn đi từng chặng đường dài như mọi bận. Ma-ri thì quả quyết là không thấy mệt, còn Pi-e thì vội tin ngay. Anh cảm thấy

dường như Ma-ri là một con người khác thường, thoát khỏi quy luật của tạo hóa.

Song lần này, Ma-ri không đương nổi nữa, buộc lòng phải rút ngắn chuyến đi để trở về Pa-ri. Ngày 12 tháng 9 năm 1897, con gái đầu lòng của hai nhà bác học ra đời. Đó là I-ren, một đứa bé xinh đẹp, một phần thưởng Nô-ben tương lai, bác sỹ Qui-ri đỡ đẻ cho con dâu. Ma-ri cắn răng không một tiếng kêu rên.

Sinh nở không tốn kém gì. Trong sổ chi tiêu ngày 12 tháng 9 có ghi một mục "đặc biệt": rượu sâm panh 3 quan, đánh điện 1 quan 10, trong mục "đau ốm": dược phẩm và công chăm nom người bệnh 71 quan 50. Tổng cộng chi tiêu tháng 9 là 430 quan 40. Hai gạch đậm dưới con số 430 nói lên sự bực dọc của người ghi sổ về khoản chi tiêu đã tăng thêm như vậy.

*

*   *

Ma-ri không hề nghĩ đến chọn giữa xây dựng hạnh phúc gia đình và theo đuổi sự nghiệp khoa học. Bà đã quyết định làm song song. Yêu đương, sinh nở và nghiên cứu khoa học, và không lơ là mặt nào. Và nếu bà thành công trong mọi việc, đó là nhờ tình yêu và lý trí.

Theo ý kiến thầy thuốc, người mẹ trẻ phải cho con cai sữa. Nhưng sáng, trưa, chiều, tối, Ma-ri tắm, thay quần áo cho bé I-ren và trong khi người vú đẩy xe em bé ra công viên, nhà nữ bác học lại bận rộn trước các dụng cụ phòng thí nghiệm, thảo gấp công trình nghiên cứu về các chất nam châm sẽ đăng trong bản tin của "Hội khuyến khích kĩ nghệ quốc gia".

Thế là cùng một năm sinh đứa con đầu lòng, chỉ sau đó ba tháng, Ma-ri công bố kết quả nghiên cứu đầu tiên của mình.

Nhiều lúc bà tưởng như không thể đương nổi cuộc sống căng thẳng, mệt nhọc chẳng khác gì làm xiếc đó. Từ khi có mang, sức khỏe Ma-ri giảm sút rõ rệt. Anh Ca-di-mia Du-xki và bác sỹ Vô-chi-ê, thầy thuốc vẫn khám bệnh cho gia đình Qui-ri đều nói Ma-ri bị nhám phổi bên trái. Nhớ lại xưa kia bà giáo đã chết vì lao, hai bác sỹ khuyên Ma-ri nên nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng vài tháng. Nhưng Ma-ri không nghe. Vì còn bao mối lo khác! Nào phòng thí nghiệm, nào chồng, nào con, I-ren mọc răng, quấy, rồi cúm, những chuyện

nho nhỏ này thường làm cho hai nhà vật lý phải nhiều đêm mất ngủ. Cũng có khi Ma-ri tự nhiên hốt hoảng tất tả chạy ra ngoài trường Vật lý, đến công viên Mông-xu-ri. Chẳng biết người vú có để lạc con bé không? Kia rồi, ở đằng xa, bà vẫn trông thấy chị ta và cái xe bé nhỏ, bên trong xe có vật gì trăng trắng.

Cụ Qui-ri đã đem lại cho con dâu một sự giúp đỡ quý báu. Ma-ri sinh I-ren được vài ngày thì bà bác sỹ Qui-ri chết nên cụ quấn quýt với cháu bé. Trong vườn nhà, cụ chăm nom dìu dắt từng bước đi chập chững đầu tiên của I-ren. Khi Pi-e và Ma-ri không ở phố Nhà máy nước đá nữa mà dọn đến một ngôi nhà nhỏ ở phố Kê-lec-man thì cụ cũng đến ở với con cháu, I-ren sẽ thấy ở ông nội một người thầy dạy học và bạn chơi thân thiết nhất.

*

*   *

Quãng đường dài biết bao từ buổi sáng tháng mười một 1891 khi một cô gái Ba Lan tay mang tay xách bộn bề những gói, đáp tàu hỏa đến ga Phương Bắc trong một toa xe hạng ba…! Ma-ri-a Xkhua-đốp-xka đã khám phá ra vật lý, hóa học và toàn bộ cuộc đời của một người đàn bà. Cô đã thắng mọi trở ngại, khó khăn, từ cái nhỏ nhất đến cái lớn nhất mà không một lúc nào ngờ rằng mình đã phải vận dụng một tinh thần bền bỉ và một lòng dũng cảm phi thường.

Những bước đầu phấn đấu và những thắng lợi ấy đã làm Ma-ri thay đổi từ dáng người đến khuôn mặt. Không sao khỏi xúc động khi nhìn hình ảnh Ma-ri lúc ngoài ba mươi tuổi, cô gái chắc nịch năm xưa đã thành một thiếu phụ mảnh khảnh. Giờ đây, trông thấy Ma-ri ai cũng nghĩ: “Người đàn bà nào mà đẹp lạ lùng, quyến rũ thế?” nhưng lại không dám nói ra vì bà có vầng trán rộng mênh mông và cái nhìn sâu thẳm.

Bà Qui-ri đẹp ra như để sửa soạn đón vinh quang đang chờ đợi.

CHƯƠNG XII

KHÁM PHÁ RA CHẤT RA-ĐI

Một người vợ trẻ trông nom nhà cửa, tắm rửa con gái bé, đặt nồi, xoong lên bếp… và trong phòng thí nghiệm nghèo nàn của Trường Vật Lý, một nữ bác học hoàn thành phát minh quan trọng nhất trong khoa học hiện đại.

Hai bằng cử nhân, một bằng thạc sĩ, một công trình nghiên cứu về "từ tính của những loại thép đã tôi". Đó là thống kê hoạt động của Ma-ri, tính đến cuối năm 1897, khi bà quay lại làm việc sau thời gian nghỉ đẻ.

Giờ đây, bước tiến triển lô-gích trong sự nghiệp của Ma-ri là chuẩn bị thi tiến sĩ. Sau một vài tuần lễ cân nhắc, nhà nữ bác học thấy cần chọn một đề tài nghiên cứu có một nội dung đặc biệt phong phú để làm luận án. Với mục đích đó, Ma-ri đã xem lại một lượt các công trình nghiên cứu mới về vật lý.

Trong việc chọn lựa này, ý kiến của Pi-e rất quan trọng, Pi-e là trưởng phòng thí nghiệm, "thủ trưởng" của Ma-ri, lại là một nhà vật lý lâu năm, có nhiều kinh nghiệm hơn. Bên cạnh Pi-e, Ma-ri cảm thấy mình như còn đang học việc.

Song, phải nói đến vai trò cá tính và bản chất sâu xa của cô gái Ba Lan trong việc quyết định về vấn đề nghiên cứu này. Từ bé, Ma-ri đã mang trong lòng ham muốn hiểu biết và dũng cảm của những nhà thám hiểm. Chính bản năng ấy thôi thúc mà cô xa rời Vác-xô-vi để đến Pa-ri và trường Xooc-bon, và cũng vì say mê học hỏi mà cô ưa các gian phòng tĩnh mịch ở xóm La-tinh hơn căn nhà ấm cúm của anh chị Du-xki. Mỗi lần đi chơi thăm rừng, cô thường tìm con đường nào ít dấu chân nhất, hoang dại nhất.

Giờ đây, Ma-ri giống như một nhà du hành đang nghĩ đến một chuyến đi trọng đại. Người đó cúi xuống bản đồ, phát hiện giữa một vùng xa xăm một tên gọi lạ tai, làm trí tưởng tượng của mình bị kích thích, và bất giác, quyết định chỉ đi đến chỗ ấy chứ không đi đâu khác. Đọc lại những bản

báo cáo về kết quả nghiên cứu thể nghiệm mới nhất, Ma-ri dừng lại ở công trình của nhà vật lý học Hăng-ri Bếch-cơ-ren đăng năm ngoái. Pi-e và Ma-ri đã xem qua một lần rồi. Nhưng nay Ma-ri đọc kĩ hơn, nghiên cứu thêm với sự cẩn thận quen thuộc của mình.

Sau khi Rơn-gân[35] tìm ra tia X, Hăng-ri Poăng-ca-rê nảy ra ý nghĩ nghiên cứu về các chất huỳnh quang, xem *dưới tác động của ánh sáng*, chúng có phát ra những tia giống như tia X không. Cùng một ý kiến ấy, Bếch-cơ-ren[36] đã nghiên cứu muối của một kim loại hiếm: Đó là U-ra-ni. Nhưng Bếch-cơ-ren lại tìm ra một hiện tượng khác khó hiểu: các muối u-ra-ni không cần tác động của ánh sáng, vẫn tỏa ra những quang tuyến có tính chất mới lạ. Một chất muối u-ra-ni đặt trên một tấm kính ảnh bọc trong giấy đen, đã tác động vào thuốc ảnh, qua tấm giấy. Giống như quang tuyến X, những tia u-ra-ni cũng khiến một máy điện nghiệm phóng điện, do không khí chung quanh hoá thành dẫn điện.

Bếch-cơ-ren đã thể nghiệm và đi đến kết luận rằng những đặc tính ấy không tuỳ thuộc vào một nguồn ánh sáng tiếp nhận từ trước, mà vẫn tồn tại khi muốn u-ra-ni đã bị giữ rất lâu trong bóng tối. Song Bếch-cơ-ren chỉ mới khám phá ra hiện tượng mà sau này Ma-ri Qui-ri gọi là tính phóng xạ. Nguyên nhân của sự phát quang ấy hiện còn bí ẩn. Muối U-ra-ni phát quang, nghĩa là phát ra năng lượng, dù là rất ít. Vậy năng lượng ấy ở đâu mà ra? Tính chất các quang tuyến này ra sao? Đây là một đề tài nghiên cứu lý thú, một luận án thi tiến sĩ. Vấn đề rất hấp dẫn đối với Ma-ri, nhất là phạm vi nghiên cứu hãy còn trắng, những công trình của Bếch-cơ-ren còn mới mẻ, và trong các phòng thí nghiệm Châu Âu, theo như bà biết, chưa ai đi sâu vào U-ra-ni.

Cho đến lúc này, điểm khởi đầu và thư mục duy nhất là những thông báo của Hăng-ri Bếch-cơ-ven trước viện Hàn lâm khoa học năm 1896.

Đi vào khám phá một lĩnh vực chưa hề ai đặt chân tới thật say sưa hào hứng biết bao!

*

*   *

Chỉ còn tìm một chỗ cho Ma-ri làm các thí nghiệm. Khó khăn bắt đầu

từ đây. Pi-e mấy lần khẩn khoản với ông hiệu trưởng trường vật lý, nhưng chỉ được một kết quả rất nhỏ: nhà trường để cho Ma-ri sử dụng một cái buồng kho ở tầng dưới, có tường lắp kính. Đó là một không gian bề bộn, ám khói vừa là kho chứa hàng, vừa để đặt máy, trang bị kĩ thuật thô sơ, tiện nghi không có.

Thiếu trang bị điện thích hợp và thiếu mọi thiết bị khởi đầu trong nghiên cứu khoa học, Ma-ri không nản lòng vẫn tìm cách cho chạy máy móc, dụng cụ trong gian phòng chật hẹp.

Nào có dễ đâu. Ẩm ướt và thời tiết thay đổi là kẻ thù nham hiểm của các dụng cụ chính xác. Trong phòng máy nhỏ hẹp này, thời tiết rất hại đối với những điện nghiệm kế nhạy bén, mà cũng chẳng tốt gì cho sức khoẻ của Ma-ri. Song có hề chi! Những lúc lạnh quá, Ma-ri đều ghi vào sổ tay nhiệt độ do hàn thử biểu chỉ. Ngày 6 tháng hai 1898, giữa những con số và những công thức, có ghi “Nhiệt độ ống tròn 6025”. Tiếp theo là mười chấm than! Sáu độ, rét thật.

Trước tiên, cần phải đo cho được khả năng “I-ôn hoá” của tia u-ra-ni, nghĩa là khả năng làm cho không khí trở thành dẫn điện, khiến một máy điện nghiệm xả điện.

Phương pháp rất hay mà Ma-ri áp dụng – nó sẽ là chìa khoá thành công trong các thí nghiệm của bà – trước đây đã do Pi-e và Giắc tìm ra trong khi nghiên cứu các hiện tượng khác. Dụng cụ gồm một “phòng i-ôn hoá”, một điện kế Qui-ri và một bàn thạch anh áp điện.

Nhận xét đầu tiên của Ma-ri rút được sau một vài tuần là: cường độ phát quang tỉ lệ thuận với lượng u-ra-ni có trong những mẫu nghiên cứu và sự phát quang ấy có thể được chính xác, không phụ thuộc vào trạnh thái hoá học của U-ra-ni hoặc điều kiện bên ngoài như ánh sáng, nhiệt độ v.v…

Điều đó đối với người thường, tưởng như không có gì quan trọng, nhưng trước con mắt nhà bác học lại vô cùng hấp dẫn. Đã bao phen, trong vật lý, có hiện tượng không giải thích được, sau một hồi nghiên cứu ngắn, lại có thể ghép vào những định luật đã biết trước kia rồi và do đó, chẳng còn lí thú gì đối với người tìm tòi nữa. Có thể ví như trong những truyện trinh thám viết dở, nếu mới đến chương ba tác giả đã cho biết rằng con người dáng điệu lạ lùng kia, cứ nghĩ là thủ phạm vụ ám sát nọ, chẳng qua chỉ là một người đàn bà bình thường mà cuộc sống chẳng có gì bí mật, thì câu chuyện hoá

nhạt và chúng ta không muốn đọc nữa.

Đằng này khác. Càng đi sâu tìm hiểu quang tuyến u-ra-ni, Ma-ri càng thấy rằng đây là những tia rất lạ. Chúng không giống hiện tượng nào cả. Chúng không hề bị cái gì tác động đến và mặc dù rất yếu ớt, chúng có một "đặc cách" phi thường.

Tâm trí Ma-ri cứ lật đi lật lại điều bí ẩn này. Nhà bác học linh cảm là chẳng bao lâu, có thể khẳng định rằng sự phát quang khó hiểu đó là một đặc tính nguyên tử. Bà nghĩ hiện tượng này mới chỉ bắt gặp ở chất u-ra-ni, song không có nghĩa rằng u-ra-ni là nguyên tố hoá học duy nhất có thể gây ra hiện tượng ấy. Biết đâu các chất khác cũng có khả năng này? Có thể những tia mới đó do *ngẫu nhiên* được tìm thấy ở u-ra-ni, mà rồi trong trí óc các nhà vật lý, chúng cứ gắn liền với u-ra-ni. Phải thử tìm những tia ấy ở chỗ khác.

Nghĩ là làm! Ma-ri thôi không nghiên cứu chất u-ra-ni nữa mà soát lại một lượt tất cả các *chất hoá học đã biết*. Kết quả là các hợp chất của một nguyên tố khác là tho-ri cũng phát quang với một cường độ không lớn. Nhà nữ bác học trẻ đã nhìn sáng suốt, hiện tượng này không là một đặc tình của u-ra-ni, cần phải cho nó một tên gọi riêng. Bà Qui-ri đề nghị gọi là *sự phóng xạ*. Các chất như u-ra-ni và tho-ri có khả năng "tỏa quang" đặc biệt, là những *chất phóng xạ.*

Hiện tượng phóng xạ làm cho nhà vật lý băn khoăn suy nghĩ nhiều. Bà tiếp tục nghiên cứu nhiều chất khác nhau bằng cùng một phương pháp. Không chỉ giới hạn phạm vi tìm tòi vào những hợp chất đơn giản là muối và o-xýt, Ma-ri bỗng nảy ra ý soát lại toàn bộ mẫu quặng có ở trường Vật lý, đem thử hết lượt qua điện nghiệm kế, ví như một cuộc khám xét thuế quan. Thử cầu may, không được gì cũng là giải trí. Pi-e cũng nghĩ như vậy và cùng Ma-ri chọn những mẫu quặng có gân, cứng hoặc dễ vụn, hình dáng kì quặc, mà Ma-ri có ý định khảo sát.

Ý nghĩ của Ma-ri thật đơn giản – đơn giản như mọi khám phá thiên tài. Bà Qui-ri đã đến một chặng đường mà có lẽ nhiều người tìm tòi khác sẽ ngừng lại hàng tháng, thậm chí hàng năm. Sau khi soát lại tất cả các chất hoá học đã biết và tìm ra được sự phát quang của tho-ri, như Ma-ri đã làm, có thể họ sẽ tiếp tục tự hỏi và không trả lời được vì sao có sự phóng xạ huyền bí đó. Ma-ri cũng tự hỏi và ngạc nhiên. Song ngạc nhiên này diễn ra bằng những hành động có hiệu quả. Mọi khả năng hiển nhiên đã được tận dụng, Ma-ri

quay ra cái chưa dò đến, cái còn bí ẩn.

Bà biết trước sự khảo sát các quặng sẽ cho thấy cái gì. Nói cho đúng, mới tưởng là biết. Loại quặng nào không có chất u-ra-ni hoặc tho-ri, sẽ tỏ ra hoàn toàn "không có thuộc tính". Còn các loại khác có u-ra-ni hoặc tho-ri thì phóng xạ.

Thực tế đã chứng minh những dự đoán ấy. Bỏ qua những quặng không có thuộc tính, Ma-ri bám sát những quặng khác và đo độ phóng xạ của chúng. Ở đây, có điều rất lạ. Sự phóng xạ ấy *mạnh hơn rất nhiều so với mức* phóng xạ mà người ta có thể dự đoán thông thường, căn cứ vào lượng u-ra-ni và tho-ri có trong các chất được khảo sát!

" Có thể là một lầm lẫn trong thực nghiệm".

Ma-ri nghĩ như vậy. Vì trước một hiện tượng bất ngờ, phản ứng đầu tiên của nhà bác học là hoài nghi.

Ma-ri bình tĩnh làm lại các đo lường, với cùng những chất đang nghiên cứu. Mười lần, rồi hai mươi lần. Sự thật vẫn hiển nhiên, lượng u-ra-ni và tho-ri có trong quặng không đủ để chứng minh cường độ đặc biệt của hiện tượng tỏa quang đang theo dõi.

Độ phóng xạ quá mức và khác thường ấy do đâu? Chỉ có thể giải thích như sau: các quặng chứa đựng một lượng rất nhỏ một chất có khả năng *phóng xạ mạnh hơn u-ra-ni và tho-ri rất nhiều*.

Song chất đó là gì? Trong các cuộc thí nghiệm trước, Ma-ri đã khảo sát *tất cả các chất hoá học khác đã biết*.

Nhà nữ bác học trả lời câu hỏi ở trên với sự vững vàng và táo bạo tuyệt vời của những thiên tài. Bà mạnh dạn nêu lên giả thuyết: các quặng ắt phải chứa đựng một chất phóng xạ đồng thời cũng là một nguyên tố hoá học cho đến nay chưa biết – *một chất mới lạ*!

Một chất mới lạ! Giả thuyết này thật hấp dẫn, quyến rũ, nhưng vẫn mới là giả thuyết. Cho đến lúc này, các chất phóng xạ cực mạnh ấy chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng của Pi-e và Ma-ri. Nhưng nhất định phải có! Một hôm, Ma-ri cố nén xúc động, nói với Brô-ni-a:

- Chị có biết không, một hiện tượng tỏa quang mà em không giải thích nổi, chính là do một nguyên tố hoá học chưa ai biết. Nguyên tố ấy đây rồi! Chỉ còn tìm ra nó, Pi-e và em tin chắc là có. Em nói chuyện với nhiều nhà vật lý thì họ ngờ là nhầm lẫn trong thực nghiệm và khuyên chúng em nên cẩn trọng. Song em nhất quyết là không nhầm.

Những giây phút không gì sánh tày của một cuộc sống duy nhất. Tâm lý thông thường vẫn hay mang một khái niệm lãng mạn hoàn toàn sai lệch về người tìm tòi và sự khám phá ra cái mới. Không phải bao giờ cũng có cái "giây phút phát hiện". Công việc của nhà bác học vốn phức tạp, tinh tế, và trong quá trình nghiên cứu gian khổ, sự thành công không hề loé ra như một tia chớp làm choáng mắt. Đứng trước các dụng cụ của mình, Ma-ri có lẽ không biết đến cái say sưa đột ngột của thành công, vì niềm vui khám phá thật ra đã tiềm tàng, tản mạn trong bao ngày làm việc có tính quyết định, những ngày chứa chan hy vọng tuyệt vời. Song, hồi hộp biết bao, cái giây phút mà Ma-ri thổ lộ bí mật của mình cho người chị ruột và đồng minh thân thuộc, sau khi đã vận dụng một lí luận chặt chẽ để kiểm tra lại và khẳng định được rằng mình đang theo dõi một chất mới lạ. Hai chị em xúc động không nói nên lời, để tâm hồn say sưa hồi tưởng lại những năm tháng đợi chờ, lần lượt hy sinh cho nhau và cuộc đời sinh viên khắc khổ nhưng tràn đầy tin tưởng và mơ mộng.

Mới cách đây bốn năm, Ma-ri viết:

"Cuộc sống chẳng có vẻ dễ dàng đối với mỗi chúng ta. Nhưng dù sao, phải kiên trì, nhất là phải tin ở mình chứ? Phải tin rằng ta có nhiều về một mặt nào đó và quyết đạt tới cho bằng được".

Cái "khiếu" ấy là đẩy khoa học vào một con đường không ngờ tới.

Trong thông báo gửi Viện hàn lâm khoa học đăng trên Bản tin khoa học ngày 12 tháng 4 năm 1898, Ma-ri Qui-ri báo tin trong quặng Pếch-blen có thể có một chất mới có tính phóng xạ mãnh liệt.

Thông báo có câu:

"Hai quặng u-ra-ni là pêch-blen (ô-xít u-ra-ni) có hoạt tính mạnh hơn bản thân u-ra-ni rất nhiều. Hiện tượng này rất đáng chú ý vá cho ta tin tưởng rằng các quặng ấy có thể chứa đựng một chất có hoạt tính hơn u-ra-ni nhiều".

Đó là giai đoạn đầu của sự khám phá ra chất ra-đi.

*

*   *

Do nhạy cảm, Ma-ri đã chứng minh cho mình rằng *chất ấy nhất định phải có*. Bà khẳng định như vậy. Bây giờ chỉ còn truy lùng chất ấy mà thôi. Bây giờ phải lấy thực nghiệm kiểm tra giả thuyết, cố tách riêng cái chất ấy ra. Tuy không tham dự trực tiếp vào việc này, Pi-e thường xuyên nhận xét, góp ý giúp đỡ Ma-ri.

Trước kết quả đặc biệt bất ngờ, Pi-e quyết định tạm ngừng công trình nghiên cứu về tinh thể mà anh đang làm, để dốc sức cùng Ma-ri tìm *nguyên tố mới*.

Thế là khi một việc trọng đại cấp thiết đòi hỏi một sự cộng tác thì một nhà vật lý lớn đã có mặt bên cạnh một nhà vật lý. Đó là Pi-e, người bạn đời của Ma-ri.

Ba năm trước đây, tình yêu đã nối liền hai con người phi thường ấy. Tình yêu, và có lẽ một sự tiên tri diệu kì, một bản năng không thể lầm lẫn về tinh thần đồng đội.

*

*   *

Sức chiến đấu nay đã gấp đôi. Trong cái xưởng nhỏ ẩm ướt phố Lô-mông, hai khối óc, bốn bàn tay cùng tim tòi một nguyên tố mới. Từ nay, trong sự nghiệp chung của hai vợ chồng bác học Qui-ri, không thể phân biệt đâu là phần của người này, đâu là phần của người kia. Chúng ta biết rằng Ma-ri, sau khi chọn nghiên cứu các quang tuyến của u-ra-ni làm đề tài luận án tiến sĩ, đã khám phá ra rằng nhiều chất khác cũng có tính phóng xạ. Rồi sau khi khảo sát nhiều loại quặng, Ma-ri đã có thể báo cáo sự có mặt của một nguyên tố hoá học mới phóng xạ rất mạnh và tầm quan trọng hàng đầu của phát hiện này đã thúc đẩy Pi-e Qui-ri tạm ngừng nghiên cứu về lĩnh vực khác để tìm cách tách chất đó ra. Từ tháng năm hay tháng sáu 1898 đó, bắt đầu sự cộng tác chặt chẽ trong tám năm giữa Pi-e và Ma-ri, chỉ chấm dứt một cách

tàn bạo do một tai nạn chết người.

Trong suốt tám năm ấy, khó mà phân biệt được việc gì do Ma-ri làm, việc gì do Pi-e làm. Có lẽ hai vợ chồng bác học đều không nghĩ đến điều đó. Thiên tài của Pi-e Qui-ri đã được tỏ rõ qua những công trình đặc biệt của nhà vật lý trước đây. Còn thiên tài của Ma-ri là linh cảm ngay từ giây phút đầu sự khám phá ấy, và khởi đầu một cách chớp nhoáng. Thiên tài ấy sau này được thể hiện một lần nữa khi bà quả phụ Qui-ri trong cảnh cô đơn, vẫn dũng cảm đảm đương một khoa học mới và đưa dần khoa học này đến phát triển rạng rỡ, hài hòa. Đó chẳng phải là những chứng cớ hiển nhiên rằng trong quá trình phối hợp tuyệt diệu giữa một nam một nữ ấy, cuộc trao đổi là bình đẳng đó sao?

Như vậy kể cũng đủ thỏa mãn lòng chúng ta tha thiết muốn tìm hiểu và khâm phục. Hãy đừng tách rời hai con người tràn đầy tình yêu mà chữ viết cũng quyện lấy nhau trên những trang sổ ghi đầy công thức. Hai con người mà rồi đây sẽ cùng kí chung hầu hết những bản báo cáo khoa học của họ. Pi-e và Ma-ri thường viết: *"Chúng tôi thấy rằng... chúng tôi nhận xét rằng..."* Trường hợp bất đắc dĩ phải nói rõ vai trò từng người, hai nhà bác học sẽ dùng cách nói cảm động như sau:

"Nhiều quặng u-ra-ni và tho-ri (pêch-blen, can-cô-lit và u-ra-nit) rất có hoạt tính về phương diện phát ra tia bếch-cơ-ren. Trong một công trình trước đây, một trong hai *chúng tôi đã chỉ rõ rằng hoạt tính của các quặng ấy còn mạnh hơn cả hoạt tính của u-ra-ni và tho-ri nữa, và đề xuất ý kiến rằng hiệu quả này có lẽ* do một chất gì khác có hoạt tính *chứa đựng trong những quặng đó với một lượng rất nhỏ".*

(Pi-e và Ma-ri Qui-ri. Tường trình ngày 18 tháng 7 năm 1898).

*

*   *

Hai vợ chồng bác học Qui-ri tìm cái "Chất rất có hoạt tính" trong một loại quặng u-ra-ni, đó là pêch-blen. Ở thể thô, *quặng pêch-blen tỏa ra phóng xạ mạnh hơn bốn lần ô-xít U-ra-ni tinh khiết* mà nó chứa đựng. Nhưng thành phần các chất có trong quặng ấy đã khá rõ. Vậy thì cái nguyên tố mới nằm trong quặng này phải ở một lượng rất nhỏ cho nên các nhà bác học mới không thấy, mặc dầu đã dùng những phương pháp phân tích tỉ mỉ và chính

xác.

Pi-e và Ma-ri ước lượng rằng quặng phải chứa đựng không quá một phần trăm nguyên tố mới, và còn nghĩ rằng như thế đã quá ít rồi. Họ sẽ kinh ngạc biết bao nếu biết rằng chất phóng xạ bí mật ấy không có đến một phần triệu trong quặng pêch-blen.

Rất kiên nhẫn, hai nhà vật lý bắt tay khảo sát bằng một phương pháp tự đặt ra, dựa trên tính phóng xạ: dùng lối phân tích hóa học thông thường, tách riêng các chất có trong pêch-blen rồi đo độ phóng xạ của từng chất. Qua nhiều lần loại trừ, dần dần hiện tượng phóng xạ "dồn" hết vào những mảnh quặng nào đó. Công việc càng tiến thì phạm vi nghiên cứu càng thu hẹp. Đó chính là phương pháp mà Sở Công an hay dùng khi cần khám từng nhà trong một khu phố để truy lùng một kẻ phạm tội.

Song ở đây, không chỉ có phạm nhân: tính phóng xạ tập trung vào hai phần hóa học của pêch-blen. Đối với ông bà Qui-ri, đó là dấu hiệu *có hai chất mới khác nhau*. Kể từ tháng 7 năm 1898, họ đã có thể công bố sự *khám phá ra một trong hai chất này*.

Pi-e bảo người vợ trẻ:

- Em phải đặt tên cho "nó" đi!

Người thiếu phụ trước kia là cô Xkhua-đôp-xka trầm ngâm một lúc. Bất giác, trái tim Ma-ri bay về Tổ quốc đã bị xoá tên trên bản đồ thế giới. Bà mơ màng suy nghĩ rằng sự kiện khoa học này sẽ được đăng báo ở nước Nga, nước Đức, nước Áo, những nước đang đàn áp Ba Lan. Rồi bà ngập ngừng đáp:

- Hay gọi nó là "Pô-lô-ni"?

Bản tường trình tháng 7 năm 1898 có viết:

... *"Chúng tôi nghĩ rằng* cái chất mà chúng tôi chiết ra từ pêch-blen chứa đựng một kim loại mới chưa ai nói đến bao giờ*, nó gần với bitx-mút do đặc tính phân tích của nó. Nếu sự có mặt của kim loại mới này được xác minh, chúng tôi đề nghị gọi nó là Pô-lô-ni, tên đất nước quê hương của một trong hai chúng tôi".*

Trước khi công bố trên thông báo của Viện hàn lâm khoa học Pháp việc khám phá ra một chất phóng xạ mới trong quặng pêch-blen, Ma-ri đã gửi bản thảo về Tổ quốc của mình cho Dô-dếp Bô-gu-xki, phụ trách phòng thí nghiệm của Bảo tàng kĩ nghệ và Nông lâm, nơi khi xưa Ma-ri đã từng làm thí nghiệm đầu tiên. Thông báo này được đăng ở Vác-xô-vi "Tạp chí Ánh sáng" (Swiatlo), đồng thời đăng ở Pa-ri.

*

*   *

Trong ngôi nhà ở phố Nhà máy nước đá, cuộc sống không có gì thay đổi. Ma-ri và Pi-e làm việc hơn mọi lúc, thế thôi. Hè đến, nóng nực, Ma-ri cố thu xếp thì giờ đi chợ mua hàng giỏ trái cây về và như thường lệ, đem nấu mứt để dành đến mùa đông, theo cách vẫn quen làm ở nhà Qui-ri.

Sau đó, Ma-ri đóng các cửa sổ, đem hai xe đạp ra ga Ooc-lê-ăng. Như trăm nghìn phụ nữ Pa-ri khác, bà đi nghỉ hè với chồng và con.

Họ thuê một nhà nông dân ở làng O-ru xứ O-vec. Không khí thôn quê trong lành dễ chịu biết bao so với khói và hơi độc ở phố Lô-mông! Pi-e và Ma-ri chơi rất nhiều nơi. Hết lên dốc lại xuống dốc, hết đi thăm ruộng lại đi tắm sông. Hằng ngày ở thôn quê, vẫn bàn đến "Những kim khí mới", đến Pô-lô-ni, và các chất thứ hai đang cần phải tìm. Để đến tháng chín, lại về với cái kho ẩm thấp và những mảnh quặng xám xịt và tiếp tục tìm tòi, thí nghiệm với một niềm hăng say mới.

Một nỗi buồn làm giảm thú vui say mê với công việc của Ma-ri. Anh chị Du-xki sắp rời Pa-ri, để trở về Ba Lan mở một an dưỡng đường cho người lao ở vùng núi Za-kô-pan. Hai chị em lưu luyến chia tay nhau, lòng buồn rười rượi. Ma-ri mất một người bạn, một người đỡ đầu, và lần đầu tiên thấm thía sâu sắc cảnh tha hương.

Ma-ri biên thư cho chị ngày 2 tháng 12 năm 1898:

" Chị không thể tưởng tượng được sự trống trải mà chị để lại. Hai anh chị đi, em đã mất những gì em gắn bó nhất ở Pa-ri ngoài chồng con ra. Giờ đây, Pa-ri đối với em chỉ còn là cái nhà của chúng em và cái trường, nơi chúng em làm việc. Chị hỏi hộ em bà cụ Du-xka rằng cái cây xanh mà cụ để lại có phải tưới không, và mỗi ngày mấy lượt? Nó có cần ánh sáng mặt

trời không?

Thời tiết độ này xấu, mưa và bùn, nhưng chúng em vẫn bình thường. I-ren đã hơi lớn rồi. Cháu rất khảnh ăn, không như con người ta. Ngoài bột nấu với sữa, nó chẳng chịu ăn gì, kể cả trứng. Chị bảo trẻ em bằng tuổi ấy nên ăn những gì cho hợp".

*

*   *

Vài trang sổ tay của Ma-ri Qui-ri trong năm 1898 đáng ghi nhớ ấy. Đọc nghe tầm thường nhưng có lẽ chính vì nó bình thường mà đáng kể ra đây.

Ghi ở lời quyển "Những món ăn thành thị", ngay bên cạnh mục "mứt phúc bồn tử nấu đông".

"Lấy bốn cân quả và bốn cân đường, đun sôi mười phút rồi lọc qua một cái rây khá mịn. Được mười bốn lọ nước quả khá đặc và đông ngay".

Người mẹ trẻ ghi vào một quyển vở học sinh bọc vải xám, từng ngày, cân lạng của bé I-ren, chế độ ăn, hôm nào mọc răng. Đến ngày 20 tháng 7 năm 1898 một tuần sau khi đăng báo việc khám phá ra chất Pô-lô-ni, trong quyển vở có ghi:

"I-ren đã biết ra hiệu bằng tay để tỏ ra là nó "cảm ơn". Nó đã bò rất khoẻ. Nó nói "gô-ghi, gô-ghi, gô". Cả ngày nó ở ngoài vườn ở Xô, trên một tấm thảm. Nó lăn, rồi trở dậy, rồi ngồi".

Ngày 15 tháng 8:

"I-ren mọc răng thứ bảy, hàm dưới, bên trái. Nó đứng một mình được đến nửa phút. Từ ba hôm hay, ngày nào cũng mang nó ra tắm sông. Lúc đầu, nó thét, nhưng hôm sau (lần thứ tư) nó quen, không kêu nữa, cứ vỗ lạnh bạch xuống nước.

Nó đùa với con mèo, đuổi mèo và tru tréo lên. Nó không sợ người lạ nữa. Nó hát suốt ngày. Cứ đặt ngồi trên ghế là nó trèo lên bàn".

Hai tháng sau, ngày 17 tháng 10, Ma-ri ghi với một vẻ tự hào:

"I-ren đi vững rồi, không bò nữa"

Ngày 5 tháng giêng năm 1899:

"I-ren được 15 răng rồi"

Giữa hai câu ghi chép trên đây, nghĩa là khoảng thời gian từ 17-10-1898 đến 5-1-1899, có một đoạn ghi chép đáng chú ý. Đoạn này do Pi-e và Ma-ri cùng một người cộng tác nữa thảo gửi cho Viện hàn lâm khoa học và đăng trong thông báo ngày 26 tháng 12 năm 1898, báo tin sự có mặt trong quặng pêch-blen một nguyên tố hoá học phóng xạ thứ hai.

Đây là trích một đoạn của thông báo đó:

"Những lý do mà chúng tôi vừa kể trên làm chúng tôi tin rằng chất phóng xạ mới chứa đựng một nguyên tố mới mà chúng tôi đề nghị đặt tên là Ra-đi.

Chất phóng xạ mới hẳn là chứa đựng một tỉ lệ nhỏ chất Ba-ri thế mà tính phóng xạ vẫn rất mạnh. Do đó, tính phóng xạ của Ra-đi hẳn rất lớn".

CHƯƠNG XIII

BỐN NĂM TRỜI TRONG NHÀ XE

Đọc thông báo về sự khám phá ra chất Ra-đi, một quần chúng bình thường tin ngay rằng chất Ra-đi có thật, không chút nghi ngờ. Những người mà trí phán đoán chưa được mài sắc và lại bị méo mó nghề nghiệp thường giữ được một sức tưởng tượng mới mẻ. Họ sẵn sáng thừa nhận và ngưỡng mộ bất cứ sự kiện bất ngờ gì, dù kì lạ mấy đi nữa.

Nhưng thái độ của nhà vật lý, người đồng nghiệp với ông bà Qui-ri, đứng trước tin này, lại khác. Mấy đặc tính của hai chất Ra-đi và Pô-lô-ni làm đảo lộn cả những thuyết căn bản từ bao thế kỉ nay vẫn được các nhà bác học tin tưởng. Giải thích thế nào đây sự tỏa quang tự phát của những chất phóng xạ? Khám phá này làm lay chuyển cả một loại khái niệm quen thuộc và trái với nhiều ý kiến xưa nay vẫn được coi là vững chắc về thành phần vật chất. Chính vì vậy mà thái độ của những nhà vật lý tỏ ra thận trọng. Tuy rất lưu ý đến công trình của Pi-e và Ma-ri Qui-ri, biết rằng lĩnh vực này sẽ còn phát triển vô tận, nhà vật lý vẫn chờ đợi những kết quả quyết định rồi mới có ý kiến.

Nhà hóa học lại còn dứt khoát hơn nữa. Theo định nghĩa, nhà bác học chỉ công nhận một chất mới sau khi đã có thể trông thấy, sờ mó, cân đo, thí nghiệm với các a-xít, đựng trong lọ, và tính được trọng lượng nguyên tử của chất đó.

Song cho đến nay, chưa ai trông thấy chất Ra-đi. Chưa ai biết trọng lượng nguyên tử của Ra-đi và các nhà bác học, trung thành với nguyên tắc của họ, kết luận: “Phi trọng lượng nguyên tử, không có Ra-đi. Hãy cho chúng tôi xem chất Ra-đi, chúng tôi sẽ tin”.

Muốn chỉ rõ chất Ra-đi và Pô-lô-ni cho những ai còn hoài nghi, muốn chứng minh cho thế giới biết “con đẻ” của họ và cũng để tự củng cố thêm lòng tin, ông bà Qui-ri sẽ phải làm việc bốn năm trời nữa.

*

*   *

Phải lấy được Ra-di và Pô-lô-ni nguyên chất. Trong các chất có tính phóng xạ mạnh nhất mà hai nhà bác học chế ra được, Ra-di và Pô-lô-ni chỉ ở dạng những dấu vết không thể nắm được. Muốn tách rời hai kim loại mới này, cần đến rất nhiều nguyên liệu.

Ba vấn đề nan giải là:

Làm thế nào có đủ quặng?

Chế biến quặng ở chỗ nào?

Tiền đâu giả chi phí?

Lúc này ở một vùng Bô-hêm (thời đó còn thuộc nước Áo – ND) người ta khai thác pêch-blen để lấy muối u-ra-ni cần cho kĩ nghệ pha-lê. Đó là một loại quặng quý giá. Hàng tấn pêch-blen rất đắt tiền, quá đắt đối với Pi-e và Ma-ri.

Thiếu tiền sẽ có tài tháo vát thay thế. Hai nhà bác học có một dự đoán sáng suốt: sau khi u-ra-ni được chiết ra để làm pha-lê, trong quặng vẫn cón lại nguyên vẹn hai chất Pô-lô-ni và Ra-đi. Và nếu pêch-blen nguyên chất rất đắt, khi lấy hết muối u-ra-ni ra rồi, có thể rất rẻ.

Pi-e và Ma-ri nhờ một người bạn đồng nghiệp người Áo giới thiệu để mua một khối lượng lớn xỉ thừa với giá phải chăng.

Thật là đơn giản, nhưng vấn đề là phải nghĩ tới…

Để mua nguyên liệu và trả tiền chuyên chở tới Pa-ri, Pi-e và Ma-ri lấy trong tiết kiệm ít ỏi của mình. Họ chẳng ngây thơ gì mà xin nhà nước Pháp trợ cấp. Tuy hai nhà vật lý đang ở thời kì sắp có một khám phá trọng đại, nếu yêu cầu trường Đại học hay Nhà nước cấp tiền để mua xỉ pêch-blen, người ta sẽ cười cho. Dù sao, đơn của họ sẽ lẫn trong những hồ sơ của một bàn giấy nào đó, và phải hàng tháng mới được trả lời, chắc chắn là bị từ chối. Trong bao nhiêu truyền thống, bao nhiêu nguyên tắc mà cuộc cách mạng Pháp đã để lại, và trong nhiều trường hợp, đã từng khuyến khích khoa học, nhà nước Pháp hình như chỉ còn giữ lại, sau hơn một thế kỉ, những lời nói

đáng tiếc của Phu-ki-ê Tanh Vin trong phiên toà đã kết án tử hình La-voa-di-ê[37].

"Chính phủ cộng hoà không cần đến những nhà bác học".

Hoặc giả ít ra cũng có thể cho ông bà Qui-ri mượn một phòng làm việc thích hợp trong bấy nhiêu tòa nhà thuộc trường Xoóc-bon? Nghe chừng không được. Sau nhiều lần chạy vạy vô ích, Pi-e và Ma-ri lại trở về điểm khởi đầu, nghĩa là về trường Vật lý nơi Pi-e đang dạy và cái xưởng nhỏ mà Ma-ri đã từng làm những thí nghiệm đầu tiên. Xưởng trông ra một cái sân, bên kia sân có một cái lồng bằng gỗ, một cái nhà xe bỏ trống, mái lồng kính đã trong tình trạng tồi tàn đến nỗi nước mưa giột vào nhà y như ngoài sân. Khi xưa, trường đại học Y khoa dùng nơi này làm phòng mổ xác nhưng đã lâu rồi, ngay dùng để tử thi cũng không đáng. Không có sàn. Nền đất chỉ phủ một lớp nhựa đường mỏng. Đồ đạc vỏn vẹn vài chiếc bàn làm bếp ọp ẹp, một cái bảng đen không hiểu tại sao lại lạc đến đây, một cái lò gang cũ, ống thông hơi đã gỉ.

Một người thợ có lẽ cũng không thèm làm ở đây. Vậy mà Pi-e và Ma-ri vẫn thản nhiên chịu đựng. Cái nhà xe ấy có một ưu điểm, trông nó tiều tuỵ quá, đổ nát quá nên chẳng ai nghĩ đến việc từ chối cho hai vợ chồng hoàn toàn sử dụng.

Hiệu trưởng trường Vật lý xưa nay vẫn lưu ý đến Pi-e chắc cũng ân hận là không có gì hơn để cho Pi-e mượn cả. Dù sao, nhà trường cũng không giao cho hai nhà bác học một nơi nào khác. Pi-e và Ma-ri quá mừng vì không phải ra đứng đường với những dụng cụ của mình, cám ơn nói:

"Thế là được rồi. Chúng tôi sẽ thu xếp sau".

Giữa lúc họ tiếp nhận cái nhà xe thì có thư trả lời từ nước Áo. Những tin vui. Thật may, xỉ quặng đã lọc hết muối U-ra-ni chưa bị phân tán mà vẫn còn chất đống ở ven mỏ Gio-Khin-xthan, trên một khoảnh đất bỏ không, trồng đầy thông.

Nhờ có giáo sư Xu-ét và Viện hàn lâm khoa học Viên xin hộ, Pi-e và Ma-ri được chính phủ Áo tặng một tấn xỉ, "cho hai người từ cung trăng xuống hay sao mà lại cần cái của đó". Sau này, nếu họ cần nhiều hơn nữa, mỏ sẽ nhượng thêm cho họ với những điều kiện hời nhất.

Một buổi sáng, một cái xe ngựa thồ nặng y như loại xe chở than dừng lại ở phố Lô-mông, trước cửa trường Vật lý. Được tin, Pi-e và Ma-ri chạy vội ra ngoài, đầu trần, mặc áo choàng phòng thí nghiệm. Pi-e còn giữ được vẻ bình tĩnh thường ngày, nhưng Ma-ri không kìm nổi niềm vui sướng trước những bao tải do anh em lao công vác vào. Quặng pêch-blen đây rồi, pêch-blen của Ma-ri đây, đã có giấy báo của nhà ga hàng hoá đến từ mấy hôm trước. Không nén nổi nôn nóng, tò mò và sốt ruột, Ma-ri muốn mở ngay một bao tải ra xem để ngắm nghía cái kho tàng quý báu của mình. Cắt dây gai, bao tải vừa tung ra, bà đã vục hai tay vào quặng nâu và xám xịt, còn lẫn lá thông vùng Bô-hêm.

Chất Ra-đi trốn ở đây. Dù có phải dùng hàng núi cái chất vô dụng, giống như bụi đường này, nhất định Ma-ri sẽ rút bằng được Ra-đi ở đó ra.

*

*   *

Trông một buồng xép sát nóc, Ma-ri Xkhua-đốp-xka đã sống những giờ phút say sưa nhất của đời sinh viên. Giờ đây, trong một lán gỗ tiêu điều, Ma-ri Qui-ri lại được biết những niềm vui kì diệu. Lạ lùng thay sự khởi đầu trở lại đó, khi một hạnh phúc khắc khổ và tinh tế (mà có lẽ chưa một người đàn bà nào đã cảm thấy trước Ma-ri) lại hai lần chọn cái khung cảnh nghèo nàn nhất.

Cái nhà xe phố Lô-mông thật là một điển hình về mặt thiếu tiện nghi. Mùa hè thì cái mái lắp kính làm cho nóng như thiêu như đốt. Mùa đông, chẳng biết nên mong băng giá hay mưa. Nếu trời mưa, nước giọt cứ thánh thót rơi xuống đất hoặc trên bàn, nghe rất khó chịu. Những chỗ này hai nhà vật lý đã đánh dấu để tránh không đặt dụng cụ. Gặp tiết trời băng giá thì người cũng lạnh cóng, không có cách nào khác. Có chất đầy than củi vào lò cũng bằng không. Phải áp người thật sát lò mới thấy ấm đôi chút, nhưng chỉ rời một bước thì đã rét buốt rồi!

Vả lại, Pi-e và Ma-ri cũng cần làm quen với thời tiết bên ngoài chứ! Thiếu trang bị kĩ thuật, không có ống thoát hơi độc, phần đông công việc phải làm giữa sân ở ngoài trời. Mỗi khi mưa rào, hai vợ chồng phải tất tả chuyển dụng cụ vào nhà xe. Để tiếp tục công việc mà không bị ngạt, họ thường mở hết cửa cho thoáng gió.

Nhà nữ bác học bị bệnh lao mới chớm, chắc không dám khoe với bác sĩ về cách điều trị của mình.

Về sau, Ma-ri viết:

"Dạo đó, chúng tôi không có tiền, không có phòng thí nghiệm và không có người giúp việc trong công trình quan trọng và khó khăn ấy. Hầu như chúng tôi đã làm tất cả với hai bàn tay không. Nếu xưa kia anh Ca-di-mia Du-xki đã từng gọi những năm tôi còn là sinh viên, là "những năm trời anh dũng của cô em vợ" thì nay cũng có thể nói không quá rằng thời gian ấy đối với Pi-e và tôi "cũng là thời gian anh dũng trong cuộc sống chung của hai người".

Chính trong cái nhà xe tiêu điều ấy mà chúng tôi đã sống những năm tháng tốt đẹp, hạnh phúc nhất, hoàn toàn dốc vào công việc. Nhiều khi tôi nấu ăn tại đây để khỏi phải dừng một vài thao tác đặc biệt quan trọng. Có khi suốt ngày đứng quấy một chất đang sôi với một thanh sắt cao ngang tầm người, tối về cứ là mệt rã ra".

Đó là điều kiện làm việc của hai vợ chồng nhà bác học Qui-ri, những năm từ 1898 đến 1902.

Năm đầu, Pi-e và Ma-ri cùng tiến hành việc tách riêng hai chất Pô-lô-ni và Ra-đi và nghiên cứu sự phóng xạ của hai kim loại này.

Sau đó, hai người thấy cần phải phân công. Pi-e cố đi sâu vào những đặc tính của Ra-đi, làm quen với kim loại mới này. Ma-ri tiếp tục lấy từ trong quặng ra muối Ra-đi nguyên chất. Thế là Ma-ri nhận phần việc nặng nhọc hơn. Trong nhà xe, Pi-e say sưa làm các thí nghiệm tinh vi. Ngoài sân, Ma-ri choàng cái tạp dề cũ, mắt cay sè vì khói, một mình làm công việc của cả một nhà máy.

Bà viết:

"Dần dà, tôi nhận thấy phải chế biến mỗi lần 20kg nguyên liệu. Nhà xe bày đầy những lọ to đựng chất kết tủa và chất lỏng. Khuân những lọ ấy, đổ từ cái này sang cái kia, rồi đứng hàng giờ quấy các chất đang sôi trong một chảo gang thật là một việc nặng nhọc".

Song chất Ra-đi vẫn muốn giữ bí mật. Nó chưa muốn để loài người biết nó. Còn đâu thời mà Ma-ri dự tính lấy được từ xỉ pêch-blen một phần trăm chất Ra-đi. Sức phóng xạ của kim loại mới này mạnh đến nỗi một lượng Ra-đi rất nhỏ, phân tán trong quặng, đã gây ra những hiện tượng đập vào mắt, rất dễ quan sát và đo lường. Làm sao tách một lượng Ra-đi vô cùng nhỏ bé ấy ra khỏi xỉ quặng mà nó đã quyện vào rất chặt. Đó là vấn đề khó, hầu như không làm được.

Những chuỗi ngày làm việc kéo dài hàng tháng, hàng năm. Pi-e và Ma-ri không nản. Cái chất bí mật kia càng không chịu xuất hiện, càng quyến rũ hai nhà vật lý mà tình yêu và lòng hâm mộ khoa học đã gắn bó trong một cái lán gỗ, vào một cuộc sống "khác thường".

Ma-ri viết:

"Thời gian đó, chúng tôi dốc hết tâm trí vào cái lĩnh vực mà một khám phá không lường được mới mở ra trước mắt mình. Bao khó khăn trở ngại về điều kiện làm việc mặc lòng, chúng tôi vẫn cảm thấy rất sung sướng. Hai người suốt ngày ở phòng thí nghiệm. Trong cái nhà xe tiều tụy, có một sự yên tĩnh lạ thường. Thỉnh thoảng trong khi theo dõi một chế biến đang tiến hành, tôi hoặc Pi-e đi đi, lại lại, hết nói chuyện hiện tại lại bàn đến tương lai. Ấm lòng biết bao chiếc ấm nước trà uống bên cạnh lò, những khi trời lạnh. Cuộc sống chúng tôi hướng vào một mục đích duy nhất, như trong mơ...

Khách khứa rất ít. Trong các nhà vật lý và hoá học, thỉnh thoảng có người đến xem chúng tôi làm thí nghiệm, hoặc đến hỏi ý kiến Pi-e, anh có tiếng là thông thạo nhiều bộ môn Vật lý. Và mỗi lần, thường có những cuộc đàm thoại trước bảng đen, sau này ai nấy còn ghi nhớ mãi. Nó kích thích sự chăm chú đến khoa học và hăng say làm việc, mà không làm gián đoạn dòng suy nghĩ và bầu không khí yên lặng và tĩnh tâm của phòng thí nghiệm".

Những lúc Pi-e và Ma-ri rời dụng cụ trong chốc lát và thư thái trò chuyện bên nhau, những lời trao đổi về chất Ra-đi mà họ say mê, chuyển từ siêu việt thành ngây thơ.

- Chẳng hiểu "nó" sẽ ra sao nhỉ? Trông nó như thế nào? – Ma-ri hỏi với vẻ tò mò, nôn nóng của một đứa trẻ được người lớn hứa cho một đồ chơi – Pi-e, anh có thể mường tượng hình dung của nó không?

- Nào ai biết được – Pi-e nhẹ nhàng nói – Anh muốn nó có một màu thật đẹp!

*

*   *

Rất lạ là trong thư từ của Ma-ri Qui-ri, không thấy bà nhắc đến bao nỗ lực phi thường của mình, bằng những lời bóng bẩy, nhạy cảm mà xưa kia, chốc chốc lại xuất hiện trong những lá thư tấm tình thân mật. Phải chăng những năm tha hương đã làm phai nhạt tình thân thiết giữa người thiếu phụ trẻ với họ hàng? Phải chăng vì nhiệm vụ thúc bách và thiếu thì giờ mà Ma-ri không còn hay thổ lộ như xưa nữa?

Lý do chính có thể ở chỗ khác. Chẳng phải ngẫu nhiên mà thư của bà Qui-ri mất dần tính độc đáo giữa lúc mà lịch sử cuộc đời của nhà bác học trở thành xuất chúng. Khi còn là học trò, là cô giáo, là sinh viên hoặc là người vợ mới cưới, Ma-ri có thể tâm sự được… Nhưng ngày nay chí hướng bí mật và chưa nói ra được khiến bà thành đơn độc. Trong đám người thân, không còn ai hiểu được bà, thấu được điều lo nghĩ và băn khoăn nan giải của bà. Giờ đây, Ma-ri chỉ còn có thể đem những nhận xét của mình trao đổi với một người duy nhất, một bạn đường: đó là Pi-e Qui-ri. Chỉ riêng với Pi-e, Ma-ri mới nói những tư tưởng hiếm có và những ước mơ của mình. Còn với tất cả họ hàng, dù thân thiết mấy chăng nữa, từ nay Ma-ri chỉ có thể phô bày một hình ảnh gần như tẻ nhạt về bản thân. Bà sẽ chỉ kể mặt sinh hoạt của đời mình, đôi khi tìm ra những lời cảm động để khoe nỗi niềm sung sướng của người vợ. Còn công việc, thì chỉ nói qua vài câu vắn tắt, không biểu lộ gì, theo kiểu báo tin ba dòng…

Chúng ta nhận thấy ở đây một quyết tâm rất mực, Ma-ri không muốn tô điểm con đường mình đã chọn.

Do khiêm tốn, tế nhị, ghét những lời rỗng và thừa, Ma-ri tự che dấu, hay nói cho đúng, chỉ cho biết một khía cạnh của đời mình. Nhà bác học thiên tài chủ tâm muốn tỏ rõ mình cũng chỉ là "một người đàn bà như trăm nghìn người khác".

Ma-ri viết thư cho Brô-ni-a năm 1899:

"Cuộc sống của hai chúng em cũng đều đều như thế. Làm việc nhiều,

nhưng ngủ được, nên sức khoẻ không bị ảnh hưởng. Buổi tối, em chăm sóc I-ren. Sáng ra, mặc cho cháu, cho nó ăn, rồi em có thể đến trường vào lúc chín giờ. Cả năm chúng em không đi xem hát hoặc đi nghe hòa nhạc. Chúng em không đến chơi một ai. Vả lại cũng chẳng thấy cần… Em chỉ cảm thấy da diết nhớ nhà, nhớ anh chị và cha. Lắm lúc em cứ nghĩ buồn về cảnh tha hương của mình. Ngoài ra em không có gì than phiền cả. I-ren lớn đều, sức khoẻ của em và Pi-e vẫn tốt. Em có một người chồng tốt không thể tưởng tượng được. Thật là trời cho, chúng em càng sống với nhau, càng thấy yêu nhau hơn.

Còn công việc vẫn cứ tiến. Em sắp làm thuyết trình về vấn đề này. Đáng lẽ làm thứ bảy tuần trước, nhưng rồi bận, định cố đến thứ Bảy này, bằng không thì phải mười lăm hôm nữa.”

Công việc mà trong thư chỉ nhắc đến một cách khô khan đang tiến triển rất tốt đẹp. Trong hai năm 1899 và 1900, Pi-e và Ma-ri đăng báo cáo về “Tính phóng xạ cảm ứng” do Ra-đi gây ra, một bài nữa về “điện tích của các tia phóng xạ”. Cuối cùng, năm 1900, là một bản tổng quát về các chất phóng xạ, gửi tới Hội vật lý, được giới khoa học hết sức chú ý.

Ngày khoa học mới về phóng xạ phát triển dồn dập như vũ bão. Ông bà Qui-ri cần người cộng tác. Cho đến nay, hai nhà bác học chỉ nhận được sự giúp đỡ thất thường của một công nhân ở phòng thí nghiệm tên là Pơ-ti, một con người chân thật, sốt sắng, hầu như giấu giếm đến giúp ngoài giờ. Nay cần phải có những người biết kĩ thuật. Khám phá của Ma-ri và Pi-e có nhiều phát triển quan trọng trong lĩnh vực hoá học cần được đặc biệt chú ý. Họ tìm sự cộng tác của người nghiên cứu có năng lực.

Ma-ri viết:

“Việc nghiên cứu về phóng xạ khởi đầu trong tình trạng đơn độc nhưng về sau phát triển rộng, ngày càng đòi hỏi sự cộng tác. Từ 1898, một trưởng phòng thí nghiệm là Gioóc Bê-mông đã đến giúp chúng tôi chút ít. Năm 1900, Pi-e gặp một nhà hoá học trẻ An-đrê Đơ-biếc, trợ tá của giáo sư Phơ-ri-đen, được giáo sư rất tin cậy. Do lời mời của Pi-e, An-đrê Đơ-biếc, nhận trông coi công việc phóng xạ. Anh cũng tìm được một nguyên tố phóng xạ mới, đặt tên là Ac-ti-ni. Tuy làm việc ở phòng thí nghiệm hoá lý ở Xoóc-bon do giáo sư Pa-ranh trông nom, anh hay đến thăm chúng tôi tại nhà xe, và trở thành một người bạn rất thân của chúng tôi, với bác sĩ Qui-ri và sau

này với các con chúng tôi.”

“... Cũng thời gian này, một nhà vật lý trẻ tên là Gioóc Xa-nhắc đang nghiên cứu về tia X thường đến trao đổi với Pi-e Qui-ri về những điểm giống nhau giữa tia X, với tia thứ cấp và sự tỏa quang của các chất phóng xạ. Hai người có chung một công trình về điện tích do các tia thứ cấp chuyển vận.”

Hàng tấn xỉ pêch-blen tiếp tục từ nước Áo chuyển đến và được Ma-ri khai thác với một sự nhẫn nại đáng sợ. Suốt bốn năm ròng rã, mỗi ngày bà vừa là nhà bác học, thợ chuyên môn, kĩ sư và lao công. Đôi bàn tay và khối óc của bà đã tạo ra được những chất ngày càng cô đặc, ngày càng chứa nhiều Ra-đi, giờ đây đặt hết lên mấy cái bàn cũ trong nhà xe điều khiển.

Đã gần tới đích rồi. Nay không còn là lúc phải đứng suốt ngày giữa sân, mắt cay sè vì khói, canh từng chảo nặng đầy quặng đang sôi. Nay đã đến thời kì tinh khiết và “kết tinh từng phần những dung dịch phóng xạ rất cô đọng”. Cần có một gian nhà sạch, với những dụng cụ hoàn toàn được chống rét, chống nóng, chống bụi. Trong nhà xe đổ nát, bốn bề gió thổi, hắt cả bụi sắt, bụi than vào cái chất đã tốn bao công phu mới tinh khiết được. Trước các tai họa xảy ra hàng ngày, mất bao nhiêu thì giờ và sức khoẻ, lòng Ma-ri se lại.

Còn Pi-e thì đã chán cái cảnh phải đấu tranh mãi và gần muốn bỏ cuộc. Nói cho đúng, Pi-e không hề nghĩ bỏ hẳn việc nghiên cứu chất Ra-đi và hiện tượng phóng xạ. Trong giờ phút này, Pi-e định hãy tạm ngừng cái thao tác đặc biệt là chế ra Ra-đi nguyên chất vì có những trở ngại hầu như không vượt được. Đợi khi nào có điều kiện sẽ làm, chẳng hơn sao? Ý nghĩ của hiện tượng tự nhiên được Pi-e chú trọng hơn là thực tế vật chất. Pi-e bực dọc thấy Ma-ri vất vả như vậy mà kết quả không có gì. Pi-e khuyên Ma-ri hãy dừng ở đây.

Song nhà bác học đã hiểu rõ tính tình của vợ. Ma-ri đã định làm việc gì thì nhất quyết làm bằng được. Đã muốn chiết suất Ra-đi nguyên chất thì khó mấy cũng sẽ có được chất này. Ma-ri chẳng quản mệt nhọc, khó khăn mà ngay kiến thức hạn chế của bà càng làm tăng thêm. Dù sao, Ma-ri còn là một nhà vật lý trẻ tuổi, đâu có sự chín chắn, và kiến thức rộng lớn của Pi-e – một người đã hai mươi năm trong ngành. Chốc chốc, Ma-ri lại vấp những hiện tượng, những phương pháp mà bà còn bỡ ngỡ, thế là lại tất tả chạy đi

tìm tài liệu.

Có hề chi! Vầng trán rộng và cái nhìn kiên nghị kia vẫn cứ cặm cụi, bám lấy các dụng cụ bát sứ dùng để nghiên cứu.

Năm 1902, bốn mươi nhăm tháng sau cái ngày mà vợ chồng bác học báo tin rằng chất Ra-đi có thể có trong tạo hoá, Ma-ri cuối cùng cũng giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh tiêu hao ấy. Bà đã chế ra được một đề-xi-gam Ra-đi nguyên chất và lần đầu tiên, tìm ra trọng lượng nguyên tử của chất mới đó là 225.

Những nhà bác học hoài nghi – đến nay lúc này vẫn hãy còn một vài người – chỉ cúi đầu trước sự việc trước quyết tâm phi thường của một phụ nữ.

Chất Ra-đi chính thức được xác nhận.

*

*   *

Đã chín giờ tối, Pi-e và Ma-ri lúc này đang ở nhà đằng đại lộ Kê-léc-man. Nơi đây thật hợp với hai nhà bác học. Từ ngoài đường nhìn vào, qua ba hàng cây che mất nửa ngôi nhà, chỉ còn trông thấy một bức tường buồn tẻ, một cửa ra vào nhỏ bé. Nhưng sau căn nhà một tầng gác ấy có một mảnh vườn xinh xắn rất tĩnh mịch. Và vượt khỏi “hàng rào” ở cổng Giăng-ti-I là có thể đạp xe ra ngoại ô, đến với rừng thưa.

Cụ Qui-ri quay về phòng riêng, Ma-ri tắm rửa cho con gái xong đã đưa nó đi ngủ và ngồi một lúc lâu bên chiếc giường nhỏ. Tối nào cũng vậy, đã thành lệ, I-ren không thấy mẹ bên cạnh, cứ luôn tiếng gọi “mẹ”, thế là Ma-ri đành chiều theo ý của đứa bé mới bốn tuổi, lên gác đến ngồi ở đầu giường con, trong bóng tối, cho tới khi tiếng đứa bé nhường dần cho nhịp thở đều đều. Lúc này Ma-ri mới xuống dưới nhà, Pi-e đang sốt ruột đợi.

Pi-e đi bước một trong phòng, Ma-ri đem cái yếm đang khâu dở cho I-ren, ngồi viền tiếp. Từ khi sinh I-ren, Ma-ri không bao giờ mua quần áo may sẵn cho con gái. Đối với bà, đó gần như một nguyên tắc. Ma-ri thấy các quần áo ấy quá diêm dúa và bất tiện. Hồi Brô-ni-a còn ở Pa-ri chị đã cùng với em cắt áo cho cháu bé, theo mẫu do hai người nghĩ ra. Giờ đây, Ma-ri

vẫn còn dùng những mẫu đó.

Nhưng tối nay, Ma-ri không tài nào chú ý được. Ma-ri sốt ruột, đứng dậy, bỏ đồ khâu xuống. Rồi bất chợt, bà nói:

- Chúng ta đến đó một lát đi!

Giọng khẩn khoản của Ma-ri cũng hơi thừa. Lúc này, bản thân Pi-e cũng muốn quay lại nhà xe họ vừa mới ra khỏi cách đây hai giờ. Chất Ra-đi quyến rũ như thần ái tình gọi hai người đến nơi ở của nó.

Sau suốt một ngày làm việc căng thẳng, đáng lẽ hai nhà bác học phải nghỉ ngơi. Song Pi-e và Ma-ri nào có thể làm theo như thế. Hai nhà vật lý đã vào xứ sở của mình, nơi họ vẫn hằng mơ ước.

Ma-ri lên tiếng:

- Đừng thắp đèn – Rồi khẽ cười nói thêm – Anh có nhớ ngày nào anh bảo em: Anh muốn có một "màu thật đẹp" không?

Nhưng cái sự thật làm cho Pi-e và Ma-ri náo nức, hoan hỉ từ mấy tháng nay còn đáng yêu gấp mấy điều mơ ước chất phác năm xưa. Chất Ra-đi có cái gì khác hơn là một màu "thật đẹp". Nó tự tỏa sáng. Trong gian nhà xe tối om, những lọ thủy tinh tí tẹo đựng các mảnh vụn quý báu ấy, đặt la liệt trên bàn, trên các miếng ván bắt vào tường - vì không có tủ - trông như có lân tinh, màu xanh lơ, sáng rực, treo lơ lửng trong bóng tối.

- Pi-e, anh nhìn xem này,…- người vợ trẻ thì thầm.

Ma-ri rón rén, thận trọng bước lại gần, quơ tay sờ thấy một cái ghế rơm và ngồi xuống. Trong đêm tối, nguồn quang tuyến bí mật do chất Ra-đi tỏa ra, chất Ra-đi của họ. Nghiêng mình về phía trước, lặng lẽ, nghe ngóng, Ma-ri lại có tư thế như một giờ mới đây, ngồi bên đầu giường đứa con gái bé đang yên giấc.

Tay Pi-e khẽ vuốt lên mái tóc vợ.

Ma-ri sẽ nhớ mãi buổi tối lung linh ấy, nhớ mãi cảnh thần tiên ấy.

CHƯƠNG XIV

CUỘC SỐNG KHẮC KHỔ

Có thể nói Pi-e và Ma-ri sẽ hoàn toàn hạnh phúc ngay trong cái nhà xe nghèo nàn, nếu như nơi đây, họ được dốc hết sức vào cuộc chiến đấu đầy quyến rũ để khám phá thiên nhiên.

Tiếc thay, còn nhiều thử thách đang chờ đợi mà hai người không thắng nổi.

Để được năm trăm phơ-răng mỗi tháng, Pi-e nhận dạy ở trường Vật lý một giáo trình một trăm hai mươi bài giảng và hướng dẫn cho sinh viên thực tập. Một việc nặng nhọc, thêm vào nhiệm vụ nghiên cứu. Chưa có con thì năm trăm phơ-răng cũng tạm đủ chi tiêu. Nhưng sau khi sinh I-ren, phải mướn một chị giúp việc và một người giữ trẻ. Khoản thu nhập trên thành ra eo hẹp. Hai vợ chồng phải tìm đủ mọi cách làm thêm.

Còn gì ái ngại bằng cảnh hai nhà bác học lớn chật vật như thế nào mà không kiếm ra nổi hai ba nghìn phơ-răng thiếu hụt hằng năm. Chuyện đâu đơn giản là chỉ cần tìm một việc phụ để lấp lỗ hổng của quỹ gia đình. Pi-e Qui-ri vốn coi việc nghiên cứu khoa học cũng cần thiết như cuộc sống. Đối với Pi-e, làm việc thí nghiệm – dù là trong một nhà xe – còn cần hơn ăn và ngủ. Nhưng nhiệm vụ ở trường Vật lý đã choán gần hết thời gian. Đáng lẽ nên giảm bớt việc cho Pi-e mới phải, nay lại thêm công việc. Mà tiền lại thiếu. Biết làm thế nào?

Giải pháp đơn giản, quá đơn giản. Chỉ cần bổ nhiệm nhà khoa học này làm giáo sư ở Xoóc-bon, chức vụ mà Pi-e rất xứng đáng, lương sẽ được một vạn phơ-răng mỗi năm, giờ dạy sẽ ít hơn ở trường Vật lý, học vấn của ông sẽ mở rộng kiến thức cho sinh viên và tăng thêm uy tín cho trường Đại học. Nếu với chức vụ đó, lại được sử dụng một phòng thí nghiệm thì có lẽ Pi-e không còn ao ước gì nữa. Tham vọng của ông chỉ là được dạy ở trường Đại học để đảm bảo đời sống và để đào tạo những nhà vật lý trẻ, và có một phòng thí nghiệm để làm việc. Một phòng thí nghiệm với mấy thứ mà cái nhà xe đang thiếu một cách tàn ác: điện và thiết bị kĩ thuật; có chỗ cho mấy

người phụ tá; mùa đông có sưởi ấm chút ít.

Những đòi hỏi không tưởng! Ghế giáo sư, mãi đến năm 1904 khi mà cả thế giới đã biết đến chân giá trị của ông, Pi-e Qui-ri mới nhận được. Còn phòng thí nghiệm chẳng bao giờ đến với ông cả. Cái chết thường lôi kéo các bậc vĩ nhân hơn là chính quyền.

Đó là vì Pi-e, khi giải thích các hiện tượng thiên nhiên hoặc tìm tòi khám phá bí ẩn của vật chất tài giỏi bao nhiêu thì đối với việc chạy đi xin chức vụ lại vụng về bấy nhiêu. Ông vốn có tài nên mỗi khi thi thố với đời không tránh khỏi bị ganh ghét, đố kị. Pi-e đâu hề biết đến mưu mô, thầy thợ. Ngay đến những học vị của ông cũng thành vô dụng vì ông không biết trưng giá trị của nó.

Sau này một nhà toán học lớn đương thời[38] nhắc tới Pi-e có nói:

- Với tính khiêm tốn lúc nào cũng nhún mình trước bạn bè, thậm chí ngay cả trước đối thủ của mình, Pi-e thuộc hạng người mà ta thường gọi là những "ứng cử viên xoàng" mà dưới nền dân chủ nước Pháp, ứng cử viên có thừa.

Năm 1898, môn hoá lý trường Đại học Xoóc-bon thiếu người dạy, Pi-e định xin vào chỗ đó. Kể công bằng ra thì ông đáng được bổ dụng. Nhưng vì không tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm và cũng chẳng học qua Đại học bách khoa, Pi-e không được sự nâng đỡ quyết định mà hai trường này dành cho nhưng học sinh cũ của mình. Vả lại một vài giáo sư cố chấp nói nếu trong vòng mười lăm năm qua, Pi-e đã có nhiều phát minh được đăng trên sách báo thì "nói cho đúng", nó không thuộc lĩnh vực hoá- lý. Pi-e bị từ chối.

Một bạn thân cũng là giáo sư viết cho ông:

"Chúng ta đã thất bại, và có lẽ tôi sẽ hối mãi là đã xui anh ra ứng cử với kết quả thảm hại như vậy nếu như cuộc bình nghị về anh đã không rõ rệt tốt hơn cuộc bỏ phiếu. Các anh Líp-man, Bu-ti, Pê-la và tôi hết sức cố gắng, và ngay cả các đối thủ cũng ngợi khen những công trình tuyệt diệu của anh, nhưng làm sao mà đối địch với dân ở sư phạm ra, làm sao mà chống đối nổi với sự tây vị của bên toán học cơ chứ!"

Nói rằng cuộc bàn cãi đó có lợi cho Pi-e chỉ là một bù đắp suông! Sau đó hàng tháng trời không đâu thiếu người cả. Vợ chồng Qui-ri say sưa với công trình trọng đại của mình về chất Ra-đi, thà chịu sống chật vật còn hơn là đi chầu chực ở các phòng đợi,

Trong khó khăn họ vẫn lạc quan không một lời kêu ca. Với năm trăm phơ-răng, nào đã là cùng cực. Cuộc sống vẫn còn thu xếp được… trầy trật…

Ma-ri viết thư cho anh ruột là Dô-dếp, ngày 19 tháng ba 1899:

"Chúng em phải hết sức dè xẻn, lương nhà em không đủ chi tiêu, nhưng rồi hằng năm vẫn thường có những khoản thêm bất ngờ, nên cuối cùng chắc không đến nỗi vay nợ. Với lại, em cũng mong rằng rồi đây sẽ tìm được một việc ổn định. Lúc đó, không những sẽ đủ ăn, mà còn có thể dành dụm thêm để bảo đảm tương lai cho cháu. Nhưng em muốn bảo vệ xong luận án rồi mới đi làm. Những chất kim loại mới làm cho chúng em rất bận, đến nỗi em không còn thì giờ chuẩn bị thi tiến sĩ, kỳ thi này tất nhiên phải dựa vào những công trình ấy, nhưng cũng cần nghiên cứu thêm, việc đó hiện giờ chưa làm được.

Chúng em khoẻ cả: Pi-e không kêu nhức xương nữa. Em cũng khá hơn, không còn ho tí nào, phổi không sao cả. Khám nghiệm y học và thử đờm nhiều lần đều đi đến kết quả như vậy.

Cháu I-ren lớn bình thường. Em cho cháu cai sữa hồi mười tám tháng, nhưng cố nhiên em đã cho cháu ăn cháo sữa từ lâu. Độ này em vẫn cho cháu ăn cháo sữa, nhưng có thêm trứng gà tươi "thực sự là mới đẻ".

Năm 1900. Trong quyển sổ chi tiêu, mục chi cứ tăng đều nhiều hơn thu. Cụ bác sĩ Qui-ri lúc này cũng đến ở đây, nhà có năm người – kể cả chị giúp việc. Nhà ở đại lộ Kê-lec-man. Một nghìn bốn trăm phơ-răng tiền thuê một năm. Vì cuộc sống thúc bách, Pi-e buộc lòng phải xin và nhận một chân ôn tập viên ở trường bách khoa, lương hai nghìn phơ-răng một năm. Bỗng nhiên, Pi-e nhận được đề nghị không ngờ tới, nhưng không phải là từ Pháp đưa lại. Sự phát minh ra chất Ra-đi, tuy chưa phổ biến rộng rãi đã được giới vật lý xác nhận, Trường Đại học Thuỵ Sĩ muốn tranh thủ sự cộng tác của hai nhà bác học mà họ xếp vào hạng nhất nhì ở châu Âu. Pi-e được mời làm giáo sư vật lý, lương một vạn phơ-răng một năm, có phụ cấp khu vực và được điều khiển một phòng thí nghiệm mà dự chi sẽ còn tăng sau khi đã thoả thuận với giáo sư Qui-ri, và còn thêm hai người phụ tá. Ma-ri cũng được mời

vào làm việc chính thức ở phòng thí nghiệm.

Số phận thật là oái oăm, đã mang đến cho người ta điều mong ước nhất, nhưng lại kèm một chi tiết nhỏ làm cho nó tuyệt nhiên không thể thực hiện được. Giá trên đầu lá thư không đề "Nước cộng hoà Giê-ne-vơ" mà là "Trường đại học Pa-ri" thì vợ chồng Qui-ri sung sướng biết mấy!

Trước sự ân cần và trân trọng ấy, Pi-e nhận lời. Tháng bảy, hai vợ chồng đến Thuỵ Sĩ và được các bạn đồng nghiệp tiếp đón nồng nhiệt. Nhưng đến mùa hè, Pi-e bắt đầu suy nghĩ. Đây là một khóa giảng quan trọng sẽ phải nhiều tháng chuẩn bị? Làm sao có thể đành lòng bỏ dở công trình nghiên cứu dù trong chốc lát, vì không dễ gì mang theo được, làm sao có thể trì hoãn công việc làm tinh khiết hoá chất Ra-đi mới khám phá? Đối với hai nhà khoa học đang say mê, tin tưởng vào sự nghiệp của mình, đòi hỏi như vậy là quá đáng!

Tiếc thì tiếc, Pi-e đành gửi đến trường Đại học Giơ-ne-vơ một bức thư cảm ơn, xin lỗi không nhận. Vì lòng yêu chất Ra-đi, Pi-e đã không chọn con đường dễ dàng, và quyết định ở lại Pa-ri. Tháng mười, ông xin thôi việc ôn tập viên ở trường Bách khoa và nhận dạy lớp hóa sinh ở phố Qui-vi-ê gần trường Xoóc-bon, đằng nào cũng là làm thêm, nhưng ở chỗ mới, lương có hơn, Ma-ri cũng muốn góp phần tăng thu nhập nên làm đơn xin dạy ở trường Nữ sư phạm Xe-vrơ, gần Véc-xây. Bà nhận được thư của bà hiệu trưởng trường Nữ sư phạm:

"Thưa bà:

Tôi hân hạnh báo tin là trong niên học 1900-1901 bà được giao trách nhiệm giảng chương trình vật lý năm thứ nhất và năm thứ hai, trường Nữ sư phạm Xe-vrơ.

Mời bà đến gặp hiệu trưởng trường chúng tôi, từ thứ hai sau, ngày 29"

Đó là hai "thành công". Quỹ gia đình được thăng bằng về lâu dài, nhưng ông bà Qui-ri phải gánh thêm một khối việc rất lớn, giữa lúc cần dồn tâm sức vào những thử nghiệm về phóng xạ. Thế là người ta từ chối điều duy nhất xứng đáng với Pi-e: một ghế giáo sư ở Xoóc-bon, nhưng lại tỏ ra quá đắc ý khi có thể dồn lên đầu nhà bác học có tài những việc nặng nhọc và thứ yếu.

Hai vợ chồng Qui-ri cắm cúi trên những sách giáo khoa, đặt thêm đầu đề toán cho học sinh, hoàn chỉnh các thí nghiệm làm trong lớp. Pi-e bây giờ dạy hai môn và hướng dẫn cho hai lớp sinh viên thực hành. Ma-ri mới vào nghề sư phạm ở Pháp, nên phải cố gắng hết sức để chuẩn bị giáo trình và sắp xếp cho các nữ sinh thực tập. Bà có những phương pháp mới và soạn những bài giảng độc đáo đến nỗi ông Luy-xiêng Poăng-ca-rê, hiệu trưởng trường đại học cũng phải ngạc nhiên và khen ngợi. Tính Ma-ri vẫn như vậy: đã làm gì thì phải đến nơi đến chốn.

Thật lãng phí bao nhiêu sức lực và thời giờ đáng lẽ phải dùng vào việc "chính": mỗi tuần Ma-ri phải mấy chuyến vào Xe-vrơ, tay xách cặp dày cộm bài học sinh, tàu điện chậm đến sốt ruột lại còn phải đứng đợi trên vỉa hè hàng nửa giờ. Pi-e thì cứ như con thoi từ phố Lô-mông đến phố Qui-vi-ê, lên lớp lý-hoá-sinh rồi từ phố Qui-vi-ê về phố Lô-mông, nơi nhà xe. Vừa mới bắt đầu thí nghiệm lại phải bỏ đấy để đi hỏi bài những nhà vật lý trẻ.

Trước đây, Pi-e đã hy vọng đến đây sẽ có phòng thí nghiệm. Nó sẽ an ủi tất cả! Nhưng không… Lớp lý-hoá-sinh, chỉ được sử dụng hai phòng rất nhỏ. Lần này, Pi-e thất vọng đến nỗi, mặc dầu tính vốn không hay đòi hỏi, ông vẫn thử đề nghị được một nơi rộng hơn. Vô ích. Sau này Ma-ri viết:

"Ai đã từng qua cảnh chạy vạy như thế, đều biết những khó khăn tài chính và hành chính thường vấp và đều phải nhớ bao nhiêu đơn từ, bao nhiêu lượt thăm hỏi và khiếu nại mới giành được mối thuận lợi nhỏ bé. Những việc đó làm Pi-e Qui-ri rất mệt và nản".

Hiệu suất làm việc và đến cả sức khoẻ của hai nhà bác học đều bị ảnh hưởng, Pi-e mệt mỏi đến nỗi thấy cần phải giảm ngay số giờ làm việc. Vừa đúng lúc đó thì nghề giáo sư khoáng vật học ở Xoóc-bon lại khuyết, Pi-e, tác giả của một số học thuyết có giá trị về tinh thể học, đương nhiên là người thích hợp hơn cả với nhiệm vụ ấy. Ông đưa đơn. Một người nữa cũng xin, và người ấy được bổ nhiệm. Xưa kia, Mông-te-nhơ[39] đã từng nói:

"Với một tài năng lớn và một tính khiêm tốn lớn hơn nữa, người ta có thể một thời gian dài, không được ai biết đến!"

Bạn bè tìm hết cách giúp Pi-e tiến tới cái ghế giáo sư khó với ấy. Năm 1902, giáo sư Mát-xca giục Pi-e tiến cử vào viện Hàn lâm khoa học.

Chắc chắn ông sẽ trúng và đời sống vật chất sẽ ổn định thêm rất nhiều.

Pi-e do dự, sau ưng thuận mà không hào hứng lắm. Vì ông không thể cam tâm làm cái việc đến chào trình diện các nhà Hàn lâm theo tục lệ mà ông cho là "ngu xuẩn và mất phẩm giá con người". Nhưng biết làm thế nào, phân khoa Vật lý ở Hàn lâm viện đã nhất trí giới thiệu, Pi-e đành ra ứng cử. Theo lời căn dặn của giáo sư Mát-xca, Pi-e lần lượt đến thăm từng vị Hàn lâm. Về sau, khi danh vọng đã đến với Pi-e Qui-ri và các báo muốn tìm những mẩu chuyện lý thú về nhà bác học, có người sẽ kể lại như sau chuyến đi thăm miễn cưỡng đó:

"Lên các tầng gác, bấm chuông tự giới thiệu, nói tại sao mình đến, đã làm người ứng cử gượng ấy[40] *đỏ mặt tía tai lên rồi. Rồi lại phải trình bày các chức vị của mình, nói tốt cho mình, vốn khoa học và công trình của mình, tất cả những cái đó, đối với Pi-e thật là quá sức.*

Thế là ông quay ra khen thành thật, tận tình đối thủ của mình, cho rằng ông A-ma-ga xứng đáng hơn, hơn ông rất nhiều để vào Hàn Lâm".

Ngày 9-6, công bố kết quả bầu cử. Giữa Pi-e Qui-ri và A-ma-ga, các vị Hàn lâm đã chọn A-ma-ga.

Pi-e viết thư cho bạn thân Gioóc-Guy:

"Như anh đã đoán trước lần bầu cử này đã thuận lợi cho A-ma-ga với 23 phiếu, còn tôi được 20 phiếu và Giec-ne 6 phiếu.

Tôi tiếc đã mất thời giờ đi thăm hỏi để chỉ được cái kết quả ấy. Phần khoa Lý đã nhất trí đề cử tôi và tôi đã quá nể. Kể lại chuyện này để anh biết, xin đừng nghĩ là tôi để tâm vì những chuyện nhỏ nhặt ấy.

Pi-e Qui-ri"

Chủ nhiệm mới của trường Đại học khoa học, Pôn A-pen vẫn người giáo sư ngày xưa đã từng làm cô nữ sinh Ba Lan say sưa thán phục – tìm cách khác giúp Pi-e. Biết tính không khoan nhượng của Pi-e, ông rào trước.

Pôn A-pen viết thư cho Pi-e Qui-ri:

"Bộ giáo dục có hỏi ý kiến tôi để lập danh sách tặng Bắc đẩu bội

tinh. Vì danh nghĩa trường Đại học khoa học, cho phép tôi ghi tên ông. Đành rằng huân chương này chả có ý gì với một người như ông, nhưng tôi thấy cần phải giới thiệu những người xứng đáng nhất ở trường Đại học khoa học, những người tiêu biểu nhất do sáng kiến và công trình của họ. Cũng là để cho Bộ trưởng biết đến và giới thiệu cách làm ăn của chúng ta ở Xoóc-bon. Nếu được huân chương, ông đeo hay không tuỳ ý, nhưng xin cứ cho phép chúng tôi giới thiệu ông".

Pô A-pen viết cho Ma-ri Qui-ri:

"Tôi đã nhiều lần nói với ông hiệu trưởng Li-a về những công trình tốt đẹp của ông Qui-ri, về thiết bị thiếu thốn của ông, về sự cần thiết phải cho ông một phòng thí nghiệm rộng hơn. Ông hiệu trưởng đã nói về ông Qui-ri với ngài Bộ trưởng nhân dịp giới thiệu những người xứng đáng được tặng thưởng Bắc đẩu bội tinh ngày 14-7.

Ngài Bộ trưởng có vẻ chú ý đến ông Qui-ri lắm và có lẽ muốn biểu lộ sự chú ý đó bằng cách gắn huân chương cho ông Qui-ri, vì vậy, xin bà hết sức nói giúp để ông Qui-ri không từ chối. Việc ấy tự nó chẳng có ích lợi nhưng về hậu quả - phòng thí nghiệm, nguồn ngân sách... thì nó có tác dụng rất to lớn.

Vì khoa học và lợi ích cao cả của trường đại học xin bà nói giúp để ông Qui-ri đồng ý về việc này".

Pi-e không "đồng ý", Pi-e rất ghét danh vọng và riêng điều đó cũng đủ giải thích thái độ của ông. Nhưng còn một nguyên nhân tư tưởng nữa. Ông thấy thực nực cười khi người ta tiếc cho một nhà khoa học những phương tiện làm việc, và cùng lúc đó, như để vỗ về, người ta lại bày ra trò tặng một chữ thập tráng men treo bằng một mẩu lụa đỏ.

Pi-e Qui-ri đã trả lời:

"Nhờ ông cảm ơn Bộ trưởng giúp tôi và nói hộ rằng tôi không mảy may thấy cần được huân chương, nhưng bao giờ hết, tôi cần một phòng thí nghiệm".

*

*   *

Thế là hết hy vòng vào một cuộc sống sáng sủa hơn. Chẳng được nơi làm việc như ý, Pi-e và Ma-ri đành bằng lòng với cái nhà xe để tiếp tục thí nghiệm. Và những giờ hăng say sống trong cái lán ấy đã an ủi họ bao nhiêu lỡ làng. Họ vẫn dạy học. Dạy với thiện chí, không chút miễn cưỡng. Sau này, nhiều học trò cũ còn nhớ với lòng biết ơn những bài giảng sinh động và mạch lạc của thầy Pi-e. Và nhiều nữ sinh trường sư phạm Xe-vrơ đầy ham thích khoa học cũng là nhờ Ma-ri, bà giáo có mớ tóc hung, giọng nói thuộc dân tộc Xla-vơ làm cho những bài chứng minh cao siêu của bà nghe như hát.

Bị giằng co giữa việc nghiên cứu khoa học và nhu cầu đời sống, Pi-e và Ma-ri quên cả ăn, cả ngủ. Cái nếp "sống bình thường" xưa kia Ma-ri đặt ra, những thành tích nội trợ, nấu nướng của người vợ trẻ nay hầu như bị lãng quên.

Họ làm việc đến kiệt sức mà không biết rằng đó là một sự liều lĩnh. Nhiều khi Pi-e, nhức nhối chân tay đến mức không thể chịu được, phải nằm liệt. Ma-ri, thần kinh có phần vững hơn; từ khi đẩy lùi được cái bệnh lao mới chớm đã làm cho cả nhà lo âu, bằng cách liều xem thường không cần kiêng khem gì thì Ma-ri tưởng mình sức vững như đá, khó mà ốm. Nhưng trên quyển sổ nhỏ ghi hàng tuần trọng lượng của mình, con số cứ thấp đều. Bốn năm ở nhà xe Ma-ri sút đi bảy cân. Bạn bè ai cũng ái ngại thấy Ma-ri như tàu lá. Một nhà vật lý trẻ phải viết thư cho Pi-e khẩn khoản mong ông chú ý sức khoẻ của Ma-ri và bản thân. Bức thư này đã phác họa một cách đáng lo ngại về cuộc sống, và sự hy sinh của hai nhà bác học.

Gioóc Xa-nhắc viết cho Pi-e Qui-ri:

"Gặp chị Qui-ri ở Hội vật lý, tôi sửng sốt trước thần sắc suy nhược của chị. Tôi biết rằng chị đã làm việc căng thẳng trong thời gian viết luận án. Nhưng chị không đủ sức để sống một cuộc đời hoàn toàn tinh thần, như cuộc đời anh chị đang sống, và điều này áp dụng cả với anh nữa. Một ví dụ cụ thể là hai anh chị không chịu cố gắng ăn để lấy sức. Nhiều lần tôi thấy chị Qui-ri chỉ ăn hai khoanh xúc-xích và uống một chén nước trà. Sức nào kham nổi ăn uống thiếu thốn như vậy? Nếu chị Qui-ri mất sức thì anh sẽ ra sao?

Dù chị có tỏ ra chểnh mảnh hoặc cố chấp thì đó cũng không phải là một lý do. Tôi đoán anh sẽ gặp trở ngại sau đây: Chị sẽ nói là chị không đói, là chị không còn là một đứa trẻ để ai đó bảo ban! Thế nhưng, chị hiện nay

cư xử như một em bé vậy. Tôi nói điều này với tất cả lòng chân thật của tình bạn.

Anh chị không dành đủ thời giờ cho những bữa ăn. Giờ ăn quá tùy tiện. Bữa tối thường muộn đến nỗi dạ dày đợi mãi đâm ì không làm việc được nữa. Cố nhiên, một vấn đề đang nghiên cứu dở có thể làm chậm một bữa tối, nhưng đừng để thành thói quen. Cuộc sống của anh chị hiện nay, lúc nào cũng chỉ thấy lo ngại về nghiên cứu khoa học. Như vậy không nên. Hãy cho cơ thể nghỉ ngơi. Hãy ngồi vào bàn ăn một cách thư thái, tránh những chuyện buồn, thậm chí cả những chuyện mệt óc, không nên vừa ăn vừa đọc hoặc nói chuyện vật lý".

*

*　　*

Trước những lời báo động và trách móc đó, Pi-e và Ma-ri trả lời một cách ngây thơ "Chúng tôi vẫn nghỉ đấy chứ, hè nào chúng tôi chẳng đi nghỉ!".

Đúng là họ vẫn thường đi nghỉ hè và họ tưởng như vậy. Những ngày hè đẹp trời hai vợ chồng vẫn thường đi chỗ này chỗ nọ như xưa. Đối với Pi-e và Ma-ri, nghỉ ngơi nghĩa là đi xe đạp, qua suốt rặng núi Xê-ven năm 1898. Hai năm sau đi dọc bờ biển Măng-sơ, từ Ha-vrơ đến Xanh Va-lê-ri trên sông Xom, rồi ra đảo Noa-mu-chi-ê. Năm 1901, người ta thấy hai người ở Phu-duy, 1902 ở A-rô-măng-sơ, 1903 ở Trê-po và Xanh Trô-giăng…

Cách nghỉ hè như thế có làm cho Pi-e và Ma-ri đỡ căng thẳng về tinh thần và thể xác không? Đáng ngờ lắm… Mà cũng chỉ tại Pi-e nôn nóng, cứ đến đâu vài ba ngày, Pi-e đã bàn chuyện về và nhắc vợ: "Đã lâu quá chúng mình chẳng làm được gì nhỉ!"

Năm 1899, một chuyền đi chơi xa đã đem lại cho hai vợ chồng một niềm vui lớn. Lần đầu tiên sau khi lập gia đình, Ma-ri mới trở về Tổ quốc, không phải về Vác-xô-vi, mà về Ba Lan thuộc Áo, ở Da-cô-pan, nơi anh chị Du-xki đang dựng một nhà an dưỡng. Ngay sát bên cạnh cái công trường đang tấp nập thợ xây, nhà trẻ E-gie có thêm một đoàn người rất mực thương yêu trìu mến nhau. Ở đây có cả cụ Xkhua-đốp-xki, giáo sư trông còn rất tráng kiện và trẻ hẳn ra vì sung sướng gặp lại bốn con đến nay đã lập gia đình.

Năm tháng qua nhanh thật! Mới hồi nào anh con trai và ba cô gái cụ còn đi tìm việc ở Vác-xô-vi. Bây giờ, Dô-dếp, một bác sĩ có tín nhiệm, đã có vợ và mấy con. Brô-ni-a và Ca-di-mia mở một nhà điều dưỡng. Hê-la đang có nhiều triển vọng trong ngành giáo dục, chồng là Xra-nis-lítx Sa-lay mở một hiệu ảnh lớn. Còn cô út Ma-ni-a thì làm việc trong một phòng thí nghiệm, đã có công trình nghiên cứu được xuất bản, "cái con bé hóm hỉnh" như cụ vẫn thường gọi trước kia…

Chàng rể nước ngoài được cả nhà vồn vã. Họ hãnh diện giới thiệu cho Pi-e đất nước Ba Lan tươi đẹp. Thoạt đầu, cảnh tượng cằn cỗi với những ngọn tùng đen sẫm, chĩa lên bầu trời không làm Pi-e hào hứng lắm; rồi sau, trong một buổi đi chơi trên đỉnh núi "Ri-xi", Pi-e rất cảm xúc trước cảnh nên thơ và tầm bao la của dãy núi hùng vĩ này. Buổi chiều, Pi-e nói với vợ trước mặt cả nhà:

- Đất nước Ba Lan đẹp lắm, nay tôi mới hiểu tại sao người ta có thể yêu nó đến thế.

Pi-e cố ý nói bằng những tiếng Ba Lan mới học được, tuy giọng sai nhưng cũng làm cho anh em nhà vợ rất thích thú và phục lăn. Và Pi-e nhận thấy nét mặt Ma-ri rạng rỡ hẳn lên, với một nụ cười ngây thơ tự hào.

Ba năm sau, tháng năm 1902, Ma-ri lại đi tàu về Ba Lan. Nhiều thư báo tin là cụ giáo ốm nặng, phải mổ túi mật, lấy ra được nhiều sỏi to. Mới đầu, còn nhận được những tin tức an tâm, rồi bỗng nhiên, một bức điện. Thế là hết, Ma-ri muốn đi ngay. Nhưng thủ tục giấy thông hành rất phức tạp, phải mấy tiếng đồng hồ, giấy tờ mới hợp lệ. Sau hai ngày rưỡi đi đường tới Vác-xô-vi, đến nhà Dô-dếp nơi cụ Xkhua-đôp-xki ở. Chậm quá, Ma-ri không thể chịu đựng ý nghĩ là sẽ không được nhìn mặt bố lần cuối cùng, Trên đường đi, nhận được tin bố mất, bà đánh điện van nài anh chị hãy hoãn lễ an táng. Bước vào nhà tang, chỉ còn thấy quan tài và hoa. Bà khăng khăng yêu cầu mở nắp quan tài. Trước khuôn mặt vô tri vô giác và bình thản của bố, có một vết máu nhỏ đã khô đọng từ lỗ mũi ra. Ma-ri vĩnh biệt và xin lỗi người đã khuất. Bà vẫn thầm trách mình cứ ở mãi bên Pháp không đáp lại lời mong mỏi của người cha đã dự định sống ngày cuối cùng với con gái út. Trước quan tài đã mở nắp, Ma-ri cứ đứng lặng mãi cho đến lúc anh và chị phải chấm dứt cái cảnh đau lòng ấy.

Ma-ri thật cẩn thận và nghiêm khắc với mình. Bà tự dằn vặt một cách

bất công, cụ Xkhua-đốp-xki đã sống những năm cuối đời rất êm đềm – và nhờ có Ma-ri, lại càng êm đềm hơn. Tình mến thương của con cháu và niềm vui của người cha, người ông, làm cụ quên dần những nỗi gian truân của một cuộc đời thua thiệt. Những niềm vui cuối cùng, những niềm vui lớn nhất của cụ đều do Ma-ri. Sự khám phá ra hai chất Pô-lô-ni và Ra-đi, các bản thông báo của Viện Hàn lâm khoa học Pa-ri, các bản tin rạng rỡ kí tên con mình làm tràn ngập lòng tự hào của nhà giáo sư vật lý ấy, mà công việc vụn vặt hằng ngày không cho ông đi sâu nghiên cứu khoa học. Theo dõi công trình của con gái, từng giai đoạn một, cụ thấy rõ tầm quan trọng và đoán trước ảnh hưởng của nó. Mới đây Ma-ri đã báo tin cho cụ: sau bốn năm trời kiên trì đã có được Ra-đi nguyên chất. Và trong bức thư cuối cùng, viết sáu ngày trước khi chết, tay run nét chữ nguệch ngoạc làm cho Ma-ri lo lắng nhận thấy chữ viết của cụ không còn đều đặn, đẹp nét như xưa, cụ đã nói với con gái:

“Thế là con đã có được muối Ra-đi nguyên chất. Nếu tính tổng số công sức bỏ ra để có được chất ấy, thì chắc hẳn nó là một nguyên tố hoá học đắt nhất, chỉ tiếc là hình như vật ấy chỉ đáng chú ý về mặt lý thuyết mà thôi”.

Giá cụ sống thêm hai năm nữa, hẳn cụ sẽ sung sướng và tự hào biết bao khi thấy vinh quang đến với con gái và giải thưởng Nô-ben được tặng chung cho Hăng-ri Bếch-cơ-len, Pi-e và con bé út “An-chiu bé nhỏ” của cụ.

Xanh xao, gầy gò, Ma-ri từ giã Vác-xô-vi. Đến tháng 9 năm ấy, bà trở lại Ba Lan. Sau tang tóc, mấy anh em Xkhua-đốp-xki càng thấy gắn bó, để tỏ rõ cho nhau rằng tình anh em đùm bọc vẫn cứ còn sống mãi.

*

*   *

Tháng mười, Pi-e và Ma-ri trở lại phòng thí nghiệm. Cả hai đều mệt mỏi. Ma-ri vừa tham gia nghiên cứu về soạn lại kết quả làm tinh khiết chất Ra-đi. Nhưng cái hào hứng, ham thích năm xưa không còn nữa. Nếp sống căng thẳng kinh khủng mà từ bốn hôm nay thần kinh bà phải chịu đựng bắt đầu có triệu chứng không bình thường. Có đêm Ma-ri mê ngủ, trở dậy đi đi lại lại trong phòng.

Năm sau, xẩy ra mấy việc đau thương, Ma-ri có mang, rồi đẻ non, coi đó là một việc bi thảm Ma-ri viết cho Brô-ni-a, ngày 20 tháng Tám 1903:

"Em sửng sốt đến nỗi chả có can đảm để viết cho ai cả. Em đã đinh ninh sẽ có đứa con đó, nên không tự an ủi được. Chị xem có phải là do suy nhược không. Vì phải thú nhận rằng em không biết giữ sức. Em quá tin ở cơ thể mình và bấy giờ mới hối, vì đã phải trả giá quá đắt điều đó. Một đứa bé gái, lanh lẹn và đáng lẽ có thể sống mà em thì đang mong mỏi biết chừng nào!"

Ít lâu sau, lại có tin buồn từ Ba Lan. Đứa con trai thứ hai của Brô-ni-a đau màng óc, chỉ vài ngày là chết.

Ma-ri viết thư cho anh Dô-dếp:

"Tai hoạ xảy ra đến với anh chị Du-xki làm em hết sức đau xót. Cháu thật hồng hào khoẻ mạnh. Chăm sóc hết mức mà còn không giữ được một đứa bé như thế thì mong gì giữ được đứa khác và nuôi chúng? Em không thể nhìn thấy đứa con gái em mà không run lên vì sợ. Nỗi đau đớn của chị Brô-ni-a như cắt xé lòng em".

Những đau buồn đó làm tăm tối cuộc đời của Ma-ri đang bị xâu xé bởi một mối lo âu nghiêm trọng nhất: Pi-e không khoẻ. Pi-e bị những cơn đau quằn quại, làm cho ông ủ rũ đáng sợ. Vì thiếu triệu chứng cụ thể, thầy thuốc cứ cho là thấp khớp. Nhiều lần đau dữ dội quá, Pi-e rên suốt đêm, Ma-ri hoảng sợ, cũng thức trắng để chăm sóc. Thế mà Ma-ri vẫn dạy học ở Xe-vrơ, Pi-e cần phải hỏi bài sinh viên và trông coi họ thực tập, và hai nhà vật lý vẫn tiếp tục những thí nghiệm tinh vi, dù thiếu nơi làm việc như ý.

Một lần, một lần thôi, Pi-e thốt ra một lời than vãn. Ông nói rất nhỏ:

- Kể ra thì con đường chúng ta chọn vất vả thật đấy!

Ma-ri định nói lại nhưng không giấu nỗi lo ngại của mình. Pi-e mà nản đến thế phải chăng vì quá suy nhược? Biết đâu chẳng do một bệnh hiểm nghèo không hòng cứu chữa? Còn bản thân mình, không biết sẽ khắc phục nổi những sự mệt mỏi ghê gớm của mình không? Hàng mấy tháng nay, ý nghĩ về cái chết cứ lởn vởn trong đầu Ma-ri và ám ảnh bà.

Ma-ri gọi:

- Pi-e.

Giọng lo âu, nghẹn ngào của Ma-ri làm nhà bác học ngạc nhiên quay lại:

- Gì thế, Ma-ri, em sao thế?

- Pi-e…, nếu một ngày một trong hai chúng ta chết… thì chắc người còn lại khó mà sống nổi. Chúng ta không thể sống không có nhau, phải không anh?

Pi-e chậm chạp lắc đầu. Ma-ri đã nói những lời của một người vợ và một người yêu, nhưng trong giây phút đã quên sứ mệnh của mình, làm cho Pi-e sực nhớ rằng một nhà bác học không có quyền bỏ khoa học, lẽ sống của mình.

Pi-e nhìn ngắm bộ mặt đăm chiêu buồn rầu của Ma-ri, và nói với một giọng cương quyết:

- Em nhầm. Dù sao đi nữa, dù có như cái xác không hồn, người còn lại vẫn cứ phải làm việc.

CHƯƠNG XV

MỘT LUẬN ÁN THI TIẾN SĨ VÀ MỘT CÂU CHUYỆN NĂM PHÚT

Đối với khoa học, thì những người phục vụ, dù giàu hay nghèo, sướng hay khổ, khỏe hay yếu, có gì là quan trọng. Họ sinh ra để tìm tòi, để phát minh, và cho đến lúc sức tàn, lực kiệt, họ vẫn cứ sẽ tìm tòi và phát minh. Một nhà khoa học khó mà cưỡng lại chí hướng của mình. Ngay những khi chán nản, bực bội, nhà bác học chỉ biết quay về với những dụng cụ phòng thí nghiệm.

Vậy thành tựu rạng rỡ mà Pi-e và Ma-ri đã đạt được trong những năm tháng khó khăn ấy không có gì đáng ngạc nhiên. Học thuyết phóng xạ mới ra đời đang lớn như thổi, nảy nở tốt tươi; đồng thời, làm kiệt lực dần hai nhà vật lý đã sinh ra nó.

Từ năm 1899 đến năm 1904, tất cả 32 bản thông báo khoa học đã được ông bà Qui-ri công bố đứng tên chung, hoặc tên riêng, hoặc cùng làm với một bạn đồng sự. Đầu đề kì quặc khó hiểu, nội dung chi chít những đồ thị và công thức làm cho người ngoài nghề phát khiếp. Tuy nhiên, mỗi bản báo cáo là một thắng lợi, khi đọc danh sách khô khan những thông báo quan trọng nhất, ta hãy nghĩ đến bao nhiêu công phu tìm tòi, kiên trì và sáng tạo:

- Về tác dụng hoá học của những Ra-đi (Ma-ri Qui-ri và Pi-e Qui-ri 1899).

- Về trọng lượng của nguyên tử của Ra-đi mang chất Ra-đi (Ma-ri Qui-ri 1900).

- Về chất phóng xạ cảm ứng do muối Ra-đi (Pi-e Qui-ri và Ang-đrê Đờ-biếc-nơ, 1901)

- Tác dụng sinh lý của tia Ra-đi (Pi-e Qui-ri và Bếch-cơ-ren,1901).

- Về tính phóng xạ cảm ứng và về khí tỏa của Ra-đi (Pi-e Qui-ri

1903)

- Về nhiệt tự phát tỏa ra từ muối Ra-đi (Pi-e Qui-ri và A. La-boóc-đơ, 1903)

- Nghiên cứu về các chất phóng xạ (Ma-ri Qui-ri, 1903)

- Về tính phóng xạ của khí thoát ra ở suối nước nóng (Pi-e Qui-ri, Sác-lơ bu-xa và V. Ban-ta-da 1904).

Thuyết phóng xạ nhanh chóng lan rộng từ Pháp ra các nước ngoài. Ngay từ 1900, nhiều nhà khoa học có tên tuổi tại Anh, Đức, Áo, Đan Mạch, tới tấp gửi thư đến hỏi ý kiến. Ông bà Qui-ri liên tục trao đổi thư từ với Uy-li-am Crúc-cơ người Anh, với các giáo sư Suy-ét và Bôn-đơ-man ở Áo; với nhà thám hiểm Pôn-ven người Đan Mạch. “Cha mẹ đẻ” của Ra-đi gửi cho các bạn đồng nghiệp những lời giải thích và hướng dẫn về kĩ thuật. Trong nhiều nước, những nhà nghiên cứu lao vào đi tìm những chất phóng xạ mới. Quả là một cuộc tìm tòi bổ ích, đã phát hiện ra những chất như Mê-đô-tô-ri, Ra-đi-ô-tô-ri, i-ô-ni, prô-lắc-ti-ni v.v…

Năm 1903, hai nhà bác học người Anh Răm-xay và Xô-đi chứng minh rằng chất Ra-đi luôn luôn tỏa ra một lượng nhỏ khí Hê-li. Đây là một bằng chứng rõ rệt đầu tiên về biến đổi nguyên tử. Ít lâu sau, cũng ở Anh, Rơ-đơ-pho và Xô-đi lập lại một giả thuyết do Ma-I đề ra từ năm 1900 và cho in thuyết “Biến đổi phóng xạ”. Họ khẳng định rằng các chất phòng xạ, tuy bề ngoài như không biến đổi, vẫn ở một trạng thái tiến triển tự phát: biến thiên càng nhanh chóng thì hoạt tính càng cao.

Sau này Pi-e Qui-ri viết:

“Đây là hiện tượng thoái biến của các đơn chất, nhưng không phải như các nhà luyện kim thời xưa đã hiểu. Chất vô cơ nhất định phải tiến triển qua các thời đại và theo những định luật không thay đổi”.

Chất Ra-đi thần kỳ! Tinh khiết dưới dạng clo-rua, đó là một thứ bột trắng đục trong như muối ăn. Nhưng những tính chất của nó càng ngày càng được hiểu rõ thêm làm cho ta kinh ngạc. Tia phóng xạ của Ra-đi, đã giúp hai nhà bác học Pi-e và Ma-ri Qui-ri khám phá ra nó, có cường độ vượt tất cả sự ước lượng. Ra-đi phóng xạ mạnh hơn u-ra-ni hàng triệu lần. Khoa học đã phân tích, chia phóng xạ Ra-đi thành ba loại tia khác nhau, có thể xuyên qua

các chất mờ nhất, và đồng thời biến dạng đi. Chỉ có một tấm bình phong dày bằng chì mới cản được chúng.

Chất Ra-đi tự tỏa ra một chất khí đặc biệt luôn luôn kèm với nó như bóng với hình, đó là khí tỏa của Ra-đi cũng có tính hoạt động và ngay để trong ống nghiệm bằng thủy tinh cũng tự phân hủy từng ngày từng giờ theo một quy luật nhất định.

Trong nhiều suối nước nóng cũng có khí ấy.

Lại thêm một thách thức khác đối với những thuyết trước kia tưởng như là nền móng bất di bất dịch của ngành vật lý. Ra-đi phát nhiệt một cách tự phát. Trong một giờ, nó có thể tỏa ra một lượng nhiệt làm tan một lượng đá bằng trọng lượng của nó. Nếu giữ cho nó không bị nguội đi, nó sẽ nóng lên và nhiệt độ của nó sẽ tăng thêm mười độ hay hơn nữa so với môi trường xung quanh.

Khả năng của nó thật kì diệu: nó tác động vào kính ảnh bọc trong giấy đen; nó làm cho khí trời dẫn điện và từ xa đã làm cho một máy điện nghiệm phóng điện. Những lọ thủy tinh đựng chất Ra-đi đều chuyển sang màu tím hoặc màu hoa cà; giấy hoặc bông bọc chất Ra-đi đều bị Ra-đi gặm dần và tan thành bụi.

Ra-đi phát sáng như ta đã biết, Ma-ri viết:

"Sự phát sáng ấy không thể thấy được ban ngày, nhưng dễ nhận thấy ở nơi tranh tối tranh sáng. Với một ít chất ở trong tối ánh sáng phát ra có thể đủ đọc sách".

Chất Ra-đi không giữ riêng cho mình cái khiếu màu nhiệm đó, Ra-đi còn làm cho rất nhiều đồ vật khác phát lân. Ví dụ: kim cương.

Dùng Ra-đi có thể phân biệt kim cương thật với kim cương giả vì tính phát lân của kim cương giả rất yếu.

Các tia Ra-đi còn hay "lây" nữa, lây như một mùi hương dai dẳng, lây như bệnh truyền nhiễm.

Bất cứ một vật gì, một cây cỏ, một con vật hoặc một người đặt bên cạnh một ống Ra-đi, đều tiếp thu một "hoạt tính" đáng kể. Tính hay lây đó là

kẻ thù thường xuyên của Pi-e và Ma-ri vì nó làm rối loạn kết quả của những thí nghiệm chính xác.

Ma-ri viết:

“Khi nghiên cứu các chất phóng xạ mạnh, nếu muốn tiếp tục đo lường tỉ mỉ thì phải đặc biệt cẩn thận. Các dụng cụ dùng trong phòng thí nghiệm hóa học và các dụng cụ dùng cho thí nghiệm vật lý chẳng bao lâu cũng trở thành phóng xạ và tác động vào kính ảnh xuyên qua những giấy đen bọc ngoài. Bụi, không khí trong phòng, quần áo đều có phóng xạ. Không khí trong phòng cũng thành dẫn điện. Trong phòng thí nghiệm của chúng tôi, tình trạng này đã đến mức nghiêm trọng, không còn có được một dụng cụ nào hoàn toàn cách ly mà không bị nhiễm phóng xạ”.

Sau này, khi ông bà Qui-ri không còn nữa, những cuốn sổ tay của hai nhà bác học, ba, bốn mươi năm sau vẫn còn một “hoạt tính” sinh động và bí mật, và vẫn ảnh hưởng đến những dụng cụ đo lường.

Phóng xạ, tỏa nhiệt, phát sinh ra khí hê-li và khí tỏa, tự phân ra, tự phát, tất cả những hiện tượng đó đã vượt xa những thuyết về vật chất trơ, về nguyên tử không thay đổi. Trước kia những nhà bác học tưởng rằng vũ trụ gồm những chất đã được xác định, những nguyên tố cố định. Thế mà giờ đây mỗi giây phút qua đi, các mảnh Ra-đi phóng xạ những nguyên tử hê-li và bắn chúng ra ngoài với sức mạnh ghê gớm. Kết quả của sự bắn phá nhỏ bé và rùng rợn ấy – mà Ma-ri gọi là “tai biến lớn” – của sự thay đổi nguyên tử là một nguyên tử khí tỏa ra và bản thân nguyên tử này cũng sẽ biến thành một chất phóng xạ khác – và chất này đến lượt nó cũng sẽ lại biến đổi! Thế là các nguyên tố phóng xạ hợp thành những dòng họ lạ lùng và tàn nhẫn mà mỗi thành viên sinh ra bởi sự thay đổi tự phát của chất mẹ: chất Ra-đi là “con” của chất u-ra-ni, chất Pô-lô-ni là “con” của chất Ra-đi. Những chất ấy mỗi lúc sinh ra lại tự hủy theo những quy luật muôn thuở: Mỗi một nguyên tố phóng xạ mất đi một phân nửa chất của mình trong một thời gian không thay đổi gọi là “chu kì” của nó. Muốn giảm đi nửa, u-ra-ni phải mất một vài tỉ năm, Ra-đi 1600 năm, khí tỏa của Ra-đi bốn ngày, những “con cháu” của khí tỏa thì vài giây.

Ra-đi còn có thể tạo thêm hạnh phúc cho con người. Nó sẽ trở thành bạn đồng minh của người, chống lại một căn bệnh hiểm nghèo, bệnh ung thư. Năm 1900, hai nhà bác học Đức, Van-cốp và Ghi-den tuyên bố rằng Ra-

đi có tác dụng về sinh lý. Không ngại nguy hiểm Pi-e Qui-ri sẵn sàng thí nghiệm tác dụng của Ra-đi trên tay mình. Ông vui mừng khi thấy một vết thương hiện ra! Trong một bản báo cáo ở Hàn lâm viện khoa học, Pi-e mô tả những hiện tượng nhận xét được.

"Da trở nên đỏ trên một diện tích sáu xăng-ti-mét vuông: bề ngoài trông như một vết bỏng nhưng da không đau hoặc hơi đau thôi. Ít lâu sau, độ đỏ tăng lên nhưng không loang ra, đến ngày thứ hai mươi thì đóng vẩy, được băng bó, đến ngày thứ bốn mươi hai da non bắt đầu mọc từ mép vết thương mọc dần vào giữa, và năm mươi hai ngày sau khi tác động của các tia, vẫn còn một vết thương bề mặt độ một xăng-ti-mét vuông, màu xám, cho biết là thịt ở chỗ đó đã chết một khoảng sâu hơn nữa.

Bà Qui-ri khi di chuyển một vài xăng-ti-gam chất có hoạt tính mạnh cũng bị những vết bỏng tương tự mặc dầu ống nghiệm đã được đựng trong một hộp mỏng bằng kim loại.

Với các chất có hoạt tính mạnh, chúng tôi còn bị những tác động khác trên bàn tay, thường là bị bong vẩy, nhưng đầu ngón tay cầm đầu ống nghiệm và bắt đầu sử dụng các chất đó trở nên cứng và có khi rất đau. Một người trong chúng tôi bị bỏng đầu ngón tay mất mươi lăm ngày, sau đó bong da, nhưng cảm giác đau đớn sau hai tháng vẫn chưa dứt hẳn".

Hăng-ri Bếch-cơ-ren khi mang ống nghiệm bằng thủy tinh đựng chất Ra-đi để trong túi áo gi-lê cũng bị một vết bỏng không ngờ. Kinh ngạc và bực bội, ông đến ngay nhà Qui-ri để than phiền về chiến công của đứa con đáng sợ ấy. Sau cùng ông kết luận:

"Chất Ra-đi, tôi yêu nó nhưng tôi cũng giận nó"… rồi ông vội lấy những kết quả của cuộc thí nghiệm không cố ý đó, đăng trong báo cáo ngày 3 tháng sáu năm 1901 bên cạnh những nhận xét của Pi-e.

Rất ngạc nhiên trước tác dụng kì lạ của tia Ra-đi, Pi-e tiếp tục nghiên cứu trên các loài vật. Ông cộng tác với các bác sĩ cao cấp, các giáo sư Bu-xa và Ban-ta-da. Không bao lâu, họ biết chắc chắn rằng: bằng cách hủy diệt tế bào có bệnh, tia Ra-đi chữa được những u và một vài dạng ung thư. Cách chữa ấy sau này gọi là phương pháp điều trị Qui-ri. Nhiều bác sĩ người Pháp lần đầu tiên áp dụng cách chữa ấy cho người bệnh có hiệu quả. Họ dùng những ống khí tỏa Ra-đi của Pi-e và Ma-ri cho mượn.

Ma-ri viết:

“Tác dụng của Ra-đi trên da được bác sĩ Đô-lốt, ở bệnh viện Xanh Lu-I nghiên cứu đi đến những kết quả phấn khởi, biểu bì đã bị chết một phần, lại tái sinh lành lặn như cũ”.

Chất Ra-đi có ích – rất có ích.

Kết quả trực tiếp của sự khám phá đó đã rõ ràng. Nguyên tố mới này, không chỉ còn thuộc lĩnh vực thí nghiệm, nó đã thành cần thiết và có lợi. Một nền công nghiệp Ra-đi sắp ra đời.

Pi-e và Ma-ri trông nom cho bước khởi đầu của công nghệ ấy. Họ tự tay làm ra – phần lớn do Ma-ri – một gam Ra-đi đầu tiên chế hóa từ tám tấn xỉ pếch-blen ở nhà xe trường Vật lý, theo một phương pháp tự đặt ra. Dần dần những tính chất của Ra-đi kích thích óc sáng kiến của giới khoa học, hai vợ chồng Qui-ri được nhiều cộng tác có hiệu quả để tổ chức sản xuất qui mô.

Việc chế biến quặng theo quy mô lớn bắt đầu dưới sự điều khiển của Ăng-đrê Đơ-biếc-nơ, ở tổng công ty Hóa chất, công ty này nhận làm giúp không lấy lãi. Năm 1902, Hàn lâm viện khoa học trợ cấp cho ông bà Qui-ri hai mươi nghìn phơ-răng “để khai thác các chất phóng xạ”, nhờ đó có thể bắt tay ngay vào việc tinh chế năm tấn quặng.

Năm 1904, một nhà kĩ nghệ Pháp khôn ngoan lá Ác-mê Đờ-lin nghĩ đến xây dựng một nhà máy sản xuất Ra-đi dùng trong y học để chữa các u ác tính. Pi-e và Ma-ri được một gian nhà ở liền nhà máy để tiến hành những việc mà nhà xe ghép ván chật hẹp không cho phép. Ông bà Qui-ri đào tạo ra những cộng tác viên như Hô-dơ-panh và Giắc-đan. Hai người này được giao việc khai thác chất quý đó.

Gam Ra-đi đầu tiên được Ma-ri nâng niu gìn giữ. Sau này bà sẽ tặng lại phòng thí nghiệm. Từ trước đến nay và mãi mãi về sau nó chỉ có thể đánh giá bằng sức lao động tận tuỵ của Ma-ri mà thôi. Và khi bà Qui-ri không còn nữa, gam Ra-đi ấy vẫn sẽ là tượng trưng rực rỡ cho một sự nghiệp vĩ đại và một khoảng thời gian anh dũng của hai cuộc đời.

Những gam Ra-đi sản xuất sau đó có một giá trị khác: giá một cáng. Trên thị trường, nó là chất đắt nhất thế giới, mỗi gam tới bảy trăm năm mươi nghìn phơ-răng vàng.

Một chất đặc biệt quý giá như thế cần được bàn luận tới. Tháng giêng 1904, tạp chí "Chất Ra-đi" dành riêng nói về các chất phóng xạ ra đời. Ra-đi cũng dành được một cương vị thương mại. Nó có chỉ số mua bán và báo chí riêng. Chẳng bao lâu, trên giấy tờ có đề tự của nhà máy Ác-mê Đờ-lin, người ta sẽ đọc những dòng chữ lớn:

MUỐI RA-ĐI CHẤT PHÓNG XẠ

Địa chỉ điện tín: "Ra-đi – No-giang – Trên sông MAC-NƠ"

*

*　　*

Có được những công trình nghiên cứu sáng tạo của bao nhà khoa học các nước, có được một nền công nghiệp mới và một phương pháp chữa bệnh mới đó là nhờ một thiếu phụ Ba Lan tóc hung, ham mê tìm tòi học hỏi, năm 1897 đã chọn đầu đề làm luận án là sự nghiên cứu các tia Bếch-cơ-ren. Đó là nhờ bà đã đoán được rằng quặng pêch-blen chứa đựng một chất mới và cùng dốc sức với chồng, bà chứng minh được sự tồn tại của chất đó. Đó là nhờ bà đã thành công trong việc tách riêng ra chất Ra-đi nguyên chất.

Người đàn bà trẻ tuổi ấy hôm nay đứng đây, ngày 25 tháng sáu 1903, trước bảng đen trong một phòng nhỏ ở Xoóc-bon, cái phòng "sinh viên" mà người ta đi lên bằng một cái thang máy trôn ốc ở một bên và kín đáo. Từ khi Ma-ri bắt đầu chuẩn bị luận án đến nay đã hơn năm năm. Bị lôi cuốn trong cơn lốc của một phát minh vĩ đại, bà cứ hoãn mãi kì thi tiến sĩ, vì không có thì giờ thu thập tài liệu. Hôm nay bà đến trước các giám khảo.

Theo tục lệ Ma-ri nộp cho ban giám khảo gồm các ông Líp-man, Bu-ti, Moát-xăng để duyệt, văn bản công trình của mình: "Nghiên cứu các chất phóng xạ". Và, hiện tượng bất ngờ! Ma-ri mặc một cái áo mới màu đen bằng "lụa pha len". Nói cho đúng, bà chị Brô-ni-a đến Pa-ri trong dịp cô em bảo vệ luận án đã kêu trời vì mấy mảnh quần áo nhẵn bóng của Ma-ri và khăng khăng kéo Ma-ri vào một hiệu may. Chính Brô-ni-a đã hỏi giá cả, xem vải và quyết định những chỗ phải sữa chữa, không hề để ý đến vẻ mặt cau có của em mình.

Brô-ni-a đã từng dẫn Ma-ri đi may mặc, cũng với một sự chăm sóc

ân cần, cảm động như vậy, vào một buổi sáng tháng sáu rực rỡ khác, không kém phần long trọng. Cách đây hai mươi năm, năm 1883, cô bé Ma-ni-u-sa cũng mặc đồ đen như bây giờ, miễn cưỡng nhận từ tay một nhân viên Nga hoàng chiếc huy chương vàng của một trường trung học ở Vác-xô-vi…

Ma-ri Qui-ri đứng rất thẳng. Khuôn mặt xanh xao, dưới bộ tóc màu nhạt chải ngược bồng lên, để lộ một vầng trán rộng, in mấy nếp nhăn li ti, dấu hiệu cuộc chiến đấu mà bà đã thắng. Trong gian phòng đầy ánh sáng, các nhà vật lý, các nhà hóa học ngồi chật ních. Phải kê thêm ghế: tầm quan trọng đặc biệt của vấn đề sắp tới đã lôi kéo tất cả giới khoa học.

Cụ bác sĩ Qui-ri, Pi-e và Brô-ni-a, ngồi ở cuối phòng xen lẫn với sinh viên. Gần đấy một nhóm các cô nói chuyện lao xao. Đó là những nữ sinh ở Xe-vrơ, học trò của Ma-ri đến cổ vũ giáo sư của họ.

Ba ông giám khảo mặc lễ phục ngồi sau một cái bàn dài bằng gỗ sên lần lượt đặt câu hỏi, Ông Bu-ti sau đến ông Líp-man - người thầy đầu tiên có những cảm hứng tế nhị và cuối cùng ông Moát-xăng, mà bộ râu quá dài làm cho mọi người chú ý. Thí sinh trả lời, giọng êm dịu, tay cầm phấn, thỉnh thoảng lại vẽ lên bảng đen lược đồ một chiếc máy hoặc những dấu hiệu một công thức cơ bản. Công trình nghiên cứu được trình bày bằng tiếng nói khô khan của kĩ thuật, và những tính từ nhạt nhẽo. Nhưng trong đầu óc người nghe, già cũng như trẻ, thầy cũng như trò, đang diễn ra một sự biến đổi mới. Lới nói lạnh lùng của Ma-ri trở thành một hình ảnh nóng bỏng vô cùng phấn chấn: hình ảnh một trong những phát minh lớn nhất của thế kỉ.

Các nhà bác học thường không thích hùng biện hoặc bình phẩm dài dòng. Để phong cho Ma-ri danh hiệu tiến sĩ, các vị giám khảo trường Đại học khoa học cũng lại dùng những lời lẽ hết sức giản dị, mà hai mươi năm sau, khi đọc lại, vẫn thấy cảm kích sâu sắc.

Ông Líp-man, chủ nhiệm khoa, tuyên bố bằng câu nói đã thành công thức:

- Trường Đại học Pa-ri tặng bà danh hiệu Tiến sĩ khoa học vật lý hạng xuất sắc.

Khi tiếng vỗ tay đã dứt, ông nói thêm, giọng giản dị, thân mật và hơi rụt rè của một giáo sư Đại học già:

- Và nhân danh ban giám khảo, tôi xin gửi tới bà những lời chúc mừng của chúng tôi.

Những cuộc thi trang nghiêm ấy, những buổi lễ trịnh trọng và đơn giản ấy, dù thí sinh là một nhà nghiên cứu thiên tài hay chỉ là một người làm việc cần cù, từ trước đến nay đều diễn ra như vậy, có phong thái và tính cao quý của nó.

*

*   *

Trước đó ít lâu, Pi-e và Ma-ri có một quyết định, tuy đối với họ không quan trọng lắm nhưng sẽ ảnh hưởng lớn đến đời sống sau này của hai nhà bác học.

Trong quá trình tinh chế quặng pêch-blen và tách riêng chất Ra-đi, Ma-ri đã sáng tạo ra một kĩ thuật và tìm ra một phương pháp chế biến.

Kể từ khi tác dụng chữa bệnh của Ra-đi được phổ biến, đâu đâu người ta cũng tìm tòi các quặng phóng xạ. Nhiều nước muốn xây dựng nhà máy khai thác quặng, nhất là Bỉ và Mỹ. Nhưng các nhà máy chỉ có thể sản xuất ra chất "kim loại diệu kì" ấy, khi nắm được bí mật điều chế Ra-đi nguyên chất.

Chuyện này Pi-e nói với vợ vào một sáng chủ nhật, trong căn nhà nhỏ ở đại lộ Kê-lec-man. Người đưa thư vừa đưa đến một cái thư từ Mỹ. Pi-e đọc kĩ thư gập lại để trên bàn, và nói giọng bình thản:

- Phải bàn một tí về chất Ra-đi của chúng ta. Rõ ràng là công nghiệp Ra-đi sẽ phát triển mạnh. Đây là một cái thư từ Ba-pha-lô[41] tới: một số nhà kĩ thuật muốn khai thác Ra-đi ở Mỹ viết xin tài liệu.

- Thế thì sao? – Ma-ri lơ đãng hỏi.

- Ta có hai cách giải quyết. Một là mô tả tỉ mỉ tất cả các nghiên cứu tìm tòi của chúng ta, không giấu gì hết, kể cả phương pháp tinh chế…

Ma-ri gật đầu tỏ vẻ đồng tình và khẽ nói:

- Cố nhiên.

Pi-e tiếp:

- Hai là ta có thể coi mình như những người chủ, những người “sáng chế” ra Ra-đi. Nếu vậy, trước khi công bố cách chế hóa pếch-blen, em phải lấy bằng sáng chế các kĩ thuật ấy để bảo đảm bản quyền của chúng ta về việc chế tạo Ra-đi trên thế giới.

Pi-e cố sức mới trình bày câu chuyện cho khách quan. Giọng nói thoáng một vẻ khinh thị kín đáo, khi nhắc đến những lời mà ông không quen như “bằng sáng chế”, “bảo đảm bản quyền”.

Ma-ri suy nghĩ vài giây, rồi nói:

- Không được. Như thế trái với tinh thần khoa học.

Pi-e nhấn thêm:

- Anh cũng nghĩ thế, nhưng anh không muốn rằng chúng ta quyết định vấn đề này một cách vội vàng. Cuộc sống của chúng ta khổ cực, e rằng còn khổ cực nữa. Và chúng ta có một con gái… có thể còn những đứa con khác nữa. Đối với con cái, đối với chúng ta, bằng sáng chế nghĩa là nhiều tiền, giàu có… đảm bảo một cuộc sống đủ tiện nghi, không vất vả như hiện nay.

Rồi Pi-e mỉm cười nói tới điều duy nhất nếu thiếu đối với ông thật là chua xót.

- Chúng ta lại còn có thể có một phòng thí nghiệm đàng hoàng.

Đôi mắt Ma-ri chăm chú, Ma-ri thoáng nghĩ đến quyền lợi, đến những phần thưởng vật chất, nhưng gần như tức khắc, bà gạt bỏ ý nghĩ đó.

- Những nhà vật lý thường cho in trọn vẹn các công trình nghiên cứu của họ. Nếu phát minh của chúng ta sau này có giá trị thương mại thì đó là cái ngẫu nhiên mà chúng ta không thể lợi dụng. Và chất Ra-đi sắp được dùng để chữa bệnh… không thể lạm dụng nó để mưu lợi.

Nào Ma-ri có hề định thuyết phục chồng. Pi-e chỉ nói đến bằng sáng

chế để khỏi ân hận mà thôi, bà rất biết thế. Những lời dứt khoát trên đây là cảm nghĩ của hai người, là quan điểm không lay chuyển của họ về vai trò nhà bác học.

Trong sự im lặng, Pi-e nhắc lại như một tiếng vang:

- Không, không thể được. Như thế trái với tinh thần khoa học!

Pi-e như trút được gánh nặng. Ông nói thêm, như đang giải quyết một vấn đề chi tiết:

- Vậy chiều hôm nay, anh sẽ viết thư cho các kĩ sư Mỹ, cung cấp cho họ mọi chi tiết cần thiết.

Hai mươi năm sau, Ma-ri viết:

"Đồng ý với tôi, Pi-e Qui-ri từ bỏ, không muốn tìm một lợi lộc vật chất gì từ phát minh đó. Chúng tôi không lấy một bằng sáng chế nào và cho in toàn bộ kết quả nghiên cứu của mình, kể cả phương pháp chế tạo chất Ra-đi. Hơn nữa, còn cung cấp cho những người muốn hỏi, tất cả những chỉ dẫn cần thiết. Việc này đã giúp ích rất nhiều cho công nghiệp Ra-đi phát triển, mới đầu ở Pháp và ở các nước, cung cấp cho các nhà bác học và thầy thuốc những chất họ cần. Cho đến nay, các phương pháp mà chúng tôi chỉ dẫn vẫn còn áp dụng hầu như không thay đổi.

Công ty khoa học tự nhiên Ba-pha-lô có bảo chúng tôi làm kỉ niệm một bản in nói về sự phát triển công nghiệp Ra-đi ở Mỹ, kèm thêm ảnh chụp các bức thư của Pi-e Qui-ri trả lời tường tận từng câu hỏi của các kỹ sư Mỹ những năm 1902-1993".

Câu chuyện ngắn ngủi trên đây, diễn ra vào một sáng chủ nhật, mười lăm phút sau Pi-e và Ma-ri đã vượt cổng Giăng-ti-i chắn đường xe lửa, đạp nhanh về phía rừng cây bóng mát.

Giữa hai ngã đường, họ không màng giàu sang mà chọn cuộc sống thanh bần.

Buổi chiều, họ trở về hai tay ôm đầy lá và những bó hoa đồng nội.

CHƯƠNG XVI

DANH VỌNG, KẺ THÙ SỐ MỘT

Nước đầu tiên công nhận tài năng của ông bà Qui-ri là Thụy Sĩ. – Chúng ta nhớ lại lời mời của trường đại học Giơ-ne-vơ – Và mang đến cho hai nhà bác học những vinh dự sớm nhất là nước Anh.

Ở Pháp, Pi-e và Ma-ri cũng được tặng một vài giải thưởng khoa học. Năm 1895, Pi-e được giải Plăng-tê (*Planté*), 1901 giải La-ca-dơ (*Lacaze*). Ma-ri được tặng giải Ghếch-nơ (*Gegner*) ba lần. Nhưng chưa có một giải thưởng nào xuất sắc làm rạng rỡ tên ông bà Qui-ri. Cho đến tháng sáu 1903, học viện Hoàng gia Anh chính thức mời Pi-e sang thuyết trình về Ra-đi. Nhà vật lý nhận lời và cùng đi với Ma-ri sang Lơn-đơn[42] (*London*).

Hai nhà bác học được công tước Ke-vin thân thiết, niềm nở đón tiếp. Cụ già đáng kính ấy coi thành công chuyến đi này của Pi-e và Ma-ri như của bản thân, và cũng tự hào về những công trình của hai đồng nghiệp dường như cũng có phần tham gia của mình. Cụ thân mật quàng tay lên vai Pi-e, dẫn hai vợ chồng thăm phòng thí nghiệm của cụ. Cụ sung sướng và cảm động, khoe với mọi người tặng phẩm của Pi-e mang từ Pa-ri tới. Đúng là tặng phẩm của một nhà vật lý: Một ít tinh thể Ra-đi để trong ống nghiệm bằng thủy tinh.

Trong cuộc thuyết trình chiều hôm đó, công tước Ke-vin ngồi cạnh Ma-ri, người phụ nữ đầu tiên được dự buổi họp của viện Hoàng gia. Tất cả giới khoa học Anh đều có mặt. Pi-e nói tiếng Pháp chậm rãi mô tả những tính chất của Ra-đi. Rồi Pi-e đề nghị tắt hết ánh sáng để làm vài thí nghiệm lý thú: do tác động của Ra-đi, một điện nghiệm bỗng phóng điện từ xa, một tấm chắn bằng sun-phua kẽm phát lân, kính ảnh đã bọc giấy đen cũng bị ảnh hưởng; Ra-đi còn tỏa nhiệt tự phát v.v...

Buổi nói chuyện chiều hôm đó rất hào hứng. Ngay ngày hôm sau đã có tiếng vang. Cả thủ đô nước Anh nô nức muốn xem mặt "*Cha mẹ*" của chất Ra-đi. Khắp nơi mời giáo sư và bà Qui-ri dự tiệc tại các buổi tiếp long trọng và người ta không ngớt lời ca ngợi chúc tụng.

Pi-e hết sức lịch sự trong bộ lễ phục đen, hơi bóng mà ông thường mặc để dạy lớp lý hóa sinh, nhưng vẫn làm cho người ta cảm thấy tâm trí ông

đang ở đâu đâu, dường như những lời chúc tụng dành cho ai chứ không phải cho ông. Ma-ri rất ngượng ngùng, vì bao con mắt đang dồn về mình, như nhìn một con vật kỳ lạ: một nhà vật lý đàn bà.

Ma-ri mặc một chiếc áo màu xẫm, chỉ hơi hở cổ, đôi bàn tay bị a-xít ăn không mang găng, ngay cả đến chiếc nhẫn cưới cũng không có. Xung quanh bà những chuỗi kim cương đẹp nhất của Đế quốc Anh lấp lánh trên các cổ để trần. Ma-ri nhìn ngắm các đồ trang sức ấy một cách thích thú thật sự và ngạc nhiên nhận thấy Pi-e xưa nay vẫn lơ đãng, mắt cũng không rời những chuỗi kim cương.

Chiều về, khi thay áo, Ma-ri nói

– Em không ngờ lại có những trang sức như thế, thật là đẹp!

Nhà vật lý cười và nói:

– Em biết không, trong bữa tiệc, ngồi rỗi anh tìm ra một trò chơi. Thử tính xem số kim cương đeo trên cổ mỗi bà khách có thể xây dựng bao nhiêu phòng thí nghiệm. Đến lúc đọc diễn văn, kết quả đã thành một con số kinh khủng.

Vài ngày sau, ông bà Qui-ri trở lại Pa-ri, về với cái nhà xe ghép ván. Chuyến đi Lơn-đơn đã đem lại cho hai nhà bác học nhiều quan hệ kết giao chặt chẽ và cộng tác thiết thực. Pi-e sắp sửa cho in cùng với một đồng nghiệp người Anh – một công trình về các khí tỏa ra do muối Ra-đi Brô-mua.

Dân tộc Ăng-lô Xác-xông thường trung thành với những ai đã làm cho họ khâm phục! Tháng 11-1903 đến lượt Học viện Hoàng gia Anh công bố tặng Pi-e và Ma-ri Qui-ri huân chương Đê-vi là một trong những phần thưởng cao quí nhất của học viện này.

Ma-ri không khỏe nên Pi-e đi dự lễ một mình. Pi-e mang từ nước Anh về một huân chương nặng bằng vàng, có khắc tên hai vợ chồng. Thoạt tiên, Pi-e còn tìm chỗ để cất trong gian nhà ở đại lộ Kê-léc-man, vụng về nâng lên đặt xuống, để thất lạc rồi lại tìm thấy rồi bỗng nghĩ ra một cách: Pi-e giao chiếc huân chương ấy cho con gái là I-ren giữ, lúc này I-ren mới sáu tuổi, chưa khi nào cô bé vui thích bằng được giữ cái đó.

Mỗi lần bạn bè đến thăm, nhà bác học chỉ đứa bé đang mải mê với cái đồ chơi mới đó.

– I-ren thích “đồng xu to” của nó lắm – ông kết luận.

Hai cuộc hành trình ngắn ngủi rạng rỡ, một cô bé chơi với một đĩa nhỏ bằng vàng... Đây là đoạn nhạc mở đầu của bản giao hưởng mà cao trào đang tới gần.

*

* *

Lần này người nhạc trưởng đã bắt nhịp từ Thụy Điển.

Ngày mồng mười tháng Chạp 1903, Hàn lâm viện Khoa học Xtốc-khôm (*Stockholm-NS*) họp trịnh trọng toàn thể, công bố giải thưởng Nô-ben (*Nobel-NS*) về vật lý năm ấy, tặng một nửa cho Hăng-ri Bếch-cơ-ren (*Henri Becquerel-NS*) và một nửa cho ông bà Qui-ri về việc khám phá ra phóng xạ.

Cả Pi-e và Ma-ri đều không đến dự buổi lễ. Đại sứ Pháp thay mặt họ nhận bằng và huy chương vàng tự tay Vua Thụy Điển trao.

Pi-e và Ma-ri không đi lần này vì đường xa, lại vào giữa mùa đông, hai người đang yếu mệt và bận nhiều việc.

Giáo sư O-ri-vi-li-uýt viết cho ông bà Qui-ri ngày 14 tháng một năm 1903:

“*Kính gửi ông bà Qui-ri,*

Hân hạnh báo cho ông bà bằng điện tín, Hàn lâm viện Khoa học Thụy Điển họp ngày 12 tháng Một đã quyết định tặng ông bà một nửa giải thưởng Nô-ben về Vật lý năm nay để tỏ lòng tán thưởng công trình đặc biệt của ông bà về tia Bếch-cơ-ren.

Mười tháng Chạp vào buổi họp toàn thể rất long trọng sẽ công bố nghị quyết ấy.

Hàn lâm viện Khoa học kính mời ông bà đến dự buổi họp đó, để tự tay nhận phần thưởng.

Theo khoản 9 điều lệ thành lập giải thưởng Nô-ben, trong vòng 6 tháng sau cuộc họp này, ông bà cần làm một bản thuyết trình về công trình được tặng thưởng ở Xtốc-khôm. Nếu ông bà đến Xtốc-khôm vào dịp đó, tốt hơn hết là ông bà hãy làm ngay thủ tục này vào mấy ngày đầu sau cuộc họp.

Hàn lâm viện sẽ rất hân hạnh được đón tiếp ông bà ở Xtốc-khôm, xin nhận ở đây những lời chúc mừng thành thật nhất của tôi”.

Ngày 19 tháng Một 1903, Pi-e viết thư trả lời sau đây:

"*Kính gửi ngài Tổng thư ký vĩnh viễn,*

Hàn lâm viện Khoa học Xtốc-khôm đã dành cho chúng tôi vinh dự lớn, được một nửa giải thưởng Nô-ben Vật lý. Chúng tôi nhờ ngài chuyển tới Hàn lâm viện lòng biết ơn sâu sắc và lời cảm ơn hết sức chân thật của chúng tôi.

Thời gian đó trong năm, chúng tôi không thể nào vắng mặt mà không ảnh hưởng đến khóa học mà nhà trường đã giao phó. Chúng tôi cũng chỉ ở được vài ngày, và sẽ rất ít thời gian để làm quen với các nhà bác học Thụy Điển.

Hơn nữa, bà Qui-ri vừa bị ốm đến nay chưa khỏi hẳn.

Vậy xin ngài cho hoãn lại cuộc hội nghị này, có thể đến lễ Phục sinh, hoặc tiện hơn nữa vào giữa tháng Sáu.

Xin ngài tin tưởng ở sự kính trọng của chúng tôi."

Sau những câu xã giao ấy, chúng ta hãy kể đến một bức thư khác. Một bức thư trung thực, do Ma-ri viết bằng tiếng Ba Lan cho anh ruột. Ngày tháng cũng đáng chú ý: 11 tháng Chạp 1903. Một ngày sau buổi họp long trọng ở Xtốc-khôm. Ngày danh vọng đầu tiên! Giữa lúc ấy Ma-ri có thể say sưa với thắng lợi của mình: Cuộc đời của bà chả khác thường là gì? Chưa có một người đàn bà nào nổi tiếng đến như thế trong lĩnh vực khắt khe của khoa học. Bà là người đầu tiên và cho đến nay là nữ bác học duy nhất có danh tiếng trên thế giới.

Đây là bức thư đề ngày 11 tháng Chạp 1903:

"*Anh Dô-dếp thân mến,*

Em âu yếm cảm ơn anh chị về những lời tốt đẹp của anh chị. Anh đừng quên hộ em cảm ơn cháu gái Ma-ni-u-sa về thư của cháu; cháu viết hay lắm, làm cho em vui thích. Hễ có thời giờ, em sẽ trả lời cháu.

Đầu tháng Một em như bị cúm rồi ho. Bác sĩ Lăng-đri-ơ khám phổi cho em không thấy gì đáng lo ngại. Thế nhưng bác sĩ chê em xanh. Em vẫn cảm thấy khỏe và độ này em có thể làm việc hơn mùa thu, không mệt lắm.

Pi-e sang Lơn-đơn nhận huân chương Đê-vi. Em không đi theo vì sợ mệt.

Người ta cho chúng em một nửa giải Nô-ben. Không rõ như thế là bao nhiêu, em chắc là độ bảy mươi nghìn phơ-răng. Đối với chúng em đó là một

món tiền lớn. Em cũng không rõ bao giờ thì được lĩnh tiền. Có lẽ chỉ khi nào chúng em đi Xtốc-khôm mà thôi. Theo lệ thì trong vòng sáu tháng sau ngày 10 tháng Chạp, chúng em phải có một buổi thuyết trình.

Chúng em không đến dự buổi họp trọng thể, bởi vì thu xếp khó quá. Em cảm thấy không đủ sức đi một chặng đường dài như thế (48 giờ không nghỉ và lâu hơn nữa nếu nghỉ dọc đường) vào lúc thời tiết không thuận tiện, ở một xứ lạnh, và không thể ở lại quá ba hay bốn ngày. Không thể bỏ dở việc giảng dạy quá lâu. Có lẽ đến Phục sinh chúng em mới đi được và lúc đó mới lãnh được tiền.

Chúng em bị ngập trong thư từ, suốt ngày lại phải tiếp các nhà nhiếp ảnh và nhà báo. Những lúc ấy chỉ muốn trốn xuống đất để được yên. Rồi ở Mỹ cũng mời sang thuyết trình một số buổi. Họ hỏi chúng em muốn bao nhiêu tiền. Dầu điều kiện thế nào đi nữa chúng em cũng định từ chối. Chúng em hết sức tránh những bữa tiệc mà người ta muốn tổ chức mừng chúng em. Đôi khi phải từ chối một cách quyết liệt, họ mới hiểu cho là không thể ép được.

Cháu I-ren khỏe. Cháu học tại một trường nhỏ khá xa nhà. Ở Pa-ri rất khó tìm được một trường tốt cho trẻ em.

Âu yếm ôm hôn cả nhà và xin anh chị đừng quên em".

Những dòng trên đây của một phụ nữ đã tự nguyện bỏ giàu sang, có một ý nghĩa khác thường. Tiếng tăm lừng lẫy, lòng ngưỡng mộ cảm phục của báo chí và công chúng, những cuộc tiếp đón, chiêu đãi long trọng của chính quyền, nhịp cầu bằng vàng bắc qua nước Mỹ…, tất cả những cái đó, chỉ làm cho Ma-ri thấy phiền phức, bực bội. Đối với bà, giải Nô-ben chỉ là một phần thưởng bảy mươi nghìn phơ-răng vàng, do các nhà bác học Thụy Điển tặng cho công trình của hai đồng nghiệp và như thế thì nhận cái đó "không trái với tinh thần khoa học". Một dịp may hiếm có để Pi-e đỡ phải dạy thêm, giữ được sức khỏe.

Ngày mồng hai tháng Giêng 1904, cái ngân phiếu may mắn đã chuyển đến chi nhánh ngân hàng, mọi khi vẫn giữ số tiền tiết kiệm mỏng manh của gia đình. Pi-e bây giờ có thể thôi không dạy ở trường Vật lý, để học trò cũ là Pôn Lăng-giơ-vanh dạy thay. Hai nhà vật lý thuê một phụ tá riêng, như thế đơn giản và nhanh hơn là đợi những người cộng tác tưởng tượng mà trường đại học hứa hẹn mãi. Ma-ri gửi cho anh chị Du-xki vay hai mươi nghìn cu-ron (tiền Áo), để mở nhà an dưỡng. Phần còn lại, thêm năm vạn phơ-răng là tiền giải thưởng O-di-rít, tặng một nửa cho Ma-ri Qui-ri và một nửa cho E-

đu-a Bran-li, được chia đều mua quốc trái Pháp và trái khoản của thành phố Vác-xô-vi.

Sổ chi tiêu còn ghi vài khoản khác: quà tặng và tiền cho vay gửi anh của Pi-e và các chị của Ma-ri, tiền góp chung vào các hội khoa học…

Giúp cũng nhiều: giúp một số học sinh Ba Lan, một bạn gái lúc thiếu thời của Ma-ri, anh em lao công ở phòng thí nghiệm, một nữ sinh túng thiếu ở Xe-vrơ… Chợt nhớ đến một bà rất nghèo ngày xưa đã tận tụy dạy Ma-ri tiếng Pháp, bây giờ là bà Kô-dơ-lốp-xca, vốn gốc Pháp sinh ở tỉnh Đi-ép, lấy chồng Ba Lan nay chỉ ước mơ về thăm quê hương xứ sở. Ma-ri biên thư mời bà sang Pháp, đón bà về nhà và trả tiền tàu từ Vác-xô-vi đến Pa-ri, rồi từ Pa-ri đến Đi-ép. Bà ta cảm động đến ứa nước mắt.

Tuy rộng rãi, Ma-ri rất kín đáo, đúng mức. Suốt đời bà quyết tâm giúp đỡ những người cần đến mình, và muốn làm việc đó theo khả năng của mình để có thể giúp được lâu dài.

Còn đối với bản thân thì sao? Ngôi nhà ở đại lộ Kê-léc-man, có thêm một buồng tắm “tối tân” và một căn phòng mà giấy chăng trên tường đã phai nhạt cũng được tu sửa lại. Nhưng trong dịp nhận tiền thưởng Nô-ben, Ma-ri chưa hề nghĩ đến sắm một cái mũ mới. Và nếu bà cứ muốn Pi-e thôi dạy học ở trường Vật lý, thì bà vẫn dạy ở Xe-vrơ vì mến học trò và cũng vì cảm thấy còn có sức tiếp tục để kiếm thêm thu nhập cho gia đình.

ù

Giữa lúc vinh quang đang chờ đón hai nhà bác học, mà lại kể tỉ mỉ những chi tiêu vụn vặt trên đây thì thật nực cười.

Pi-e và Ma-ri rất sung sướng thấy phát minh của mình được Hàn lâm Thụy Điển đánh giá đúng mức. Niềm vui của những người thân làm cho hai vợ chồng cảm động, và số tiền bảy mươi nghìn phơ-răng đến đúng lúc, nó đỡ được gánh nặng nhu cầu hằng ngày.

Còn những cái khác – những cái thường là nguyên nhân thúc đẩy thiên hạ cố gắng, và đôi khi có những hành động thấp hèn – chỉ làm ông bà ngượng nghịu và thấp hèn.

Một sự hiểu lầm kéo dài đã tách biệt Pi-e và Ma-ri với công chúng giàu lòng ngưỡng mộ. Năm 1903 là năm mở đầu một giai đoạn hồi hộp nhất trong cuộc đời hai nhà bác học. Họ đã đến tuổi mà thiên tư, được kinh nghiệm bổ sung có thể phát huy đến mức cao nhất. Trong một gian nhà xe lụp xụp, dột nát, họ đã thành công trong việc khám phá ra chất Ra-đi làm cho thế giới

kinh ngạc. Nhưng sứ mệnh chưa xong. Trí óc họ còn chứa đựng bao nhiêu cái tiềm tàng: Họ muốn làm việc, họ phải làm việc!

Danh vọng có chú ý gì đến tương lai mà Pi-e và Ma-ri hướng tới đâu. Danh vọng xâm nhập vào cuộc đời những vĩ nhân, bám lấy họ với tất cả sức mạnh của nó, hòng cản đường họ tiến. Giải thưởng Nô-ben làm cho hàng triệu người chăm chú tới cặp vợ chồng bác học ấy: Đàn ông, đàn bà, nhà triết học, người thợ, giáo sư, trưởng giả, thân sĩ v.v…Hàng triệu người ấy dâng lên ông bà Qui-ri lòng ngưỡng mộ của họ. Nhưng họ đòi hỏi lại cũng nhiều! Những lợi ích mà Pi-e và Ma-ri đã tặng họ từ trước – cái vốn tri thức về một phát minh mới, sức cứu chữa của nó đối với một căn bệnh hiểm nghèo – chưa đủ. Hiện tượng phóng xạ tuy còn mới mẻ nhưng thuộc về những thành tựu đã biết rồi, và điều làm họ chú ý lúc này, không phải là giúp sức cho khoa học đó phát triển mà là thưởng thức những giai đoạn hứng thú về sự ra đời của nó. Họ muốn đi vào các ngõ ngách thầm kín của gia đình lạ lùng ấy, của đôi vợ chồng thiên tài mà cuộc đời trong sáng và rất đỗi liêm khiết đang được truyền tụng như một câu chuyện thần thoại. Lòng khâm phục khao khát tìm hiểu đẩy họ đào sâu vào cuộc đời hai nhân vật mà họ tôn sùng. Hay nói cho đúng, hai nạn nhân của họ – và tước đoạt của Pi-e và Ma-ri những vật quý duy nhất mà ông bà muốn giữ – sự tĩnh tâm và yên lặng.

Những tờ báo thời bấy giờ, đăng ảnh của Pi-e và Ma-ri "Một thiếu phụ tóc hung, tao nhã, mảnh dẻ", "một bà mẹ duyên dáng, nhạy cảm tuyệt vời luôn luôn ham mê tìm hiểu những vấn đề cao siêu" – ảnh "đứa bé gái đáng yêu của họ", cả ảnh con mèo nằm cuộn tròn bên lò sưởi buồng ăn. Còn có những phóng sự hùng hồn về phòng thí nghiệm ở nhà xe, nơi ẩn dật mà gia đình Qui-ri muốn chỉ có mình mới hiểu biết hết vẻ đẹp duyên dáng, chỉ có mình mới thấy hết cảnh nghèo túng thanh tao; về căn nhà ở đại lộ Kê-léc-man, "nơi ở của người hiền", một "căn nhà xinh xắn, hẻo lánh giữa Pa-ri xa lạ và hiu quạnh, dưới bóng các thành lũy", một căn nhà "của hai nhà bác học sống hạnh phúc đầm ấm".

Mặc cho ông bà Qui-ri hết sức thoái thác các cuộc phỏng vấn, đóng cửa không tiếp ai, và tự giam mình trong gian phòng thí nghiệm sơ sài – giờ đây đã đi vào lịch sử – từ công việc đến đời sống riêng tư không còn là của họ nữa. Ngay cả đức tính khiêm tốn, mà các nhà báo kém tế nhị nhất, đều phải ngạc nhiên và kính trọng, cũng thành nổi tiếng, thành một vấn đề công cộng, một vấn đề hấp dẫn để viết báo.

ù

Ma-ri viết cho Dô-dếp Xkhua-đốp-xki:

"*Pi-e và em vừa gặp một tai họa lớn. Một cuộc thí nghiệm tinh tế với Ra-đi làm tiêu hao một phần quan trọng trữ lượng Ra-đi của chúng em, nguyên nhân vì đâu chưa rõ. Do đó, bắt buộc em phải hoãn lại việc nghiên cứu về trọng lượng nguyên tử của Ra-đi mà em tính bắt đầu từ lễ Phục sinh – Cả hai người đều tiếc đứt ruột*".

Trong một thư khác, nói đến chất Ra-đi là mối lo duy nhất của mình, Ma-ri viết:

"*Chúng em muốn chế tạo một khối lượng Ra-đi quan trọng hơn. Phải có quặng và tiền. Tiền đã có rồi, nhưng đến nay không làm sao có được quặng. Hiện giờ người ta hứa là thế nào cũng có. Chúng em sẽ có thể mua một trữ lượng cần thiết, mà trước đây họ vẫn từ chối. Công việc chế hóa sẽ phát triển. Nếu anh biết được phải mất bao nhiêu thì giờ, bao nhiêu kiên nhẫn và tiền của mới lọc được một tí chút Ra-đi từ mấy tấn nguyên liệu!*"

Mười ba hôm sau khi lĩnh giải thưởng Nô-ben, những băn khoăn của Ma-ri là như thế. Trong mười ba ngày ấy, thế giới đã phát hiện ra gia đình Qui-ri: Một cặp vợ chồng vĩ đại! Nhưng Pi-e và Ma-ri không tài nào nhập được những vai mới đó.

Ma-ri viết thư cho anh ruột Dô-dếp, 14 tháng Hai 1904:

"*Suốt ngày ồn ào. Chúng em không còn làm việc được nữa. Không. Bây giờ em đã quyết định phải can đảm và không tiếp một ai cả, thế mà vẫn bị quấy rầy. Danh vọng và vinh quang, chẳng tốt lành cho cuộc sống của chúng em*".

Và trong một bức thư khác ngày 19 tháng Ba 1904:

"*Anh Dô-dếp thân mến, về ngày lễ của anh. Chúc anh mạnh khỏe, chúc thắng lợi cho cả nhà và mong anh không bao giờ bị tràn ngập trong thư từ như chúng em lúc này, hoặc gặp những cuộc tấn công mà chúng em đang chịu đựng*

Em hơi tiếc là đã hủy tất cả các thư từ gửi đến chúng em: kể cũng khá bổ ích. Có những bài thơ Ra-đi, những lá thư của một số nhà sáng chế, của các thầy gọi hồn rất triết lý. Vừa hôm qua, một người Mỹ biên thư xin phép lấy tên em đặt tên cho con ngựa thi của hắn, hàng trăm lá thư xin thư viết và ảnh. Em chẳng trả lời cái thư nào cả, nhưng chỉ đọc cũng mất thì giờ rồi".

Viết cho cô em họ Hăng-ri-ét, xuân 1904:

"*Cuộc sống yên tĩnh và cần cù của anh chị bị xáo động hoàn toàn, không biết đến bao giờ mới ổn định lại được*".

Nỗi bực bội, buồn chán, – tôi dám nói là sự chua chát toát ra từ những bức thư đó của Ma-ri đã nói rõ một điều: hai nhà vật lý đã mất sự yên tĩnh nội tâm của họ.

Sau này Ma-ri viết:

"*Sự mệt nhọc do cố gắng quá sức và do những điều kiện làm việc quá thiếu thốn về vật chất, lại càng tăng thêm do sự xâm nhập của danh tiếng. Cuộc sống ẩn lánh tự nguyện của chúng tôi bị phá vỡ, làm chúng tôi đau khổ thực sự, và xét về hậu quả của nó, có thể coi như một tai họa*".

Đáng ra, vinh quang phải mang đến cho gia đình Qui-ri một vài thắng lợi để đền bù như ghế giáo sư, phòng thí nghiệm, những phụ tá và những tài khoản hằng mong ước. Nhưng bao giờ thì những ân huệ ấy mới đến? Sự mong đợi hồi hộp còn kéo dài.

Thật là mỉa mai khi nước Pháp lại là nước thừa nhận sau cùng chân giá trị của Pi-e và Ma-ri. Và phải đợi có huân chương Đê-vi và giải thưởng Nô-ben, trường đại học Pa-ri cuối cùng mới mời Pi-e Qui-ri vào làm giáo sư Vật lý. Hai nhà bác học rất băn khoăn suy nghĩ về việc đó. Những phần thưởng do nước ngoài mang lại càng làm nổi bật những điều kiện tồi tệ mà họ phải làm việc để đưa cuộc phát minh đến thành công, những điều kiện mà cho đến lúc này vẫn chưa có chiều hướng thay đổi.

Nghĩ đến bao lần bị thoái thác từ bốn năm qua, Pi-e thấy cần phải trung thực cảm ơn cơ sở duy nhất đã cổ vũ và nâng đỡ những cố gắng của ông với phương tiện eo hẹp của nó: đó là Trường Vật lý và Hóa học. Một lần nói chuyện ở Xoóc-bon, nhắc tới sự trơ trọi, sự diệu kỳ của nhà xe, Pi-e nói:

"*Trong mọi hoạt động khoa học, ảnh hưởng của môi trường làm việc có một tầm quan trọng rất lớn, và một phần kết quả đạt được cũng do đó. Tôi làm việc ở trường Vật lý hơn hai mươi năm. Hiệu trưởng đầu tiên của trường, một nhà khoa học lỗi lạc đã tạo điều kiện cho tôi làm việc, ngay từ khi tôi còn là phụ tá. Sau này, ông cho phép bà Qui-ri đến làm việc gần tôi, và trong thời kỳ ấy đó là một sáng kiến không bình thường... Ban giám hiệu hiện nay cũng đều có tinh thần giúp đỡ như vậy.*

Các giáo sư ở trường, các học sinh tốt nghiệp tạo thành một môi trường

tốt và rất có ích cho tôi. Chính trong những hàng ngũ những học trò của trường, chúng tôi đã tìm được nhiều người cộng tác và nhiều bạn đồng nghiệp".

ù

Không chỉ vì đam mê làm việc hoặc quá sợ mất thì giờ mà ông bà Qui-ri ghét danh vọng. Còn có những duyên cớ khác.

Pi-e vốn tính tình phóng khoáng, không dung hòa được với danh vọng vì những nguyên tắc muôn thuở. Rất ghét ngôi thứ hoặc cấp bậc, Pi-e cho rằng thật vô lý cứ phải loại "nhất lớp" và đối với ông, những huân chương mà người lớn thèm muốn cũng thừa như những huy hiệu vẫn cấp cho học sinh các trường vậy. Thái độ từ chối Bắc đẩu Bội tinh cũng là thái độ của ông trong lĩnh vực khoa học. Pi-e không hề biết ganh đua và trong cuộc "thi khám phá" nếu một đồng nghiệp tiến trước mình, ông không lấy đó làm buồn bực. Pi-e thường nói "*Tôi không cho ra được công trình ấy, nào đã can chi, nếu có người khác in rồi*".

Sự dửng dưng hầu như vô tình đó đã ảnh hưởng sâu sắc đến Ma-ri. Nhưng chẳng phải để bắt chước Pi-e, hay để vâng lời Pi-e, mà suốt đời mình bà luôn luôn tìm cách trốn tránh những sự biểu dương khâm phục. Ma-ri ghét danh vọng không vì nguyên tắc cơ bản. Cứ đứng trước đám đông là bà cảm thấy nhút nhát, ngượng nghịu đến thiểu não, cả người như bị co rúm lại, thậm chí bị hỗn loạn đến choáng váng, đến đau đớn về thể xác, không sao khắc phục được.

Cuộc đời Ma-ri lại quá bận rộn để có thể hao phí sức về mặt này. Phải gánh vác nào là chuyên môn, nào là gia đình. Rồi nhiệm vụ làm mẹ, làm thầy, bước đi của Ma-ri khó khăn như làm xiếc trên dây. Chỉ thêm một vai nữa là mất thăng bằng, là sẽ ngã từ trên dây căng thẳng. Là vợ, là mẹ, là nhà bác học, là giáo sư, Ma-ri không còn một khoảnh khắc nào rỗi để đóng vai các bà lớn.

Thế là Pi-e và Ma-ri cùng đến một thái độ khước từ bằng hai con đường khác nhau. Những con người đã cùng hoàn thành một sự nghiệp lớn có thể đón nhận vinh quang mỗi người một cách. Pi-e có thể thành xa vời, Ma-ri thành kiêu kỳ. Nhưng không! Hai tâm hồn cũng như hai khối óc đều có một phẩm chất tương xứng. Qua cuộc thử thách này, hai vợ chồng lại thắng, và trong khi xa lánh vinh dự, càng gắn bó với nhau hơn lúc nào hết.

CHƯƠNG XVII

CUỘC SỐNG HẰNG NGÀY

Tên tuổi Pi-e và Ma-ri nay đã lừng lẫy. Hai vợ chồng giàu tiền hơn nhưng kém đi những giờ hạnh phúc. Nhất là Ma-ri hầu như mất những lúc dạt dào nhiệt tình và niềm vui của mình. Ma-ri không hoàn toàn bị thu hút như Pi-e vào những ý nghĩ khoa học. Cuộc sống hàng ngày luôn luôn kích động đến tâm hồn nhạy cảm và thần kinh của bà – mà bà không biết cách thích ứng.

Tuy bị căng thẳng về sự huyên náo do khám phá ra chất Ra-đi và giải Nô-ben mang lại, Ma-ri không một lúc nào quên được nỗi lo âu đang cào xé lòng mình: đó là bệnh của Pi-e.

Thư của Pi-e viết cho bạn là Gioóc Guy nhắc luôn đến việc này:

31 tháng Giêng 1905:

"*Hè vừa qua, một cơn đau thấp khớp dữ dội làm cho tôi phải bỏ ý định đi Thụy Điển. Thật ra tôi chỉ có thể giữ được không ốm bằng cách tránh mọi mệt nhọc về cơ thể. Ma-ri cũng đang trong trạng thái này và không thể nghĩ đến những ngày làm việc miệt mài như trước nữa*".

24 tháng Bảy 1905:

"*Chúng tôi vẫn sống cuộc đời của những người rất bận rộn, mà không được việc gì có ích cả. Hơn một năm nay rồi, tôi chẳng được một công trình nào và không được yên tĩnh mà nghiên cứu. Tôi chưa biết làm thế nào để thì giờ khỏi bị xé lẻ, mà điều này lại rất cần trong lĩnh vực trí tuệ.*

Những cơn đau của tôi hình như do suy nhược thần kinh hơn là do thấp khớp và đã đỡ dần từ khi tôi chú ý ăn uống có giờ giấc hơn"

19 tháng Chín 1905:

"*Tôi đã lầm tưởng rằng sức khỏe của mình khá hơn. Mới đây lại bị nhiều cơn đau và cứ hơi mệt một tí là đau lại. Tình trạng này, chả biết sẽ còn có thể làm việc một cách nghiêm túc trong phòng thí nghiệm hay không*".

Còn đâu những ngày nghỉ hè năm xưa, tuyệt diệu vô tư, vui vẻ, hai vợ chồng đạp xe khắp các nẻo đường như những học sinh, giờ đây Ma-ri

thuê một căn nhà nhỏ ở thôn quê gần Pa-ri, để chăm sóc chồng và con gái.

Ma-ri viết thư cho bà Giăng Pe-ranh (từ làng Xanh Rê-mi trong thung lũng Sơ-vrơi).

"*Cháu I-ren vẫn chưa khỏi hẳn ho gà, làm tôi không yên tâm. Thỉnh thoảng lại ho. Tuy cháu ở thôn quê ba tháng nay rồi. Pi-e mệt lắm, không đi chơi được và chúng tôi dùng thì giờ để đọc những bản báo cáo về Vật lý – Toán.*

I-ren mới có một xe đạp con và đi rất thạo. Nó lên xe, mặc quần áo con trai, nom thật ngộ nghĩnh".

Do đau ốm luôn, đồng thời như cảm thấy một mối đe dọa nghiêm trọng, Pi-e cứ bị ám ảnh vì thời gian trôi quá nhanh. Con người còn rất trẻ ấy sợ sắp chết ư? Dường như Pi-e muốn chạy thi với một kẻ thù vô hình. Thấy Pi-e là thấy hăm hở, vội vã. Pi-e thúc giục vợ một cách trìu mến, truyền cho Ma-ri nỗi lo lắng của mình. Cần phải xúc tiến việc nghiên cứu, bằng mọi cách tăng số giờ có mặt ở phòng thí nghiệm.

Ma-ri lại cố gắng hơn, nhưng đã quá sức chịu đựng của mình.

Số phận Ma-ri thật là khắc nghiệt. Kể từ ngày một cô gái Ba Lan mười sáu tuổi, rời nông thôn ra Vác-xô-vi sinh sống, trong đầu còn say sưa bao kỷ niệm hội làng vui vẻ, cuộc đời của Ma-ri, đã hai mươi năm nay, chỉ biết có vất vả. Thời con gái, sống cô đơn, miệt mài với sách vật lý trong một gác xép lạnh lẽo. Đến lúc gặp tình yêu, thì đồng thời tình yêu lại gắn với công việc, không thể rời được.

Lòng yêu khoa học và tình yêu chồng con hòa lẫn thành một niềm thiết tha duy nhất là cho Ma-ri chịu khép mình vào một cuộc sống khắc khổ. Tình yêu của Pi-e và Ma-ri đều nồng thắm, hai người cùng chung một lý tưởng. Nhưng Pi-e trước kia đã từng qua một thời gian dài chểnh mảng, một tuổi niên thiếu nồng cháy, sống những phút say mê rạo rực. Còn Ma-ri khi trở thành vợ, thành mẹ, không một lúc nào ngơi công việc và đôi khi chỉ ao ước được biết cái thú vui đơn giản của cuộc sống. Là một người vợ, một người mẹ rất dịu dàng, Ma-ri mơ tưởng đến những giây phút thư thái êm đềm, những ngày thảnh thơi, thoải mái.

Về điều này, Ma-ri làm cho Pi-e ngạc nhiên. Rất sung sướng tìm được người bạn gái có thiên tài, Pi-e chỉ muốn Ma-ri hoàn toàn tự hy sinh cũng như mình đã hy sinh cho điều mà ông gọi là "lý tưởng chủ yếu của hai người".

Ma-ri nghe theo lời Pi-e – từ trước đến nay bà vẫn nghe lời như vậy, – nhưng về thể xác lẫn tâm hồn bà thấy mệt mỏi. Bà tự trách mình là kém cỏi về trí tuệ, là “đần”. Sự thực thì đơn giản hơn: ở người đàn bà ba mươi sáu tuổi ấy, cuộc sống của thể xác bấy lâu bị kìm hãm, thiệt thòi, đang đòi hỏi chăm sóc. Điều mà Ma-ri cần lúc này, đó là trong một thời gian, không phải là “bà Qui-ri” nữa, là quên chất Ra-đi, – là ăn, là ngủ, và không nghĩ đến việc gì khác.

Nhưng nào có được, mỗi ngày cuộc sống mang đến những nhiệm vụ mới. Năm 1904 sẽ hết sức vất vả – nhất là đối với Ma-ri đang có mang – bà không yêu cầu một điều gì ngoài việc xin nghỉ phép ở trường nữ học Xe-vrơ. Và chiều chiều, mệt mỏi nặng nề, Ma-ri khoác tay Pi-e từ phòng thí nghiệm trở về nhà. Mỗi lần nhớ tới Vác-xô-vi, lại tìm mua một ít trứng cá Ca-vi-a ép, mà bà rất thèm, như người ăn dở.

Gần đến ngày sinh, Ma-ri mệt như muốn quỵ.

Brô-ni-a từ Ba Lan đến, đỡ đẻ cho em, rất kinh ngạc thấy tính tình Ma-ri khác hẳn.

Ngày 6 tháng Chạp 1904, bà sinh một em bé gái mập mạp, tóc đen, đặt tên là E-vơ.

Brô-ni-a cố gắng hết sức để giúp đỡ em. Vẻ mặt bình tĩnh của Brô-ni-a, trí phán định xác đáng của bà đánh tan phần nào nỗi buồn vơ vẩn của Ma-ri. Và khi Brô-ni-a trở về nước thì tư tưởng Ma-ri cũng thư thái hơn.

Như trước đây đối với I-ren, lần này Ma-ri cũng ghi vào một quyển vở màu tro để theo dõi, những cử chỉ đầu tiên, những cái răng nhú của E-vơ, và khi đứa trẻ lớn dần thì thần kinh của Ma-ri cũng khá hơn. Thời gian nghỉ đẻ, Ma-ri đỡ căng thẳng, lại thấy yêu đời, đến gần các dụng cụ lại thấy vui thích. Rồi người ta lại thấy bà đến trường nữ sinh Xe-vrơ. Mấy ngày đầu, còn chuệnh choạng, nhưng chỉ ít lâu sau, bước đi của bà lại vững vàng như xưa. Ma-ri lại tiếp tục con đường vất vả.

Một lần nữa, Ma-ri lại yêu thích mọi thứ, từ nhà cửa đến thí nghiệm. Bà hồi hộp theo dõi các sự kiện đang lay chuyển đất nước quê hương. Bên Nga, cuộc cách mạng 1905 đang ác liệt, và những người Ba Lan khát khao được giải phóng, hết sức ủng hộ cuộc bạo động chống Sa hoàng.

Ma-ri viết thư cho anh Dô-dếp, 23 tháng Ba 1905:

“*Em biết là anh đang hy vọng cuộc thử thách gian nan này sẽ đem lại*

cho nước ta một vài lợi ích. Đó cũng là ý chị Brô-ni-a và anh Ca-di-mia. Mong sao hy vọng đó không tan vỡ! Em cũng mong mỏi như thế và luôn luôn nghĩ đến việc đó. Dầu sao, em nghĩ rằng cần ủng hộ cách mạng. Em sẽ gửi tiền cho anh Ca-di-mia, tiếc rằng em không thể tham gia trực tiếp được

Ở bên này, không có gì mới. Các cháu lớn đều. Bé E-vơ không chịu ngủ, và nó đã thức giấc mà cứ để nó trong nôi là nó kêu toáng lên. Em thiếu nghị lực nên cứ phải bế nó cho đến khi nó nín. Nó không giống I-ren. Tóc cháu đen và mắt xanh lơ, còn I-ren thì tóc sáng và mắt xanh nâu.

Chúng em vẫn ở chỗ cũ, và bây giờ sang xuân, bắt đầu có thể ra vườn chơi. Hôm nay trời tuyệt đẹp, chúng em thích lắm, nhất là vừa qua, mùa đông rất ẩm ướt và khó chịu.

Em tiếp tục dạy học từ mồng một tháng Hai. Chiều đến phòng thí nghiệm, sáng ở nhà, trừ hai sáng mỗi tuần dạy ở Xe-vrơ. Bận lắm, nào nhà cửa, nào con cái, dạy học và phòng thí nghiệm, em không biết làm thế nào nữa”...

*

*   *

Trời đẹp, Pi-e thấy khỏe ra, Ma-ri tươi tỉnh hơn. Đã đến lúc làm cái nhiệm vụ đã hoãn quá nhiều lần: đi Xtốc-khôm, thuyết trình về phần thưởng Nô-ben. Hai vợ chồng tiến hành cuộc hành trình vinh quang, mà sau này trong gia đình chúng tôi sẽ trở thành một truyền thống.

Mồng sáu tháng Sáu năm 1905, nhân danh cả hai người, Pi-e nói chuyện trước Hàn lâm viện Khoa học Xtốc-khôm. Ông nhắc lại các kết quả của sự khám phá ra Ra-đi trong vật lý, đã thay đổi sâu sắc nhiều nguyên lý cơ bản. Về hóa học, nó gợi ra những giả thuyết táo bạo về nguồn năng lượng duy trì tính phóng xạ. Về địa chất học, khí tượng học, nó giải thích những hiện tượng cho đến nay chưa hiểu được. Về sinh vật học, tác dụng Ra-đi trên những tế bào ung thư tỏ ra có hiệu quả.

Chất Ra-đi đã làm giàu cho kiến thức và phục vụ việc thiện. Nhưng liệu nó có làm tay chân cho việc ác không?

Kết thúc bản báo cáo Pi-e nói: “... *Người ta còn có dịp nhận thức rằng chất Ra-đi vào những bàn tay tội phạm, có thể trở thành nguy hiểm và ở đây câu hỏi đặt ra là: Nhân loại có lợi gì không trong việc khám phá những bí mật của thiên nhiên và đã chín muồi chưa để tận dụng những bí mật ấy hay sự hiểu biết ấy lại chẳng có hại. Khám phá của Nô-ben rất tiêu*

biểu về mặt này: Các chất nổ mạnh đã giúp loài người làm được những công trình vĩ đại, nhưng cũng là một công cụ phá hoại khủng khiếp trong tay bọn tội phạm chiến tranh xô đẩy các dân tộc vào cuộc chém giết lẫn nhau. Tôi cũng nghĩ như Nô-ben, rằng nhân loại sẽ rút được ở những phát minh mới nhiều điều tốt hơn là điều xấu".

*

* *

Gian nhà ở đại lộ Kê-léc-man kín cổng cao tường, như một thành lũy che chở họ khỏi bị quấy rầy. Ở đây, Pi-e và Ma-ri tiếp tục sống cuộc đời đơn giản, ẩn dật. Việc nội trợ được giảm đến mức tối thiểu. Một bà giúp việc làm các việc, một chị làm bếp phục vụ các bữa ăn. Miệng há hốc, chị ngắm các khuôn mặt đăm chiêu của những người chủ lạ lùng và chờ đợi vài lời khen về món thịt rán hay món khoai tây hầm của chị.

Một hôm, chờ mãi không chịu được, con người chất phác ấy mạnh dạn hỏi Pi-e cho nhận xét về món thịt bò rán mà Pi-e vừa ăn một cách ngon lành. Nhưng câu trả lời làm cho chị phân vân:

– Tôi ăn thịt bò rán à? – Nhà bác học khẽ hỏi.

Rồi nói thêm như nhân nhượng: "*Ừ, có thể!*"

Ngay những thời gian bận việc nhất, Ma-ri vẫn dành thì giờ chăm sóc con cái. Nghề nghiệp bắt buộc bà phải giao phó con cho những người giúp việc, nhưng chừng nào chưa tự mình kiểm tra xem I-ren và E-vơ có ăn tốt, ngủ tốt không, có được chải đầu và tắm rửa không, có triệu chứng cảm lạnh hoặc đau ốm gì khác không, thì Ma-ri chưa yên tâm. Vả lại, ví thể bà có lơ là đi nữa thì I-ren cũng biết cách làm bà phải nhớ đến nó. Nó cũng không vừa. Nó muốn giữ riêng mẹ của nó và không thích mẹ nó chăm sóc đến em bé. Mùa đông, Ma-ri phải đi nhiều nơi ở Pa-ri để tìm mua táo và chuối thì I-ren mới chịu ăn, không mua được, bà chưa dám về nhà.

*

* *

Bà Qui-ri thỉnh thoảng cũng họp các em nhỏ lại để vui chơi với bé I-ren và tập cho nó tính mạnh dạn hơn. Sau này, thế hệ trẻ đó còn nhớ mãi những kỷ niệm sâu sắc về cây thông Nô-en, giăng hoa lá rực rỡ, với những

hạt dẻ bọc giấy kim nhũ và những ngọn nến màu do Ma-ri trang trí.

Cũng có lần ngôi nhà còn được dùng làm khung cảnh cho một màu thần tiên gấp bao nhiêu lần cây thông thắp sáng. Thợ điện đến mắc ở buồng ăn những chiếc đèn chiếu sân khấu và một dãy đèn điện. Sau bữa tối, trước mặt ông bà Qui-ri và hai ba người bạn, ánh đèn chiếu ve vuốt những tà áo lụa mỏng bay bướm của một vũ nữ, lúc thì trông như ngọn lửa, cánh hoa, lúc thì như hóa thành chim hoặc mụ phù thủy.

Người phụ nữ ấy tên là Lôi Phu-lơ, "Nàng tiên của ánh sáng", đã có những tiết mục huyền ảo làm cho cả Pa-ri bị quyến rũ một thời và đã nối một tình bạn rất đẹp với hai nhà vật lý. Đọc báo thấy nói chất Ra-đi tỏa sáng, ngôi sao ca vũ ấy có ý định làm một bộ áo có thể phát lân như là ảo thuật. Lôi viết thư hỏi, ý kiến ngây thơ làm cho Pi-e và Ma-ri không khỏi nực cười. Hai nhà bác học đã trả lời rằng không thể làm được "cánh bướm có chất Ra-đi".

Nữ nghệ sĩ người Mỹ ấy, tối biểu diễn nào cũng được hoan nghênh. Lôi Phu-lơ không nói với ai là đã trao đổi thư từ với hai nhà bác học, và cũng không mời đi xem ở rạp hát. Lôi viết cho Ma-ri:

"*Để cảm ơn ông bà đã trả lời tôi: Cho phép tôi đến biểu diễn một tối dành riêng cho gia đình ta*".

Pi-e và Ma-ri nhận lời. Một người đàn bà kỳ lạ, ăn mặc sơ sài, mặt xương xương, không son phấn, đôi mắt xanh như trẻ sơ sinh, đến bấm chuông gọi cửa. Theo sau, một toán thợ điện mang nặng đồ lề. Hơi e ngại, hai vợ chồng để nhà cho tốp người này, và đi đến phòng thí nghiệm. Lôi miệt mài hằng giờ, điều chỉnh ánh sáng, sắp đặt các rèm cửa và các tấm thảm mà Lôi cho mang đến, biến phòng ăn chật hẹp thành một sân khấu cho màn biểu diễn quyến rũ mê hồn của mình.

"Nàng tiên nữ" đó có một tâm hồn cao nhã, rất ngưỡng mộ bà Qui-ri, không đòi hỏi gì về phần mình mà chỉ muốn giúp ích làm vui lòng người khác. Lôi trở lại biểu diễn ở đại lộ Kê-léc-man nhiều lần cũng ẩn danh như thế. Khi đã thân, Ma-ri và Pi-e đến chơi nhà Lôi. Và làm quen với nhà điêu khắc Rô-đanh[43] (*August Rodin-NS*). Những năm ấy, Pi-e, Ma-ri, Lôi Phu-lơ và Rô-đanh thường họp mặt trò chuyện thanh thản trong xưởng của nhà điêu khắc, giữa những đám đất thô và cẩm thạch.

ù

Bảy tám người bạn thân thường lui tới ngôi nhà thuộc đại lộ Kê-léc-

man: Ăng-đrê Đờ-biếc-nơ, Giăng Pe-ranh và vợ - là bạn thân của Ma-ri, Gioóc Uya-banh, Pôn Lăng-giơ-vanh, Ê-đê Cốt-tông, Gioóc-xa-nhắc, Sắc-lơ E-đu-a Guy-ôm, vài nữ sinh ở trường sư phạm Xe-vrơ... toàn là những nhà bác học!

Buổi trưa Chủ nhật, nếu đẹp trời, họ tụ tập ngoài vườn, Ma-ri ngồi khâu, dưới bóng mát, bênh cạnh cái xe đẩy đặt bé E-vơ, vẫn theo dõi câu chuyện chung, mà đối với chị em khác thì nó bí ẩn như một cuộc bàn cãi bằng tiếng Ả-rập.

Đây là giờ truyền miệng những tin mới nhất, những tiết lộ hồi hộp về các tia "an-pha", "bê-ta", "gam-ma" của Ra-đi, Pe-ranh, Uya-banh, Đờ-biếc-nơ hăng say bàn cãi về nguyên nhân của năng lượng do Ra-đi tỏa ra. Muốn giải thích hiện tượng ấy, phải từ bỏ hoặc nguyên lý Các-nô, hoặc nguyên lý bảo toàn nguyên tố. Pi-e nêu giả thuyết về sự thoát biến phóng xạ, nhưng Uya-banh khăng khăng phản đối, và ra sức bênh vực luận điểm của mình. Còn công trình của Xa-nhắc đến đâu rồi? Và có gì mới về các thí nghiệm của Ma-ri về trọng lượng nguyên tử của Ra-đi?

Ra-đi! Ra-đi! Ra-đi!... Tiếng nói màu nhiệm ấy lặp đi lặp lại như một điệp khúc, từ miệng người này qua miệng người nọ, đôi khi Ma-ri không khỏi băn khoăn, luyến tiếc: Sự tình cờ đã sắp đặt sai mọi việc, khi làm cho Ra-đi trở thành một chất kỳ diệu, còn Pô-lô-ni (có nghĩa là Ba Lan) – mà hai nhà vật lý khám phá ra đầu tiên – thì chỉ là một chất không "ổn định" và giá trị thứ yếu. Lòng yêu nước của người phụ nữ Ba Lan này mong mỏi biết bao cái chất "Pô-lô-ni" đó giành được vinh quang cho tên gọi tượng trưng của nó.

Thỉnh thoảng cũng có những lời thường tình xen lẫn vào các cuộc trao đổi cao siêu ấy. Cụ bác sĩ Qui-ri nói chuyện chính trị với Đờ-biếc-nơ và Lăng-giơ-vanh. Uya-banh thân mật bông đùa, chê cái áo dài của Ma-ri là khắc khổ quá, trách bà ít chịu làm dáng và Ma-ri ngồi nghe, hơi ngỡ ngàng trước lời phê bình bất ngờ đó. Giăng Pe-ranh đang bàn về nguyên tử và "*thế giới vô cùng nhỏ*", ngẩng mặt hào hứng lên trời, và vốn là một người say mê âm nhạc Vác-ne[44] (*Richard Vegner-NS*) cất tiếng hát vang những trích đoạn trong các vở nhạc kịch "*Vùng sông Ranh*" hoặc "*Những thầy dạy hát*". Ở cuối vườn, hơi xa một tí, ba đứa trẻ quây quần nghe bà Pe-ranh kể chuyện cổ tích – con gái A-lin, thằng Phrăng-xít, hai đứa con bà, và I-ren bạn của chúng.

Chẳng ngày nào hai gia đình Pe-ranh và Qui-ri lại không gặp nhau.

Hai nhà chỉ cách một hàng rào trồng tầm xuân, ngăn hai vườn. Khi nào I-ren cần gặp bạn, nó ra bên rào gọi. Qua những then rào gỉ, chúng trao cho nhau từ thỏi sô-cô-la cho đến đồ chơi, hoặc thủ thỉ tâm sự - trong khi chờ đợi sau này cũng sẽ nói chuyện "vật lý", như những người lớn.

Pi-e và Ma-ri bước vào một quãng đời mới: nước Pháp đã nhận ra họ và nghĩ đến cách nâng đỡ sự cố gắng của họ.

Giai đoạn đầu tiên không thể thiếu được là bầu Pi-e vào viện Hàn lâm Khoa học. Một lần nữa, nhà bác học lại phải ghép mình vào cuộc thử thách đi thăm hỏi. E rằng ông không chịu cư xử như một "ứng cử viên biết điều", bạn bè lo lắng tìm hết lời cổ vũ.

Pi-e Qui-ri có viết thư cho Gioóc Guy, 24 tháng Bảy năm 1905:

"*Thế là tôi đã vào viện Hàn lâm, tuy không hề mong muốn điều đó, mà viện Hàn lâm cũng chẳng muốn tôi vào...*"

Pi-e Qui-ri viết cho Gioóc Guy tháng Mười 1905:

"*Tôi cũng chưa tìm ra mục đích Hàn lâm viện để làm gì*"

Thế nhưng Pi-e rất chú ý đến những quyết định mới của trường đại học vì nó liên quan trực tiếp đến công việc của mình. Năm 1904, hiệu trưởng Li-a xin mở được một lớp giảng dạy vật lý do Pi-e phụ trách. Đây là chức giáo sư thực thụ hằng ao ước! Trước khi nhận, Pi-e hỏi ngay phòng thí nghiệm đi kèm với trách nhiệm đó sẽ đặt ở đâu?

Một phòng thí nghiệm à? Phòng thí nghiệm nào? Làm gì có chuyện này cơ chứ?

Hai nhà bác học được giải Nô-ben, cha mẹ đẻ của Ra-đi nhận thấy ngay rằng, nếu Pi-e thôi giảng ở lớp lý-hóa-sinh để vào dạy ở Xoóc-bon thì không còn làm việc được nữa. Bổ nhiệm mới về Pi-e, không có khoản cấp phòng thí nghiệm, và hai cái buồng mà ông vẫn sử dụng ở lớp lý-hóa-sinh dĩ nhiên phải trao lại cho người đến thay. Chẳng lẽ ra ngoài đường mà làm các thí nghiệm.

Pi-e viết cho trên một cái thư lễ phép nhưng cương quyết. Ông không nhận chức vụ mới vì nó không kèm thêm phòng làm việc và dự chi nghiên cứu, như thế sẽ vẫn giữ được ở lớp lý-hóa-sinh cái buồng con mà mặc dầu bận rất nhiều thì giờ dạy, Ma-ri và ông còn làm được việc có ích.

Trường đại học đành đệ giấy lên Nghị viện xin lập một phòng thí nghiệm với tài khoản một trăm năm mươi nghìn phơ-răng. Đề án này được

chấp thuận. Ở Xoóc-bon đã chật, nhưng một nhà hai gian sẽ được dựng ở phố Qui-vi-ê. Pi-e Qui-ri được cấp dự trù mười hai nghìn phơ-răng mỗi năm, không kể ba mươi tư nghìn phơ-răng dành cho trang bị.

Pi-e ngây thơ tưởng rằng với số tiền trên sẽ có thể mua thêm dụng cụ và bổ sung thiết bị của mình. Được – ông có thể làm như vậy – nhưng sau khi đã khấu trong khoản nhỏ đó mọi chi phí xây dựng căn nhà mới. Đối với nhà cầm quyền Pháp, xây dựng và trang bị chỉ là một!

Dự trù chi tiêu của Nhà nước. Khi được sử dụng thường co lại như vậy đó!

Pi-e Qui-ri viết cho Gioóc Guy, mồng 7 tháng Một 1905:

"*Ngày mai tôi bắt đầu dạy, nhưng tôi phải làm thí nghiệm trong những điều kiện rất không thuận tiện chút nào. Giảng đường ở Xoóc-bon và phòng thí nghiệm thì ở phố Qui-vi-ê. Hơn nữa, giảng đường còn dùng cho nhiều lớp khác và tôi chỉ có một buổi sáng để chuẩn bị cho buổi dạy.*

Tôi không khỏe lắm và cũng không ốm lắm. Nhưng hay mệt và chỉ còn một khả năng làm việc rất nhỏ. Trái lại, nhà tôi vẫn đảm đương những việc: con cái, trường nữ sinh, và phòng thí nghiệm. Ma-ri không để phí một chút nào và trông nom công việc phòng thí nghiệm đều hơn tôi, phần lớn thì giờ ở phòng thí nghiệm."

Cò kè mãi, Nhà nước Pháp bủn xỉn mới dành cho Pi-e Qui-ri một chỗ trong biên chế. Ông phải giành giật từng mét vuông một mới có được đủ chỗ làm việc, mới xúc tiến được việc xây dựng ở một địa điểm không thuận tiện, hai căn phòng mà người ta biết trước là sẽ chật hẹp.

Có một nhà giàu, muốn giúp đỡ ông bà Qui-ri và hứa sẽ xây cho một học viện, ở một ngoại ô yên tĩnh. Tràn đầy hy vọng, Pi-e Qui-ri thổ lộ hết lòng mình.

Pi-e Qui-ri viết cho bà Đờ X., ngày 6 tháng Hai 1906:

"*Thưa bà ,*

Xin gửi theo đây phần chú dẫn về đề án phòng thí nghiệm, chú dẫn này không có gì là tuyệt đối và có thể thay đổi theo tình thế, đất và tiền chúng tôi có được.

Đề án này sở dĩ nhấn nhiều về địa điểm ở nông thôn là vì đối với chúng tôi điều quan trọng bậc nhất là có thể sống với con cái ở ngay nơi làm việc. Trẻ em và phòng thí nghiệm đòi hỏi sự có mặt thường xuyên của những

người được giao công việc đó. Nhất là đối với Ma-ri, sẽ rất khó khăn nếu nơi ở và nơi làm việc cách xa nhau. Có những lúc nhà tôi thấy hai phận sự đó vượt quá sức mình.

Ở ngoài Pa-ri yên tĩnh xem ra rất tiện cho nghiên cứu khoa học, và phòng thí nghiệm dọn đến đây thì chỉ có lợi. Trái lại sống ở trung tâm thành phố rất có hại cho trẻ em và nhà tôi không đang tâm nuôi chúng trong những điều kiện đó.

Xin bà nhận ở đây những lời cảm ơn của tôi".

Kế hoạch hào hiệp ấy không thành – phải tám năm nữa, Ma-ri mới có thể thu xếp cho khoa Phóng xạ được dọn đến một ngôi nhà xứng đáng với nó – một ngôi nhà mà Pi-e sẽ không còn được trông thấy. Sau này, lúc nào lòng Ma-ri cũng đau như cắt với ý nghĩ rằng cho đến phút cuối cùng, người bạn đường của mình vẫn đợi mãi căn phòng thí nghiệm đó, ước vọng duy nhất trong đời Pi-e.

Sau này, khi nói đến hai gian buồng ở phố Qui-vi-ê mãi đến phút cuối cùng mới được cấp cho Pi-e, bà viết:

"*Thật chua xót khi nghĩ rằng đó là sự nhượng bộ cuối cùng đối với Pi-e và rốt cuộc, một trong những nhà bác học đầu tiên của nước Pháp mà thiên tài đã xuất hiện từ năm hai mươi tuổi, chưa hề được sử dụng một phòng thí nghiệm thích đáng. Cố nhiên, giá có thể sống lâu thêm, sớm muộn Pi-e Qui-ri cũng sẽ có những điều kiện làm việc thỏa đáng – nhưng đến bốn mươi bảy tuổi, ông vẫn chưa được những điều kiện đó. Hãy thử tưởng tượng nỗi khổ tâm của một người thợ, hào hứng vô tư đang làm một công việc lớn, khi bị chậm trễ trong việc thực hiện ước mơ của mình chỉ vì luôn luôn thiếu phương tiện! Liệu chúng ta có thể nghĩ mà không buồn rầu sâu sắc đến sự phí phạm không thể nào hàn gắn được về cái của quí nhất của đất nước, là thiên tài, sức khỏe và lòng quả cảm của những người con ưu tú?*

Đúng là chất Ra-đi đã được khám phá ra trong những điều kiện bấp bênh: cái nhà xe đã che chở cho nó ngày nay đã khoác cái áo yêu kiều của truyền thuyết. Những yếu tố lãng mạn đó chẳng hay ho gì, nó đã hủy hoại sức khỏe của chúng tôi và làm chậm trễ bao thực hiện. Giá được những phương tiện tốt hơn, biết đâu công việc năm đầu của chúng tôi đã chẳng giảm xuống hai năm và đỡ căng thẳng hơn!"

*

*   *

Một quyết định làm cho Pi-e vui thích thật sự, là được ba người giúp việc: Một trưởng phòng thí nghiệm, một phụ tá và một lao công; trưởng phòng thí nghiệm là Ma-ri.

Từ trước đến nay, sự có mặt Ma-ri ở phòng thí nghiệm chỉ là chiếu cố. Bà đã thực hiện các việc nghiên cứu về Ra-đi, không dưới một danh nghĩa gì và cũng chẳng có lương. Kể từ tháng 11 năm 1904, Ma-ri có một chức vụ và được hai nghìn bốn trăm phơ-răng, một năm. Lần đầu tiên, bà vào làm việc chính thức trong phòng thí nghiệm của chồng.

"*Trường đại học Pháp.*

Bà Qui-ri, tiến sĩ khoa học, được bổ nhiệm, kể từ ngày mồng 1 tháng 11 năm 1904, làm trưởng phòng thí nghiệm Vật lý (khoa giảng của ông Qui-ri) ở khoa Đại học Khoa học trong trường Đại học Pa-ri.

Bà Qui-ri được hưởng hai nghìn bốn trăm phơ-răng một năm, kể từ ngày 1 tháng 11 năm 1904."

Từ biệt nhà xe! Pi-e và Ma-ri mang nốt đến phố Qui-vi-ê những dụng cụ hãy còn lại ở cái lán gỗ điêu tàn. Nơi đây đã chứng kiến bao nhiêu ngày cố gắng và hạnh phúc. Pi-e và Ma-ri còn quay lại nhiều lần, tay khoác tay, quyến luyến những bức tường ẩm ướt, những mảnh ván nát mục.

Cuộc sống mới đi dần vào nếp. Pi-e chuẩn bị chương trình giảng dạy của mình. Ma-ri đi dạy ở Xe-vrơ như xưa. Hai vợ chồng lại gặp nhau trong phòng thí nghiệm chật hẹp ở phố Qui-vi-ê, ở đó Ăng-đrê Đờ-biếc-nơ, An-be La-boóc, một người Mỹ là giáo sư Đu-an, và một số phụ tá hoặc học trò tiếp tục nghiên cứu với những máy móc, dụng cụ mỏng manh.

Pi-e viết ngày 14 tháng Tư 1906:

"*Ma-ri Qui-ri và tôi, chúng tôi đang nghiên cứu dựa vào khí tỏa của Ra-đi để đo chất này thật chính xác. Thoạt trông tưởng như không có gì, thế mà đã mấy tháng qua, mới chỉ bắt đầu thu được những kết quả đều đặn.*"

"**Ma-ri Qui-ri và tôi, chúng tôi đang nghiên cứu**..."! Dòng chữ ấy, Pi-e viết năm ngày trước khi chết, đã nói lên cái chủ yếu và vẻ đẹp cao quý nhất của một sự hòa hợp không bao giờ ngơi giảm. Mỗi bước tiến của sự nghiệp chung, mỗi thất bại hay thắng lợi, đều làm hai vợ chồng gắn bó với nhau hơn nữa.

Nói sao hết những điều thú vị, lòng tin yêu và niềm vui tươi thân

mật, chan hòa sự hợp tác thiên tài đó? Những ý kiến lớn-nhỏ, những câu hỏi, những nhận xét, lời khuyên, suốt ngày từng giờ, từng giờ cứ bay từ Pi-e sang Ma-ri rồi lại từ Ma-ri tới Pi-e. Có những câu khen hóm hỉnh và những lời trách nhân ái. Giữa hai tâm hồn bình đẳng mến phục nhau, cổ vũ lẫn nhau, tình đồng nghiệp tuyệt diệu, thanh cao, có lẽ là biểu lộ tế nhị nhất tình yêu nồng thắm của họ.

An-be La-boóc, phụ tá của hai ông bà gần đây, viết thư cho E-vơ:

"*Một lần tại phòng thí nghiệm ở phố Qui-vi-ê, tôi đang làm việc với một loạt dụng cụ có thủy ngân. Pi-e Qui-ri cũng ở đấy. Ma-ri Qui-ri đến, chú ý đến một chi tiết về máy móc. Lúc đầu, bà không hiểu, mà chi tiết lại rất đơn giản. Tuy giảng giải rồi, bà vẫn hỏi vặn. Lúc đó Pi-e thốt lên, giọng vui vẻ, âu yếm nhưng hơi ngạc nhiên: "Ô! Sao thế hở? Ma-ri*!"*. Câu nói còn văng vẳng trong tai tôi với một sắc thái khó mà quên được.*

Mấy hôm sau, một vài anh bạn đến hỏi giáo sư Qui-ri về một công thức toán. Ông khuyên họ chờ bà Qui-ri đến. Ông nói bà rất giỏi tính vi phân và sẽ giải quyết nhanh chóng vấn đề của họ. Và đúng như vậy,chỉ trong vài phút, bà Qui-ri đã tìm ra giải đáp cho bài toán hóc búa đó ".

Khi Pi-e và Ma-ri ở một mình bên nhau, sự cởi mở âu yếm làm cho nét mặt và cử chỉ của hai người càng thêm đắm đuối nồng nàn. Những nhân cách mạnh mẽ ấy, những cá tính khác nhau ấy, – Pi-e thì thư thái, mơ màng; Ma-ri thì chan hòa, sôi nổi – trong mười một năm trời họ không mấy khi cần đến "nhân nhượng lẫn nhau" mà người ta thường nói gia đình nào cũng phải trải qua thì mới êm ấm. Một cách tự nhiên, hai người luôn luôn nghĩ như một, đồng tâm nhất trí cả về những việc vụn vặt trong đời sống.

Một bà bạn – chẳng hạn như bà Pe-ranh muốn dắt I-ren đi chơi, giá có hỏi Pi-e thì ông thường trả lời với nụ cười dè dặt, gần như phục tùng "*Tôi cũng không biết, Ma-ri chưa về. Cần đợi Ma-ri xem thế nào*". Hoặc giả trong cuộc họp về khoa học, Ma-ri vốn ít nói, nếu có lần quá say sưa tranh luận, người ta bỗng thấy bà đỏ mặt, ấp úng, và quay về phía chồng để nhường lời, như tin tưởng sâu sắc rằng ý kiến của Pi-e còn nghìn lần quý hơn ý kiến mình...

CHƯƠNG XVIII

NGÀY 19 THÁNG TƯ NĂM 1906

Ngày thứ năm hôm đó thời tiết thật chán. Trời cứ lúc lúc lại đổ mưa, tối sầm. Pi-e và Ma-ri, có muốn vùi đầu vào công việc để khỏi để ý đến những cơn mưa rào tháng Tư cũng chẳng được. Pi-e phải đi dự bữa tiệc của Hội các giáo sư trường Đại học Khoa học, sau đó đến nhà xuất bản Gô-chi-ê chữa bản thảo, rồi qua Viện hàn lâm. Ma-ri cũng cần đi nhiều nơi.

Buổi sáng bận rộn ấy, hai vợ chồng mới chợt thoáng thấy nhau thôi. Pi-e ở dưới nhà gọi với lên gác, hỏi Ma-ri có ra phòng thí nghiệm không? Ma-ri đang bận mặc áo cho I-ren và E-vơ, nói rằng có nhẽ không có thì giờ – câu trả lời đó lẫn vào tiếng động ồn ào. Cửa ngoài đóng sập, Pi-e vội đi ngay. Trong khi Ma-ri ăn trưa ở nhà với các con và cụ bác sĩ Qui-ri, thì ở khách sạn Các Hội khoa học phổ thông phố Đăng-tông, Pi-e chuyện trò vui vẻ với các đồng nghiệp. Ông thích những buổi họp êm ả như thế này, hết bàn đến Xoóc-bon lại nói về nghiên cứu về nghề nghiệp. Câu chuyện chung hướng về những tai nạn có thể xảy ra trong các phòng thí nghiệm, Pi-e lên tiếng ủng hộ ngay dự án nội qui nhằm hạn chế những nguy cơ đe dọa người nghiên cứu.

Lúc hai giờ rưỡi trưa, Pi-e đứng dậy tươi cười, từ biệt các bạn, xiết chặt tay Giăng Pe-ranh, hẹn gặp lại ngay chiều hôm ấy. Trên ngưỡng cửa, ông lơ đãng nhìn lên và hơi bĩu môi trước bầu trời u ám. Mở chiếc ô ra, Pi-e đi dưới mưa rào, xuôi về phía sông Xen.

Đến nhà in, thấy đóng cửa: Các xưởng đều đình công. Pi-e ngoặt ra phố Đô-phin, ầm ĩ tiếng quát tháo của anh em đánh xe ngựa, tiếng tàu điện ken két trên bến.

Trong cái phố eo hẹp của thành phố Pa-ri cổ này sao mà chen chúc như vậy! Lòng đường chỉ đủ cho xe ngựa tránh nhau; và đối với người qua lại rất đông trưa hôm ấy, vỉa hè quả là chật hẹp. Pi-e phải lần từng chỗ mà bước. Lúc thì theo vỉa hè, lúc thì xuống đường, bước thấp bước cao, dáng điệu một người đang suy nghĩ. Pi-e nghĩ gì mà đôi mắt đăm chiêu, nét mặt nghiêm nghị thế? Một thí nghiệm đang làm chăng? Hay công trình của anh bạn Uya-banh, mà bản báo cáo gửi viện Hàn lâm đang để trong túi áo ông? Hay là nghĩ đến Ma-ri?...

Pi-e bước trên đường nhựa đã được một lúc, theo sau một chiếc xe ngựa chở khách cửa đóng kín, đang từ từ lăn bánh về phía cầu Mới. Đến ngã tư phố này rẽ ra đường bờ sông, đường phố rất ồn ào. Một toa xe điện vừa chạy qua dọc bờ sông, tiến về quảng trường La Công-coóc. Một chiếc xe chở hàng chở nặng, thắng hai ngựa, từ trên cầu đổ xuống, cắt ngang đường xe điện và theo nước kiệu, tiến thẳng về phố Đô-phin.

Pi-e định đi qua đường sang hè bên kia. Với sự đột ngột của người lơ đễnh, Pi-e rời khỏi phía sau xe ngựa chở khách, mà cái mui vuông đang như một tấm bình phong, chắn tầm mắt ông không nhìn thấy gì ở phía trước, và đi vài bước sang bên trái. Bỗng, Pi-e đụng phải một con vật thở phì phò, bốc khói: đó là một trong hai con ngựa của xe chở hàng vừa đúng lúc sắp lướt qua chiếc xe ngựa chở khách. Khoảng cách giữa hai xe xít lại đến chóng cả mặt. Sửng sốt, Pi-e loạng choạng níu lấy ức con vật, nó chồm lên. Đế giày của nhà bác học trơn tuột trên mặt đường ướt. Một tiếng kêu thất thanh, từ hai mươi lồng ngực khiếp đảm. Pi-e sóng sượt dưới vó hai con ngựa lực lưỡng. Người qua đường thét lên: "*Dừng xe lại! Dừng xe lại!*". Người đánh xe cố ghìm dây cương. Nhưng vô hiệu, cả ngựa lẫn xe cứ lao tới.

Pi-e nằm vật dưới đất, còn sống, không can gì. Ông không kêu, và cũng gần như không nhúc nhích. Thân hình ông lọt giữa chân ngựa, không hề bị lướt chạm, rồi lại lọt giữa hai bánh trước xe chở hàng. Một sự kỳ lạ vẫn có thể xảy ra. Nhưng cái khối to lớn sáu tấn kia, theo đà của nó, còn vượt thêm mấy thước nữa. Cái bánh sau bên trái đụng phải một chướng ngại vật yếu ớt, nó nghiền qua. Một cái trán, một cái đầu người. Sọ vỡ tung ra, một chất lầy nhầy đỏ lòm tung tóe khắp nơi, lẫn trong bùn. Bộ óc của Pi-e Qui-ri.

Cảnh sát giao thông đến nhấc cái thân hình còn ấm, mà sự sống vừa bị cướp mất trong khoảnh khắc. Họ liên tiếp gọi các xe ngựa chở khách đến, nhưng không xe nào chịu chở một cái xác đầy bùn, máu me lênh láng. Nhiều phút trôi qua, người qua đường tò mò xúm lại xem, chen chúc. Một đám đông, ngày càng dày đặc vây quanh cái xe chở hàng đã dừng lại và những tiếng quát thét giận dữ đổ về phía anh đánh xe Lu-i Ma-nanh, đã vô tình gây ra án mạng. Sau cùng, có người mang đến một cái cáng. Người ta đặt nạn nhân lên đó, và sau một lúc cứu chữa vô ích, trong một hiệu thuốc, cáng được khiêng đến đồn cảnh sát để xem giấy tờ người chết.

Khi tin đồn ra rằng nạn nhân là Pi-e Qui-ri, một giáo sư, một nhà bác học nổi tiếng, thì sự hỗn độn càng tăng gấp bội, cảnh sát phải can thiệp để che chở Ma-nanh đang bị công chúng dọa đánh.

Một thầy thuốc, ông Đru-ê, lau bộ mặt vấy bùn của nạn nhân, xem kỹ vết thương rộng toác ở đầu, đếm được mười sáu mảnh xương, mà chỉ cách đây hai mươi phút còn là một cái sọ. Người ta gọi điện thoại báo cho trường Đại học Khoa học biết. Rồi thì, trong trạm cảnh sát ở phố Gơ-răng O-guýt-xtanh, viên chánh cẩm và người thư ký xúc động nhìn hai bóng dáng cúi gằm và nức nở khóc: Cơ-léc, phụ tá phòng thí nghiệm và Ma-nanh, anh đánh xe ngựa mắt đỏ húp.

Giữa hai người đó, Pi-e nằm dài, trán quấn băng, để hở khuôn mặt còn nguyên vẹn – thờ ơ với tất cả.

Cái xe chở hàng, dài năm thước, chất đầy ắp những kiện áo quần nhà binh, đỗ ở trước cửa.

Mưa rơi xóa dần những vết máu lấm chấm ở một bánh xe. Hai con ngựa non hơi bồn chồn vì vắng chủ, cứ thở phì phò và gõ móng xuống đất.

Tai ương ập đến nhà ông bà Qui-ri. Ô tô, xe ngựa chở khách chạy qua chạy lại, do dự, dọc theo những dãy thành lũy cổ và dừng trên đại lộ Kê-léc-man vắng vẻ. Một nhân viên phủ tổng thống bấm chuông, thấy trả lời rằng bà Qui-ri chưa về, lại quay đi, không trao thư. Lại một tiếng chuông kêu, khoa trưởng Pôn A-pen và giáo sư Giăng Pe-ranh bước vào.

Trong nhà chỉ có cụ bác sĩ Qui-ri và chị giúp việc.

Bước ra đón khách, cụ thấy vẻ mặt bối rối của hai người. Pôn A-pen có nhiệm vụ báo cho Ma-ri biết trước tiên, nên cứ đứng đó, im lặng ngại ngùng. Những phút do dự bi thảm ấy không kéo dài. Cụ già nhìn nét mặt họ một lần nữa, và không hỏi một lời, cụ nói:

– Con tôi chết rồi!

Nghe kể tai nạn, trên khuôn mặt khô đét và răn rúm, hai dòng lệ từ từ chảy. Những dòng lệ đau đớn và phẫn nộ. Với một lòng thương xót mãnh liệt và một sự tuyệt vọng cùng cực, cụ trách con trai không cẩn thận làm thiệt đời mình, cụ nhắc lại mãi một câu não ruột:

– Không biết nó còn mơ màng cái gì!

Sáu giờ, tiếng chìa khóa vặn trong ổ. Ma-ri, vui vẻ, lanh lẹ, hiện ra trên ngưỡng cửa phòng khách. Bà thoáng thấy dấu hiệu khủng khiếp của lòng đoái thương trong thái độ quá ư trân trọng của các bạn mình. Một lần nữa, Pôn A-pen kể lại chuyện xảy ra. Ma-ri đứng im, sững sờ, dường như

không hiểu gì cả. Bà không ngã vào những cánh tay âu yếm, không than vãn, khóc lóc. Người ta cảm thấy bà cũng vô tri, vô giác, trơ trơ như một tượng gỗ. Một hồi lâu, im lặng, ngơ ngác, môi bà mới lắp bắp và khẽ hỏi, như còn điên cuồng hy vọng một sự cải chính nào đó:

– Pi-e chết rồi?... Chết... Chết thật à?...

Từ khi tiếng "*Pi-e đã chết*" thấm vào tâm hồn Ma-ri thì cuộc sống cô quạnh và thầm lặng như một tấm áo choàng đã vĩnh viễn đặt trên đôi vai người quả phụ. Ma-ri Qui-ri, trong cái ngày tháng Tư ấy, đã trở thành cô đơn, buồn thảm khôn nguôi.

Một bức tường vô hình giờ đây như ngăn cách Ma-ri với những người chứng kiến tấn thảm kịch này. Trước những lời thương tiếc và an ủi của họ hàng thân thuộc, Ma-ri vẫn trơ trơ: Mắt ráo hoảnh, mặt xanh xám, như không nghe thấy gì, và khó khăn lắm mới đáp lại những câu hỏi cấp bách nhất. Bằng vài lời vắn tắt, Ma-ri không cho mổ xác khám nghiệm để kết thúc điều tra của tòa án và yêu cầu cho đưa thi hài về đại lộ Kê-léc-man.

Bà nói với bà bạn Pe-ranh cho I-ren sang ở nhờ trong những ngày tới, đánh điện về Vác-xô-vi "***Pi-e chết vì tai nạn***". Rồi ra ngoài vườn đất còn ẩm ướt, ngồi xuống, chống khủy tay lên đầu gối, hai tay ôm lấy đầu, hai mắt đờ ra.

Không một cử động, như câm, như điếc, Ma-ri ngồi chờ người bạn đời của mình.

Thoạt tiên, người ta mang đến mấy vật kỷ niệm đau thương tìm thấy trong các túi của Pi-e: Một bút máy, mấy chiếc chìa khóa, một ví, một cái đồng hồ – máy không hề suy xuyển,cả đến mặt kính cũng còn nguyên. Sau cùng lúc tám giờ tối, một xe cấp cứu đến đỗ trước nhà. Ma-ri vội bước lên và trong ánh sáng mập mờ, nhìn thấy khuôn mặt của Pi-e bình thản, khoan thai.

Chiếc cáng nặng nề, chậm chạp, đi qua cổng nhỏ. Ăng-đrê Đờ-biếc-nơ đến tìm người thầy, người bạn của mình ở đồn cảnh sát, lúc đó cũng đỡ chiếc cáng bi thảm. Thi hài được đặt ở một buồng nhà dưới và Ma-ri ngồi một mình với chồng.

Bà hôn mặt chồng, trên cơ thể hãy còn mềm, gần như còn ấm, hôn lên bàn tay, hãy còn gập lại được. Người ta phải dìu Ma-ri sang phòng bên cạnh, để bà khỏi trông thấy cảnh khâm liệm. Như mất hồn, bà nghe lời rồi chợt nghĩ là giây phút đó sẽ mất đi không bao giờ lấy lại được, và đáng ra không thể cho ai thu xếp những quần áo vấy máu ấy, thế là bà trở lại, và bám

lấy người chết.

Hôm sau, Giắc Qui-ri là anh ruột Pi-e tới. Đứng trước hai anh em, một người còn, một người mất, Ma-ri không kiềm chế nổi nữa, òa lên khóc nức nở. Rồi như trấn tĩnh lại, bà đi thờ thẫn trong nhà, hỏi xem đã tắm và chải đầu cho E-vơ như mọi ngày chưa. Bà ra vườn, gọi I-ren đang xếp ô chơi ở nhà Pe-ranh, và nói qua hàng rào với I-ren rằng: "*Bố vừa mới bị đau đầu lắm, bố cần được yên tĩnh*". Ngây thơ, em bé trở lại với đồ chơi của nó. Sau đó mấy tuần lễ, Ma-ri không thể nhắc nhở nỗi đau thương của mình trước mọi người, như bị chìm đắm vào im lặng...

*

*   *

Cụ bác sĩ Qui-ri, Giắc, Dô-dếp và Brô-ni-a lo lắng theo dõi từng cử chỉ của Ma-ri, giờ đây trong áo tang đen, đã biến thành một con người lạnh giá, trầm lặng, không hồn. Ngay những lúc trông thấy hai con, Ma-ri cũng chẳng có một cảm nghĩ gì. Lúc nào cũng như mất trí, tuy không chết theo được người đã khuất nhưng bà hầu như đã từ giã cõi đời này.

Những họ hàng, bầu bạn ân cần chăm sóc, lo lắng đến tương lai mà Ma-ri hầu như chẳng còn đoái hoài gì nữa. Cái chết của Pi-e Qui-ri đặt ra nhiều vấn đề quan trọng và cấp bách. Những công trình nghiên cứu mà Pi-e bỏ dở từ nay sẽ ra sao, và cả đến việc giảng dạy ở Xoóc-bon nữa? Ma-ri sẽ ra sao?

Trong gia đình ai nấy thì thầm bàn bạc, lắng nghe những gợi ý của đại biểu Bộ giáo dục và của trường Đại học, cứ liên tiếp đến đại lộ Kê-léc-man. Ngay sau hôm tang lễ, chính phủ Pháp muốn tặng một trợ cấp Quốc gia cho quả phụ và hai con của Pi-e Qui-ri. Giắc đến cho em dâu biết. Ma-ri đã từ chối dứt khoát.

– Không cần phải trợ cấp. Tôi còn trẻ, có thể kiếm sống cho tôi và các con tôi.

Trong giọng rắn nói rỏi, đã hét vang lòng quả cảm vốn có của bà.

Giữa nhà nước Pháp và gia đình Qui-ri còn phân vân, do dự. Trường đại học sẵn sàng giữ Ma-ri trong ngạch. Nhưng với cương vị nào? Và phòng thí nghiệm thì sao? Liệu có thể đặt người đàn bà thiên tài ấy dưới mệnh lệnh của một ai khác? Tìm đâu ra một giáo đủ thẩm quyền để điều khiển phòng thí nghiệm của Pi-e Qui-ri?

Khi được hỏi về nguyện vọng, bà Qui-ri trả lời rằng lúc này chưa suy nghĩ được, không biết nên thế nào...

Giắc, Brô-ni-a và người bạn trung thành nhất của Pi-e là Gioóc Guy cảm thấy họ cần phải quyết định và đề xuất ra vấn đề thay cho Ma-ri.

Giắc Qui-ri và Gioóc Guy đến trình bày niềm tin quả quyết của mình với hiệu trưởng trường Đại học: Ma-ri là nhà vật lý duy nhất của nước Pháp có thể tiếp tục công việc mà Pi-e và bà đã làm. Ma-ri là giáo sư duy nhất xứng đáng kế tiếp Pi-e. Ma-ri là trưởng phòng thí nghiệm duy nhất có thể thay Pi-e. Phải gạt bỏ mọi truyền thống và tục lệ để bổ nhiệm Ma-ri làm giáo sư Xoóc-bon.

Do sự khẩn khoản của hai giáo sư Mác-xơ-lanh Béc-tơ-lô, Pôn A-pen và hiệu trưởng trường Đại học Li-a, chính phủ Pháp đã có một cử chỉ trung thực và rộng rãi. Ngày 13 tháng 5 năm 1906, Hội đồng các trường Đại học khoa học nhất trí quyết định duy trì khóa giảng đã được thành lập cho Pi-e Qui-ri, và trao công việc này cho Ma-ri với cương vị là "giảng viên".

Đây là quyết nghị của trường Đại học Khoa học:

"*Trường Đại học Pháp.*

Bà Qui-ri, tiến sĩ khoa học, trưởng phòng thí nghiệm ở trường Đại học Khoa học ở Đại học đường Pa-ri, được giao trách nhiệm dạy một giáo trình Vật lý ở trường ấy.

Lương hàng năm của bà Qui-ri là một vạn quan, kể từ mồng một thángNăm1906".

Lần đầu tiên, một phụ nữ được bổ nhiệm trong ngành Đại học Pháp.

Ma-ri lơ đãng nghe cụ bố chồng kể tỉ mỉ về sứ mệnh nặng nề mà mình phải đảm nhận. Bà chỉ nói:

– Con sẽ thử.

Và chợt nhớ lại lời của Pi-e, nay đã thành một di chúc, một mệnh lệnh chỉ rõ cho mình con đường phải đi "***dù sao đi nữa, dầu chỉ còn cái xác không hồn, cũng cứ phải làm việc***".

ù

Giắc Qui-ri và Dô-dếp Xkhua-đốp-xki đã rời khỏi Pa-ri. Chẳng bao lâu nữa, Brô-ni-a cũng sẽ về Ba Lan để cùng với chồng trông nom an dưỡng

đường của họ ở Da-cô-pan.

Một buổi tối, một trong những tối cuối cùng mà hai chị em còn ở gần nhau, Ma-ri kéo Brô-ni-a vào phòng ngủ của mình. Đang mùa hè nóng nực, nhưng trong lò sưởi củi cháy đỏ rực. Ma-ri khóa cửa lại, Brô-ni-a ái ngại nhìn em gái, khuôn mặt lúc này còn xanh xao, nhợt nhạt hơn mọi ngày. Ma-ri lẳng lặng lôi ở tủ ra một gói to bọc bằng giấy không thấm nước, dầy cộm. Rồi ra hiệu cho chị ngồi xuống bên cạnh mình.

Trên lò sưởi có để sẵn một cái kéo to.

– Chị Brô-ni-a ơi, chị phải giúp em trong việc này – Ma-ri chậm chạp tháo dây và trải giấy ra, dưới ánh lửa, hai bàn tay run rẩy và đỏ rực lên. Một bọc hiện ra, gói cẩn thận trong một tấm chăn trải giường. Ma-ri do dự một lúc rồi mở hẳn miếng vải trắng ra. Brô-ni-a phải cố nén mới không kêu vì khủng khiếp: đó là một bộ quần áo vấy bẩn đã khô và máu đã đen đọng. Bao nhiêu ngày rồi Ma-ri vẫn giữ bên cạnh mình những quần áo Pi-e mặc khi bị chiếc xe chở hàng cán chết ở phố Đô-phin.

Người đàn bà góa, cầm lấy cái kéo, bắt đầu cắt vụn cái áo vét tông màu sẫm, vất từng mảnh nhỏ vào lửa, nhìn chúng xèo xèo bốc khói, cháy dần rồi biến đi. Nhưng Ma-ri bỗng dừng lại không kìm nỗi dòng nước mắt làm ướt nhòa đôi mắt đã mệt mỏi. Một chất nhầy và ướt hiện ra, trong các nếp vải đã dính bết mấy mảnh cuối cùng của khối óc mới vài tuần lễ trước đây còn sản sinh ra bao ý nghĩ cao thượng, bao sáng kiến diệu kỳ.

Ma-ri nhìn trân trân những di tích đã rữa nát ấy, mân mê chúng một cách tuyệt vọng. Brô-ni-a phải giằng lấy kéo và áo quần, tiếp tục cắt, ném những miếng vải vào lửa.

Cả hai chị em, không ai nói một lời. Cái giấy gói, tấm khăn trải giường, chiếc khăn dùng để lau tay, cũng làm mồi cho lửa. Lúc này, Ma-ri mới nói:

– Em không thể đang tâm để những bàn tay hờ hững sờ mó vào những thứ này. – rồi sán lại gần Brô-ni-a – Chị ơi, em sống làm sao được bây giờ? Em cảm thấy là cứ phải sống, nhưng làm thế nào? Làm thế nào mới được chứ?

Ma-ri cứ níu lấy chị, nước mắt giàn giụa, khóc nức nở. Còn Brô-ni-a thì vừa đỡ lấy em vừa tìm lời khuyên giải, cuối cùng phải cởi áo, đặt lên giường đứa em gái đáng thương, lả đi vì quá xúc động.

Ngày hôm sau, Ma-ri lại như con người máy, vô tri đã thay bà đi đứng và làm việc kể từ ngày 19 tháng Tư. Và cũng chính là một con người máy mà Brô-ni-a ôm hôn từ biệt, đứng lặng trên sân ga, trong tấm voan đen tang tóc còn ám ảnh Brô-ni-a mãi sau này.

Một "*cuộc sống bình thường*" trở lại còn tràn ngập bao kỷ niệm thắm thiết của Pi-e. Có những chiều, nghe tiếng cửa mở, Ma-ri thoáng có ý nghĩ điên cuồng trong khoảnh khắc, rằng Pi-e Qui-ri sắp hiện ra trước mặt mình và tai nạn vừa qua chỉ là một cơn ác mộng.

Chung quanh Ma-ri, già hay trẻ, đều tỏ ra trông mong. Ai nấy chờ đợi ở Ma-ri những dự định, một kế hoạch về tương lai. Người quả phụ ba mươi tám tuổi ấy, mệt mỏi rã rời vì đau khổ, giờ đây phải gánh vác cả một gia đình.

Bà quyết định ở lại Pa-ri trong mùa hè để làm việc ở phòng thí nghiệm và để chuẩn bị cho việc giảng dạy sẽ khai mạc vào tháng Mười Một. Làm sao cho xứng đáng với bài giảng của Pi-e Qui-ri! Ma-ri thu thập các sách vở của mình, sưu tầm những tài liệu do nhà bác học để lại. Một lần nữa, bà lao vào học tập nghiên cứu.

Những ngày hè buồn thảm ấy, hai con gái về ở thôn quê; E-vơ đến chỗ ông nội ở Xanh Rê-mi trên sông Xen; I-ren ra bãi biển với bác Hê-la, chị thứ hai của Ma-ri, sang Pháp để giúp đỡ em.

Thu đến, Ma-ri tìm một chỗ ở mới, vì không thể ở mãi đại lộ Kê-léc-man. Bà muốn chuyển về Xô, nơi xưa kia Pi-e từng sống khi hai người gặp nhau – và giờ đây là nơi Pi-e an nghỉ.

Khi bàn đến vấn đề này, cụ bác sĩ Qui-ri, có lẽ lần đầu tiên trong đời, ngượng ngùng lại gần con dâu:

– Ma-ri con, nay Pi-e đã khuất, con chẳng có lý do gì mà sống với một lão già. Cha sẵn sàng đi nơi khác ở một mình, hoặc về với Giắc. Ý con thế nào?

– Cha mà đi thì làm cho con buồn. Nhưng xin tùy cha!

Giọng Ma-ri nghẹn ngào vì lo âu. Chẳng lẽ lại mất nốt người bạn trung thực này ư? Rất có thể cụ bác sĩ Qui-ri sẽ đến ở với Giắc, chứ không sống với con dâu nước ngoài người Ba Lan, mà việc đó cũng hợp tình, hợp lý...

Nhưng, có ngay câu trả lời mong mỏi:

– Cha thích sống với con, Ma-ri, mãi mãi...

Cụ còn muốn nói thêm: "*Vì con cũng ưng như thế...*", nhưng quá xúc động, cụ không nói ra lời. Cụ vội quay đi, bước nhanh ra vườn với bé I-ren, đang mừng rỡ gọi ông nội.

Một bà góa, một cụ bảy mươi chín tuổi, hai đứa trẻ, mà một mới chập chững đi, đó là gia đình Qui-ri bây giờ.

*

* *

"*Bà Qui-ri, quả phụ của nhà bác học nổi danh mà ai cũng biết cái chết thảm khốc, được bổ nhiệm thay chồng là giáo sư Pi-e Qui-ri ở trường đại học Xoóc-bon, sẽ giảng bài đầu tiên vào ngày thứ hai mồng năm tháng một 1906, hồi một giờ rưỡi trưa.*

Bà Qui-ri, trong buổi dạy mở đầu này, sẽ nói về thuyết i-ông trong các khí và sự phóng xạ.

Buổi khai giảng sẽ làm ở một "giảng đường lên lớp". Những giảng đường này chỉ có độ một trăm hai mươi chỗ, dành cho sinh viên. Công chúng và nhà báo cũng được đến nghe, nhưng chỉ còn độ hai mươi chỗ... Trong trường hiện nay, trường hợp duy nhất của lịch sử trường Xoóc-bon liệu có thể vi phạm nội quy và để bà Qui-ri được sử dụng giảng đường lớn trong buổi giảng đầu tiên của bà?"

Mấy đoạn trích ở các tờ báo đương thời phản ánh sự quan tâm và náo nức của công chúng Pa-ri chờ đón buổi ra mắt đầu tiên của người quả phụ nổi danh. Phóng viên nhà báo, giới quý phái thượng lưu, phụ nữ đẹp, những nghệ sĩ đổ xô đến phòng giáo vụ của trường Đại học Khoa học phàn nàn vì không được "giấy mời". Phải chăng chỉ có lòng đoái thương hoặc sự khao khát học hỏi? Họ thiết gì cái thuyết "những i-ông trong không khí"? Và nỗi đau khổ của Ma-ri trong cái ngày tàn ác này, chỉ như thêm gia vị cho sự tò mò của họ. Ngay sự đau thương cũng có những kẻ hiếu kỳ!

Lần đầu tiên, một phụ nữ sẽ giảng ở Xoóc-bon, một phụ nữ đồng thời lại là một thiên tài và một người vợ tuyệt vọng. Đối với lớp công chúng của những "buổi diễn giảng đầu tiên", đó chính là điều hấp dẫn nhất.

Trưa hôm ấy, trong khi Ma-ri còn đứng trước mộ, ở nghĩa địa tại Xô,

nói thầm với người mà hôm nay mình kế tiếp công việc, công chúng đã ngồi chật giảng đường nhỏ, ngồi kín các hành lang của trường Đại học, và tràn ra cả quảng trường Xoóc-bon. Trong phòng, người ít học ngồi lẫn với nhà thông thái, bạn bè thân thiết của Ma-ri bên những người xa lạ. Các sinh viên đến để nghe giảng, để chép cứ phải bám chặt vào ghế để khỏi bị chen bật ra.

Một giờ hai mươi nhăm phút. Tiếng nói chuyện mỗi lúc một ồn ào. Người ta xì xào, người ta hỏi nhau, người ta nghểnh cổ để được nhìn thấy bà Qui-ri vào. Ai nấy đều một ý nghĩ. Vị giáo sư mới này, người đàn bà duy nhất mà trường Xoóc-bon nhận vào hàng ngũ giảng dạy, sẽ mở đầu bằng những lời gì đây? Phải chăng là sẽ cảm ơn ông Bộ trưởng, cảm ơn trường Đại học? Phải chăng sẽ nói đến Pi-e Qui-ri? Chắc chắn là như vậy rồi: theo lệ thường, phải biểu dương người mà mình thay thế, nhưng đây lại là chồng, là người bạn cùng làm việc với mình. “Tình thế” thật oái oăm đấy! Một giây phút hồi hộp chưa từng có...

Một giờ rưỡi. Cửa trong cùng mở ra, Ma-ri Qui-ri bước lên bục giữa một tràng pháo tay vang dội. Bà cúi đầu. Một cử chỉ khô khan định để chào cử tọa. Bà đứng yên, hai tay nắm chặt lấy thành cái bàn dài xếp đầy dụng cụ thí nghiệm, đợi cho tiếng hoan hô chấm dứt. Giảng đường bỗng im bặt. Trước người đàn bà tái nhợt ấy, đang cố trấn tĩnh, một niềm xúc động lạ thường làm cho cử tọa, lúc đầu đến đây cốt để xem, phải lặng thinh. Nhìn thẳng đằng trước mặt, Ma-ri nói:

– Khi đề cập đến những bước tiến đã đạt được trong lĩnh vực Vật lý từ mười năm trở về đây, người ta phải ngạc nhiên trước những biến chuyển đã diễn ra trong nhận thức của chúng ta về điện và vật chất...

Đúng cái câu mà Pi-e Qui-ri viết dở!

Những lời lạnh lùng “*Khi đề cập đến những bước tiến đã đạt được trong lĩnh vực Vật lý...*” chứa đựng một cái gì đau lòng đến như thế mà nhiều người nghe phải ứa nước mắt?

Cùng một giọng, hầu như đều đều, nhà bác học giảng hết bài học ngày hôm đó. Bà trình bày những thuyết mới về cấu trúc của điện, về sự phân rã hạt nhân, về các chất phóng xạ. Xong bài giảng khô khan ấy, Ma-ri lại rút lui qua cái cửa nhỏ cũng như lúc vào.

-

PHẦN THỨ BA

CHƯƠNG XIX

MỘT MÌNH

Trước đây Ma-ri đã vừa đảm đương việc nhà, vừa góp phần hoàn thành một công trình khoa học lớn, tuy có sự giúp sức của một người chồng thiên tài, vẫn làm chúng ta vô cùng khâm phục. Hồi đó, ta khó mà tưởng tượng được rằng bà có thể còn biết một cuộc sống khắc khổ hơn thế, còn cố gắng mãnh liệt hơn thế nữa.

Cảnh ngộ xưa kia êm đềm biết bao so với quãng đời sắp tới. Giờ đây, những trách nhiệm của "bà quả phụ Qui-ri" có lẽ ngay đến một nam giới khỏe mạnh, yêu đời, dũng cảm cũng phát sợ!

Phải nuôi hai con nhỏ, kiếm sống cho mình và cho chúng, đảm nhiệm chức vụ giáo sư một cách vẻ vang. Ngày nay, không còn phần đóng góp bậc thầy của Pi-e Qui-ri, phải tiếp tục công trình nghiên cứu, đã cùng làm với người bạn đường ấy. Các phụ tá và học trò của bà cần nhận được ở bà những mệnh lệnh, những lời chỉ dẫn. Lại còn một nhiệm vụ quan trọng bậc nhất: xây dựng một phòng thí nghiệm xứng đáng với ước mơ chưa toại của Pi-e, trong đó lớp người nghiên cứu trẻ tuổi sau này có thể phát triển được ngành khoa học mới về phóng xạ.

Chăm lo thứ nhất của Ma-ri là tạo cho hai con gái và bố chồng một cuộc sống lành mạnh. Bà thuê một cái nhà ở phố Đường xe lửa, số nhà 6, không duyên dáng lắm, nhưng được một cái vườn dễ chịu nên hóa đẹp. Cụ bác sĩ Qui-ri ở một cái chái riêng biệt. I-ren mừng rỡ nhận một mẩu đất nhỏ muốn trồng gì tùy ý. E-vơ tung tăng đi tìm con rùa ưa thích của mình giữa những lùm cỏ, và đuổi theo con mèo đốm, trong những lối đi hẹp, dưới sự chăm sóc của một người trông.

Thu xếp như thế lại phải mệt thêm một ít: phải đi nửa giờ xe lửa mới đến phòng thí nghiệm. Mỗi sáng, người ta thấy Ma-ri ra ga, bước đi vội vã và duyên dáng, như gợi lên một sự chậm trễ nào đó phải làm gấp cho kịp, trong một cuộc chạy đua không biết mệt mỏi. Hành khách trên tuyến đường này nhanh chóng quen thuộc bóng dáng người đàn bà mặc đại tang ấy, bao giờ cũng lên toa hạng hai của cùng một đoàn tàu hôi hám.

Ít có thời giờ quay trở về ăn ở Xô – Ma-ri lại làm quen với những cửa hàng bánh ngọt ở xóm La-tinh, mà năm xưa vẫn thường vào cũng một mình

như ngày nay – nhưng dạo ấy còn trẻ và tràn đầy hy vọng vô tư. Hoặc bà đi đi lại trong phòng thí nghiệm, nhấm mấy miếng bánh mì, một ít hoa quả.

Chiều tối thường rất muộn, bà lại đáp xe lửa trở về, đến nhà thì đã lên đèn. Mùa đông, việc đầu tiên của bà là sưởi to ở phòng ngoài, cho thêm than củi, đinh ninh rằng, ngoài mình ra, không còn ai trên đời biết nhóm một ngọn lửa cháy hồng. Thật thế, Ma-ri biết xếp giấy, xếp củi đóm và chất những cục than hoặc củi thanh, như một nghệ sĩ, như một nhà hóa học. Khi lò đã reo lên vừa ý mình, bà ngả lưng trên chiếc trường kỷ để thở sau một ngày kiệt sức.

Vốn tính quá thầm kín, không muốn để lộ nỗi buồn riêng, Ma-ri không hề cho ai biết mình khóc, không cần đến ai đoái hoài hoặc khuyên giải. Không một ai biết những cơn thất vọng và mê sảng ghê sợ thường đêm đêm giầy vò Ma-ri. Những họ hàng thân thuộc rất đỗi ái ngại, thấy cặp mắt lờ đờ kia cứ trân trân trong khoảng không, và đôi bàn tay đã bắt đầu có tật cứ luôn luôn động đậy mấy ngón bao lần bị chất Ra-đi làm bỏng, thành thói quen không bỏ được.

Những năm buồn thảm ấy, có hai người giúp đỡ Ma-ri. Đó là Ma-ri-a Ca-miên-xka, em vợ Dô-dếp, nhã nhặn dịu dàng, theo lời khẩn khoản của Brô-ni-a đã nhận làm cô giáo và quản lý cho gia đình Qui-ri.

Cô gái Ba Lan này đem lại cho Ma-ri một chút tình đồng hương thắm thiết, mà vì xa quê hương đã lâu bà cảm thấy rất thiếu. Sau này, khi cô Ca-miên-xka vì ốm yếu phải trở về Vác-xô-vi, bà Qui-ri vẫn tìm nữ quản gia người Ba Lan để trông nom I-ren và E-vơ, tuy không được tin cẩn, duyên dáng như cô Ca-miên-xka.

Một người Ma-ri quí đặc biệt là cụ bác sĩ. Đối với cụ, Pi-e mất đi là một thử thách ghê gớm. Nhưng cụ vốn theo thuyết duy lý cứng rắn và rút ra được ở đó một phần nào can đảm mà con dâu cụ thiếu hẳn. Cụ cho luyến tiếc là vô ích, cụ không đi thăm viếng mồ mả. Sau đám tang, không bao giờ quay trở lại nghĩa trang nữa. Ở cụ, Pi-e đã chết là hết, cụ không để một bóng ma giày vò.

Sự bình thản, can trường đó có tác dụng tốt đến người quả phụ trẻ. Trước mặt bố chồng, đang cố sống một cách bình thường, thanh thản, Ma-ri thấy xấu hổ về sự bạc nhược, ủ rũ của mình. Và bà cũng lại cố tỏ ra nguôi dịu.

Có cụ, Ma-ri cảm thấy dễ chịu. Cụ cũng là nguồn vui đối với các cháu gái. Không có cụ già có đôi mắt xanh, có lẽ tuổi thơ ấu của hai đứa trẻ

sẽ bị vùi dập vì tang tóc. Cụ còn hơn cả mẹ, cụ là bạn chơi, là thầy dạy học. Còn mẹ chúng lúc nào cũng vắng nhà, lúc nào cũng bận ở cái phòng thí nghiệm mà chúng cứ luôn nghe thấy nhắc đến bên tai. Bé E-vơ còn dại chưa biết thân mật lắm với ông nội, nhưng chị nó, đứa cháu gái chậm chạp và ít chan hòa "giống hệt bố nó" lúc còn sống thì luôn luôn quấn quít.

Cụ đem lại cho I-ren những hiểu biết vỡ lòng về sinh vật, thực vật. Cụ gây cho nó sự ham thích đọc Vích-to Huy-gô[45] và vào các dịp hè, viết cho nó những lá thư khuyên nhủ bổ ích và rất ngộ nghĩnh với một giọng châm biếm sắc sảo và một lời văn tuyệt diệu. Cụ còn hướng trí tuệ của đứa cháu gái một cách quyết định. I-ren sau này tính tình cân đối, rất ghét sầu não, đầu óc rất thực tế, theo chủ trương giáo dục ngoại đạo đều do ảnh hưởng trực tiếp từ ông nội.

Ma-ri săn sóc bố chồng ân cần tận tụy. Năm 1909 cụ ốm, nằm liệt giường suốt một năm trời vì sưng phổi. Bà dành tất cả thì giờ rảnh bên giường người bệnh khó tính, nôn nóng mà bà cố gắng tìm cách giải khuây.

Cụ mất hôm 25 tháng Hai 1910. Tại nghĩa trang ở Xô, mùa đông càng thêm lạnh lẽo và trần trụi, Ma-ri đề nghị những người đào huyệt làm một việc không ngờ. Bà yêu cầu nhấc quan tài Pi-e ra khỏi huyệt, đặt quan tài của cụ Qui-ri xuống dưới cùng, rồi mới hạ quan tài của Pi-e. Trên quan tài của người chồng mà bà không muốn bị xa cách khi chết, còn dành một chỗ trống mà Ma-ri nhìn ngắm rất lâu không chút hãi hùng.

*

*   *

Giờ đây, trong việc nuôi dạy hai con nhỏ, Ma-ri Qui-ri chỉ còn biết trông vào mình. Về cách dạy trẻ ban đầu bà có những quan niệm rất rõ mà những người lần lượt đến giúp việc ở nhà được đúng như ý bà.

Mỗi ngày thường bắt đầu bằng một giờ học, mà Ma-ri cố làm cho hấp dẫn: Bà áy náy đón chờ những biểu hiện về năng khiếu của hai con gái và ghi chép vào quyển vở mà xám mỗi bước tiến về toán của I-ren, khiếu âm nhạc sớm phát triển của E-vơ.

Sau đó, hai đứa bé được ra chơi ngoài trời. Thời tiết thế nào cũng vậy, chúng đi chơi bộ rất xa và tập thể dục. Trong vườn nhà ở Xô, Ma-ri cho dựng một khung đu ở đó có treo đu lộn hình thang, đu vòng và dây leo. Được tập luyện ở nhà như vậy, hai cô gái trở nên những học trò ham mê của

trường trung học thể thao và đoạt được ở đây nhiều giải thưởng đáng tự hào về thể thao dụng cụ.

Chúng còn làm vườn, tập nặn, làm bếp, khâu vá. Dù có mệt đến mấy, Ma-ri cũng cố gắng cùng hai con đi chơi xe đạp. Mùa hè, Ma-ri cùng đi bơi với các con và theo dõi những tiến bộ về bơi lội của chúng.

Ma-ri không thể rời Pa-ri được lâu, nên trong những tháng nghỉ hè I-ren và E-vơ được bác Hê-la trông nom. Bà thường dẫn hai cháu cùng với mấy con gái mình đi nghỉ mát ở những bãi biển ít người lui tới trên bờ biển Măng-sơ hoặc bờ Đại Tây dương.

Năm 1911, ba mẹ con về thăm Ba Lan lần đầu tiên. Bác Brô-ni-a mời hai cháu gái đến ở an dưỡng đường của mình. Các cô bé tập cưỡi ngựa, đi chơi núi, leo núi hàng mấy ngày liền, ở nhà lều của thổ dân. Ba-lô trên lưng, chân đi giầy đinh, Ma-ri thường đi trước hai con trên những nẻo đường mòn.

Tuy không khuyến khích các con làm những việc mạo hiểm, liều lĩnh dại dột, nhưng người mẹ dũng cảm đó muốn chúng được mạnh dạn, không có nhưng biểu hiện yếu đuối như "sợ bóng tối", rúc đầu vào gối khi có giông bão, hoặc sợ trộm, sợ định mệnh. Xưa kia, Ma-ri đã từng sợ hãi như vậy, nên muốn giải thoát các con gái khỏi tâm trạng đó. Ngay cái chết vì tai nạn của Pi-e cũng không làm bà trở thành quá sợ sệt, gìn giữ hai con gái. Mới mười một, mười hai tuổi chúng đã được phép ra ngoài một mình. Rồi đây, chúng sẽ đi du lịch mà không cần ai đi cùng.

Ma-ri cũng chăm lo đến sức khỏe tinh thần của chúng, cố gắng tránh cho chúng những mơ màng nhớ nhung, đa sầu, đa cảm. Không bao giờ người mẹ góa nói với hai đứa con về bố chúng. Cho đến ngày cuối cùng của đời mình, họa hoằn lắm Ma-ri mới nhắc đến mấy tiếng "Pi-e" hoặc "Pi-e Qui-ri" hoặc "cha con", hoặc "nhà tôi," và trong câu chuyện, để tránh những kỷ niệm cũ, Ma-ri thường dùng những cách nói lảng không thể tưởng tượng được. Ma-ri không lấy thế làm có lỗi với hai con và nghĩ rằng thà để chúng chịu thiếu, bản thân mình thiếu đi những cảm xúc cao quý, còn hơn là làm cho chúng chìm đắm vào một bầu không khí u sầu.

Ma-ri không làm lễ rửa tội cho hai con gái. Và không cho chúng học kinh bổn. Bà thấy không thể dạy cho chúng những giáo điều mà bản thân mình không tin tưởng nữa. Bà sợ nhất cái quẫn của tâm hồn mà mình đã phải trải qua khi mất lòng tin. Nhưng lại rất tôn trọng tự do tín ngưỡng, bà đã từng nhiều lần nói với các con rằng nếu sau này chúng có muốn theo đạo, bà sẽ để chúng hoàn toàn tùy ý.

Vui lòng thấy các con không biết đến thời thơ ấu vất vả, tuổi thiếu niên thiếu thốn và thời thanh niên nghèo khó mà mình đã trải qua, nhưng bà không mong chúng sống cảnh giầu sang. Trong nhiều trường hợp, Ma-ri có thể đảm bảo cho hai con gái một gia tài lớn. Bà đã không làm như vậy. Khi đã là quả phụ, bà phải quyết định về quy chiết cái gam Ra-di mà Pi-e và bà tự tay làm ra và giờ đây thuộc quyền sở hữu của bà. Mặc dầu cụ bác sĩ Qui-ri và nhiều người trong hội đồng gia tộc có ý kiến khác, bà quyết định tặng phòng thí nghiệm mà bà phụ trách mảnh kim loại quý báu ấy, trị giá hơn triệu Phơ-răng.

Trên nhận thức tư tưởng của Ma-ri nghèo thì khó chịu, nhưng rất giầu thì thừa và chướng. Hai con gái mình sau này có phải tự kiếm sống là điều lành mạnh và tất nhiên.

Chương trình giáo dục xếp đặt công phu chu đáo ấy, chỉ còn thiếu một điểm phép lịch thiệp xã giao. Từ khi Pi-e không còn nữa Ma-ri không muốn tiếp khách khứa, trừ một số quen thân như Ang-đrê Đờ-biếc-nơ, gia đình Pe-ranh, gia đình Sa-van… Ngoài những người bạn thân ái và thông cảm ấy, I-ren và E-vơ không hề tiếp xúc với ai. Vì vậy, trước người lạ, I-ren rất nhút nhát và nhất định không chịu nói “Chào bà, chào bác”, mãi sau này, vẫn giữ tính nết ấy.

Tươi cười lịch thiệp, đến thăm hỏi người này, ở nhà tiếp người kia, nói những câu xã giao, có những cử chỉ đi đứng theo đúng nghi thức, đều là những kỳ công mà I-ren và E-vơ không hề làm được. Mười năm, hai mươi năm nữa, các cô sẽ thấy rằng cuộc sống trong xã hội có những đòi hỏi của nó, những cung cách của nó, câu nói “chào bà” tiếc thay lại là một việc cần thiết.

*

*   *

I-ren đã đỗ bằng tiểu học và đến tuổi vào trường trung học. Ma-ri muốn dạy con gái theo một phương pháp mới: học ít nhưng học tốt. Bà suy nghĩ rồi bàn với một người bạn, cũng là giáo sư ở Xoóc-bon và cũng có con nhỏ. Do bà gợi ý và vận động nẩy ra một đề án hợp tác giáo dục, trong đó các nhà tư tưởng lớn đương thời sẽ áp dụng một lối dạy dỗ mới cho các con em họ, họp lại.

Một cuộc sống rất hấp dẫn và thoải mái mở ra cho độ một chục trẻ

em vừa trai vừa gái. Mỗi ngày chúng học một bài, do một ông thầy ưu tú dạy. Buổi sáng nọ, chúng ùa vào phòng thí nghiệm Xoóc-bon để nghe bác Giăng Pe-ranh giảng về hóa. Ngày hôm sau, đội quân tí hon ấy lại chuyển đến Phong-tơ-nay – Đất Hoa hồng dự buổi toán do bác Pôn Lăng-giơ-vanh dạy. Các môn văn, sử, ngoại ngữ, khoa học tự nhiên, nặn và vẽ, cũng đều được những thầy giỏi giảng dạy.

Ma-ri Qui-ri dành mỗi chiều thứ năm để giảng vật lý và đó quả là những bài vật lý sơ đẳng nhất đã từng được trình bày ở nơi này. Những bài rất hấp dẫn, giảng một cách thân mật dịu dàng mà học trò của bà, một số sau này trở thành những nhà bác học, sẽ còn say sưa nhớ mãi. Ma-ri có nhiều sáng kiến làm cho những hiện tượng trừu tượng và khô khan nêu trong các sách giáo khoa được minh họa sinh động, lý thú. Lấy bi xe đạp nhúng mỡ để lăn trên mặt phẳng dốc vẽ ra một hình Pa-ra-bôn, thế là xác minh được định luật về "sự rơi của các vật". Một quả lắc ghi lại những chuyển động đều đặn của nó trên giấy hun khói. Một hàn thử biểu do chính tay các em làm và chia độ cũng ghi đúng nhiệt độ như những hàn thử biểu chính thức, làm cho mấy nhà thiết kế tí hon thấy tự hào vô hạn…

Ma-ri truyền cho các em lòng yêu thích khoa học và tinh thần cố gắng. Và cũng dạy cho các em phương pháp làm việc. Rất tài tính nhẩm, bà muốn cho các học trò mình được rèn luyện về môn này. Bà khẳng định:

– Phải đi đến chỗ không bao giờ nhầm, cái bí quyết là không hấp tấp.

Nếu một trong các cô học trò trong khi làm pin điện, bày bừa bãi thì Ma-ri đỏ mặt lên:

– Cháu đừng nói là "*sẽ*" rửa sau. Không được làm bẩn bàn ngay trong khi lắp máy hoặc làm một thí nghiệm.

Người phụ nữ được giải Nô-ben ấy, thỉnh thoảng lại dạy cho mấy đứa trẻ cầu kỳ những bài học thông thường về óc phán đoán. Một hôm bà hỏi các em:

– Ta phải làm thế nào để giữ cho chất lỏng đựng trong cái bình này được nóng lâu?

Lập tức Phăng-xít Pe-ranh, Giăng Lăng-giơ-vanh, I-da-ben Sa-van, I-ren Qui-ri – những ngôi sao khoa học ở lớp – đề ra một loạt giải pháp tài tình: bọc bình bằng vải len, cách ly bằng những phương pháp tinh vi…

nhưng không thực hiện được.

Ma-ri mỉm cười và bảo :

– Tôi thì tôi bắt đầu tìm một cái nắp đậy.

Sau những lời nói rất nội trợ ấy, buổi học hôm thứ năm đó chấm dứt. Cửa đã mở, một chị giúp việc mang lên một khay đồ sộ bánh sừng bò, thỏi Sô-cô-la và cam.

Vừa nhai vừa bàn tán, mấy đứa trẻ tản ra sân trường. Các báo hàng ngày từ trước đến nay vẫn rình đón từng cử chỉ của bà Qui-ri, bắt đầu chế giễu một cách dí dỏm, nhẹ nhàng sự đột nhập của con em các nhà bác học vào các phòng thí nghiệm – tuy việc đột nhập ấy rất kín đáo và có sự trông nom chu đáo.

Một mẩu chuyện hàng ngày viết:

"*Mấy cô bé, cậu bé tí hon đó đọc chưa thông, viết chưa thạo, mà đã được tùy tiện làm các thí nghiệm, chế ra dụng cụ và thử các phản ứng hóa học…*

Trường Xoóc-bon và ngôi nhà ở phố Qui-vi-ê chưa nổ tung nhưng nguy cơ ấy cũng chưa hết đâu!"

Sau hai năm, kiểu giáo dục trên đây chấm dứt. Các cha mẹ bận quá không còn thì giờ để tiếp tục. Vả lại, các em phải chuẩn bị thi tú tài, cần học kỹ những chương trình chính thức. Ma-ri cho con gái vào trường tư thục Xê-vi-nhê, ở đây số giờ học có bớt đi khá nhiều. Chính ở trường này I-ren học xong cấp trung học và E-vơ về sau cũng học ở đó.

Những cố gắng cảm động của Ma-ri, quyết tâm của bà muốn bảo vệ cá tính và phẩm cách con gái từ thuở còn thơ như thế có hiệu quả không? Nhờ cách "giáo dục tập thể" trên, I-ren, tuy không có một vốn văn học đầy đủ, nhưng đã tiếp thu được một cơ sở khoa học bậc nhất, mà nếu chỉ học ở bất cứ trường trung học nào, cũng không thể có được. Còn về đức dục? Nếu nó thay đổi được sâu sắc bản chất con người thì thật là vượt quá ước mơ. Nhưng có nhiều điểm khắc sâu vào lòng chúng tôi một cách lâu dài là lòng ham thích làm việc, nhất là ở I-ren, một phần nào dửng dưng đối với tiền bạc là một bản năng tự lập làm cho hai chúng tôi tin chắc rằng gặp bất cứ tình huống nào, chúng tôi cũng biết xử sự. Còn việc khắc phục tính ưu tư phiền muộn thì có tác dụng đối với I-ren, nhưng ít kết quả trong trường hợp E-vơ. Mặc dầu mẹ chúng tôi cố gắng rất nhiều, những năm thơ ấu của tôi không

được sung sướng. Riêng về một điểm, Ma-ri đã thành công hoàn toàn: hai con gái có thể lực tốt, lanh lẹ và ưa thích thể dục thể thao, đó là thành tích tốt đẹp nhất của một người đàn bà thông minh tuyệt vời và giầu độ lượng.

*

*   *

Chẳng phải không e dè mà tôi cố nêu lên ở đây những nguyên tắc chỉ đạo của mẹ tôi trong những bước đầu giáo dục chúng tôi. Nó có thể làm cho ta nghĩ đến một con người có phương pháp hơi cứng đờ vì định kiến. Sự thật thì khác. Người mẹ muốn cho chúng tôi cứng cỏi, vững vàng trước những đau thương, chính lại quá dịu dàng, quá tế nhị, quá nhậy cảm với đau khổ, Ma-ri thường luyện cho chúng tôi không có những tình cảm vuốt ve mềm yếu, thế nhưng bản thân bà có lẽ lại muốn hai con gái tỏ ra âu yếm, trìu mến mẹ nhiều hơn. Ma-ri chỉ không thấy điều đó mà thôi. Sau hết, người mẹ cứ muốn chúng tôi dày dạn hơn về tình cảm thường lại buồn rầu nét mặt trước mỗi dấu hiệu thờ ơ lạnh nhạt.

Không bao giờ bà muốn thử thách cái tính “dày dạn về tình cảm” của chúng tôi. Từ cái cốc đầu không tội vạ đến bắt “đứng xó” hoặc cắt món tráng miệng, những hình phạt thông thường đó chúng tôi đều không biết. Và cả những câu quát mắng, những lúc dằn vặt. Dù vui hay buồn, mẹ chúng tôi không khi nào cho phép được sẵng giọng. Một hôm I-ren tỏ vẻ hỗn, mẹ tôi muốn phạt để làm gương, nên quyết định không nói chuyện với I-ren trong hai ngày. Những ngày giờ ấy, đối với I-ren và mẹ tôi là những thử thách căng thẳng, nhưng người bị trừng phạt lại chính là Ma-ri. Tâm tư bối rối, bà đi đi, lại lại thiểu não, thảm hại trong gian nhà lặng ngắt, bà đau khổ hơn con gái.

Dạo ấy hai chị em tôi như nhiều đứa trẻ khác chỉ biết có mình và ít để tâm đến những biểu hiện tế nhị của tình cảm. Nhưng chúng tôi đều nhận thấy sức quyến rũ, lòng âu yếm thầm lặng và cái duyên dáng kín đáo ở con người mà ngay từ dòng đầu những bức thư vấy mực của chúng tôi, những bức thư ngây ngô mà mẹ chúng tôi buộc bằng dây lụa của hộp kẹo cũ, và giữ cho đến lúc chết, chúng tôi thường gọi mẹ là “Mẹ thân mến”, “Mẹ yêu quý” hoặc “Mẹ dịu hiền”.

Không bao giờ Ma-ri Qui-ri tìm cách làm cho chúng tôi tự hào về nghề nghiệp của bà, về vinh quang của bà. Làm sao bà có thể nghĩ ra điều đó, trong khi bản thân bà lúc nào cũng rụt rè, nhẫn nhục, khép nép trước sự

nghiệp kỳ diệu của mình?

Ma-ri viết cho cháu gái Ha-na, ngày 6 tháng giêng 1913:

"*Cháu viết thư cho dì nói rằng cháu ước sao được sống trước đây một thế kỷ, I-ren thì nhất nhất nói rằng muốn sống về sau này trong những thế kỷ sắp tới. Dì nghĩ rằng, thời nào ta cũng có thể sống một cuộc sống có ý nghĩa và bổ ích. Cái cần là không nên làm hỏng đời mình và có thể tự nói rằng: "Tôi đã làm việc hết sức mình". Không ai có thể đòi hỏi hơn ở chúng ta, và đó cũng là điều duy nhất có thể mang lại cho ta một chút hạnh phúc.*

Xuân năm ngoái, các em cháu có nuôi tằm. Dì bây giờ còn rất ốm yếu, và trong hàng tuần lễ buộc lòng phải nghỉ ngơi, dì xem rất lâu cách tằm kéo kén. Thật vô cùng hấp dẫn. Những con sâu rất hoạt bát, cần mẫn ấy làm việc rất chăm chỉ, kiên trì đã làm cho dì cảm kích thật sự. Nhìn ngắm chúng sao mà cảm thấy mình cùng loại với chúng như vậy. Tuy rằng có lẽ không được tổ chức khéo bằng chúng để lao động. Dì cũng vậy, lúc nào cũng hướng tới một mục đích duy nhất. Dì làm như thế mà không hề dám quả quyết rằng đó là chân lý và biết rằng cuộc đời ngắn ngủi và mỏng manh, trôi qua không để lại cái gì, và sẽ được lớp người đến sau quan niệm hoàn toàn khác. Dì làm thế nào có lẽ do một cái gì đó thúc đẩy cũng như con tằm phải làm cái kén. Con sâu đáng thương này phải khởi đầu kết kén dù cho không thể nào xong, nó vẫn làm việc chăm chú như thế. Và nếu không xong công việc đến cùng thì nó chết chẳng được biến dạng".

CHƯƠNG XX

THÀNH CÔNG – THỬ THÁCH

Cứ mỗi buổi sáng, ở phố Qui-vi-ê, có một phụ nữ trông còn trẻ bước vào phòng nghiên cứu lấy ở mắc chiếc áo choàng vải thô mặc ra ngoài áo dài đen của mình và bắt đầu làm việc. Đó là một nhà vật lý nước da xanh lướt, người rất mảnh dẻ, mặt hơi sạm, mái tóc hung ngả màu tro.

Chính cái thời kỳ buồn tẻ này của đời mình, vẻ đẹp của bà mới đạt đến mức tuyệt mỹ. Người ta thường nói rằng, càng thêm tuổi đời, con người càng đạt tới khuôn mặt đúng nhất của mình. Đối với Ma-ri Qui-ri quả không sai chút nào. Nếu cô bé Ma-ri chỉ mới là "xinh xắn", nếu cô nữ sinh và người vợ trẻ rất duyên dáng đậm đà, thì nhà nữ bác học chín chắn, trầm lặng sầu cảm, có một vẻ đẹp lạ kỳ. Đời sống tinh thần làm khuôn mặt Xla-vơ trông càng rạng rỡ. Ma-ri không cần tô điểm bề ngoài như vẻ tươi tắn, trẻ trung. Những trang sức cao quý của con người đã ngoài bốn mươi tuổi đó là vẻ cương nghị, man mác buồn và thân hình ngày càng mảnh dẻ. Ma-ri Qui-ri sẽ giữ trong nhiều năm trước mắt I-ren và E-vơ hình dáng lý tưởng đó.

Là giáo sư, là nhà nghiên cứu và phụ trách một phòng thí nghiệm, Ma-ri vẫn làm việc với một cường độ phi thường. Bà vẫn dạy học ở Xe-vrơ. Ở Xoóc-bon bà được bổ nhiệm "giáo sư thực thụ" từ 1908 – dạy lớp đầu tiên, lúc này là lớp duy nhất về phóng xạ trên thế giới – phải cố gắng như thế nào. Bà muốn vượt lên bằng những bậc thầy mà xưa kia hồi còn là sinh viên Ma-ri hết sức khâm phục.

Năm 1910 Ma-ri cho xuất bản một pho sách về sự phóng xạ gồm các bài giảng của mình. Chín trăm bảy mươi mốt trang sách chỉ đủ để tóm tắt những hiểu biết đã đạt trong lĩnh vực này kể từ khi mới ngày nào Pi-e và Ma-ri Qui-ri báo tin đã khám phá ra chất Ra-đi.

Ảnh của tác giả không để ở đầu sách. Đối diện với đầu đề Ma-ri để ảnh của chồng. Hai năm trước đây, năm 1908, cũng cái ảnh đó đã in trong một quyển sáu trăm trang "*Những công trình nghiên cứu của Pi-e Qui-ri*" do Ma-ri biên soạn và giới thiệu.

ù

Học trò của bà Qui-ri tăng lên rất đông. Họ nhập vào đội ngũ những

phụ tá của trường Đại học cùng với một vài người tự nguyện đến giúp việc không lương. Mô-rít Qui-ri, con của Giắc Qui-ri cũng bắt đầu sự nghiệp khoa học của anh ở đây. Ma-ri tự hào về năng khiếu và thành tích của đứa cháu mà bà yêu quý như con đẻ.

Lúc này Ma-ri đang tiến hành tốt đẹp một chương trình nghiên cứu mới, tuy sức khỏe cứ sút kém dần.

Tinh khiết nhiều đề-xi-gam Ra-đi clo-rua và xác định một lần thứ hai trọng lượng nguyên tử của Ra-đi. Rồi tìm cách tách riêng kim loại này. Trước đây mỗi lần chế biến ra Ra-đi gọi là "nguyên chất" thì đó mới là những muối Ra-đi (clo-rua hoặc brô-mua), dạng ổn định duy nhất của nó. Nay Ma-ri Qui-ri và Ăng-đrê Đờ-biếc-nơ có thể cô lập ngay thứ kim loại này, không để những yếu tố khí quyển làm nó biến chất. Đó là một công việc tinh vi bậc nhất trong khoa học.

Ăng-đrê Đờ-biếc-nơ, một cộng sự lâu năm và cũng là một nhà bác học ưu tú giúp bà Qui-ri nghiên cứu sự phát quang của Pô-lô-ni. Ma-ri lại còn tìm ra một phương pháp định lượng Ra-đi bằng cách đo khí tỏa của nó.

Khoa chữa bệnh theo phương pháp Qui-ri phát triển, nhiều nơi trên thế giới đòi hỏi có thể phân chia chất quý báu này ra những lượng rất nhỏ và đo lường thật chính xác. Đến một phần nghìn mi-li-gam, cái cân không còn tác dụng nữa. Ma-ri nghĩ ra cách "cân" những chất phóng xạ bằng những tia do chúng tỏa ra. Bà đã hoàn chỉnh kỹ thuật khó khăn này và thành lập ngay trong phòng thí nghiệm "một bộ phận đo lường" để các nhà bác học, thầy thuốc, và cả người thường, có thể đến kiểm tra các chất có hoạt tính và xác định tỷ lệ Ra-đi của chúng.

Cùng với "Bảng phân loại các chất phóng xạ" và "Bảng hằng số phóng xạ", mẫu chuẩn quốc tế đầu tiên về Ra-đi được quy định. Cái ống nghiệm nhỏ bằng thủy tinh, mà Ma-ri cảm động tự tay hàn kín, chứa đựng 21 mi-li-gam Ra-đi clo-rua nguyên chất sẽ dùng để làm mẫu cho các ống chuẩn sau này rải rác khắp năm châu và được trịnh trọng đặt trong gương trong phòng Đo lường ở Xe-vrơ gần Pa-ri.

*

*   *

Sau vinh quang của chung Pi-e và Ma-ri Qui-ri, bây giờ đến lượt danh tiếng riêng của bà Qui-ri nổi lên và lan rộng.

Bằng tiến sĩ danh dự, bằng thông tín viên các viện Hàn lâm ở các nước, để chật các ngăn kéo trong nhà. Ma-ri cũng chẳng nghĩ đến trưng bày lên, hoặc lập danh sách nữa.

Nước Pháp chỉ có hai cách suy tôn các bậc vĩ nhân của mình hồi còn sinh thời, là tặng Bắc đẩu bội tinh và đưa vào Viện Hàn lâm. Năm 1910, tặng Bắc đẩu bội tinh cho bà Qui-ri, nhớ lại thái độ của Pi-e trước kia, Ma-ri không nhận.

Tiếc rằng sau đó vài tháng, khi các đồng nghiệp quá nhiệt tình, cứ khuyên bà ứng cử vào Viện Hàn lâm khoa học, bà chẳng biết từ chối như thế nào. Ma-ri quên rồi hay sao lần bỏ phiếu tủi nhục mà Pi-e trước đây đã phải chịu? Hay là không biết cái màng lưới ghen tị đang chăng quanh mình?

Đúng thế Ma-ri không biết. Hơn nữa, vốn chất phác, người phụ nữ Ba Lan đó sợ tỏ ra hiếu kỳ, bạc bẽo, nếu từ chối vinh dự khoa học cao quý mà theo như bà nghĩ, quê hương thứ hai tặng cho mình.

Ra tranh cử với Ma-ri Qui-ri là Ê-đu-a Brăng-li[46], một nhà vật lý học lỗi lạc và một người theo đạo Thiên chúa có tên tuổi. Giữa hai phe Qui-ri và Brăng-li, phe tự do tư tưởng và phe đạo giáo, giữa những người theo và chống cái ý nghĩ mới mẻ, kỳ quặc là nhận phụ nữ vào Viện Hàn lâm, cuộc chiến đấu nổ ra trên khắp các mặt.

Kinh hoảng, bất lực, Ma-ri chứng kiến những cuộc bút chiến mà mình không lường trước. Những nhà bác học nổi tiếng nhất như Hăng-ri Poang-ca-rô, bác sĩ Ru, E-min Pi-ca, các giáo sư Líp-man, Bu-ri và Đác-bu đứng ra vận động cho bà nhưng phe bên kia chống trả rất mạnh.

"*Đàn bà không được vào Viện Hàn lâm*". A-ma-ga, cách đây tám năm đã may mắn thắng phiếu Pi-e Qui-ri, nay lại lên giọng đạo mạo. Có những kẻ rỗi hơi khăng khăng với phe đạo giáo rằng Ma-ri là người Do Thái, hoặc quả quyết với phe tự do tư tưởng là bà theo đạo Thiên chúa. Đến ngày bỏ phiếu 23 tháng giêng 1911 khai mạc buổi họp, chủ tịch gọi bảo các thừa phái:

– Cho tất cả mọi người vào, trừ đàn bà!

Một cụ Hàn lâm mắt kém, gần như không nhìn thấy gì, đứng về phe bà Qui-ri, than phiền suýt nữa bầu trái với ý mình vì người ta nhét vào tay cụ một phiếu giả.

Bốn giờ chiều, các phóng viên nhà báo tinh thần căng thẳng cực độ vội chạy đi thảo những tin tức "thắng" hay "bại".

Ma-ri Qui-ri thiếu một phiếu nên thua cuộc.

Ở phố Qui-vi-ê, anh em phụ tá và anh lao công, còn sốt ruột ngóng kết quả bỏ phiếu hơn cả người ứng cử. Họ đinh ninh rằng Ma-ri sẽ thắng, nên từ sáng đã mua một bó hoa to để sẵn dưới gầm chiếc bàn cân đo. Được tin bà Qui-ri không trúng cử, họ thất vọng thờ thẫn. Anh thợ máy Lu-i Na-gô, hậm hực, cất biến ngay bó hoa đã thành vô dụng. Ai nấy im lặng, chuẩn bị những lời an ủi. Nhưng rồi họ nào có dịp nói ra, Ma-ri, từ trong phòng nhỏ vẫn làm việc, bước ra. Bà không nói một lời nào về cái thất bại không hề làm cho bà ngao ngán.

Trong lịch sử của gia đình Qui-ri, hình như nước ngoài luôn luôn sửa chữa những đối xử của nước Pháp. Tháng chạp năm 1911 ấy, Hàn lâm viện khoa học Xtốc-khôm (muốn biểu dương những công trình chói lọi do bà Qui-ri làm được từ khi chồng chết) lại tặng bà giải thưởng Nô-ben về hóa học. Đây là trường hợp duy nhất một người hai lần được giải Nô-ben như thế.

Cùng sang Thụy Điển với Ma-ri, có Brô-ni-a và cả I-ren. Cô bé được dự buổi trao giải thưởng long trọng. Hai mươi bốn năm sau, cũng trong phòng này sẽ đến lượt I-ren nhận giải Nô-ben về hóa học. (Đó là năm 1935, một năm sau khi Ma-ri Qui-ri mất – ND)

Ngoài những cuộc đón tiếp thường lệ và bữa tiệc ở Hoàng cung, nhân dân Thụy Điển còn tổ chức hội mừng nhà nữ bác học vừa được giải. Ma-ri sẽ giữ mãi kỷ niệm rất đẹp và thú vị về một tối vui ở thôn quê; hàng trăm cô gái quần áo sặc sỡ, đội trên đầu những vòng nến đang cháy, ánh nến lung linh theo điệu múa nhịp nhàng.

Nói chuyện trước công chúng Thụy Điển, Ma-ri tặng lại cho Pi-e sự ngưỡng mộ mà người ta dành cho bà:

"*Tôi xin nhắc lại rằng sự khám phá ra Ra-đi và Pô-lô-ni đều có đóng góp của Pi-e. Trong lĩnh vực phóng xạ, Pi-e Qui-ri còn có những công trình nghiên cứu căn bản, hoặc làm riêng, hoặc cùng làm với tôi, hoặc làm chung với học trò của ông.*

Việc tách riêng chất Ra-đi dưới dạng muối tinh khiết và khẳng định được chất ấy là một chất mới đặc biệt do tôi làm, nhưng cũng gắn liền với sự nghiệp chung. Vinh dự cao quý mà tôi được nhận hôm nay, bắt nguồn từ sự

nghiệp chung đó và có thể coi như một sự tôn kính đối với hương hồn người đã khuất".

*

*   *

Với một khám phá lừng danh khắp năm châu và hai giải Nô-ben, Ma-ri được rất nhiều người khâm phục nhưng cũng bị lắm kẻ ghen ghét.

Một chiến dịch lăng mạ điên đảo nổ ra giữa Pa-ri như muốn vùi dập người quả phụ 44 tuổi đã yếu đuối kiệt sức vì một công việc quá nặng nề.

Nghiên cứu khoa học thời đó còn là công việc của đàn ông. Đương nhiên những người bạn thân nhất của Ma-ri, những người mà bà có thể trao đổi suy nghĩ, thổ lộ tâm sự phần lớn là nam giới. Và trong quan hệ bạn bè và đồng nghiệp này, bà thường có một ảnh hưởng sâu sắc, nhất là đối với một nhà bác học lớn đương thời. Thế là đủ cho thiên hạ gièm pha, dị nghị. Một nữ bác học suốt đời chỉ biết làm việc, một tấm lòng đoan trang, nghiêm túc, và mấy năm lại đây, còn rất đáng thương lại bị vu khống là làm tan nát nhiều gia đình và bôi nhọ một thanh danh quá chói lọi.

Thời gian đã trả lời và phê phán những người đã khởi xướng ra cuộc công kích này. Nhưng hồi đó bao lần Ma-ri phải chống đỡ tuyệt vọng và vụng về bi thảm. Về những bài báo đương thời có tính chất lăng mạ, những bức thư nặc danh, đe dọa hành hung và có nguy cơ đến tính mạng.

Ma-ri bị xô đẩy đến chỗ suýt thì hóa điên, hóa dại, và thế lực như suy kiệt, cuối cùng, bà đã bị một bệnh hiểm nghèo đánh gục.

Chỉ cần nhắc lại ở đây, một việc ít tai hại nhất nhưng cũng đê tiện nhất, luôn luôn đả kích vào bà Qui-ri trên suốt con đường bà đi. Cứ mỗi khi có cơ hội hạ thấp con người duy nhất ấy – như trong những ngày đau khổ 1911 – hoặc khước từ không cho bà một chức vị, một phần thưởng hay một danh vọng, thí dụ vào Viện Hàn lâm, thì người ta lại lôi cái nguồn gốc của bà ra gièm pha hèn mạt. Hết vu khống là người Nga, người Đức lại bị chê trách là người Do Thái, người Ba Lan, và tóm lại là "*một mụ nước ngoài*" đến Pa-ri để chiếm đoạt, giành giật địa vị lạm quyền. Nhưng mỗi khi có tài năng của Ma-ri Qui-ri, khoa học được đưa lên đài danh vọng, mỗi khi các nước khác ca ngợi biểu dương, tặng bà những danh vị, suy tôn chưa hề thấy từ trước, thì bỗng nhiên mấy tờ báo ấy, ngòi bút ấy lại không ngớt lời tâng bốc "*nữ sứ giả của nước Pháp, đại diện tiêu biểu nhất cho tinh hoa của chủng tộc ta và vinh*

quang của đất nước". Và lúc đó người ta cố tình quên nguồn gốc Ba Lan mà bà rất tự hào cùng với một sự bất công như trước đó, nó bị đả kích.

Xưa nay vẫn thế, các vĩ nhân vẫn bị bao kẻ bới lông tìm vết, chúng hằn học chỉ muốn khám phá được dưới cốt cách của thiên tài những dấu hiệu không hoàn mỹ. Giá không có danh vọng, không bị cái nam châm đáng sợ đó thu hút về mình nhiều người yêu những cũng lắm kẻ ghét, thì có lẽ Ma-ri Qui-ri đã chẳng bao giờ bị đặt điều vu khống. Giờ đây, bà lại thêm một lý do nữa để thù ghét vinh quang.

*

*   *

Trong hoạn nạn ta mới thấy rõ bạn của mình. Hàng trăm lá thư của những người có danh tiếng hoặc không tên tuổi gửi đến Ma-ri Qui-ri tỏ lòng xúc động và công phẫn trước những thử thách mà bà phải chịu đựng. Bạn bè như Ăng-đrê Đờ-biếc-nơ, và những trợ lý, sinh viên của Ma-ri, đều lên tiếng bênh vực bà.

Nhiều giáo sư đại học, chỉ hơi quen biết Ma-ri cũng giúp đỡ động viên bà. Hai vợ chồng nhà toán học E-min Bô-ren rất ân cần, săn sóc, muốn khôi phục lại sức khỏe cho Ma-ri đã mời bà sang nước Ý để tĩnh dưỡng.

Cùng với anh ruột là Dô-dếp, hai chị là Brô-ni-a và Hê-la từ Ba Lan sang Pháp, thời gian này Ma-ri còn có một người bênh vực kiên trì là Giắc Qui-ri, anh của Pi-e.

Tình đùm bọc yêu thương đó là một nguồn an ủi lớn về tinh thần. Nhưng sự suy nhược về thể lực vẫn ngày càng nghiêm trọng. Thấy mình không còn đủ sức để hàng ngày từ Xô đến trường, Ma-ri thuê một gian nhà bến Bê-tuyn số 36 định sang Giêng 1912 sẽ dọn. Nhưng rồi cũng không kịp chờ đến ngày đó, hôm 29 tháng Chạp 1911, Ma-ri ốm nặng tưởng chết, phải cáng đến một nhà an dưỡng. Sau hai tháng trời đánh vật với bệnh hoạn, bà đã thắng, nhưng thận bị tổn thương nặng cần phải mổ. Lúc này Ma-ri chỉ còn là một cái xác xanh nhợt, không còn một hạt máu và là nơi tập trung tất cả mọi đau đớn. Phải hoãn việc giải phẫu đến tháng ba, vì cuối tháng hai, bà còn muốn đi dự một hội nghị vật lý.

Một nhà giải phẫu nổi tiếng thời đó đã mổ và săn sóc cho Ma-ri một cách tuyệt diệu. Tuy nhiên, thể lực của người bệnh cũng bị ảnh hưởng lâu dài. Ma-ri gầy rạc đi và không đủ sức đứng vững nữa. Những cơn sốt và

những cơn đau thận mà Ma-ri chịu đựng không một tiếng rên la, giá ở bất cứ người đàn bà nào khác thì chỉ còn sống một đời tàn phế vô dụng.

Giờ đây, Ma-ri bị những đau đớn về thể xác, và sự tồi tệ của những kẻ độc địa săn đuổi như một con thú dồn vào bước đường cùng. Brô-ni-a phải thuê cho em gái ốm yếu một căn nhà gần Pa-ri, đứng tên mình để Ma-ri đến tĩnh dưỡng ít lâu, rồi lại đến ở Tô-nông, tiếp tục điều trị trong nhiều tuần lễ buồn tẻ. Hè đến, bà bạn Ay-tơn lại mời Ma-ri và hai con gái đến một biệt thự tĩnh mịch ở bờ biển nước Anh. Ở đây Ma-ri đã được chăm sóc tận tình chu đáo.

*

*   *

Giữa những ngày buồn nản đó một đề nghị làm Ma-ri vô cùng cảm động.

Sau cuộc cách mạng 1905, chế độ Sa hoàng bị lung lay tận gốc, đã phải có một vài nhượng bộ đối với tự do tư tưởng ở Nga. Ở Vác-xô-vi, cuộc sống cũng bớt khắc nghiệt. Từ năm 1911 đã có một hội khoa học hoạt động khá tích cực và tương đối độc lập, hội này đã bầu Ma-ri là "hội viên danh dự". Mấy tháng sau giới trí thức Ba Lan quyết định xây dựng một Viện thí nghiệm phóng xạ ở Vác-xô-vi, mời Ma-ri về phụ trách đồng thời đón hẳn về quê hương mình nhà nữ bác học đầu tiên trên thế giới.

Tháng năm 1912, một phái đoàn gồm các giáo sư Ba Lan đến thăm Ma-ri. Nhà văn Hen-rích Xi-en-ki-e-vích[47] (*Henryk Sienkiewicz*-NS), người nổi tiếng và được nhân dân ưa thích nhất ở Ba Lan, đã kêu gọi nhà nữ bác học với những lời lẽ vừa thống thiết vừa trân trọng:

"*Rất mong bà đoái hoài, chuyển hoạt động khoa học rạng rỡ của bà về Tổ quốc và thủ đô ta. Hẳn bà cũng biết vì đâu trong thời gian vừa qua nền văn hóa và khoa học của nước Ba Lan chúng ta bị suy đồi. Chúng ta đang mất lòng tin vào những khả năng trí tuệ của mình. Chúng ta bị kẻ thù coi khinh và không còn hy vọng gì vào tương lai nữa.*

... Cả đất nước khâm phục bà, nhưng cũng mong bà trở về làm việc ở thành phố quê hương. Đó là lòng tha thiết của cả dân tộc. Nếu có bà ở Vác-xô-vi, anh em chúng tôi sẽ thấy có thêm sức mạnh, sẽ có thể ngẩng đầu, trước đây phải cúi đầu dưới gánh nặng của bao gian truân khổ cực".

Đây quả là một dịp để rời bỏ nước Pháp một cách vẻ vang và khỏi phải chịu những lời vu khống tàn ác. Nhưng Ma-ri không hề nghe theo sự hằn học. Bà thẳng thắn suy nghĩ về nhiệm vụ của mình. Ý nghĩ trở về Tổ quốc vừa quyến rũ vừa làm bà lo ngại. Giờ đây đã có quyết định xây dựng cái phòng thí nghiệm mà ông bà Qui-ri hằng mong muốn bấy lâu. Rời bỏ Pa-ri lúc này có nghĩa là làm tiêu tan cái hy vọng, hủy diệt một ước mơ to lớn. Ma-ri bị xâu xé giữa hai sứ mệnh không thể dung hòa. Bà đã đau khổ biết chừng nào khi phải viết một bức thư chối từ gửi về Vác-xô-vi! Tuy nhiên, Ma-ri cũng nhận điều khiển từ phương xa, phòng thí nghiệm mới thành lập mà bà đặt dưới sự trông nom thực tế của hai người giúp việc khá nhất của mình là hai nhà bác học Ba Lan.

Năm 1913, mặc dầu còn đang ốm yếu, Ma-ri đến Vác-xô-vi dự lễ khánh thành phòng nghiên cứu phóng xạ. Cả nước Ba Lan sôi nổi đón tiếp người con ưu tú của mình. Lần đầu tiên trong đời Ma-ri đã làm một cuộc thuyết trình khoa học bằng tiếng mẹ đẻ trong một gian phòng đông nghịt. Bà viết cho một đồng nghiệp:

"*Tôi muốn trước khi đi cố gắng cống hiến nhiều nhất. Thứ ba vừa qua, tôi đã có một buổi thuyết trình trước công chúng. Tôi cũng dự và sẽ còn dự nhiều buổi họp. Đâu đâu tôi cũng gặp rất nhiều tài năng cần phát huy. Đất nước đau thương này bị tàn phá vì một sự thống trị man rợ và vô lý quá đã cố gắng nhiều để bảo vệ đời sống tâm hồn và trí tuệ của mình. Sự áp bức rồi đây sẽ bị đẩy lùi và phải kiên trì đến lúc đó*".

Có một cuộc đón tiếp tổ chức ở Bảo tàng Công-Nông nghiệp ở chính ngôi nhà mà hai mươi năm trước đây Ma-ri đã làm những thí nghiệm đầu tiên về vật lý. Ngày hôm sau, phụ nữ Ba Lan chiêu đãi. Trong hàng ngũ khách dự tiệc, có bà cụ rất già, tóc bạc phơ, cứ chăm chăm nhìn Ma-ri một cách say sưa. Đó là bà cụ Xi-coóc-xca, giám đốc ký túc xá mà xưa kia cô gái Ma-ri nhỏ bé với bộ tóc hung vẫn lui tới. Nhìn thấy cụ, Ma-ri lách mình giữa những bàn đầy hoa, đến ôm hôn cụ thắm thiết, làm cụ cảm động nước mắt cứ ròng ròng.

*

*   *

Sức khỏe của Ma-ri đã khá. Hè 1913, có một cuộc đi chơi ngắm cảnh lý thú. Vai đeo ba lô, Ma-ri đã đi bộ thăm vùng Ang-ga-din cùng với hai con gái, bà gia sư, và nhà bác học An-be Anh-xtan[48] (*Albert Eistein-NS*) và

con trai ông.

Một tình bạn đẹp đẽ đã nẩy nở giữa Ma-ri Qui-ri và nhà bác học Đức. Giữa "hai thiên tài", từ mấy năm nay, thẳng thắn và chân thành, họ mến phục nhau, họ thích bàn luận về vật lý lý thuyết, lúc thì nói tiếng Pháp, lúc thì nói tiếng Đức, kéo dài mãi không dứt.

Mấy đứa trẻ nô đùa, nhảy nhót ở phía trước. Ở đằng sau Anh-xtan thao thao bất tuyệt, say sưa trình bày những lý thuyết ông hằng ấp ủ, mà chỉ có Ma-ri với kiến thức đặc biệt về toán mới hiểu nổi.

I-ren và E-vơ thỉnh thoảng nghe lõm bõm vài câu có vẻ lạ lùng đối với chúng. Nhà vật lý người Đức đang đăm chiêu đi dọc theo những vực đá, trèo lên những mỏm cao dựng đứng. Bỗng ông dừng lại, nắm cánh tay Ma-ri và nói:

– Bà hiểu không, điều mà tôi muốn biết là cái gì sẽ xảy ra với những người đi thang máy, khi cái thang này rơi trong khoảng không.

Một sự quan tâm cảm động như vậy làm cho lũ trẻ bật cười. Chúng nào có ngờ đâu cái thang máy rơi tưởng tượng ấy đặt ra những vấn đề siêu lý về thuyết "tương đối"!

Sau những ngày hè ngắn ngủi ấy, Ma-ri sang Anh rồi sang Bỉ, dự những buổi họp trọng thể về khoa học. Ở thành phố Bớc-minh-gam ở Anh, bà lại được tặng tiến sĩ danh dự. Lần này Ma-ri đã vui vẻ chịu đựng cuộc thử thách và kể lại cho I-ren nghe với nhiều hình ảnh bay bướm:

– Người ta đã cho mẹ mặc một cái áo đỏ viền xanh rất đẹp, với những người bạn cùng thuyền, nghĩa là những nhà bác học cũng nhận được học vị tiến sĩ. Mỗi người nghe một lời giới thiệu ngắn ca ngợi công cán của mình. Sau đó ông hiệu trưởng trường Đại học khoa học tuyên bố tặng học vị cho từng người. Rồi tất cả đứng lên bục, sau đó đi diễu với tất cả giáo sư và tiến sĩ ở trường Đại học này, ăn mặc cũng gần như mẹ. Kể cũng vui. Mẹ phải trịnh trọng hứa tôn trọng luật lệ và thủ tục của trường Đại học Bớc-minh-gam đấy!...

Cuộc đời của Ma-ri Qui-ri đến đây đã đạt tới đỉnh cao của danh vọng, cơn bão táp đã qua từ hai năm nay, viện Ra-đi-om ở phố Pi-e Qui-ri đã khởi công xây dựng.

Không phải ngẫu nhiên mà được như thế. Ngay sau khi Pi-e Qui-ri mất, chính phủ Pháp có đề nghị với Ma-ri mở một cuộc lạc quyên toàn quốc

để xây dựng phòng thí nghiệm. Bà đã từ chối không muốn cho ai làm tiền trên cái chết của Pi-e. Các nhà chức trách lại đâm ì ra. Nhưng đến năm 1909, bác sĩ Ru là giám đốc Viện Pát-xtơ có ý kiến xây dựng một phòng thí nghiệm cho bà Qui-ri. Như thế bà sẽ rời bỏ trường Xoóc-bon để trở thành một ngôi sao của viện Pát-xtơ.

Những người đứng đầu trường Đại học khoa học bỗng giật mình. Để bà Qui-ri đi nơi khác ư? Không thể được! Thế nào cũng phải giữ nhà bác học xuất chúng này.

Cuộc tranh chấp chỉ chấm dứt sau khi bác sĩ Ru và phó chủ nhiệm Li-a thay mặt cho Viện Pát-xtơ và trường Đại học khoa học thỏa thuận mỗi bên sẽ chi 400.000 phơ-răng vàng để cùng xây dựng Viện Ra-đi-om. Viện này gồm có hai phần: một phòng thí nghiệm phóng xạ, đặt dưới sự điều khiển của Ma-ri Qui-ri, một phòng thí nghiệm nghiên cứu sinh vật học và chữa bệnh bằng Ra-đi do giáo sư Clốt Rơ-gô (*Claude Regaud-NS*), một nhà bác học và thầy thuốc lỗi lạc phụ trách để tổ chức việc nghiên cứu về ung thư. Hai cơ cấu đó làm việc song song và phối hợp với nhau để phát triển khoa học về Ra-di.

Thế là, Ma-ri lại tất tả từ phố Qui-vi-ê đến công trường kiến trúc, hết vẽ bản đồ lại bàn bạc với kiến trúc sư. Người phụ nữ tóc đã hoa râm ấy có những ý kiến rất mới, rất "hiện đại". Bà muốn xây dựng một phòng thí nghiệm có thể vẫn dùng được trong 30 năm, 50 năm, khi bà không còn nữa. Ma-ri khăng khăng yêu cầu các phòng nghiên cứu phải rộng rãi, sáng sủa, cửa sổ thật to cho ánh sáng lùa vào. Và dù tốn kém, dù có cho những kỹ sư chịu trách nhiệm xây dựng công phản đi nữa thì cũng cần phải có cả thang máy…

Vốn tâm hồn nông dân, Ma-ri chú ý hơn cả đến khu vườn mà bà say sưa thiết kế bất chấp lý lẽ xác đáng của những người muốn "tiết kiệm chỗ", bà gay gắt giành giật từng thước đất cách quãng các tòa nhà. Bà sành sỏi chọn từng cây ươm, chính mắt trông coi việc trồng trọt mà bà cho tiến hành ngay trước khi xây các móng nhà. Ma-ri tâm sự với những người cộng tác:

"*Trồng mấy cây này ngay từ bây giờ là lợi được hai năm. Khi phòng thí nghiệm dựng xong, cây cũng đã mọc cao, nở hoa tươi tốt. Nhưng phải kín đấy nhé! Ta chưa nói gì cho lão Nê-nô biết đâu!*" (Nê-nô là kiến trúc sư phụ trách xây dựng- ND).

Và một ánh lửa trẻ trung, hóm hỉnh thoáng nhóm trên khóe mắt màu tro.

Ma-ri tự tay trồng những khóm tầm xuân, đắp đất vào gốc cây ngay bên những tường đang làm dở. Mỗi ngày Ma-ri tưới cho cây. Và mỗi khi bà đứng dậy ngắm nghía, người ta tưởng bà đang rình đón những tường gạch vô tri thi nhau mọc lên với mấy khóm cây xanh tốt.

Thời gian đó, bà vẫn không ngừng làm việc ở phố Qui-vi-ê. Một buổi bác Pơ-ti, trước là lao công ở phòng thí nghiệm, đến gặp bà ở đây, không nén được xúc động: ngay ở trường Vật lý, cũng đang xây dựng thêm phòng làm việc và cả giảng đường. Và cái lán mục nát tang thương của Pi-e và Ma-ri, giờ đây sắp sụp đổ dưới cuốc của thợ phá dỡ.

Cùng người giúp việc âm thầm của mình trong những ngày đầu gian truân, sáng hôm đó, Ma-ri đến phố Lô-mông, thăm lại nơi làm việc xưa kia. Cái nhà xe vẫn còn đó, cái bảng đen mang bút tích của Pi-e được giữ nguyên. Hình như cửa sắp mở đây, và bóng dáng một người cao lớn quen thuộc sắp bước vào.

ù

Phố Lô-mông. Phố Qui-vi-ê. Phố Pi-ê Qui-ri. Ba địa chỉ, ba chặng đường. Hôm ấy, Ma-ri đã vô tình đi ngược lại đường đời đẹp đẽ và tàn ác của mình. Trước mặt bà tương lai đang vẽ ra sáng lạn. Ở phòng thí nghiệm sinh vật học vừa mới xây dựng xong, các trợ lý của bác sĩ Rơ-gô bắt đầu làm việc và buổi chiều ở các cửa sổ tòa nhà mới đã có ánh đèn. Vài tháng nữa, Ma-ri cũng sẽ rời bỏ lớp Lý-Hóa-Sinh và chuyển các dụng cụ thí nghiệm của mình sang phố Pi-e Qui-ri.

Thắng lợi đó đến với nhà nữ bác học khi bà không còn trẻ trung sung sức, và nhất là không còn hạnh phúc nữa. Nhưng điều đó có can chi, vì một lớp trẻ đang đứng quanh bà, có những người nghiên cứu đầy nhiệt tình, sẵn sàng chiến đấu bên cạnh Ma-ri cho sự nghiệp khoa học. Không! Chưa phải là đã quá muộn!

Tiếng hát và huýt sáo của anh em thợ lắp kính vang lên rộn ràng từ trên các tầng gạch ngôi nhà trắng tinh. Trên cổng vào đã hiện lên, khắc trên đá mấy chữ:

VIỆN RA-ĐI-OM

Khu Qui-ri

Trước những bức tường dày vững chắc, trước dòng chữ khắc làm phấn chấn lòng người, Ma-ri gợi lại những lời nói của Pát-xtơ[49]:

"*Nếu trái tim bạn rung động trước những sự chinh phục có ích cho loài người, nếu bạn phải sửng sốt cho những tác dụng kinh ngạc của những phát minh như vô tuyến điện, chụp ảnh trên màn bạc, gây mê trong phẫu thuật, cùng bao phát minh khác rất đáng khâm phục; nếu bạn tha thiết nâng niu phần đóng góp của đất nước mình vào bao kỳ công đó, – thì tôi khẩn khoản xin bạn quan tâm đến những ngôi nhà thiêng liêng mà người ta gọi bằng cái tên rất ý nghĩa là phòng thí nghiệm. Phải có thêm nhiều phòng thí nghiệm, và phải trang hoàng các phòng đó. Đây là những ngôi nhà sung túc. Ở đây, nhân loại sẽ học cách đọc tác phẩm của tạo hóa, tác phẩm của tiến bộ và của sự hòa hợp vũ trụ trong khi sản phẩm của mình phần nhiều chỉ có tính tàn bạo, cuồng tín và phá hoại*".

Tháng bảy rạng rỡ ấy, "ngôi đền của tương lai" ở phố Pi-e Qui-ri đã hoàn thành. Chỉ còn đợi những người làm việc và bà giám đốc.

Nhưng đó là tháng bảy năm 1914. Cuộc chiến tranh thế giới sắp bùng nổ.

CHƯƠNG XXI

CHIẾN TRANH

Hè năm ấy, Ma-ri thuê một nhà nghỉ mát ở xứ Brơ-ta-nhơ (*Brittany-NS*) cho hai con gái đến đây trước với một bà giáo và một chị nấu bếp. Mẹ chúng hứa sẽ đến sau vào ngày mồng ba tháng tám. Vì là cuối năm học, việc bận, nên Ma-ri phải ở lại Pa-ri. Bà đã quen sống một mình như thế; giữa những ngày hè nóng nực nhất, không có người giúp việc để đỡ đần đêm hôm. Cả ngày ở phòng thí nghiệm, tối mịt mới về, toàn khu nhà bà ở chỉ có một bà gác cổng trông coi có phần sơ sài.

Ma-ri viết thư cho các con gái ngày 1 tháng Tám 1914.

"*I-ren và E-vơ yêu dấu, tình hình có vẻ xấu đi, sắp có lệnh động viên, chả biết mẹ có đi được không. Hai con đừng lo sợ, phải bình tĩnh và can đảm. Nếu chiến tranh không bùng nổ, mẹ sẽ về thứ hai này. Bằng không mẹ sẽ ở lại đây và cho người về đón các con ngay khi nào có thể được, I-ren sẽ cùng mẹ tìm cách giúp ích nhé*".

Mồng 2 tháng Tám:

"*Hai con gái yêu dấu của mẹ, lệnh động viên đã ban hành. Quân Đức đã đột nhập vào nước Pháp không hề tuyên chiến. Trong một thời gian, việc đi lại sẽ không dễ dàng.*

Pa-ri vẫn bình tĩnh và gây ấn tượng tốt, mặc dầu cảnh chia ly buồn bã".

Mồng 6 tháng Tám:

"*I-ren yêu quý, mẹ cũng rất muốn đón các con về đây, nhưng lúc này chưa thể được. Các con hãy kiên nhẫn. Bọn Đức tràn qua nước Bỉ có tác chiến. Nước Bỉ nhỏ nhưng anh dũng không chịu để chúng vào mà không chống lại. Tất cả những người Pháp đều lạc quan và cho rằng cuộc chiến đấu tuy gay go nhưng sẽ xoay chiều tốt.*

Đất nước Ba Lan bị quân Đức chiếm đóng. Nơi nào chúng đã đi qua thì còn gì nữa! Mẹ cũng không được tin gì về bên nhà cả".

Chung quanh Ma-ri người đi gần hết. Từ những giáo sư đồng nghiệp đến các nhân viên phòng thí nghiệm, ai nấy đều đã nhập ngũ, ở lại chỉ còn

anh thợ máy Lu-i Ra-gô, vì yếu tim nên không trúng tuyển, và một người đàn bà giúp việc nhỏ bé, thấp lè tè. Lúc này Ma-ri không hề nghĩ rằng nước Pháp chỉ là quê hương thứ hai của mình. Và tuy là một người mẹ, bà cũng không có tư tưởng muốn về gần các con. Con người ốm yếu, mảnh khảnh ấy coi thường bệnh hoạn của mình. Và nhà nữ bác học tự nguyện gác công việc nghiên cứu riêng lại sau này, khi có điều kiện sẽ tiếp tục. Ma-ri chỉ còn một tha thiết phục vụ Tổ quốc thứ hai của mình. Trong cuộc thử thách mới, một lần nữa, bà đã tỏ ra sáng suốt nhạy cảm và luôn luôn chủ động.

Đóng của phòng thí nghiệm để trở thành một nữ cứu thương với chiếc voan trắng như nhiều phụ nữ Pháp dũng cảm, giải đáp dễ dàng đó, không tồn tại lâu trong ý nghĩ của Ma-ri. Sau khi tìm hiểu tổ chức của những cơ quan y tế, Ma-ri phát hiện ra một thiếu sót hình như không được ai quan tâm, nhưng lại rất đáng lo ngại: các bệnh viện ở hậu phương cũng như ở tiền tuyến hầu như thiếu hẳn trang bị về điện quang. Chúng ta biết rằng nhờ có quang tuyến X do Rơn-ghen[50] phát minh từ 1895, có thể không cần đến phẫu thuật vẫn thám thính được nội tạng con người, nhìn và chụp ảnh các xương cốt.

Năm 1914, ở Pháp chỉ có rất ít máy Rơn-ghen dùng trong y tế. Sau khi chiến tranh nổ ra, ngành quân y dự định thiết lập khoa này ở một vài thành phố lớn, được xét là xứng đáng với sự xa xỉ đó. Chỉ có thế. Một thiết bị mầu nhiệm cho phép phát hiện và xác định vị trí của viên đạn, mảnh bom nấp dưới vết thương, chẳng lẽ lại là một thứ xa xỉ hay sao?

Trước đó Ma-ri chưa hề đi vào nghiên cứu tia X; nhưng trong những giáo trình ở Xoóc-bon, mỗi năm Ma-ri cũng dành một số giờ giảng về tia X. Vận dụng những kiến thức khoa học của mình, Ma-ri nhìn trước vấn đề mà cuộc chém giết đẫm máu sẽ đặt ra: phải gấp rút lập nhiều, rất nhiều trạm điện quang.

Sau khi nhìn nhận tình thế, Ma-ri lao vào hành động. Chỉ sau vài giờ, bà đã lập xong danh sách những máy điện quang của các trường đại học kể cả chiếc máy riêng của mình. Rồi bà đi suốt một lượt đến các xưởng chế tạo loại máy ấy. Tất cả thiết bị về tia X có thể dùng được, Ma-ri đều thu thập lại rồi phân phối cho các bệnh viện trong khu vực thành phố Pa-ri.

Một số nhà bác học, kỹ sư, giáo sư biết sử dụng máy điện quang đều xung phong nhận việc. Nhưng làm thế nào cứu chữa kịp cho những thương binh được ùn ùn đưa đến? Những trạm y tế lưu động không có máy chiếu và chụp điện. Nhiều trạm còn thiếu cả điện để chạy máy. Với quỹ của Hội phụ

nữ Pháp, chiếc "xe điện quang" lưu động đầu tiên ra đời. Đó là một cái ô tô thường có lắp một thiết bị Rơn-ghen và một máy phát điện chạy bằng động cơ xe. Ngay từ tháng Tám 1914, cái trạm lưu động ấy đã đi khắp các bệnh viện khám cho những thương binh được chuyển về Pa-ri trong chiến dịch quận Mác-nơ.

*

*   *

Quân Đức tiến ồ ạt trên đất nước Pháp, Ma-ri phân vân. Về với hai con gái ở Brơ-ta-nhơ hay ở lại Pa-ri? Và nếu bị chiếm đóng, liệu bà có theo các cơ quan quân y về hậu phương không?

Ma-ri bình tĩnh cân nhắc và quyết định dù thế nào đi nữa, cũng cứ ở lại Pa-ri. Không phải chỉ để phục vụ thương binh, bà còn nghĩ đến phòng thí nghiệm, đến những dụng cụ chính xác đặt ở phố Qui-vi-ê, đến những cơ sở mới xây dựng ở phố Pi-e Qui-ri.

"*Nếu ta ở đây – Ma-ri nghĩ thầm – biết đâu bọn Đức không dám phá phách máy móc. Nhưng nếu ra đi, mọi thứ đều mất hết!*" Tuy nhiên đó vẫn không phải là động cơ chính. Nó vẫn chỉ nhằm bào chữa cho cái bản năng xưa vẫn dắt dẫn bà. Con người vốn bướng bỉnh, gan lì đó không ưa gì việc bỏ chạy. Đối với Ma-ri sợ hãi có nghĩa là phục vụ cho kẻ thù, không thể để cho quân địch nghênh ngang đắc chí đặt chân vào phòng thí nghiệm Qui-ri vắng ngắt.

Ma-ri gửi hai con gái đến chỗ bác chúng là Giắc Qui-ri và chuẩn bị tinh thần cho I-ren và E-vơ sẽ phải xa cách mẹ. Ma-ri viết thư cho I-ren và E-vơ ngày 28 tháng Tám năm 1914:

"*Pa-ri có thể bị bao vây, và do đó, mẹ con ta có thể bị cách biệt. Nếu việc đó xảy ra, các con hãy dũng cảm chịu đựng, vì những mong muốn cá nhân không nghĩa lý gì đối với vận mệnh của đất nước. Con phải nhận lấy trách nhiệm về em con, trông nom em, nếu mẹ con bị xa nhau lâu hơn mẹ dự đoán*".

29 tháng Tám:

"*I-ren yêu, mẹ thấy cần phải nói với con là phải sẵn sàng đối phó với tình huống... Pa-ri có xa gì biên giới, bọn Đức có thể tiến đến gần được lắm. Dù sao, chúng ta cũng phải tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của nước Pháp. Vì vậy con phải dũng cảm tin tưởng, và nhớ đến vai trò chị cả, đã đến*

lúc phải làm cho nghiêm túc đấy".

31 tháng Tám 1914:

"*Mẹ vừa nhận được bức thư âu yếm của con hôm thứ bảy, mẹ nhớ con quá, đến phát khóc lên.*

Tình hình không tốt lắm, ai cũng buồn rầu lo âu. Lúc này cần phải dũng cảm và mẹ mong rằng không ai thiếu dũng cảm. Phải tin chắc rằng, sau những ngày âm u, trời sẽ lại đẹp.

Với hy vọng đó, mẹ ôm hôn các con, các con yêu quý của mẹ".

Nếu Ma-ri điềm nhiên nhìn trước khả năng có thể phải sống trong thành phố Pa-ri bị bao vây, bị ném bom, thậm chí bị chiếm đóng, thì có một vật quý mà bà muốn bảo vệ, không để lọt vào tay bọn xâm lăng, đó là gam Ra-đi của phòng thí nghiệm. Không thể giao cho bất cứ người nào khác mảnh kim loại quý báu này, Ma-ri quyết định tự tay mình chuyên chở nó xuống Boóc-đô, ở Tây nam nước Pháp.

Trên một chuyến xe lửa chật ních dành cho những nhân vật chính giới và viên chức nhà nước, chúng ta thấy một phụ nữ mặc áo du lịch vải ba-ga đen mang theo mình một tay nải nhỏ… và một chiếc hòm nặng bọc chì. May sao lại tìm được một chỗ ở đầu mỏm ghế dài, đặt hành lý lên đó, ngay trước mặt mình. Xung quanh bà, khách đi tàu chen chúc ồn ào, toàn nói những chuyện bi quan. Để khỏi phải nghe những lời kêu ca, chán nản, Ma-ri chăm chú nhìn quang cảnh thôn quê đầy ánh nắng. Nhưng ở đây cũng vậy, toàn là những hình ảnh thất bại. Trên con đường quốc lộ chạy dài theo đường sắt, ô-tô nườm nượp nối đuôi nhau ùn ùn đổ về phía Tây.

Thành phố Boóc-đô đông đặc người ở Pa-ri và nhiều nơi khác đến, không tìm được một phu khuân vác hoặc một xe tac-xi. Các phòng trọ đều hết chỗ. Tối xẩm rồi mà Ma-ri vẫn đứng ở trước ga, bên cạnh một hành lý mà bà không có sức mang nổi. Bị đẩy ra giữa đám đông, Ma-ri không tỏ chút gì bực bội mà còn nực cười về cảnh ngộ của mình. Chẳng lẽ cứ đứng mãi cạnh cái hòm, trị giá là một triệu phơ-răng này hay sao? May sao, một nhân viên ở một bộ nào đó cùng đi chuyến tàu, nhanh nhảu tìm cho bà một phòng, trong nhà tư nhân để tạm nghỉ. Đến sáng, bà mang cái của báu cồng kềnh đó ký gửi ở nhà ngân hàng rồi trở về Pa-ri nhẹ nhõm.

Nếu chuyến đi không ai để ý đến Ma-ri, thì chuyến quay về Pa-ri đám hành khách trên tàu xôn xao bàn tán. Họ kéo đến quanh Ma-ri như một hiện tượng lạ kỳ: "*Bà ấy lại ngược về Pa-ri đấy!*". Bà khách không nói ra

mình là ai, nhưng không kín tiếng như mọi lần, mà tìm cách trấn tĩnh những tin đồn hoang mang, và nhẹ nhàng khẳng định rằng Pa-ri sẽ "đứng vững", tình hình Pa-ri không có gì đáng lo ngại…

Trên chuyến tàu chở toàn bộ đội, Ma-ri là người "hành khách thường" duy nhất… Tàu chạy chậm như bò, lúc lúc lại ì ngay giữa cánh đồng hàng tiếng đồng hồ. Ma-ri nhận một mẩu bánh mì to, do một anh lính rút từ túi dết đưa cho. Từ hôm trước, vội ra đi từ phòng thí nghiệm, bà chưa kịp ăn một thứ gì, và lúc này đã đói ngấu.

Trong ánh nắng tuyệt diệu của đầu tháng Chín, đối với Ma-ri, Pa-ri có một vẻ đẹp tuyệt vời và một giá trị không tài nào so sánh được. Chẳng lẽ sẽ mất một vật báu vô giá như thế? Những tin vui đã lan khắp các phố, mạnh như nước thủy triều. Bà Qui-ri, người còn lấm láp đầy bụi cát sau một ngày đi tàu, vội chạy ra thì được biết cuộc tấn công của bọn Đức bị đẩy lùi, trận Mác-nơ đã bắt đầu.

Ma-ri đến trường cao đẳng sư phạm gặp hai bạn A-pen, và Bô-ren. Bà muốn nhận ngay một việc ở tổ chức y tế mà hai ông mới thành lập: đó là Hội cứu tế quốc gia. Nhìn con người mệt lả đó, Pôn A-pen là Hội trưởng, hết sức ái ngại khuyên bà hãy ngả lưng trên ghế dài và cần tĩnh dưỡng vài ngày nữa. Ông khăng khăng nói như vậy, nhưng Ma-ri đâu chịu nghe. Bà muốn hành động, hành động ngay. Sau này Pôn A-pen viết: "*Trên cái ghế dài, tuy vẻ mặt xanh xao, nhưng đôi mắt mở to, trông Ma-ri Qui-ri như một ngọn lửa*".

Ma-ri viết thư cho I-ren, ngày 6 tháng Chín 1944:

"*Tình hình mặt trận đang thay đổi, quân thù có vẻ rút lui xa Pa-ri. Mọi người ở đây, đều vững lòng tin ở thắng lợi cuối cùng.*

Con hãy ra nhiều bài về vật lý cho em Phéc-đi-năng Sa-van. Các con chưa có thể làm việc cho hiện tại thì phải học tập vì tương lai. Nhiều người sẽ thiếu mặt vì cuộc chiến tranh này. Cần phải thay thế họ, các con hãy ra sức học toán và vật lý".

Pa-ri được bảo toàn, Ma-ri đón hai con gái về nhà. Xa mẹ lâu nên chúng cứ nằng nặc đòi về. E-vơ trở lại trường trung học, còn I-ren thì thi lấy bằng y tá.

Bà Qui-ri đã đoán đúng: chiến tranh còn kéo dài, tổn thương nhiều, càng ngày càng cần mổ thương binh tại chỗ, các bác sĩ mổ và những người chiếu điện phải túc trực ngay bên cạnh những trạm quân y mặt trận và những

xe chiếu và chụp điện lưu động sẽ có một tác dụng vô cùng quý giá.

Những xe này, ngoài mặt trận thường gọi là những xe "Qui-ri nhỏ", Ma-ri trang bị cho từng cái một ở ngay phòng thí nghiệm của mình bất chấp sự thờ ơ và phản kháng của những kẻ quan liêu. Con người vốn rụt rè bỗng trở thành nghiêm nghị và kiên quyết. Ma-ri đến thúc những công chức lề mề, đòi từng cái giấy giới thiệu, bông đặt hàng, giấy thông hành. Họ làm khó dễ, giở ra "điều lệ này, thể lệ nọ". Đó là thái độ của rất nhiều nơi. Nhưng Ma-ri cứ dai dẳng thảo luận nài cho được mới thôi.

Ma-ri ra sức tranh thủ sự đóng góp của tư nhân. Một số phụ nữ hảo tâm như bà hầu tước Ga-nay, bà hoàng Muypra cho hẳn hoặc cho mượn xe du lịch của mình, Ma-ri chuyển ngay thành xe chiếu điện rồi cả quyết:

– Sau chiến tranh, sẽ xin gửi xe cho bà. Thật đấy, nếu xe còn dùng được, thế nào cũng sẽ trả lại bà ngay.

Trong hai mươi cái xe được sử dụng như vậy, Ma-ri giữ lại một cái kiểu Rơ-nô đã cũ, trông như một cái xe giao hàng để chạy công việc của mình. Với cái xe trông như một xe thiết giáp, sơn đúng màu tro quy định, có in dấu hồng thập tự và cờ nước Pháp, bà dấn mình vào một cuộc đời sôi nổi không khác gì một nhà thám hiểm, một thuyền trưởng xông xáo.

Chỉ cần một điện tín hoặc điện thoại báo cho biết rằng một trạm thương binh, cần gấp máy chiếu điện, thế là Ma-ri soát lại thiết bị chiếu điện của mình. Trong khi người lái xe đi lấy xăng, bà chạy về nhà lấy cái áo choàng sẫm, cái mũ đi đường trông không còn giữ cho ra hình thù và màu sắc gì và một cái túi da màu vàng đã nứt nẻ. Bà lên ngồi cạnh anh lái, trong buồng xe gió lùa. Và chiếc xe lao đi hết tốc độ – nghĩa là chỉ trung bình 5 cây số một giờ, không thể nhanh hơn được, đưa Ma-ri đến A-miên-sơ, Y-phơ-véc-đong.

Sau rất nhiều lần dừng lại để trình giấy phân bua, điều đình với những anh lính gác đa nghi, cuối cùng, xe đến trạm quân y. Phải bắt tay ngay vào việc! Ma-ri nhanh chóng chọn lấy một gian phòng chiếu điện và cho khuân thiết bị vào đây. Bà mở các thùng dụng cụ, lắp các bộ phận máy, đã tháo rời. Một dây cáp nối liền máy chiếu điện với bộ phận phát điện đặt ở xe. Sau khi ra hiệu cho anh lái cho chạy đi-na-mô, Ma-ri thử lại cường độ dòng điện. Trước khi bắt đầu khám thương binh, bà còn chuẩn bị cái "màn ảnh điện quang", để sẵng găng tay và kính bảo vệ vừa tầm tay, sửa soạn những bút chì đặc biệt để đánh dấu, định chỗ những viên đạn; làm buồng tối bằng cách che rèm đen vào cửa hoặc dùng chăn của bệnh viện. Bên cạnh, còn đặt

một cái phòng nhiếp ảnh để rửa những kính ảnh chụp được. Chỉ nửa giờ sau mọi việc đều chuẩn bị xong.

Người ta lần lượt cáng thương binh đến. Một cảnh khá buồn thảm. Nhà giải phẫu cùng với Ma-ri ở trong buồng tối; với những chiếc máy chạy giòn, xung quanh có một vầng hào quang huyền bí. Ma-ri hướng máy vào những vết thương thịt bị nát, và điều chỉnh để nhìn cho rõ. Giữa hình ảnh những xương và các phủ tạng hiện ra một vết đục hơn: đó là viên đạn, là mảnh đại bác.

Một phụ tá ghi chép những nhận xét của thầy thuốc. Ma-ri tô lại hoặc chụp ảnh viên đạn hay mảnh đại bác để giúp nhà giải phẫu trong khi mổ. Đôi khi viên đạn được gắp ra ngay trong lúc chiếu điện và người thầy thuốc có thể trông thấy trên màn huỳnh quang hình ảnh những kim cặp của mình đang lần theo vết thương, luồn quanh các xương để tiến tới cặp lấy mảnh đạn.

Mười thương binh, năm mươi rồi một trăm thương binh. Hết giờ này đến giờ khác. Có khi hết ngày này đến ngày khác. Còn bệnh nhân, thì Ma-ri còn ở trong buồng tối. Trước khi rời bệnh viện, Ma-ri nghiên cứu cách đặt một trạm chiếu điện cố định. Thế rồi gói ghém máy móc dụng cụ xong, bà lại lên ngồi trong chiếc xe mầu nhiệm đó trở về Pa-ri.

Chỉ vài ngày sau Ma-ri đã trở lại trạm. Lùng sục khắp nơi tìm được một máy điện quang đem đến lắp ở đây, lần này Ma-ri đi cùng với một người biết điều khiển máy. Tuyển anh ta ở đâu, huấn luyện thế nào, không rõ. Chỉ biết là từ nay, bệnh viện này đã có phòng điện quang, không cần đến bà nữa.

Ngoài hai mươi cái xe trang bị đầy đủ Ma-ri còn đặt được hai trăm phòng điện quang. Trên một triệu thương binh được cứu chữa, nhờ có tất cả hai trăm hai mươi trạm cố định hoặc di động – do Ma-ri Qui-ri tự mình xây lắp.

Nào chỉ có kiến thức khoa học và lòng dũng cảm, Ma-ri còn rất tài xoay xở, và đạt tới nghệ thuật về tính tháo vát thời chiến. Thiếu người lái xe ư? Ma-ri ngồi ngay trước tay lái chiếc xe Rơ-nô và cứ thế đi khắp các con đường gập ghềnh. Có khi tiết trời lạnh quá, Ma-ri phải cố hết sức quay mãi, cái máy ngoan cố mới chịu chạy. Người ta còn thấy bà tì cả người lên cái kích để thay một bánh xe hoặc chau mày lau bộ chế hòa khí bị hết dầu với những động tác của một nhà bác học. Gặp trường hợp phải chở máy bằng xe lửa, Ma-ri tự tay bưng máy lên toa chở hàng. Khi đến nơi, cũng chính mình khuân xuống, tháo dỡ và kiểm lại kỹ càng không để mất thứ gì.

Bất chấp thiếu thốn vất vả, Ma-ri không hề đòi hỏi một cách đối xử

riêng biệt nào, một chế độ ưu tiên nào. Không một phụ nữ danh tiếng nào lại xuề xòa dễ tính hơn, Ma-ri quên cả ăn trưa, quên cả ăn tối, ngủ đâu cũng được – trong một phòng nhỏ của nữ y tá, hay có khi ngoài trời dưới một cái lều vải cắm trại. Người nữ sinh viên xưa kia từng chịu đựng rét mướt trong một cái gác xép sát mái, ngày nay đương nhiên đã trở thành một chiến sĩ của cuộc đại chiến thế giới thứ nhất.

Ma-ri viết thư cho Pôn Lăng-giơ-vanh ngày 1 tháng Giêng 1915:

"Ngày tôi lên đường chưa được quyết định, nhưng có lẽ cũng không chậm nữa. Tôi vừa được một bức thư báo tin các xe chiếu điện của anh cho mượn để hoạt động trong vùng Xanh Pan đã bị hư hỏng, nghĩa là cả vùng bắc nước Pháp không có khoa chiếu điện! Tôi đang vận động để được lên đường sớm hơn. Tôi quyết tâm đem hết sức mình phục vụ Tổ quốc thứ hai của tôi, vì hiện nay chưa phục vụ được quê hương ruột thịt còn chìm trong bể máu sau hơn một thế kỷ đau thương"

*

*   *

I-ren và E-vơ sống như con các chiến sĩ ngoài mặt trận. Mẹ chúng chỉ tự cho nghỉ phép khi bị cơn đau thận phải nằm một chỗ. Nếu Ma-ri ở nhà, tức là bị ốm. Rằng không thì bà ở Su-íp, ở Rem, ở Ca-lê, ở Pô-pơ-ranh-gơ – Ở một trong ba bốn trăm bệnh viện Pháp và Bỉ, những nơi mà bà thường xuyên đến thăm trong suốt thời chiến. Mỗi lần E-vơ gửi thư báo cho mẹ biết những tiến bộ của mình về sử, về luận Pháp văn, nó phải viết những địa chỉ nghe rất lạ tai, cảm động:

"*Bà Qui-ri, bệnh viện phụ số 11, Moóc-vi-le Sông Ranh Thượng*"

Những bưu phiếu, do bà Qui-ri viết vội qua các chặng, mang đến Pa-ri những tin ngắn, gọn.

20 tháng Giêng 1915:

"*Các con yêu quý, mẹ đã đến A-miêng, ngủ tại đây. Chỉ bị nổ hai lốp thôi. Chào tất cả.*

Mẹ"

Cùng ngày:

"*Đến A-bơ-vin. Xe bác Giăng Pe-ranh lái húc phải cây. May quá không việc gì. Lại đi tiếp đến Bu-lô-nhơ*".

24 tháng Hai 1915:

"*I-ren ơi, con biết đấy, không có gì chứng tỏ là mẹ con ta sẽ bị cắt đứt ở Pô-pơ-ranh-gơ; nhưng ở đây mẹ chỉ có thể làm việc sau khi đã tu sửa lại bệnh viện. Người ta làm một hầm trú ẩn cho xe và một vách ngăn cái phòng chiếu điện trong cái buồng to của bệnh nhân. Thế là mẹ bị chậm lại, nhưng không thể nào làm khác được.*

Ở Đoong-kéc, máy bay Đức thả bom chết vài người, nhưng nhân dân không nao núng, ở Pô-pơ-ranh-gơ, những chuyện đó cũng xảy ra, nhưng ít hơn. Ở đây, đại bác nổ gần như liên tục. Trời không mưa, nhưng rét, đóng giá. Bệnh viện đón tiếp mẹ niềm nở hết sức. Mẹ được một buồng tốt, có lò sưởi. Ở đây mẹ thích hơn ở Phuyếc-nơ. Mẹ ăn tại bệnh viện. Hôn con.

Mẹ"

Tháng Năm 1915:

"*Con ạ, mẹ phải đợi ở Xa-blông 8 tiếng đồng hồ và mẹ chỉ mới đến Véc-đoong hồi năm giờ sáng hôm nay. Xe cũng đã đến. Đang thu xếp*".

Một buổi chiều tháng Tư 1915, Ma-ri trở về nhà vẻ mặt tái nhợt và uể oải hơn thường ngày. Không trả lời những câu hỏi lo âu, ríu rít của mọi người ra đón, bà khóa trái cửa lại. Ma-ri bực chuyện gì đây?

Chả là khi ở bệnh viện Phoóc-giơ trở về, anh lái quá tay lao cả xe xuống hồ. Chiếc ô-tô đổ nhào, và Ma-ri ngồi ở giữa các dụng cụ, bị lấp dưới một đống hòm. Bà rất cáu, chẳng phải vì bản thân bị xây xát mà vì nghĩ rằng kính ảnh chụp điện chắc hẳn là nát vụn hết. Dưới những hòm cứ đè xuống mình mỗi lúc một nặng. Ma-ri bỗng phì cười, vì anh lái xe trẻ, cuống lên mất hết cả nhanh trí và lô-gích, cứ chạy quanh cái xe bẹp nát, luôn miệng gọi khẽ: "*Bà ơi! Bà! Bà đã chết chưa?*"

Cũng may mà chỉ xây xát nhẹ. Việc này Ma-ri giấu không cho ai biết. Sau đó, nhờ có một bài báo tường thuật tai nạn trên, cùng với mấy mảnh quần áo giây máu còn bỏ lại trong phòng tắm, người nhà mới hay. Nhưng lúc đó Ma-ri đã lại lên đường rồi, với chiếc va-li màu vàng cái mũ tròn và trong túi áo có cái ví đàn ông to tướng bằng da màu đen mà bà đã sắm để "đi đánh giặc".

Từ năm 1918, Ma-ri bỏ quên cái ví da ấy ở đáy một ngăn kéo, cho mãi đến 1934, sau khi bà mất, nó mới lại được lấy ra. Trong ví đựng một chứng minh thư tên là "Bà Qui-ri Cục trưởng cục Điện quang", một giấy

chứng chỉ của Thứ trưởng Bộ pháo binh và đạn dược "Cho phép bà Qui-ri được sử dụng những ô tô quân sự", cùng một chục "công lệnh đặc biệt" của Hội phụ nữ Pháp. Bốn cái ảnh: một ảnh Ma-ri, một ảnh bố, hai ảnh mẹ và hai cái túi giấy không trước có đựng hạt cây có lẽ được gieo trồng trong mấy luống vườn của phòng thí nghiệm. Trên túi có ghi chữ "*Cây thuốc Rô-ma-ranh gieo trồng từ tháng tư đến tháng sáu, trong vườn ươm*".

Trong cuộc sống đáng kinh ngạc đó, bà Qui-ri không hề may lấy một bộ quần áo đặc biệt nào. Vẫn chỉ mấy cái quần áo cũ, thêm một băng tay chữ thập đỏ, ghim một cách qua quít trên một cánh tay áo. Không khi nào Ma-ri đeo voan nữ y tá; ở bệnh viện bà vẫn để đầu trần mà làm việc, chỉ mặc áo khoác trắng lấy ở phòng thí nghiệm.

Nay đây mai đó, Ma-ri không còn đâu thì giờ chăm sóc đến nhà cửa. I-ren và E-vơ đan áo cho binh lính ngoài mặt trận mà hai cô đã nhận đỡ đầu và theo dõi tiến triển của tình hình chiến sự bằng cách ghim những lá cờ nhỏ vào những điểm chiến lược. Ma-ri buộc các con tuy vắng mặt mẹ cũng phải đi nghỉ hè. Sự săn sóc của bà chỉ có thể đến đó.

Năm 1916, bà đồng ý cho hai con gái được xung vào một đội gặt, thay cho nam giới đã nhập ngũ. Trong suốt mười lăm ngày, hai cô cũng phải bó lúa, rồi làm việc với máy đập. Và năm 1918, Ma-ri cũng để hai con gái ở lại Pa-ri mặc dầu bọn Đức bắn đại bác khủng bố trước khi rút. Bà không muốn cho con gái quá cẩn thận, sợ chúng sinh ra đòi hỏi.

E-vơ chưa giúp ích được gì, nhưng I-ren, 17 tuổi, đã bắt đầu học về điện quang trong khi vẫn chuẩn bị thi bằng cử nhân khoa học ở Xoóc-bon. Lúc đầu, Ma-ri cho con gái đi theo mình để tập sử dụng máy, về sau I-ren được giao nhiệm vụ riêng, đến các bệnh viện mặt trận. Ma-ri muốn cho I-ren, tuy còn ít tuổi đã gánh những trách nhiệm nặng nề, và xông pha nơi chiến trường, ở Phuốc-nơ, Puc-xtát, A-mien-xơ. Hai mẹ con càng thêm gắn bó với nhau. Giờ đây Ma-ri không còn đơn độc nữa. Giờ đây bà có thể bàn bạc với con gái về công việc và về những lo lắng, suy nghĩ của mình như với một người cộng tác, một người bạn.

Trong những tháng đầu chiến tranh, Ma-ri có trao đổi với I-ren về một việc quan trọng:

"*Chính phủ Pháp kêu gọi tư nhân có vàng cho nhà nước vay và sẽ phát hành quốc trái. Mẹ cũng có một ít vàng đem ra giúp. Đồng thời mẹ sẽ góp thêm vào đó tất cả những huân chương khoa học bằng vàng, có giữ cũng vô ích. Nhưng còn một khoản nữa. Giải thưởng Nô-ben lần thứ hai, vì*

chưa đi lĩnh, nên mẹ cứ để thành tiền Thụy Điển gửi ở Xtốc-khôm. Đó là tài sản tiền mặt rõ rệt nhất của chúng ta. Nay mẹ muốn mang về nước số tiền đó và chuyển thành quốc trái. Chính phủ đang cần. Nhưng có một điều mẹ biết rõ ràng là số tiền ấy có lẽ rồi cũng mất thôi. Cho nên mẹ không muốn làm việc này mà không bàn kỹ với con".

Đổi ra Phơ-răng, số tiền thưởng về giải Nô-ben của Ma-ri, trở thành những chứng từ bổng lộc, những "quốc trái", những "đóng góp tự nguyện"… và tản mát đi như Ma-ri đoán trước. Ma-ri đem vàng của mình đến một ngân hàng Pháp. Người thu ngân chỉ nhận những đồng tiền, và khăng khăng phẫn nộ không muốn nhận đưa những huân chương vẻ vang đó đến lò đúc, Ma-ri chẳng lấy làm vinh dự về điều đó. Bà cho sự mê tín đó thật là vô lý, và đành mang về phòng thí nghiệm cả một bộ huân chương của mình.

*

*   *

Những lúc được một giờ rỗi rãi, Ma-ri thường ra ngồi trên một ghế dài, ngoài vườn phố Pi-e Qui-ri, nơi đây các cây chè bà trồng đang lớn. Nhìn ngắm Viện Ra-đi-om mới xây dựng và vắng ngắt, Ma-ri nghĩ đến những đồng sự, lúc này đều ngoài mặt trận, nghĩ đến người phụ tá mà bà ưa thích nhất, nhà bác học Ba-lan Đa-nít-sơ, đã hy sinh. Bà thở dài. Không biết đến bao giờ mới kết thúc cuộc chém giết khủng khiếp này? Bao giờ mới lại có thể tiếp tục công tác khoa học của mình?

Nhưng đối với Ma-ri, mơ mộng, uể oải chẳng được ích gì. Ngay trong hoạt động thời chiến, vẫn chuẩn bị cho hòa bình. Trước hết phải chuyển dần toàn bộ thiết bị phòng thí nghiệm từ phố Qui-vi-ê đến phố Pi-e Qui-ri. Từ việc tháo dụng cụ đóng vào thùng chuyển đến chuyên chở, bốc dỡ, với chiếc ô-tô chiếu điện chạy như con thoi từ nơi cũ đến nơi mới. Ma-ri đã làm việc cần cù như một con kiến. Kiến tha lâu đầy tổ. Chẳng bao lâu phòng thí nghiệm mới đã sẵn sàng! Rất nhiều bao cát được xếp thành một công sự kiên cố che chở cho tòa nhà chứa đựng những chất phóng xạ. Ngay từ 1915, trong khi vẫn còn chiến tranh, Ma-ri đã đi Boóc-đô chuyển trữ lượng Ra-đi của mình về Pa-ri.

Chất Ra-đi, cũng như quang tuyến X, có nhiều tác dụng trị bệnh, Ma-ri đem dùng gram Ra-đi của mình vào một "khoa cung cấp khí tỏa". Cứ cách tám ngày, bà lại lấy khí tỏa mà chất Ra-đi đã toát ra, đựng vào ống thủy tinh

rồi hàn kín gửi đến bệnh viện lớn của Pa-ri và các trung tâm y tế khác. Những ống khí tỏa đó được dùng để điều trị các vết sẹo "biến chứng" và vết thương ngoài da khác.

Xe chiếu điện, trạm chiếu điện, khoa khí tỏa… Thế chưa đủ, Ma-ri băn khoăn vì thiếu người sử dụng máy có chuyên môn. Bà xin mở và đảm nhiệm một khoa giảng dạy về điện quang. Ít lâu sau, hơn hai chục học sinh khóa đầu được tập trung đến viện Ra-đi-om. Chương trình gồm có lý thuyết về điện và tia X, thực hành và môn giải phẫu. I-ren cũng được tham gia dạy khóa này.

Một trăm năm mươi nữ y tá về điện quang do Ma-ri đào tạo từ 1916 đến 1918 được tuyển từ đủ các thành phố. Có những người khi lấy vào văn hóa rất kém. Lúc đầu uy tín của Ma-ri Qui-ri làm họ rất rụt rè. Nhưng Ma-ri vốn có tài làm cho khoa học dễ hiểu đối với những người bình thường nhất. Ma-ri lại thích làm gì cũng phải chu đáo. Và khi một chị học viên thực tập xưa kia đi ở, lần đầu tiên rửa được hoàn hảo một cái kính chiếu điện thì nhà nữ bác học mừng rỡ như là một thành tích của chính mình.

Nhiều nước lần lượt nhờ đến kiến thức về chuyên môn của bà Qui-ri. Từ năm 1914, Ma-ri nhiều lần đến thăm các bệnh viện Bỉ. Năm 1918, bà đã đi Bắc Ý để nghiên cứu tài nguyên của nước này về chất phóng xạ. Ít lâu sau, bà lại tiếp nhận ở phòng thí nghiệm của mình hơn hai chục nhân viên quân sự Mỹ đến học về điện quang.

*

*   *

Môn điện quang làm cho Ma-ri tiếp xúc với nhiều người rất khác nhau. Nhiều bác sĩ giải phẫu, hiểu rõ ích lợi của tia X, nên coi bà như một cộng sự rất quý. Một số người khác, ít am hiểu hơn, nhìn ngắm những máy móc dụng cụ của Ma-ri với cặp mắt nghi ngờ mô phạm. Sau vài lần chiếu điện có kết quả mỹ mãn họ mới ngạc nhiên và chịu rằng "làm như thế thì được đây" và họ không thể tin ở mắt mình khi ở đúng chỗ do Ma-ri xác định, lưỡi dao mổ của họ đã khêu được mảnh đạn trước đã tìm mãi không thấy trong vết thương nhức nhối. Được thuyết phục, họ không ngớt lời ca ngợi việc này như một phép mầu nhiệm. Thấy Ma-ri ăn mặc xuềnh xoàng, lại không xưng tên, có những bà sang trọng, nhận đỡ đầu cho các bệnh viện, thường tỏ ra khinh khỉnh, và đôi khi coi như một kẻ dưới. Những sự hiểu lầm đó, chỉ làm cho nhà nữ bác học thích thú.

Con người vốn lạnh lùng và đăm chiêu đó, đối với thương binh lại niềm nở tuyệt vời. Nhiều thương binh trước đây là nông dân, là công nhân trông thấy máy Rơn-ghen thì sợ mà ngại đau. Bà làm họ yên tâm:

– Rồi các bạn xem, chỉ như là chụp ảnh thôi.

Đối với những người lính đó, Ma-ri đúng là hình ảnh của sự dịu dàng, một giọng êm ái, đôi bàn tay nhẹ nhàng, hết sức kiên nhẫn và rất đỗi trân trọng sinh mệnh con người. Thật thế, để cứu một mạng người, để tránh cho một thương binh đau đớn, khỏi bị cưa cụt, tàn phế, Ma-ri sẵn sàng nhận sự cố gắng nặng nhọc nhất và chỉ bỏ cuộc khi đã tìm hết cách cứu chữa.

Không bao giờ Ma-ri nói đến những nỗi vất vả không lời nào tả nổi, những nguy cơ hiểm nghèo, hoặc tác hại tàn nhẫn của tia X và của chất Ra-đi trên cơ thể của mình. Trái lại vẻ mặt bà lúc nào cũng bình thản vô tư, đôi khi lại còn vui nữa, chưa bao giờ Ma-ri tươi tỉnh như lúc này. Chiến tranh đã dạy cho Ma-ri, tính vui vẻ là biểu hiện đẹp nhất của lòng dũng cảm.

Lòng Ma-ri có vui gì cho cam! Bao lo âu thầm kín không lúc nào buông tha bà, sự nghiệp dở dang, rồi họ hàng ở Ba-lan bấy lâu vắng tin. Lại thêm vào đó lòng ghê tởm sự cuồng loạn đang xâu xé thế giới. Hình ảnh hàng nghìn thân hình tả tơi, rên la, quằn quại được chính mắt thấy, tai nghe, sẽ còn ám ảnh cuộc đời của Ma-ri mãi về sau này.

Tiếng súng đại bác báo hiệu đình chiến đến với Ma-ri khi bà đang ở phòng thí nghiệm. Bà muốn treo cờ lên viện Ra-đi-om, và cùng với người cộng tác của mình là cô Mác-ta Clanh đi khắp các cửa hiệu, không đâu còn cờ Pháp. Sau đành phải mua vải vụn ba màu đưa bà phụ việc khâu vội, và treo lên các cửa sổ. Ma-ri run lên vì xúc động, bà cùng cô Clanh nhảy lên chiếc xe chiếu điện cũ kỹ, ọp ẹp, xây xát sau bốn năm lăn lộn. Một anh lao công của phòng Lý-hóa-sinh ngồi vào cầm lái, đảo qua các phố, giữa những làn sóng người sung sướng và nghiêm nghị. Đến quảng trường Công Coóc, người đông quá ô-tô không tiến được. Nhiều người trèo lên hai bên thành xe và leo cả lên mui xe. Và khi chiếc xe của bà Qui-ri tiếp tục đi, nó đã biến thành một xe khách, có đến hơn chục người ngồi thêm trên mui như một tầng thượng, suốt buổi sáng hôm đó.

*

*   *

Đối với Ma-ri, có hai cuộc thắng. Nước Ba-lan, sống lại từ đám tro

tàn, và sau một thế kỷ rưỡi bị đô hộ, khôi phục được độc lập.

Thời thơ ấu tủi nhục, và tuổi trẻ đấu tranh bỗng hiện lại trong tâm trí Ma-ri. Không phải vô ích mà xưa kia, cô Xkhua-đốp-xka đã phải giấu giếm mưu mẹo đối với những nhân viên của Sa-hoàng, lén lút tìm đến với các bạn học ở trường Đại học di động, trong những gian phòng lụp xụp ở Vác-xô-vi, hoặc dạy cho các em bé ở nông thôn Schuc-ky biết chữ.

Ma-ri viết thư cho anh Dô-dếp tháng Chạp 1920:

"*Thế là chúng ta xưa "sinh ra trong cảnh nô lệ, bị gông cùm ngay khi còn trong nôi"*[51]*, ngày nay chúng ta đã được thấy đất nước đứng dậy như lòng hằng ước mơ. Chúng ta đều hy vọng được sống những giờ phút này, những tưởng phải đến đời con, đời cháu có lẽ mới được trông thấy. Thế mà ngày nay, giờ phút đó đã đến! Đúng là nước ta đã phải trả giá đắt cái hạnh phúc ấy và sẽ còn phải trả nữa. Song những đám mây còn phủ lên tình trạng hiện tại làm sao có thể so sánh với nỗi đắng cay và sự thất vọng sẽ vò xé tâm hồn ta nếu như sau chiến tranh, nước Ba Lan còn bị xiềng xích và chia cắt? Cũng như anh, em tin tưởng ở tương lai*".

Hy vọng đó, ước mơ đó, không làm khuây khỏa những lo âu riêng tư của Ma-ri. Chiến tranh đã làm hao mòn sức khỏe của bà. Chiến tranh đã làm bà phá sản. Tiền gửi chính phủ Pháp đã tan như tuyết dưới nắng. Và khi nhìn lại tình hình tài chính của mình, Ma-ri không khỏi lo ngại. Hơn năm mươi tuổi rồi, bà vẫn còn nghèo. Để sống với con cái, chỉ còn trông vào lương giáo sư: Mười hai nghìn phơ-răng một năm. Liệu sức khỏe có còn cho phép bà tiếp tục dạy học và đảm đang công việc giám đốc phòng thí nghiệm, cho đến tuổi về hưu không?

Trong khi vẫn duy trì công việc thời chiến của mình (những học sinh thực tập về điện quang vẫn còn tiếp tục đến nghe giảng ở viện Ra-đi-om trong hai năm nữa) Ma-ri lại trở lại với sự ham mê của đời mình là ngành vật lý. Bà viết một quyển sách về "*Điện quang và chiến tranh*", ca ngợi lợi ích của những phát minh khoa học và giá trị nhân đạo của chúng, và rút từ trong kinh nghiệm đau đớn vừa qua, thêm nhiều lý lẽ mới để thiết tha yêu quý khoa học.

"*Lịch sử ngành điện quang thời chiến là một thí dụ rất sắc bén về phạm vi áp dụng rộng rãi không ai ngờ đến được của các phát minh khoa học thuần túy trong một vài điều kiện nào đó". Trước chiến tranh tia X chỉ được sử dụng hạn chế. Cái thảm họa lớn đã xâu xé nhân loại, với một số nạn*

nhân tăng lên khủng khiếp, đồng thời đã làm nẩy sinh như một phản ứng, lòng ham muốn cứu vãn tất cả cái gì đó có thể cứu được, và tìm mọi cách giành giật và che chở sinh mạng con người.

Điều mà lúc đầu tưởng là khó đã trở thành dễ và có ngay giải pháp.

Dụng cụ và người sử dụng được nhân lên, ngày càng nhiều. Người chưa biết thì học. Kẻ thờ ơ trở nên tích cực. Như có phép lạ, phát minh khoa học đã chinh phục xong lĩnh vực hoạt động tự nhiên của nó. Khoa học chữa bệnh bằng Ra-đi, áp dụng những tia phát ra bởi các chất Ra-đi vào y học, cũng sẽ tiến triển như vậy"

Nên kết luận thế nào đây về sự việc không ngờ đó đã đến với những quang tuyến mà khoa học mới phát minh ra cuối thế kỷ 19? Rõ ràng là nó làm ta thêm tin tưởng sâu sắc vào sự tìm tòi vô tư, càng thêm trân trọng và khâm phục sự tìm tòi đó".

Khó mà nhận ra đâu là những sáng kiến của Ma-ri Qui-ri và tầm quan trọng của nó trong quyển sách kỹ thuật khô khan trên. Toàn một cách nói không xưng tên, một niềm khăng khăng tự xóa mình, giấu mình trong bóng tối! Đối với Ma-ri, cái "tôi" không chỉ đáng ghét, cái "tôi" không có. Công trình của bà hình như tạo ra do những thế lực bí ẩn, lúc thì bà gọi là "tổ chức y tế", lúc thì là "người ta" hay quá đi nữa là "chúng tôi". Sự khám phá ra chất Ra-đi cũng lẩn trong câu "những quang tuyến mà khoa học mới phát minh vào cuối thế kỷ thứ 19". Và nếu buộc lòng phải nói đến mình, thì người viết cố hòa lẫn trong quần chúng vô danh:

"Cũng muốn phục vụ như rất nhiều người khác, việc quốc phòng trong những năm vừa qua, tôi đã hướng ngay về ngày điện quang".

CHƯƠNG XXII

HÒA BÌNH

Thế giới trở lại hòa bình…

Quan hệ được nối lại giữa những nhà bác học của các nước thắng trận và các nước bại trận. Bà Qui-ri tỏ ra thành thật muốn quên cuộc xô xát vừa qua. Tuy nhiên bà cũng dè dặt không có những biểu hiện vồn vã, như một số đồng nghiệp. Vì nước Đức là nước đã gây hấn, nên trước khi tiếp một nhà bác học người Đức, Ma-ri không quên hỏi: "*Ông ta có ký Tuyên ngôn của 93 nhà trí thức không?*" (tán thành những biện pháp khủng bố đối với nhân dân Pháp- ND). Nếu có, thì bà Qui-ri chỉ tỏ ra lịch sự. Còn không, thì bà thân ái hơn, và nói chuyện cởi mở hơn về khoa học.

Điều đó nói lên nhận thức rất cao của Ma-ri về trách nhiệm của người trí thức trong thời chiến. Bà không nghĩ rằng những nhà tư tưởng lớn có thể đứng "trên cuộc chiến đấu": trong bốn năm chiến tranh, Ma-ri đã một lòng phục vụ nước Pháp. Và đã cứu sống bao nhiêu người. Nhưng có những việc mà bà cho rằng người trí thức không thể thỏa hiệp. Bà không đồng tình với những nhà văn và nhà bác học bên kia sông Ranh đã ký vào bản Tuyên ngôn. Đối với Ma-ri, người trí thức sẽ phản lại sứ mệnh của mình nếu không kiên trì bảo vệ cho văn minh và tự do tư tưởng.

Sau khi tham gia vào cuộc chiến đấu của nước Pháp, Ma-ri đã không trở thành hiếu chiến, hoặc bè phái. Năm 1919 chúng ta gặp lại một nhà bác học chân chính đứng đầu phòng thí nghiệm của mình.

Bà đã từng khao khát cái ngày mà những phòng thí nghiệm mới xây dựng ở phố Pi-e Qui-ri sẽ sôi nổi hoạt động. Ý nghĩ đầu tiên của Ma-ri là không để gián đoạn công việc đặc sắc đã làm được trong thời chiến. Việc sử dụng khí tỏa của Ra-đi và phân phối những ống thủy tinh có "hoạt tính" đến các bệnh viện được tiếp tục dưới sự điều khiển của bác sĩ Rơ-gô sau khi phục viên, đã trở về phụ trách khu Sinh vật học. Còn ở khu Vật lý, bà Qui-ri và những người cộng tác lại tiếp tục chương trình bỏ dở từ 1914, và bắt đầu những thí nghiệm mới.

Cuộc sống đều đặn hơn. Đã đến lúc nghĩ đến tương lai của hai con gái, giờ đây là hai thiếu nữ khỏe mạnh, lớn bằng mẹ. I-ren một nữ sinh viên hai mươi mốt tuổi, trầm lặng, thăng bằng, không hề do dự một chút về chí

hướng của mình. I-ren muốn trở thành một nhà vật lý đi sâu nghiên cứu về Ra-đi. Cô noi theo con đường Pi-e và Ma-ri đã đi một cách giản đơn, tự nhiên, đáng khâm phục. Cô không hề băn khoăn là mình sẽ có thành tích đạt rực rỡ như mẹ mình hay không và cũng không hề để tư tưởng mình bị ảnh hưởng bởi một tên tuổi quá lừng lẫy. I-ren thực sự yêu khoa học, lại rất có khiếu và tham vọng duy nhất của cô là sẽ được làm việc mãi trong phòng thí nghiệm mà chính mắt cô thấy xây dựng lên. Từ năm 1918, I-ren chính thức được cử làm nhân viên pha chế.

Trường hợp tốt đẹp của I-ren làm cho Ma-ri quá dễ dàng nghĩ rằng thế hệ trẻ tìm hướng đi không khó gì trong bàn cờ ngoắt ngoéo của cuộc đời. Những nỗi băn khoăn và những sự thay đổi chiều hướng của E-vơ làm cho bà thất vọng. Do quá tôn trọng tự do tư tưởng của các con, đánh giá quá cao sự khôn ngoan của chúng, Ma-ri không hề lấy quyền làm mẹ buộc E-vơ phải nghe. Ma-ri vẫn muốn E-vơ sau này trở thành thầy thuốc và đi sâu nghiên cứu tác dụng chữa bệnh của Ra-đi. Nhưng bà không hề ép con phải đi theo con đường đó. Với một sự nhẫn nại rất kiên trì, bà luôn luôn chiều ý và còn hưởng ứng những thay đổi bất thường của con gái. E-vơ muốn học nhạc, Ma-ri cũng mừng thấy con có ý thích đó, để E-vơ tự chọn thầy dạy, tự chọn cách học. Đối với một đứa con gái đầy do dự, đáng ra cần được dìu dắt một cách cương quyết, Ma-ri lại quá thả lỏng. Làm sao Ma-ri có thể thấy được sai lầm đó của mình trong khi cuộc đời của bản thân luôn luôn được linh tính và bản năng không thể lầm lẫn của thiên tài dắt dẫn đến hoàn thành sứ mệnh mặc cho bao trở ngại lớn lao?

Bà theo dõi, cho đến phút cuối cùng của sự phát triển của hai con gái, tính tình khác hẳn nhau, không hề tỏ ra yêu con nào hơn. I-ren và E-vơ luôn luôn thấy ở Ma-ri một người bạn nồng nhiệt, một bàn tay che chở trong mọi trường hợp khó khăn. Sau này, khi I-ren có con, Ma-ri lại trông nom săn sóc hai thế hệ.

Ma-ri viết cho I-ren và con rể là Phrê-đê-rích Giô-li-ô Qui-ri (2-12-1928):

"*Các con yêu dấu,*

Mẹ gởi tới các con những lời chúc mừng năm mới với một năm đầy sức khỏe vui vẻ, làm việc hăng say, một năm mà ngày nào các con cũng cảm thấy vui sướng, không phải đợi ngày qua đi rồi mới thấy hứng thú, mà không phải chỉ mong chờ hứng thú ở những ngày sẽ tới. Càng về già, người ta càng thấy rằng biết hướng cái hiện tại là một đức tính quý báu.

Mẹ đang nghĩ tới bé Hê-len, và mẹ chúc cho hạnh phúc của cháu. Cảm động biết mấy khi nhìn con người nhỏ bé đó nảy nở và đợi chờ tất cả ở các con với một niềm tin cậy vô bờ bến, tưởng như các con có thể mãi mãi che chở và chống mọi đau đớn, bệnh hoạn.

Một ngày kia, cháu sẽ hiểu rằng khả năng bố mẹ nó không nhiều được như thế – tuy nhiên người ta ai cũng ước mơ làm được tất cả cho con cái mình. Ít ra ta cũng phải cố gắng để cho con trẻ có một sức khỏe tốt, một tuổi thơ êm đềm và trong sáng trong tình thương yêu làm cho lòng tin của chúng có thể kéo dài mãi mãi".

Ma-ri viết thư cho các con gái 3-9-1919:

"*Mẹ không lúc nào không nghĩ đến bao công việc mà mẹ cùng các con sẽ phải làm trong những năm tới, mẹ nghĩ đến mỗi con, đến những phút êm đềm, và cả những phút lo âu mà các con đã cho mẹ. Đối với mẹ, các con là nguồn của cải to lớn nhất, và mẹ mong rằng cuộc đời sẽ còn dành cho mẹ nhiều năm chung sống tốt lành với các con*".

Phải chăng sức khỏe của Ma-ri đã khá hơn sau những năm chiến tranh căng thẳng? Phải chăng tuổi già đã làm cho tâm hồn Ma-ri thư thái dần? Tang tóc và tật bệnh giờ đây không còn như một gọng kìm siết chặt vào cuộc đời bà như xưa nữa, thời gian đã làm nhạt dần mọi phiền muộn.

Thư cho chị Brô-ni-a, 1 tháng 8 năm 1921:

"... Đời em đã từng đau khổ đến nỗi không còn biết đau khổ hơn được nữa. Bây giờ chỉ một tai họa thực sự mới có thể làm cho em thấm thía. Em đã học tính chịu đựng và cố tìm ra những niềm vui nhỏ trong bức tranh xám xịt của cuộc sống hàng ngày.

Chị hãy tự nhủ rằng mình có thể làm nhà, trồng cây, tưới hoa, nhìn cây, nhìn hoa nở và không nghĩ đến gì nữa. Chúng ta chẳng còn sống được mấy tí, việc gì cứ phải làm khổ mình mãi?"

I-ren rất hăng say thể thao, thường khuyến khích mẹ theo mình, đi bộ cùng mẹ rất lâu, rủ mẹ đi trượt băng, cưỡi ngựa và cả trượt tuyết nữa.

Mùa hè đến, Ma-ri đã trở về với các con ở Brơ-ta-nhơ. Ở Lác-cu-ét, một vùng rất đẹp, không đông đúc, ồn ào. Ba mẹ con như ba chị em đã sống những ngày hè thần tiên.

Dân xóm này ở ngay bờ biển Măng-sơ, gần tỉnh Panh-pôn, toàn làm nghề đi biển, làm ruộng … và làm giáo sư ở Xoóc-bon.

Việc nhà sử học Xô-nhê-bôt và nhà sinh vật học Luy-La-pích tìm ra được thôn Lác-cu-ét này năm 1895, dưới con mắt giới giáo sư đại học cũng quan trọng như Crit-xtôp Cô-lôm tìm ra châu Mỹ. nó cũng trở thành một cái trại của những nhà bác học mà một nhà báo hóm hỉnh gọi là "Pháo đài khoa học". Ma-ri đến sau, trước còn ở nhà dân, sau thuê và cuối cùng mua hẳn một cái nhà nhỏ ở đây. Bà đã chọn một nơi khuất nẻo nhất, một nơi hóng gió nhất nhìn ra một khoảng biển êm lặng có rất nhiều hòn đảo lớn nhỏ ngăn không cho sóng ngoài khơi vỗ tới bờ.

Ma-ri xưa nay vốn thích loại nhà "đầu sóng ngọn gió". Những nơi nghỉ hè mà bà thường thuê hoặc sau này bà cho xây dựng thường đều chung một điểm: giữa một khoảnh đất rộng, một ngôi nhà nhỏ bé. Buồng ở có thể tiều tụy, với ít đồ đạc sơ sài, nhưng quang cảnh thì tuyệt đẹp.

Người qua lại thưa thớt mà Ma-ri thường gặp mỗi buổi sáng – bà lão lưng khom, bác nông dân cục mịch và trẻ con, cười để lộ mấy cái răng sún, đều niềm nở chào Ma-ri với giọng địa phương kéo dài từng tiếng chậm rãi: "chào bà Qui-ri". Ma-ri cũng chào lại theo cách nói của vùng này: "chào cụ, chào ông". Không phải ngẫu nhiên, và cũng không vì phát minh ra chất Ra-đi mà dân ở đây quý mến Ma-ri. Đó là vì họ đã nhận thấy về tính tình, nếp sống, bà không khác gì một chị em nông dân vậy.

Vùng nghỉ mát của Ma-ri và các bạn đồng nghiệp của bà gồm mười một nóc nhà.

Nơi tập họp, là một túp lều thấp lè tè; tầm xuân, lạc tiên và nho dại leo phủ kín cả nóc. Một cái vườn thoai thoải trồng hoa đủ màu sắc. Giáo sư đại học đến ở đây, là cụ Xê-nhô-bôt một ông già bảy mươi tuổi người bé nhỏ, rất nhanh nhẹn, hơi gù, lúc nào cũng khoác bộ com-lê trắng có vạch đen, vá nhiều chỗ và đã ngã màu vàng. Dân vùng này gọi là cụ "Xê-nhô", còn bạn bè cùng đến đây nghỉ mát thì gọi đùa là "quan ba". Suốt đời sống độc thân cụ được tất cả những người xung quanh quý mến.

Từ nhà Ma-ri đến nơi tập họp phải xuống một cái dốc quanh co, ngoằn ngoèo. Mươi mười lăm người đã có mặt ở đây và đang đi lại đợi xuống thuyền chèo ra các cù lao. Trông họ chẳng khác gì một đoàn người di cư hoặc một đội nghệ sĩ dân gian sống lang thang, nay đây mai đó. Và Ma-ri như vào một môi trường hòa hợp, không làm ai ngạc nhiên gì cả.

Ma-ri đội cái mũ vải đã bạc màu, mặc một cái váy cũ, một cái áo choàng, kiểu rất xưa, đưa thợ may trong làng chữa lại, không ra áo nữ cũng chẳng thành áo nam, chân không tất chỉ đi đôi dép nhẹ. Bên cạnh một cái túi

vải đựng áo tắm và áo may-ô, như mười lăm cái túi khác vất rải rác trên bãi bể.

Nếu là một nhà báo tình cờ đến đây bạn sẽ thích thú như thế nào! Cẩn thận đấy, để khỏi xéo lên một Viện sĩ hàn lâm – đúng như vậy, đang nằm kéo dài trên cỏ – hoặc va phải một giải Nô-ben đấy! Người ta ở đây không thiếu. Bạn muốn nói vật lý ư? Đã có Giăng Pe-ranh, Ma-ri Qui-ri, Ang-đrê Đờ-biếc-nơ, Vích-to O-giê. Toán cao cấp, toán vi phân ư? Mời bạn gặp E-min Bô-ren, cái người khoác áo tắm trông như vua La-mã trong bộ áo trào! Vật lý vũ trụ? Lu-y La-pic, Sác-lơ Mô-ranh, sẽ tiếp bạn, còn nhà sử học Xê-nhô-bôt trẻ em ở đây vẫn kháo nhau rằng đó quả là một ông thánh, thuộc sử như cháo.

Nhưng cái lạ là, tất cả các nhà đại học ấy không hề nói đến vật lý sinh vật, sử hay toán. Ở đây, không có tôn ti, trật tự và ngay đến những thường thức xã giao cũng không. Ở đây, xã hội không chia thành lão làng và môn đệ, đàn anh và đàn em, mà chỉ bốn hạng người: kẻ "ngoại đạo" chưa quen biết tập tục của bộ lạc này nếu lạc rong vào đây cần phải tống đi cho nhanh; những "con voi" gồm mấy bạn không có khiếu lắm về môn bơi lội: họ được thu nhận, nhưng thành cái bung xung cho mọi người chế giễu. Sau đến "thủy thủ" xứng đáng là dân Lác-cu-ét. Cuối cùng là những thủy thủ ưu tú, những chuyên gia về các luồng nước ở bãi biển này, những nghệ sĩ bơi sải và chèo thuyền, được mọi người tặng danh hiệu "cá sấu". Ma-ri không hề bị coi là kẻ "ngoại đạo", nhưng cũng không thể có tham vọng làm "cá sấu", chỉ sau một thời gian ngắn làm "voi" coi như để tập sự đã trở thành một "thủy thủ".

Hình ảnh Ma-ri bơi ở Rôc-Vrét, giữa dòng nước mát lạnh, trong vắt và sâu, là một trong những kỷ niệm sâu sắc nhất mà tôi còn giữ được ở mẹ tôi. Được I-ren và tôi hướng dẫn theo đúng phương pháp, mẹ tôi bơi một kiểu "bướm" rất đẹp. Lúc này, người ta không còn nghĩ đến bộ tóc hoa râm lẩn trong chiếc mũ bơi, và những nét nhăn trên mặt, mà chỉ ngắm thân hình mảnh dẻ và mềm mại, đôi tay trắng muốt, cử chỉ thoăn thoắt và duyên dáng như con gái. Ma-ri tự hào về sự nhanh nhẹn, về tài bơi lội của mình. Giữa mấy vị giáo sư ở Xoóc-bon vẫn có ganh đua thể thao thầm lặng. Ma-ri đo thật chi ly các khoảng cách mà các đối thủ của mình bơi được và tuy không thách thức bơi thi công khai, bà vẫn ra sức để phá kỷ lục bơi nhanh và bơi xa của các giáo sư trường đại học. Hai con gái bà vừa là huấn luyện viên vừa là người tâm sự:

– Có lẽ mẹ còn bơi giỏi hơn bác Bô-ren, nhỉ?

– Cố nhiên rồi! Mẹ hơn xa, so sánh thế nào được!

– Bác Pe-ranh hôm nay bơi được xa đấy. Nhưng hôm qua, mẹ còn bơi xa hơn nữa, con còn nhớ không?

– Có, con trông thấy, mẹ bơi rất hay. So với năm ngoái thì mẹ đã tiến rất nhiều.

Ma-ri rất thích những lời khen đó mà bà biết là chân thật, ở lớp người cùng tuổi, bà quả là một trong những tay bơi giỏi nhất.

Tắm xong, bà ngồi phơi nắng, ăn một mẩu bánh mì khô đợi xuồng về, thỉnh thoảng lại thốt lên: “Thích thật!”

Khách du thuyền ai về nhà nấy nghỉ ngơi để ăn trưa. Đến khoảng hai giờ, họ lại tụ tập trước nhà ông xóm trưởng để đợi đi chiếc thuyền buồm trắng E-glăng-tin. Bà Qui-ri lần này không đi. Bà ngồi nhà sửa một vài bài viết về khoa học, hoặc cầm cái mai, cái kéo xén cây, ra vườn. Nhiều khi chân tay trầy da chảy máu. Thế còn khá. Có khi I-ren và E-vơ đi chơi về, thấy mẹ ngồi ôm chân vì bị sai khớp, hoặc ngón tay tím bầm do búa lỡ nện phải.

Sáu giờ chiều, Ma-ri lại ra biển tắm lần nữa, rồi quay về nhà ông xóm trưởng bằng cái cửa lúc nào cũng mở. Trên một ghế bành, sau cái cửa sổ to trông ra vịnh, có một bà cụ ngồi. Cụ rất già và rất đẹp lão, nói chuyện rất có duyên. Đó là cụ Ma-ri-li-ê. Chiều nào cụ cũng ngóng chiếc thuyền buồm trắng E-glăng-tin trở về. Ma-ri ngồi đợi bên cụ. Kìa, những cánh buồm, vàng chói dưới ánh nắng hoàng hôn, hiện trên mặt biển mờ nhạt. Thuyền cập đất liền, đoàn đi chơi biển, trên con đường dốc đã về. I-ren và E-vơ hiện ra trước tiên, cánh tay trần xám nâu vì phơi nắng, tóc cài hoa cẩm chướng đỏ do bác Xê-nho-bốt hái ở vườn tặng, mỗi lần đi chơi như thế.

Cặp mắt sáng ngời của hai cô gái, nói lên sự say sưa của chúng trong chuyến đi chơi ở cửa sông Tri-ơ, hoặc cặp bến ở đảo Mô-đê. Ở đây cỏ mọc rất mịn, quyến rũ họ vào những cuộc thi chạy mệt lả, mà mọi người đều tham gia. Cả cụ già bảy mươi, không hề phân biệt bằng cấp hoặc giải Nô-ben. Ai chạy giỏi thì giữ được uy thế. Ai chạy chậm thì bị bắt làm tù, và phải chịu để cho các tướng lĩnh trao đổi như một lũ nô lệ.

Sau bữa cơm chiều, Ma-ri mặc một cái áo choàng cũ đã 20 năm, khoác tay hai con gái, lại đi bộ đến nhà họp. Đây là buổi họp thứ ba trong ngày, để chơi đố chữ, đánh cờ hoặc đọc sách. Ma-ri được xếp vào hạng vô

địch trong môn xếp chữ, với những chữ cái xếp bằng bìa, rút từ một cái túi.

Những ngày đại hội, người ta đóng kịch, ca hát, ngâm thơ, ca ngợi những sự kiện đáng ghi nhớ trong mùa: một cuộc thi thuyền, việc vận chuyển một tảng đá lớn để mở lối cho thuyền cập bến, một chuyện suýt đắm thuyền nửa bi, nửa hài, hoặc kể tội một con mèo-già-hóa-cáo vẫn đến phá hoại vườn rau ông nhà trưởng xóm…

Nói sao hết niềm vui thích tuyệt diệu này, tết bằng ánh sáng, lời ca, nụ cười trong trẻo, tình bạn thẳng thắn và hồn nhiên giữa lớp trẻ với các đàn anh của họ. Cuộc sống đó để lại trong Ma-ri và hai con gái những kỷ niệm phong phú nhất, mà trước hết là sự giản dị.

Không nhà triệu phú nào có thể tìm thấy ở bất cứ bãi biển nào những niềm vui thích sâu sắc hơn, tế nhị hơn, thanh cao hơn các nhà thể thao sáng suốt của trường Xoóc-bon trên mảnh đất Brơ-ta-nhơ này. Mà khung cảnh cũng chỉ là một cái làng nhỏ xinh xắn – như rất nhiều làng khác – Thành công này rõ ràng có phần đóng góp của những nhà bác học hàng năm đến tụ tập ở đây….

Đến đây, bạn đọc chắc phải khẽ thốt lên: "*Trời! Sao lại có những người thẳng thắn, thuần phục như vậy! Thân ái, tin yêu nhau như vậy!*". Bạn bè của Ma-ri, từ người đã thấy bà khi ra đời, đến người quen biết lúc bà tuổi già, có lẽ không ai là nhân vật hấp dẫn, đối với những nhà viết tiểu thuyết sính màu ảm đạm. Họ sẽ ngạc nhiên, khi thấy có những gia đình như gia đình Xkhua-đốp-xki hoặc Qui-ri, ở đây cha mẹ con cái không thù ghét nhau, ở đây con người chỉ có tình thương, không ai nghe trộm ở cửa, không ai nghĩ đến phản trắc, đến gia tài, không ai giết ai, mà người ta lại còn hoàn toàn trung thực! Và những môi trường như các nhóm giáo sư đại học người Pháp hoặc người Ba-Lan tuy cũng có những nhược điểm, chưa hoàn thiện như tất cả mọi người khác, nhưng đều tha thiết với một lý tưởng không bao giờ bị phai mờ vì đắng cay hoặc xảo trá.

Ở đây, con mắt tinh đời nhất cũng khó mà phân biệt được nhà bác học và người mới đi vào nghiên cứu, ai nghèo và ai giàu. Trong những ngày nắng ráo cũng như những hôm mưa rào vùng Brơ-ta-nhơ, tôi chưa hề một lần nào nghe nói đến tiền. Người cao tuổi nhất trong chúng tôi là cụ Xê-nhô-bôt đã nêu một tấm gương cao cả và kín đáo. Cụ không nói lý thuyết hoặc đạo đức, nhưng trong cư xử, cụ tỏ ra rộng rãi. Cái nhà của cụ luôn rộng mở, thuyền du lịch E-glăng-tin và mấy chiếc ca-nô của riêng cụ, cụ để mọi người dùng chung. Và vào những dịp dạ hội, trong ánh sáng tưng bừng của đèn

lồng mỗi khi đàn ác-coóc cử lên một điệu nhảy pôn-ca dân vũ Ba Lan, hoặc một điệu múa hai đôi đối đáp theo dân vũ Anh… thì từ chủ nhà đến người giúp việc, từ viện sĩ Hàn lâm đến cô thôn nữ, từ người thủy thủ Brơ-ta-nhơ đến cô gái Pa-ri ai nấy đều tham gia hồn nhiên vui vẻ.

CHƯƠNG XXIII

CHÂU MỸ

Một buổi sáng tháng năm 1920, một phụ nữ nhỏ nhắn, mảnh khảnh chân đi tập tễnh do một tai nạn từ bé bước vào Viện Ra-đi-om. Đó là bà Mê-lô-nây chủ bút một tờ thời báo lớn ở Niu-Yoóc. Nhìn thân hình bên ngoài khó mà đoán được đó là một phụ nữ hoạt động tháo vát. Tóc hoa râm, khuôn mặt xanh xao, rất đẹp, đôi mắt đen to, thơ mộng. Giọng run run, người khách hỏi chị thường trực không biết bà Qui-ri có nhớ buổi hẹn gặp mặt hôm nay không….

Buổi hẹn này, bà Mê-lô-nây mong đợi nó từ lâu. Bà là một trong những người khâm phục và ngưỡng mộ cuộc đời và sự nghiệp của Ma-ri Qui-ri. Và vì còn là một phóng viên nổi tiếng, bà đã tìm mọi cách để đến gần con người mà mình chiêm ngưỡng.

Sau rất nhiều lần xin phỏng vấn không kết quả, nhà báo Mỹ nhờ một bác sĩ quen thân, gửi Ma-ri bức thư khẩn khoản sau đây:

… "*Cha tôi là một thầy thuốc, vẫn từng nói rằng không thể thổi phồng tầm quan trọng, chẳng có gì đáng kể của con người. Nhưng đối với tôi, từ hai mươi năm nay, bà là một nhân vật quan trọng. Và chỉ xin bà cho được gặp vài phút*"…

Ngày hôm sau, bà được Ma-ri Qui-ri tiếp ở phòng thí nghiệm của nhà bác học.

Về sau, bà Mê-lô-nây viết:

"*Cửa mở, một người đàn bà bước vào, xanh xao và nhút nhát. Tôi chưa từng thấy một vẻ mặt buồn đến vậy. Bà mặc một cái áo vải bông đen, khuôn mặt rất đẹp, dịu dàng và kiên nhẫn, biểu lộ một vẻ lơ đãng, thoát tục của những người suốt đời cống hiến cho khoa học. Tôi bỗng có cảm giác như mình đến quấy rầy.*

Thế là tôi trở nên nhút nhát hơn cả bà Qui-ri nữa. Từ hơn hai chục

năm, tôi là một nhà báo chuyên nghiệp. Nhưng đứng trước người đàn bà yếu ớt mặc đồ đen đó, tôi không hỏi được một câu nào. Tôi ấp úng, thanh minh rằng phụ nữ Mỹ rất chú ý đến sự nghiệp lớn lao của bà, như để xin lỗi vì sự tò mò của mình.

Muốn làm cho tôi ngạc nhiên, Ma-ri Qui-ri nói về chuyện châu Mỹ:

– *Nước Mỹ có 50 gam Ra-đi – bà nói – Bốn ở Ban-ti-mo, sáu ở Đăng-ve, bảy ở Niu-Yoóc.*

– *Thế còn ở Pháp? – Tôi hỏi.*

– *Phòng thí nghiệm của tôi chỉ có hơn một gam Ra-đi thôi.*

– *Bà chỉ có một gam Ra-đi thôi à?*

– *Tôi ấy à? Tôi chẳng có gì cả. Gam Ra-đi ấy là của phòng thí nghiệm.*

Tôi quay sang nói về bằng sáng chế, về những quyền lợi đáng ra đã làm cho bà trở thành rất giàu. Bà bình thản nói:

– *Chất Ra-đi không được làm giàu ai cả. Nó thuộc sở hữu của mọi người.*

– *Nếu bà có thể nêu lên một vật gì mà bà muốn có trên thế giới này, bà sẽ chọn cái gì?*

Câu hỏi thật ngớ ngẩn – nhưng có một hậu quả không ngờ... Trong tuần đó, tôi được biết là trên thị trường một gam Ra-đi có giá mười vạn đô-la. Tôi cũng biết phòng thí nghiệm của bà Qui-ri mới xây dựng, đang thiếu phương tiện và số Ra-đi dự trữ ở đó chỉ đủ để làm những ống khói tỏa Ra-đi dùng để chữa bệnh mà thôi".

Bà Mê-lô-nây không khỏi ngạc nhiên sửng sốt. Bà đã đi thăm những phòng thí nghiệm đồ sộ của nước Mỹ, nhất là ở E-đi-sơn, giống như một lâu đài. Bên cạnh những công trình nguy nga ấy viện Ra-đi-om của nước Pháp, tuy mới làm nhưng trông thật thiểu não.

Người nữ phóng viên Mỹ cũng đã từng biết những nhà máy ở Pít-

xbóc chế biến quặng Ra-đi, với những cột khói đen tỏa trên bầu trời và những đoàn xe lửa dài chuyên chở thứ quặng chứa đựng chất Ra-đi quý giá…

Giờ đây, bà đang ở Pa-ri, trong một gian phòng bày biện sơ sài, cũng giản dị như người đã khám phá ra chất Ra-đi. Bà hỏi Ma-ri:

– Bà có mong muốn gì không?

Bà Qui-ri dịu dàng đáp:

– Tôi cần một gam Ra-đi để tiếp tục nghiên cứu nhưng không mua được. Đối với tôi, chất Ra-đi đắt quá!

Bà Mê-lô-nây chợt nảy ra một ý định to lớn: làm thế nào cho nhân dân Mỹ biếu bà Ma-ri Qui-ri một gam Ra-đi.

Trở về Mỹ, thoạt tiên bà đi vận động mười phụ nữ triệu phú Mỹ mỗi người giúp một vạn đô-la để mua tặng phẩm đó. Không kết quả. Chỉ có ba nhà hảo tâm sẵn sàng giúp. Lúc này bà Mê-lô-nây tự hỏi: "*Sao ta lại không mở ra một cuộc quyên góp trong tất cả những phụ nữ Mỹ?*".

Bà đứng ra lập một tiểu ban gồm nhiều nhà trí thức Mỹ và phát động trong các thành phố nước Mỹ một phong trào đóng góp vào Quỹ Ra-đi của Ma-ri Qui-ri. Và chỉ một năm sau, kể từ cuộc phỏng vấn với Ma-ri, bà đã có thể biên thư cho nhà nữ bác học: "*Tiền đã có. Bà sẽ có Ra-đi!*"

Phụ nữ Mỹ rất sốt sắng giúp Ma-ri Qui-ri, nhưng lại muốn mời bà sang thăm nước Mỹ.

Ma-ri do dự. Từ trước đến nay bà rất ngại ra mắt công chúng. Chỉ riêng việc nghĩ đến sự phô trương xa hoa của một cuộc đi thăm nước Mỹ, cái nước thèm khát quảng cáo nhất thế giới, cũng đủ làm cho Ma-ri phát hoảng.

Nhưng bên mời cứ nài mãi.

– Bà ngại xa rời hai cô con gái ư? Chúng tôi xin mời cả hai chị cùng đi. Ngại đón tiếp phiền phức? Sẽ có một chương trình hạn chế mọi nghi lễ long trọng đến mức vừa phải. Mời bà sang nước Mỹ? Chúng tôi hứa, bà sẽ có một chuyến đi thích thú.

Cảm kích, Ma-ri đành gạt lo ngại và lần đầu tiên trong đời mình, khi đã năm mươi lăm tuổi, bà nhận những ràng buộc của một cuộc đi thăm chính thức long trọng.

Nói đến du lịch thì I-ren và E-vơ rất hứng thú, tíu tít chuẩn bị. E-vơ nằng nặc bắt mẹ phải sắm một hoặc hai chiếc áo mới và để lại Pa-ri những chiếc áo mà Ma-ri ưng mặc nhất, đã cũ và bạc màu. Chung quanh Ma-ri ai nấy bận rộn, vội vã. Báo chí bắt đầu nói đến những cuộc đón tiếp và nghi lễ đang đợi Ma-ri ở bên kia Đại Tây Dương. Còn chính phủ Pháp thì lo đến vấn đề phải tặng nữ bác học những danh hiệu gì cho xứng đáng với tiếng tăm lừng lẫy của bà. Người Mỹ khó hiểu tại sao Ma-ri Qui-ri lại không có chân trong Hàn lâm học Pa-ri, lại không được Bắc đẩu Bội tinh… Người ta vội tặng bà danh hiệu này, nhưng một lần nữa, bà từ chối.

Cuối tháng tư 1921, Ma-ri cùng hai con gái đáp tàu O-lim-pích sang Mỹ. Ba mẹ con chỉ có một hòm hành lý, nhưng được ở gian phòng sang nhất của chiếc tàu hàng hải này. Trước những bàn ghế quá lộng lẫy, những bữa ăn quá thịnh soạn, Ma-ri dè dặt, ngượng ngùng như một nông dân. Để khỏi bị quấy rầy, bà ở miết trong phòng, khóa cửa để quên cuộc đi thăm chính thức này bằng cách nhớ lại những kỷ niệm êm đềm phẳng lặng trong cuộc sống bình thường của mình.

Ma-ri viết thư cho bà Giăng Pe-ranh, ngày 10 tháng 5 1921:

"*Hăng-ri-ét thân! Xuống tàu thì được thư chị. Nó làm tôi vui thêm. Có đâu không lo ngại mà tôi từ giã nước Pháp mà đi một chuyến xa như vậy, nó không hợp tí nào với sở thích và nếp sống của tôi.*

Trên tàu chẳng thú vị gì cả. Biển u ám, ồn ào. Không ốm, nhưng tôi cũng thấy hơi say sóng nên phần lớn thời gian chỉ ở trong buồng tàu. Hai cháu có vẻ thích lắm. Bà bạn Mỹ đi cùng chúng tôi, tìm mọi cách tranh thủ tình cảm của chúng. Bà ấy quả là khéo.

*Tôi nhớ trại hè Lác-cu-ét (*Larcouëst-NS*) và những giờ phút đẹp đẽ mà rồi đây sẽ lại được sống ở đấy, nhớ khu vườn mà chị sẽ đến để được yên tĩnh, nhớ biển xanh và dịu, và đôi ta cùng thích, nó quả là niềm nở hơn cái đại dương lầm lì lạnh lẽo này. Tôi lại nghĩ đến đứa con mà cháu gái lớn của chị sẽ sinh, và sẽ là thành viên trẻ nhất của trại hè chúng ta – đại diện đầu tiên của thế hệ mới. Hy vọng rằng sau nó, nhiều đứa khác nữa ra đời, những*

con của con chúng ta…".

Niu-Yoóc, cao vút và nguy nga, hiện ra trong sương mù ban mai của một ngày nắng ráo. Các nhà báo, nhiếp ảnh và điện ảnh, và rất nhiều công chúng đứng chờ ở bên để đón nhà nữ bác học. Có kẻ sẽ phải đợi năm, sáu tiếng đồng hồ mới thấy người mà các báo gọi là "***Vị ân nhân của loài người***". Hàng đoàn hướng đạo gái và học sinh gái, và một phái đoàn ba trăm phụ nữ vẫy những bông hoa hồng, đỏ và trắng: đỏ là đại biểu nhân dân Ba Lan tại Mỹ. Cờ Mỹ, cờ Pháp, cờ Ba Lan, màu rực rỡ phấp phới trên hàng ngàn đôi vai chen chúc và khuôn mặt hồ hởi.

Trên boong hạng nhất tàu Ô-lim-pích, người ta mời gần như lôi kéo Ma-ri ngồi vào ghế bành to. Bốn mươi ống kính, máy ảnh và quay phim túm tụm chĩa vào chen chúc, khép mãi vòng vây quanh thân hình bé nhỏ và nét mặt mệt nhọc, ngỡ ngàng của nhà nữ bác học. Rồi tiếng phóng viên, tiếng nhà báo cứ rối lên bốn phía.

"Xin bà nhìn phía này cho"

"Xin bà ngẩng đầu lên một tí"

"Xin quay sang phải"

"Xin sang trái"

"Xin nhìn về đây"

......

Những cố gắng gay gắt của Ma-ri để đứng trong bóng tối, ở Pháp, phần nào đã có kết quả: bà đã làm cho người đương thời, và ngay đến họ hàng thân thuộc tin rằng một nhà bác học lớn chẳng phải một nhân vật quan trọng gì. Nhưng vừa đặt chân đến Niu-Yoóc, thì tấm màn bị kéo xuống và sự thật hiện ra. Lúc này I-ren và E-vơ mới thấy rõ người mẹ bấy lâu sống âm thầm, khiêm tốn, đối với thế giới là thế nào.

Mỗi bài diễn văn, mỗi dấy động trong lòng công chúng, mỗi cột báo đều nói lên một lòng mến phục sâu sắc. Các báo Mỹ ca ngợi với những đầu đề chữ to: "*Vẻ đẹp đơn sơ của người khách quý mệt mỏi*", "*Một phụ nữ nhút nhát*", "*Một nhà nữ bác học ăn mặc quá xoàng xĩnh*"…

Tôi không có ý định đánh giá ở đây tâm hồn của cả một dân tộc. Tôi sẽ không căn cứ vào những cột báo mà phê phán nước Mỹ – dù sao sự hào

hứng của dân Mỹ biểu lộ trong sự đón tiếp Ma-ri Qui-ri chẳng có ý nghĩa sâu sắc ư? Châu Âu thường cho là người Mỹ có đầu óc thực tế; nhưng trong cuộc đón tiếp Ma-ri, một làn sóng lý tưởng đã tràn đến tận chân nhà bác học. Một bà Qui-ri kiêu kỳ, nhờ những phát minh khoa học của mình mà giàu sang phú quý có lẽ chỉ gây sự tò mò ở Mỹ mà thôi. Bà sẽ không được một sự mến thương rộng rãi như vậy. Qua nhà nữ bác học quá đỗi nhút nhát, nhân dân Mỹ hoan nghênh một thái độ trước cuộc sống làm cho họ cảm động: đó là lòng khinh miệt lợi nhuận, lòng tận tụy với một sự nghiệp trí tuệ, là nhiệt tình phục vụ.

Phòng của bà Mê-lô-nây tràn ngập hoa – có một người trồng hoa bị ung thư được chất Ra-đi chữa khỏi, đã ra sức vun trồng, từ hai tháng nay, mấy khóm hồng thật đẹp để tặng Ma-ri – người ta lui tới tấp nập để ấn định chương trình đi thăm nước Mỹ của Ma-ri. Các thành phố, các trường đại học đều mời nhà nữ bác học và tặng bà hàng chục huy chương cùng học vị danh dự…

– Bà có mang theo bộ y phục đại học chứ? – Bà Mê-lô-nây nói – Trong những buổi lễ đó cần ăn mặc đúng nghi thức đấy.

Nụ cười ngây thơ của Ma-ri làm mọi người sửng sốt. Thì ra, Ma-ri, từ khi vào dạy ở Xoóc-bon, chưa hề nghĩ đến may một bộ y phục đại học mà đáng ra mỗi giáo sư Xoóc-bon phải có.

Thế là người ta lại phải gọi thợ đến, cắt may ngay chiếc áo nghi lễ bằng lụa đen viền cổ nhung để rồi đây sẽ khoác thêm những áo choàng rực rỡ kèm theo học vị tiến sĩ.

Từng đoàn học sinh gái, mặc áo choàng trắng, đứng hai hàng dọc trên những con đường chói nắng. Hàng nghìn em gái, chạy ùa trên bãi cỏ, đón xe của Ma-ri, vẫy cờ, hoa, hoan hô và ca hát đồng thanh… Quả là ban tổ chức tiếp đón có sáng kiến tranh thủ tình cảm của Ma-ri bằng cách để bà tiếp xúc trước tiên với tầng lớp thanh niên và sinh viên hào hứng!

Cùng những học sinh các trường đó – một tuần lễ sau – lại tham gia cuộc mít tinh khổng lồ của các tổ chức phụ nữ đại học. Và liền hai hôm sau là cuộc tiếp đón của năm trăm bảy mươi ba đại biểu các hội khoa học Mỹ. Ma-ri lúc này đã mệt lử. Giữa đám đông công chúng, chen chúc, ồn ào, một người đàn bà mảnh khảnh vừa mới từ một cuộc đời ẩn dật đến đây, cuộc đọ sức quả là không đồng đều. Những lời hoan hô ầm ĩ làm cho Ma-ri bàng

hoàng. Những cái nhìn chăm chú làm bà phát sợ. Nhất là cảnh xô đẩy chen lấn nhau trên đường đi qua, bà tưởng chừng như đám người chen chúc đó sắp nghiền nát mình. Và đây, một phụ nữ Mỹ, quá ngưỡng mộ Ma-ri, đã bắt tay chặt đến nỗi nhà bác học phải tiếp tục cuộc hành trình với một cổ tay bị xái, phải đeo tay lên cổ, một thương binh của danh vọng.

*

*   *

"*Nhà phát minh ra Ra-đi được những người Mỹ tặng một kho tàng vô giá*". Những nhà báo, đăng cái tin rất kêu đó sẽ ngạc nhiên biết bao nếu họ biết rằng Ma-ri không nhận cho mình cái gam Ra-đi do nước Mỹ tặng. Ngay buổi tối hôm trước, khi bà Mê-lô-nây đưa cho Ma-ri xem, để thông qua văn bản trao tặng. Ma-ri đã đọc rất cẩn thận rồi khoan thai nói:

– Cần thêm một chi tiết. Gam Ra-đi mà nước Mỹ biếu tôi sẽ mãi mãi thuộc về khoa học ngày nào tôi còn sống, đương nhiên tôi sẽ chỉ dùng nó vào công việc nghiên cứu khoa học. Nhưng nếu để thế này, thì sau khi tôi chết đi, chất Ra-đi đó sẽ trở thành tài sản tư nhân, nghĩa là của con gái tôi. Như thế không được. Tôi muốn tặng lại phòng thí nghiệm của tôi. Ta có thể mời trạng sư đến được không?

Hơi bị đột ngột, bà kia vội đáp;

– Thế nhưng… Được lắm chứ. Nếu ý bà như vậy. Chúng tôi sẽ làm các thủ tục đó vào tuần sau.

– Không để tuần sau, hoặc để ngày mai. Mà ngay chiều nay. Vì văn bản trao tặng sẽ có giá trị pháp lý ngay, biết đâu, vài giờ nữa, tôi có thể chết.

Tìm mãi mới được một trạng sư đến để cùng với Ma-ri thảo ra chứng từ bổ sung. Và Ma-ri đã ký ngay vào đó.

Trước sức khỏe sút kém của Ma-ri, chương trình đi các nơi phải rút ngắn, chỉ giữ lại những buổi đón tiếp quan trọng, không thể cắt được… nhưng riêng những buổi này cũng đủ làm mệt nhoài một lực sĩ vạm vỡ nhất! Ngày 28 tháng 5, ở Niu-Yoóc, Ma-ri được tặng học vị tiến sĩ danh dự trường đại học Cô-lôm-bi-a. Ở Si-ca-gô, bà được bầu làm ủy viên danh dự trường

đại học thành phố này, được tặng nhiều học vị danh dự và dự mấy cuộc đón tiếp. Cảm động nhất là cuộc gặp mặt trong khu vực người Ba Lan ở Si-ca-gô, chỉ có dân Ba Lan đi dự. Họ không chỉ hoan nghênh nhà nữ bác học mà chính là hoan nghênh Tổ quốc xa xăm mà bà là tượng trưng sống. Đàn ông, đàn bà, nước mắt giàn giụa vây quanh Ma-ri, hôn tay, níu áo…

Ngày 17 tháng Sáu, Ma-ri một lần nữa phải cắt cuộc hành trình. Huyết áp xuống quá thấp làm các bác sĩ lo ngại. Ma-ri phải nghỉ ngơi, sau còn cố gắng đi thăm hai thành phố và năm trường đại học. Và đến 28 tháng 6, bà lại đáp tàu Ô-lim-pích trở về, buồng tàu tràn ngập hoa và những bức điện khắp nơi gửi đến…

Trong sổ tay của mình chính Ma-ri Qui-ri cũng tự đặt những câu hỏi. Và bà đã trả lời:

"*Rất nhiều bạn tôi cho rằng nếu Pi-e và tôi cứ giữ lấy bản quyền phát minh, chúng tôi đã có những phương tiện tài chính cần thiết để xây dựng một viện Ra-đi-om đàng hoàng, mà không vấp phải trở ngại, đã cản trở chúng tôi, và ngày nay vẫn còn cản trở bản thân tôi. Tuy nhiên, tôi vẫn tin rằng chúng tôi đã làm đúng.*

Nhân loại hẳn là cần có những người thực tế. Họ luôn luôn cố đạt được nhiều nhất, về công việc của họ và biết giữ gìn quyền lợi của bản thân mà không quên lợi ích chung. Nhưng, nhân loại cũng cần những người biết mơ mộng: Những người biết say sưa và vô tư theo đuổi một sự nghiệp lớn đến nỗi không thể bận tâm đến những quyền lợi vật chất của bản thân mình.

Rõ ràng là những người như vậy không thể giàu được, vì họ không muốn giàu. Tuy nhiên, một xã hội có tổ chức, đáng ra phải đảm bảo cho những người lao động đó, những phương tiện có hiệu quả để họ thực hiện nhiệm vụ, trong một cuộc sống không còn phải lo nghĩ về vật chất và hoàn toàn dành cho nghiên cứu khoa học".

CHƯƠNG XXIV

NẢY NỞ

Đối với Ma-ri Qui-ri, chuyến đi thăm nước Mỹ là một bài học. Nó chứng minh cho bà thấy rằng: cách sống ẩn dật của bà quả là bất lợi. Một nữ sinh viên có thể ngồi nhà với mấy quyển sách. Một người nghiên cứu vô danh có thể tự tách mình ra khỏi cuộc đời, và để hết tâm trí vào công việc đang làm. Nhưng một bà Qui-ri năm mươi lăm tuổi khác với một sinh viên hay là một nhà nghiên cứu. Bà có trách nhiệm về một khoa học mới, về một phương pháp chữa bệnh mới. Uy tín của Ma-ri Qui-ri to lớn, đến nỗi chỉ bằng cử chỉ hoặc chỉ bằng sự có mặt, bà cũng có thể đem lại thành công cho một dự án có ích chung nào đó. Từ nay, bà sẽ dành một chỗ trống đời mình cho những cuộc trao đổi ấy, cho sứ mạng ấy.

Những chuyến đi của Ma-ri Qui-ri đều giống nhau. Đến nhiều thủ đô, dự những hội nghị khoa học, những cuộc nói chuyện, những buổi lễ trọng thể của các trường đại học, những cuộc đi thăm các phòng thí nghiệm. Đến đâu cũng được hoan nghênh, mừng đón. Đến đâu, cũng muốn giúp ích tận tình. Mà thường phải chống lại sự suy nhược của sức khỏe.

Và mỗi lần hoàn thành nhiệm vụ chính thức của mình, phần thưởng quý nhất của Ma-ri là được biết thêm cảnh đẹp thiên nhiên. Ba mươi năm, cặm cụi trên một công việc khô khan càng làm cho Ma-ri thêm yêu vẻ đẹp của tạo hóa. Một lần đi trên chiếc tàu nhỏ của Ý qua miền Nam Đại Tây Dương, bà đã vui thích, hồn nhiên như một đứa trẻ. Bà viết thư cho E-vơ:

"*Mẹ đã trông thấy cá bay! Mẹ cũng nghiệm thấy như là mình không có bóng khi mặt trời chiếu thẳng xuống đầu. Rồi lại thấy những hành tinh quen thuộc lặn xuống biển: sao Bắc đẩu, Đại hùng tinh. Ở phía nam, có hiện ra sao ThậpPhương Nam, rất đẹp. Mẹ hầu như không biết gì về những ngôi sao ở phương trời nầy*".

Bốn tuần lễ ở Ri-ô Đờ Gia-nây-rô, cùng đi với I-ren để nói chuyện về khoa học là bốn tuần lễ nghỉ ngơi dễ chịu.

Đi Ý, Hà Lan, Anh nhiều lần. Năm 1931, cùng với E-vơ sang Tây Ban Nha.

Không còn nơi nào trên thế giới mà người ta không biết tên tuổi Ma-ri Qui-ri. Người ta thấy một bức chân dung của Ma-ri treo trong một đền thờ Khổng Phu Tử tại một thành phố nhỏ của Trung Quốc. Những bậc hiền ở đây đã xếp ảnh bà bên cạnh những "***ân nhân của loài người***": Nhà triết học Pháp Đề-các, nhà vật lý học Anh Niu-tơn, Đức Phật và những vua chúa trong lịch sử Trung Quốc.

*

*　　*

Ngày 15 tháng 5 năm 1922 ở Giơ-ne-vơ, Hội Quốc liên nhất trí bầu bà "Qui-ri Xkhua-đốp-xka" làm hội viên Hội đồng Quốc tế hợp tác Trí thức.

Trong đời của Ma-ri đây là một sự kiện quan trọng. Từ khi bà lừng danh, có hàng trăm hội ái hữu, hội lên hiệp, đoàn thể mời bà gia nhập, để có thể dựa vào tên tuổi của bà. Ma-ri đều từ chối. Bà không muốn chỉ có tên trong những tổ chức mà mình không có thì giờ tham gia. Vì vậy, việc bà gia nhập vào hội Quốc liên có một ý nghĩa đặc biệt. Về sau, bà được bầu làm Phó chủ tịch Hội đồng Quốc tế hợp tác trí thức và tham gia nhiều tiểu ban chuyên môn cũng như ban lãnh đạo Viện hợp tác trí thức ở Pa-ri.

Sẽ không hiểu đúng con người lý tưởng nhưng cũng thực tế đó, nếu nghĩ rằng bà ưa thích các trò làm xiếc vô ích với những ý kiến chung chung. Ở Giơ-ne-vơ, Ma-ri Qui-ri cũng làm việc – và một lần nữa bà đã phục vụ được khoa học.

Trước tình trạng mà bà gọi là sự "*hỗn loạn trong công việc khoa học trên thế giới*", bà muốn làm cho các bạn đồng nghiệp nhất trí về một số vấn đề cụ thể: thoạt trông tưởng như nhỏ bé nhưng có ảnh hưởng quyết định đến bước tiến của khoa học; đó là, tổ chức cho hợp lý khoa Tu thư; thống nhất các ký hiệu và thuật ngữ khoa học; các khuôn khổ sách xuất bản; các bản tóm tắt các công trình đăng trên các tạp chí; thiết lập các bản Hằng số để giúp cho người nghiên cứu có thể tham khảo nhanh chóng những kết quả đã đạt được trong lĩnh vực nghiên cứu của mình.

Ma-ri Qui-ri còn lưu tâm rất nhiều đến việc giảng dạy trong các trường đại học và các phòng thí nghiệm. Bà muốn cải tiến phương pháp nghiên cứu, và chủ trương phải có một "phương hướng chung" để phối hợp những cố gắng của các nhà nghiên cứu. Bà gợi ý nên có thông báo hội ý giữa các nhà bác học, đứng đầu từng ngành, như một ban tham mưu, để hướng dẫn công tác khoa học ở châu Âu.

Suốt đời mình, Ma-ri Qui-ri bị một ý nghĩa day dứt. Đó là vấn đề có những tài năng không được biết đến, không được sử dụng, trong những tầng lớp xã hội ít được nâng đỡ. Một nông dân, một công nhân biết đâu chẳng có mầm mống một nhà văn, nhà bác học, họa sĩ, nhạc sĩ? Ma-ri ra sức phát triển các học bổng quốc tế về nghiên cứu khoa học.

Trong một bản báo cáo, bà viết:

"*Ích lợi của xã hội là gì? Phải chăng là sự cổ vũ nảy nở của chí hướng khoa học? Xã hội đâu đã giàu đến nỗi có thể hy sinh tài năng tự đến cống hiến? Tôi nghĩ rằng một năng khiếu cần cho một chí hướng khoa học thật sự là một cái gì vô cùng quý giá, mỏng manh, một kho tàng hiếm mà để mai một đi là có tội vô lý; phải hết sức chăm sóc đến nó, tạo mọi cơ hội cho nó nẩy nở...*"

Và đây là một trái ngược. Nhà nữ vật lý vẫn hằng thoái thác quyền lợi vật chất, lại tích cực bênh vực "quyền sở hữu khoa học" cho các đồng nghiệp mình. Bà muốn lập ra một "bản quyền tác giả" của các nhà bác học nhằm khen thưởng những công trình đã được dùng làm cơ sở cho những áp dụng công nghiệp. Ước mơ của bà là làm thế nào khắc phục tình trạng nghèo nàn của các phòng thí nghiệm, bằng một khoản trợ cấp cho nghiên cứu trích trong những lời lãi về thương mại.

Chỉ một lần bà gác lại một bên những vấn đề thực tế và đến chủ tọa ở Ma-đrit năm 1933 một cuộc họp về "Tương lai của văn hóa", có các nhà văn, các nghệ sĩ của nhiều nước đến tham dự. Như lời của Pôn Va-lê-ri nhà thơ Pháp đã có sáng kiến triệu tập cuộc họp, đó là "*Cuộc gặp mặt của những Đông Ki-sốt của trí tuệ đang chiến đấu với những cối xay gió của mình*". Do uy tín và những tham luận độc đáo của mình, Ma-ri làm hội nghị ngạc nhiên. Các đại biểu lên tiếng báo động, vạch rõ nguy cơ của sự "chuyên môn hóa", sự "tiêu chuẩn hóa" và cho rằng khoa học chịu một phần trách nhiệm về cuộc "khủng hoảng văn hóa" trên thế giới. Lúc này, mới thấy một hình ảnh

rất đẹp, có lẽ còn Đông Ki-sốt hơn tất cả những Đông Ki-sốt[52] có mặt – bênh vực, với một niềm tin tưởng như xưa, lòng ham mê tìm tòi, sự ưa thích khám phá và phát minh. Tóm lại, những ham mê vẫn hằng chi phối cuộc đời mình.

Bà nói:

– Tôi nghĩ rằng khoa học có một vẻ đẹp lớn lắm. Nhà bác học trong phòng thí nghiệm, đâu chỉ là một người có kỹ thuật – đó cũng như là một đứa trẻ, xúc động trước các hiện tượng thiên nhiên như khi đọc một chuyện thần thoại, ...chúng ta không nên để cho ai lầm tưởng rằng: mỗi tiến bộ về khoa học rút cục cũng chỉ là động cơ, là máy móc, là bánh xe răng cưa ăn khớp với nhau, mà những thứ đó cũng mang vẻ đẹp của nó. Trong thế giới của chúng ta óc phiêu lưu chưa mất hẳn. Nếu tôi thấy xung quanh tôi có một cái gì đó sinh động, đó chính là óc phiêu lưu mạo hiểm dường như không thể bật rễ được, nó gắn liền với lòng ham muốn hiểu biết...

Đấu tranh cho một nền văn hóa quốc tế vẫn tôn trọng các nền văn hóa dân tộc. Bảo vệ nhân cách và tài năng bất cứ ở đâu. Đấu tranh để "củng cố sức mạnh tinh thần lớn lao của khoa học trên thế giới", cho một sự "giảm vũ khí trên lĩnh vực tinh thần", cho hòa bình. Đó là những cuộc chiến đấu mà bà Qui-ri đã tiến hành mà không hề dám nghĩ đến một thắng lợi nhanh chóng.

ù

Ba bốn lần về thăm quê hương Ba Lan…

Không phải về để nghỉ ngơi, để bớt căng thẳng vì công việc mà bà Qui-ri về thăm xứ sở, họ hàng. Từ khi nước Ba Lan lại được độc lập, Ma-ri lại nuôi thêm một hoài bão: lập ở Vác-xô-vi một viện Ra-đi-om, trung tâm nghiên cứu khoa học và điều trị ung thư, để phục vụ nhân dân mình.

Vừa mới thoát khỏi ách đô hộ lâu năm, nước Ba Lan rất nghèo, nghèo tiền, nghèo cả người chuyên môn. Ma-ri không có thì giờ tự đi giao dịch, gây vốn. Người đầu tiên sát cánh với Ma-ri là chị ruột. Tuy đã già nhưng vẫn hăng hái nhiệt tình như ba mươi năm về trước, Brô-ni-a lao ngay vào công việc, vừa là kiến trúc sư, vừa đi giao dịch, vừa giữ quỹ.

Đất nước Ba Lan tràn ngập áp phích và tem có in chân dung bà Qui-ri. Người ta quyên tiền, hoặc nói đúng hơn là quyên gạch "Hãy mua một viên gạch để xây dựng Viện Ma-ri Xkhua-đốp-xka Qui-ri!". Lời kêu gọi in trên hàng ngàn bưu ảnh có kèm một câu viết tay của nhà nữ bác học: "*Mong muốn sâu sắc nhất của tôi là lập một viện Ra-đi-om ở Vác-xô-vi*". Cuộc vận động này được sự giúp đỡ nhiệt tình của nhà nước Ba Lan, thành phố Vác-xô-vi và nhiều tổ chức quan trọng ở Ba Lan.

Gạch quyên được ngày càng nhiều… Và đến năm 1925, Ma-ri lại đến Vác-xô-vi đặt nền móng cho viện Ra-đi-om. Một cuộc về thăm thắng lợi: hồi tưởng lại quá khứ, hứa hẹn về tương lai… Cả dân tộc thắm thiết đón người phụ nữ mà báo chí gọi là "**Vị phu nhân thứ nhất của nước Cộng hòa Ba Lan**". Các trường đại học, các viện Hàn lâm, các thành phố Ba Lan đều tặng Ma-ri những danh hiệu cao quý nhất.

Một buổi sáng nắng ráo, tổng thống nước cộng hòa Ba Lan đặt viên gạch đầu tiên, xây Viện Ra-đi-om, bà Qui-ri đặt viên thứ hai, và chủ tịch thành phố đặt viên thứ ba…

Không một chút gì nghi thức cứng rắn trong những buổi lễ đó! Chẳng phải vì lịch thiệp hay xã giao mà tổng thống Xta-ni-xoap Vôi-trê-khốp-xki (*Stanislav Wojciechowski*-NS) khen Ma-ri nói tiếng mẹ đẻ rất sõi sau bấy nhiêu năm xa đất nước. Vì chính ông cũng đã từng ở Pa-ri, và là bạn của cô sinh viên Xkhua-đốp-xca. Bạn cũ gặp nhau, bao nhiêu kỷ niệm xưa được nhắc lại. Xta-ni-xoáp hỏi:

– Bà còn nhớ cái gối du lịch nhỏ mà bà cho tôi mượn, cách đây ba mươi năm, khi tôi trở về Ba Lan với một sứ mệnh chính trị bí mật? Nó đã giúp ích cho tôi rất nhiều!

– Nhớ lắm chứ – Ma-ri vừa cười vừa đáp lại – Tôi còn nhớ là ông còn chưa trả lại cái gối ấy cho tôi!

*

* *

Năm tháng trôi qua, gạch ngày nay đã được xây thành tường. Nhưng nào Ma-ri và Brô-ni-a đã hết long đong, vất vả. Tuy hai chị em đã đem một phần lớn vốn liếng dành dụm của mình vào sự nghiệp này, tiền vẫn chưa đủ

để mua số lượng Ra-đi cần thiết cho công cuộc điều trị bệnh ung thư.

Viện Ra-đi-om Vác-xô-vi được khánh thành ngày 29 tháng 5 năm 1932 đánh dấu thành công mỹ mãn về sự nghiệp chung của Ma-ri, Brô-ni-a và nhà nước Ba Lan. Từ mấy tháng trước, viện đã nhận bệnh nhân đến điều trị theo phương pháp Qui-ri.

Đó là lần cuối cùng Ma-ri về Ba Lan, thăm lại những phố cũ của thành phố quê hương, dòng sông Vít-xtuyn mà mỗi lần Ma-ri đều ngắm với lòng dạt dào nhớ nhung, hầu như hối hận.

Những lá thư gửi cho E-vơ, đã tả lại dòng nước ấy, mặt đất ấy, những mảnh đá ấy, với một tình cảm quyến luyến mãnh liệt.

"*Sáng hôm sau, mẹ đi chơi một mình trên bờ Vít-xtuyn. Dòng sông lững lờ, uốn khúc trong lòng sông rộng. Ở gần, nước màu xanh lá cây; xa xa, có ánh mặt trời, nước màu xanh da trời. Những cồn cát đáng yêu lấp lánh dưới ánh nắng, thường nổi lên nhấp nhô, khiến cho nước chảy ngoằn ngoèo. Mẹ cảm thấy một nhu cầu không thể cưỡng nổi cần ra chơi trên những bãi cát chan hòa ánh nắng tuyệt vời ấy.*

Một bài hát vùng Cra-cô-vi ngợi ca sông Vít-xtuyn như sau: dòng sông Ba Lan có một vẻ đẹp quyến rũ đến nỗi ai đã đem lòng say mê đều sẽ yêu đến trọn đời. Cái đó rất đúng với mẹ".

Năm 1920, một viện Qui-ri được thành lập ở Pháp để thu thập những tặng vật, những trợ cấp và nâng đỡ công tác khoa học và y học của viện Ra-đi-om.

Năm 1922, ba mươi nhăm viện sĩ Viện Hàn lâm Y học gửi kiến nghị cho các bạn đồng nghiệp đề nghị mời bà Qui-ri vào Viện Hàn lâm Y học, làm viện sĩ tự do vì sự đóng góp của bà vào việc phát minh ra chất Ra-đi và một phương pháp chữa bệnh mới. Không những sáu mươi tư viện sĩ y học đã bầu một phụ nữ, mà lại bầu một người không ứng cử. Thật là một bài học cho Viện Hàn lâm Khoa học Pháp.

Ngày 7 tháng 2 1922, sau cuộc bỏ phiếu thắng lợi rực rỡ, chủ tịch Viện Hàn lâm Y học nói:

– Chúng tôi chào bà, một nữ bác học lớn, suốt đời tận tụy với

công tác khoa học, đầy hy sinh gian khổ, một người yêu nước, luôn luôn làm hơn cả nhiệm vụ của mình, trong thời chiến cũng như trong thời bình. Sự có mặt của bà đem lại cho chúng tôi ảnh hưởng tốt đẹp của tấm gương sáng và vinh dự của một danh tiếng lừng lẫy, làm chúng tôi rất đỗi tự hào. Bà là người phụ nữ đầu tiên ở Pháp được bầu vào viện Hàn lâm mà không phụ nữ nào xứng đáng hơn.

Năm 1923, Viện Qui-ri quyết định kỷ niệm trọng thể hai mươi nhăm năm phát minh ra Ra-đi – Chính phủ Pháp tặng bà Qui-ri một khoản trợ cấp hàng năm là bốn mươi nghìn phơ-răng, sau này khi bà chết sẽ chuyển cho hai con gái hưởng.

Ma-ri trong buổi chiều tà của đời mình, được nhân dân ngưỡng mộ trên khắp năm châu, đến đâu cũng là khách quý của các chủ tịch nước, các đại sứ, các vua chúa.

Một hình ảnh luôn luôn nổi lên giữa kỷ niệm mỗi buổi lễ tân, mỗi buổi đón tiếp ấy là khuôn mặt nhợt nhạt, không sắc thái, hầu như thờ ơ, của mẹ tôi.

Xưa kia mẹ tôi thường nói:

– Trong khoa học ta nên chú ý đến sự việc mà không nên chú ý đến con người.

Cuộc đời đã cho Ma-ri thấy rằng các dân tộc và các chính phủ đều chú ý đến sự việc qua con người. Dù muốn hay không, bà đã chịu để cho các câu chuyện truyền thuyết về đời mình tôn thêm giá trị của khoa học và giúp cho các viện khoa học thêm phong phú. Bà đã trở thành người tuyên truyền cổ vũ cho một sự nghiệp mà lòng mình vẫn hằng tha thiết.

Còn bản thân nhà nữ bác học, không có gì thay đổi: vẫn cái tính sợ sệt trước công chúng, vẫn tính nhút nhát, làm đôi tay lạnh toát, cổ họng rất khô. Cố gắng đến thế nào, Ma-ri Qui-ri vẫn không thể thỏa hiệp với danh vọng và không bao giờ tán thành điều mà bà gọi là những dấu hiệu của sự sùng bái mê tín.

CHƯƠNG XXV

ĐẢO XANH LU-I

Mỗi lần Ma-ri trở về sau một hành trình đầy thắng lợi, E-vơ thường ra đón mẹ và ngóng trông một bà Qui-ri ăn mặc xoàng xĩnh, suốt đời đầu tắt mặt tối, hiện ra cửa sổ một toa tàu đặc biệt. Nhà bác học khệ nệ mang theo một túi xách tay màu hạt dẻ của một hội phụ nữ Ba Lan tặng. Cái túi phồng lên nào giấy tờ, nào ví, nào bao kính. Tay còn cặp thêm một bó hoa, như mọi bó hoa được tặng ở dọc đường, chỉ thêm vướng nhưng không dám bỏ.

Đặt hành lý xuống, Ma-ri lên ba tầng gác tại nhà bà tại đảo Xanh Lu-i. Trong khi Ma-ri xem qua thư từ báo chí thì E-vơ quỳ xuống đất trước những va-ly mở, bỏ từng thứ đồ đạc ra.

Xen lẫn những quần áo quen thuộc, có những áo lễ phục bằng nhung hay bằng lụa được trao tặng cùng với những bằng tiến sĩ danh dự, những hộp huân chương, những mảnh bằng – và quý hơn hết – những tờ thực đơn của các bữa tiệc mà Ma-ri sẽ cất giữ cẩn thận. Còn gì tiện bằng dùng mặt sau mấy mẩu bìa dày và cứng ấy để viết bút chì những bài tính về toán vật lý!

Sau hết là quà của I-ren và E-vơ bọc trong giấy lụa và những kỉ niệm Ma-ri thích mua vì vừa đơn giản, vừa lạ mắt. Mấy miếng gỗ dán ở bang Tếch-dát dùng để chặn giấy. Mấy lưỡi dao rất mỏng có chạm chỉ vàng của vùng Tô-lét (Tây Ban Nha) dùng để đánh dấu trang giữa những quyển sách khoa học. Mấy tấm thảm bằng len thô dệt ở miền núi nước Ba Lan dùng để trải trên những chiếc bàn xoay.

Ma-ri thường đeo ở cổ vài thứ trang sức nhỏ, mang từ vùng Cô-lô-ra-đô ở Mỹ về, đó là những miếng bạc thô mà người da đỏ thường khắc những tia chớp ngoằn ngoèo; ngoài ra còn có một dây chuyền vàng, và một trâm cài bằng ngọc tím kiểu đã cũ, rất đẹp, đó là tất cả trang sức của mẹ tôi, giá đem bán đi không được ba trăm phơ-răng.

Cái nhà ở bên Bê-tuyn thật đến lạ, rất rộng nhưng không tiện tí nào, toàn hành lang với thang gác bên trong, bà Qui-ri sống hai mươi năm trời ở

đó. Những gian phòng rộng lớn, của một ngôi nhà thế kỷ XVIII, chờ đợi mãi chẳng được những ghế bành, những trường kỷ, cân xứng với quy mô và kiểu cách của nó. Trong cái phòng khách rộng thênh thang, bộ bàn ghế bằng gỗ đào hoa tâm do cụ Qui-ri để lại được xếp đặt một cách tùy tiện. Phòng khách có thể ngồi được năm mươi người mà nhà chỉ có bốn người. Sàn đánh si bóng loáng, bước giày đi kêu ken két. Không có rèm cửa, Ma-ri chỉ thích đánh sàn bóng, thích cửa kính để trần, không che lấp một tia nắng nào. Và cũng không ngăn tầm mắt trông thấy tất cả cảnh đẹp của sông Xen và bến sông tấp nập.

Khi E-vơ còn bé và I-ren làm phụ tá cho bà Qui-ri, còn ở cùng và làm việc bên cạnh mẹ, câu chuyện quanh bàn tròn ở buồng ăn thường biến thành một cuộc hội thoại khoa học giữa nhà bác học và con gái lớn. Những công thức chuyên môn luôn luôn đập vào tai E-vơ và em thường suy diễn những câu chuyện cao xa đó theo tầm hiểu biết của mình. Thí dụ, em rất vui thích khi nghe mẹ và chị dùng những từ đại số bê-bê phẩy (Bb’) hay bê-bê bình phương (Bb^2). Những bé xa lạ mà Ma-ri và I-ren nhắc đến luôn ắt hẳn là xinh lắm, E-vơ nghĩ thế. Tại sao lại có những “bé bình phương”? Và những “bé phẩy” được ưu tiên gì?

Một buổi sáng, năm 1926, I-ren vốn tính điềm đạm báo tin cho gia đình biết là cô đã hứa hôn với Phrê-đê-rích Giô-li-ô (*Frédéric Joliot*-NS), người cộng tác xuất sắc và sôi nổi nhất của Viện Ra-đi-om. Nếp sống của gia đình đảo lộn hẳn. Một thanh niên trai trẻ, xuất hiện trong một ngôi nhà, mà ngoài một vài bạn bè thân thuộc, Ăng-đrê Đờ-biếc-nơ, Mô-rít Qui-ri, Pe-ranh, Bê-ren, Mô-ranh, không người nào khác lui tới. Đôi vợ chồng son, trước còn ở bến Bê-tuyn sau ra ở riêng, Ma-ri mừng cho con gái đã gặp hạnh phúc, nhưng không khỏi bâng khuâng vì không còn được sống từng ngày, từng giờ bên I-ren giờ đây đã thành một người cộng sự.

Nhưng rồi cuộc sống thân mật thường ngày làm cho Ma-ri hiểu thêm Phrê-đê-rích Giô-li-ô vừa là học trò, vừa là con rể, và đánh giá được những đức tính đặc biệt của con người hoạt bát đầy sức sống ấy, thì thấy rằng mọi việc đều tốt đẹp. Trước chỉ có một phụ tá thì nay có hai để cùng chia sẻ với bà mọi điều băn khoăn, cùng trao đổi về các vấn đề đang nghiên cứu, nhận những lời khuyên bảo, và rồi đây còn những gợi ý, mang lại cho bà nhiều suy nghĩ mới mẻ. Vợ chồng I-ren thường đến ăn ở nhà Ma-ri một tuần bốn bữa. Và quanh chiếc bàn tròn ở buồng ăn lại rộn lên những câu chuyện về mấy “bé bình phương” và “bé phẩy”.

– Mẹ không ra phòng thí nghiệm à?

Đôi mắt màu tro độ này đã đã đeo kính khung to gọng đồi mồi, nhìn E-vơ dịu dàng và trìu mến:

– Có, lát nữa mẹ đi. Nhưng trước đó, mẹ còn ra Viện Hàn lâm Y học. Ba giờ chiều mời họp, có lẽ đủ thì giờ. Phải, mẹ sẽ qua chợ hàng hoa… và có thể cũng ra công viên một lát.

Ba tiếng còi xe Pho gọi ở dưới nhà. Mấy phút sau, Ma-ri đã tha thẩn giữa những chậu hoa, chọn mua cây về trồng trong vườn phòng thí nghiệm bọc trong giấy báo, nhẹ nhàng đặt xuống sàn xe.

Những người làm vườn, trồng hoa rất quen biết Ma-ri, nhưng hầu như không bao giờ Ma-ri vào một cửa hàng bán hoa. Có lẽ do bản năng hay vì quen tằn tiện, bà tránh không dám mua loại hoa quý đắt tiền. Và mỗi lần bạn bè mang đến tặng những bó cẩm chướng to bông, những bó hồng rất đẹp, bà ngắm nghía, ngạc nhiên và hơi rụt rè, như đứng trước những trang sức quý giá.

Hai giờ rưỡi, chiếc xe Pho đỗ sát hàng rào sắt công viên Lúc-xăm-bua, và Ma-ri hối hả đi đến chỗ hẹn "cạnh con sư tử đá bên trái". Hàng trăm em bé đang chơi ở vườn. Một bé gái, chạy lại ôm lấy bà. Đó là Hê-len Giô-li-ô, con gái I-ren. Ma-ri bề ngoài là một bà ngoại nghiêm nghị ít bộc lộ tình cảm. Nhưng bà không ngại mất thì giờ, đi quành thêm nhiều vòng rất xa, chỉ cần để được nói chuyện vài phút với cháu bé mặc áo đỏ cứ hỏi gặng:

– Bà đi đâu đấy? Sao bà không ở đây với cháu?

Ba giờ kém mười. Đã đến lúc rời Hê-len và trò chơi bằng cát của em. Trong phòng họp nghiêm trang phố Bô-na-pác, Ma-ri đến chỗ ngồi quen thuộc, cạnh ông bạn già, bác sĩ Ru. Và một mình là nữ giữa sáu mươi đồng nghiệp nam, bà tham gia bàn bạc về công việc của Hàn lâm viện Y học.

*

*   *

"*Sao mà mệt thế*!". Hầu như chiều thứ bảy nào cũng vậy, Ma-ri Qui-

ri, mặt tái nhợt do sự mệt mỏi đẽo gọt làm cho già thêm, thốt ra câu đó. Công việc đã giữ bà ở phòng thí nghiệm đến bảy giờ rưỡi, có khi đến tám giờ.

Đáp xe về nhà, bà cảm thấy lên ba tầng gác mệt nhọc hơn ngày thường. Khoác lên vai một áo vải đen, chân đi giầy vải, bà đi đi lại lại trong nhà, chiều hôm vắng lặng, đợi chị giúp việc đến báo bữa cơm tối.

Con gái nói cũng chẳng được:

– Mẹ làm việc quá độ. Có ai sáu mươi nhăm tuổi rồi còn làm việc như vậy, mười hai đến mười bốn giờ một ngày!

Nhưng E-vơ biết rất rõ là mẹ mình không thể nào làm việc ít đi được. Đối với bà Qui-ri, làm việc ít đi là một dấu hiệu của già nua, kiệt sức… E-vơ chỉ còn một mong ước là mẹ mình còn lâu vẫn cứ đủ sức khỏe làm việc mười bốn giờ một ngày.

Từ khi I-ren ra ở riêng, bữa cơm chỉ còn hai mẹ con ngồi đối diện nói chuyện. Các chi tiết nhỏ nhặt trong một ngày dài làm việc mệt nhọc thường được Ma-ri đem ra bình luận với con gái. Dần dà những mẩu chuyện không đầu không đuôi tô thành một bức tranh bí ẩn, biến hóa về hoạt động rạo rực của phòng thí nghiệm mà Ma-ri đã gắn bó cả tâm hồn lẫn thể xác. Những máy móc và dụng cụ mà E-vơ không bao giờ trông thấy cũng trở nên quen thuộc, cũng như tất cả những người cộng tác ở phòng thí nghiệm. Bà Qui-ri nói đến họ với một giọng đầy nhiệt tình, trìu mến dường như là con cháu vậy:

– Mẹ rất bằng lòng với cái thằng Grê-goa “của mẹ”. Ngay từ đầu mẹ đã thấy là nó rất có khiếu !...(*ngừng một lúc, ăn xong món xúp*). Con biết không, hôm nay mẹ đã gặp cái anh chàng Trung Quốc “của mẹ” trong phòng vật lý. Hai bác cháu đã nói chuyện bằng tiếng Anh tràng giang đại hải: ở Trung Quốc, hễ nói ngược lại là vô phép. Và khi mẹ đề ra một giả thuyết mà anh ta vừa chứng minh được là không đúng, anh ta vẫn cứ gật gù một cách lịch sự. Thế là mình cứ phải đoán xem anh chàng có ý kiến gì khác không. Trước mặt các sinh viên Á Đông, mẹ thấy rất ngượng về kiểu cách của mình. Họ văn minh hơn chúng ta nhiều!...(*ăn đến món mứt*). À, E-vơ ạ, hôm nào ta phải mời anh sinh viên Ba Lan “của mẹ” đến ăn tối mới được. Mẹ lo anh ấy bị bơ vơ ở giữa Pa-ri mất.

Trong cái Viện Ra-đi-om như cái tháp Ba-ben[53] ấy nhiều thực tập sinh ở các nước lần lượt đến học. Bao giờ trong đám họ cũng có một sinh viên Ba Lan. Mỗi khi không thể cấp học bổng cho một đồng hương vì còn nhiều thí sinh khác giỏi hơn, bà Qui-ri thường bỏ tiền riêng ra để đảm bảo cho một sinh viên trẻ từ Vác-xô-vi đến đây học. Và anh ta không bao giờ biết cái cử chỉ hào phóng ấy.

...Đương mải mê với những câu chuyện của mình, Ma-ri chợt dừng lại, cúi xuống con gái và hỏi với một giọng khác:

– Thế nào, con gái yêu của mẹ… Kể chuyện cho mẹ nghe nào. Cho mẹ biết tin tức khắp nơi chứ!

Có thể kể bất cứ chuyện gì, cả những chuyện trẻ con. Nghe E-vơ thích thú bình luận về tốc độ lái xe của cô trung bình 70 cây số một giờ, Ma-ri tỏ vẻ chăm chú, hiểu biết. Bản thân bà, lái xe thận trọng, cũng say mê môn thể thao này, nên thường hồi hộp theo dõi những kỷ lục đạt được với chiếc xe Pho của mình. Những chuyện về cháu gái Hê-len, một lời con trẻ làm cho bà cười đến chảy nước mắt, một nụ cười bất ngờ, trẻ trung.

Ma-ri không có nhiều thì giờ để giáo dục con cái, nhưng mỗi ngày I-ren và E-vơ tiếp thu ở bà một ảnh hưởng vô cùng tốt đẹp, được sống bên cạnh một con người rất đặc biệt, không những có tài năng, mà còn có tâm hồn cao đẹp, vốn rất ghét mọi cái tầm thường nhỏ mọn. Bà Qui-ri tránh không bao giờ mang mình ra làm mẫu mực cho chị em phụ nữ khác. Với những người quá ngưỡng mộ, Ma-ri thường nói:

"*Không nhất thiết cứ phải sống một cuộc đời khác thường như tôi. Sở dĩ tôi dành được nhiều thì giờ cho khoa học là vì tôi yêu công việc nghiên cứu. Điều mà tôi mong ước cho chị em chúng ta là một gia đình bình đẳng và một việc làm mà mình ham thích.*"

Vào những bữa cơm tối êm đềm đó, đôi khi Ma-ri và E-vơ cũng nói đến tình yêu. Người phụ nữ đã từng thiệt thòi đau khổ về tình cảm ấy, tỏ ra không thích thú gì tình cảm say mê. Có lẽ bà sẽ rất tán thưởng câu nói của một nhà văn Pháp "*tình yêu không phải là một tình cảm chính đáng*".

Ma-ri viết cho E-vơ:

“*Mẹ nghĩ rằng chúng ta cần phải tìm sức mạnh tinh thần trong một lý tưởng cao, nâng những nguyện vọng, ước mơ ta lên mà không tự kiêu tự mãn. Và mẹ cũng nghĩ rằng nếu đặt tất cả ý nghĩa cuộc đời vào những tình cảm đầy giông tố bão táp như tình yêu thì thật đáng tiếc*.”

Ma-ri biết lắng nghe những lời tâm sự và hoàn toàn biết giữ kín những điều được thổ lộ đến nỗi hình như bà chưa bao giờ được nghe thấy. Ma-ri sẵn sàng giúp đỡ ai gặp khó khăn hoạn nạn. Nhưng hễ nói đến tình yêu thì câu chuyện với Ma-ri không còn là một cuộc trao đổi tâm tình nữa. Những nhận xét và triết lý của bà về tình yêu đều chỉ là chung chung và chưa một lần nào Ma-ri nhắc lại dĩ vãng đau thương của mình để rút ra những bài học hoặc những kỷ niệm. Đối với bà đó là một lĩnh vực thầm kín mà không ai được bén mảng tới, dù là người thân thiết nhất.

Ma-ri chỉ để cho con gái đoán biết nỗi buồn phải sống xa hai chị và người anh ruột thân thiết. Cuộc sống xa quê hương và cảnh góa bụa đã làm cho Ma-ri hai lần bị thiệt thòi về tình cảm gia đình đầm ấm đáng ra sẽ làm cho cuộc đời bà thêm êm dịu. Bà viết những bức thư rất buồn cho những người thân giờ đây cũng không còn được gặp luôn như trước, cho Giắc Qui-ri hiện ở Mông-pê-li-ê, cho Dô-dếp và Hê-la, và cho Brô-ni-a mà cuộc đời cũng gặp đau thương: mất hai con và đến 1930 thì chồng chết.

Ma-ri viết cho Brô-ni-a, 12 tháng Tư năm 1932:

“*Chị Brô-ni-a, em cũng rất buồn vì chị em ta phải sống xa nhau. Chị tuy cảm thấy cô đơn nhưng vẫn còn được an ủi là có ba anh em cùng ở Vác-xô-vi, thỉnh thoảng còn đi lại thăm hỏi, đỡ đần nhau được. Đúng thế, tình thương yêu đùm bọc ruột thịt là rất quý. Em thiếu nó, nên càng thấm thía điều đó. Chị hãy lấy đó làm an ủi và đừng quên đứa em gái ở Pa-ri. Chúng ta hãy đi thăm nhau nhiều hơn”*.

*

*   *

Sau bữa tối, nếu E-vơ cần đi nghe hòa nhạc, bà Qui-ri nằm ngả ra chiếc đi-văng ngắm con gái sửa soạn. Về trang phục và thẩm mỹ hai mẹ con khác hẳn nhau. Nhưng từ lâu, Ma-ri không ép con gái phải theo ý kiến của mình. Trái lại, giờ đây E-vơ thường khăng khăng bắt mẹ phải may áo mới trước khi áo sờn cổ, rách tay. Vì vậy những cuộc tranh luận của hai mẹ con

thường chỉ đóng khung trong phạm vi lý thuyết. Và nếu không đồng tình với cách ăn mặc của con gái, Ma-ri chỉ im lặng, vui vẻ, đôi khi còn pha trò:

– Trời đất ơi! Gót giày gì mà gớm ghiếc như vậy! Không, không khi nào con làm cho mẹ tin được rằng đàn bà con gái cứ phải đi cà kheo như vậy mới được. Lại còn cái mốt gì để hở lưng áo dài như thế? Đằng trước thì còn thương được chứ đời thuở đâu lại để hở lưng hàng cây số như vậy! Một là lố bịch, hai là dễ sưng phổi, ba là xấu! Ít nhất, lẽ thứ ba phải làm cho con chú ý, nếu con bất chấp hai lẽ đầu. Nói vậy thôi, chứ áo của con đẹp đấy. Nhưng lúc nào con cũng mặc đồ đen. Màu đen đâu có hợp với tuổi của con!

Những phút nặng nề nhất là lúc trang điểm. Đợi cho E-vơ tô son trát phấn một hồi lâu, và đắc ý về công việc đó Ma-ri mới nói:

– Con quay lại đây, mẹ ngắm tí nào!

Bà nhìn ngắm rất thận trọng rồi sửng sốt:

– Con xem, mẹ không phản đối về nguyên tắc cái kiểu bôi lọ lem này. Mẹ biết rằng xưa nay người ta vẫn làm như thế. Thời Ai-cập cổ đại, người ta còn bày vẽ ra hơn thế nữa kia. Mẹ chỉ có thể nói điều là mẹ chẳng thấy đẹp gì cả. Tại sao cứ làm tình làm tội cái cặp lông mày, vẽ sơn lên đôi môi như vậy chứ!

– Con quả quyết với mẹ rằng như thế này là hơn ạ!

– Hơn! Nhưng thôi, để được an ủi, sáng mai mẹ sẽ vào giường ngủ hôn con trước khi con có thì giờ bôi những cái lăng nhăng này lên mặt. Thôi, bây giờ con đi chơi nhé. À, có quyển sách gì cho mẹ đọc không?

– Có, mẹ muốn đọc quyển gì ạ?

– Quyển gì đừng nặng nề quá. Phải là tuổi trẻ như tụi bay thì mới ngốn được những tiểu thuyết căng thẳng buồn thảm.

Bà không hề đọc những tiểu thuyết Nga mà khi xưa bà hằng ưa thích. Mặc dầu có những khuynh hướng văn học khác nhau, Ma-ri và E-vơ cũng hay đọc những tác giả như Kíp-linh[54], Cô-lét[55]. Bà mới tìm thấy ở những tác phẩm như "*Quyển sách rừng thẳm*", "*Trời hửng sáng*" những hình ảnh chân thật và rực rỡ của tự nhiên, mà xưa nay vẫn là nguồn an ủi, chỗ sở

trường của bà. Ma-ri còn thuộc hàng nghìn câu thơ Pháp, Anh, Đức, Nga, Ba Lan…

Ma-ri nằm ngả ra chiếc ghế dài lót nhung đỏ, đầu dựa vào gối mềm nhồi lông, giở một vài trang trong quyển sách E-vơ đưa. Nhưng chỉ nửa giờ sau bà đã bỏ sách ra, nhỏm dậy, vớ lấy cái bút chì, quyển vở, tập sách khoa học. Theo thói quen, bà lại ghi chép, làm việc đến hai, ba giờ sáng.

Đi chơi về, E-vơ nhòm qua khung cửa kính tròng nhỏ ở hành lang vẫn thấy còn sáng ở phòng mẹ. Cô đẩy cửa vào. Và tối nào cũng thế vẫn một hình ảnh bà Qui-ri đang ngồi dưới sàn, xung quanh nào giấy tờ, nào thước tính, nào sách. Ma-ri không hề quen ngồi trước bàn giấy, trên một ghế bành theo truyền thống những nhà "tư tưởng". Bà cần một chỗ thật rộng để trải những tài liệu, những giấy vẽ sơ đồ.

Mải chăm chú vào một bài rắc rối và tuy biết con gái về, bà không ngẩng đầu lên. Đôi lông mày cau lại, vẻ mặt đăm chiêu.

Một quyển vở đặt trên đầu gối, Ma-ri đương viết những dấu hiệu, những công thức bằng bút chì, miệng lẩm nhẩm.

Và cũng như sáu mươi năm về trước, trong lớp học tính ở trường tư thục Xi-óoc-ca, bà giáo sư đại học Xoóc-bon ấy, giữa trung tâm Pa-ri, cách Vác-sa-va ngót 2.000 km, vẫn đếm bằng tiếng Ba Lan, tiếng mẹ đẻ.

CHƯƠNG XXVI

PHÒNG THÍ NGHIỆM

– Bà Qui-ri có ở đây không?

– Tôi tìm bà Qui-ri, bà đã đến chưa?

– Anh có trông thấy bà Qui-ri không?

Những nhân viên phòng thí nghiệm – cả nam lẫn nữ – mặc áo blu trắng, hỏi thăm nhau trong gian phòng mà nữ bác học phải đi qua khi vào viện Ra-đi-om. Sáng nào cũng vậy, thường có từ năm đến mười người đứng trực sẵn ở đó. Ai cũng muốn hỏi một câu, xin một lời chỉ bảo mà không "làm phiền" đến Ma-ri, bà thường gọi đùa đó là ban "Xô-viết" của Viện. Đúng chín giờ, chiếc xe hơi cũ lướt sau hàng rào phía đường Pi-e Qui-ri; quay vào trong sân. Tiếng cửa xe đóng sập. Bà Qui-ri xuất hiện giữa khung cửa của Viện mở ra vườn. Mọi người vui vẻ vây chung quanh Ma-ri. Với những giọng kính cẩn rụt rè người thì báo rằng đã "đo" xong hoặc cho biết tin về dung dịch "pô-lô-ni", người thì gợi ý mời Ma-ri đến xem máy Uyn-xơn, sẽ thấy kết quả khả quan.

Ma-ri rất thích những câu hỏi dồn dập đầy nghị lực và lòng hăng say như thế mở đầu cho một ngày làm việc. Chưa kịp đi cất áo mũ, bà cứ đứng giữa những người đồng sự. Mỗi nét mặt đăm chiêu lại nhắc nhở cho Ma-ri một thí nghiệm mà trong những lúc yên tĩnh bà đã để tâm suy nghĩ.

– Anh Phuốc-ni-ê, tôi đã nghĩ đến việc anh nói với tôi. Ý hay đấy, nhưng phương pháp đề ra không dùng được. Tôi đã tìm ra cách làm khác để có thể dẫn đến kết quả. Ta sẽ bàn thêm. Thế nào chị Cốt-ten? Chị tìm ra số mấy? Chị chắc tính đúng chứ? Tối hôm qua, tôi làm lại bài tính và đáp số hơi khác. Thôi để rồi xem.

Trong những nhận xét ấy, không hề có chỗ nào nhầm lẫn hoặc đại khái. Những phút mà Ma-ri dành cho ai, hoàn toàn được dồn vào vấn đề mà người ấy đang tìm tòi suy nghĩ, vấn đề mà bà biết rõ từng chi tiết một. Ngay sau đấy, bà lại chuyển sang vấn đề khác với một người học trò khác. Bộ óc

Ma-ri thích hợp một cách kỳ lạ với môn thể thao đặc biệt đó. Ở phòng thí nghiệm, nơi tập trung biết bao trí tuệ miệt mài, bà cũng ví như những kiện tướng đánh cờ, không nhìn bàn cờ, vẫn theo dõi được cùng một lúc ba, bốn ván cờ khác nhau.

Nhiều người đi qua, chào và dừng lại. Cuộc họp không hẹn mà đông. Ma-ri ngồi ngay xuống bậc cầu thang và tiếp tục cuộc giải đáp không chút nghi thức này. Ngồi thấp phải ngẩng đầu lên những người làm việc đứng ngay bên cạnh hay dựa vào tường, trông bà không có tư thế cổ điển của một thủ trưởng. Thế nhưng!...

Những sinh viên thực tập ở phòng thí nghiệm đều do Ma-ri chọn sau khi đã sát hạch cặn kẽ. Và công việc của họ cũng do Ma-ri chỉ định. Gặp khó khăn gì họ đến hỏi Ma-ri và tin tưởng là bà sẽ tìm ra sai lầm trong thí nghiệm đã làm cho họ lạc hướng.

Sau bốn mươi năm trời làm công tác khoa học, nhà nữ bác học tóc bạc ấy đã tích lũy được một vốn hiểu biết rộng lớn đã trở thành kho sách sống của Viện Ra-đi-om. Bà đã đọc tất cả các bài báo có dính líu đến những thí nghiệm ở Viện, bằng năm thứ tiếng bà nắm rất vững.

Bà khám phá ra những phát triển mới của các hiện tượng, và phát minh ra những kỹ thuật mới. Và sau cùng, Ma-ri có một đức tính vô cùng quý báu để gỡ rối cho mớ bòng bong giữa kiến thức và giả thuyết, đó là “đầu óc thực tế”. Những thuyết lung bung, những giả định hấp dẫn của một vài thực tập sinh đều bị bà Qui-ri vận dụng lý lẽ sắc bén bác bỏ. Làm việc với một người thầy như thế, vừa mạnh dạn, vừa thận trọng thật an toàn biết bao!

Nhóm tụ tập ở đầu cầu thang lại tan dần. Ai may mắn được Ma-ri gợi ý phấn khởi trở về nơi làm việc. Bà Qui-ri đi với một người trong bọn họ đến “phòng vật lý” hay “phòng hóa học” và tiếp tục bàn luận trước các dụng cụ thí nghiệm. Sau đó, bà mới được giải phóng để về phòng riêng, mặc áo blu đen, và chăm chú vào các thí nghiệm của mình. Nào bà có tập trung tư tưởng được lâu!

Lại có tiếng gõ cửa. Một nghiên cứu sinh trẻ xuất hiện, tay cầm một tập bản thảo. Sau anh còn một người nữa đợi. Cứ ngày thứ hai Hàn lâm khoa học họp để thông báo. Các tác giả có công trình được báo cáo ở hội nghị ngay chiều hôm ấy, thường đến xin bà Qui-ri ý kiến trước.

Ma-ri sang một phòng thật sáng để đọc các bản báo cáo đó. Một bàn làm việc to bằng gỗ sồi, một ngăn tra cứu sách, nhiều tủ sách, một máy chữ đã cũ, một ghế bành bọc da làm cho phòng có một vẻ nhã nhặn, kín đáo. Trên bàn, một lọ mực bằng đá hoa, nhiều chồng sách, một cốc vại đựng một lô bút máy và bút chì vót nhọn, một "mỹ nghệ phẩm" do một hội sinh viên tặng; một cái bình nhỏ khảo cổ đào được ở It-si-a, màu nâu rất xinh.

Những bàn tay đến nộp những báo cáo sắp trình bày ở Viện hàn lâm, run lên vì cảm động. Các tác giả biết rằng công trình của họ sẽ được đọc rất cẩn thận. Dưới con mắt nghiêm khắc của Ma-ri, bao giờ câu văn cũng chưa thật sáng, đoạn viết vẫn chưa thật gọn. Bà không chỉ tìm ra những sai lầm về nội dung kỹ thuật, mà còn thảo lại từng câu, chữa lại từng lỗi văn phạm.

– Tôi nghĩ thế này mới gọi là tạm được.

Rồi bà đưa lại bản thảo – mà anh đã phải trầy trật lắm mới hoàn thành – cho nhà nghiên cứu trẻ đang toát mồ hôi vì lo lắng.

Gặp một công trình làm cho mình hài lòng, Ma-ri tươi cười khen:

– Được lắm! Rất tốt!

Người làm báo cáo như được chắp cánh mà bay đến tận phòng thí nghiệm của giáo sư Pe-ranh, có nhiệm vụ trình bày trước Viện Hàn lâm khoa học những thông báo của Viện Ra-đi-om.

Giáo sư không ngớt lời khen:

– Bà Qui-ri chẳng những là một nhà vật lý học lừng danh, mà còn là vị giám đốc phòng thí nghiệm giỏi nhất mà tôi biết.

Bí quyết của tài năng ấy ở đâu? Trước hết là do tinh thần trách nhiệm hiếm có của Ma-ri. Bà là người đầy tớ trung thành, người bảo vệ nhiệt tình uy tín và lợi ích của Viện Ra-đi-om.

Ma-ri Qui-ri kiên trì thu thập dự trữ chất phóng xạ cần cho những công trình nghiên cứu quy mô. Thư từ trao đổi giữa Ma-ri và các giám đốc nhà máy Ra-đi-om Bỉ và Hội liên hiệp các mỏ ở Ca-tăng-ga luôn luôn kết thúc như sau: Hội Liên hiệp mỏ gửi biếu bà Qui-ri mấy tấn phế liệu. Và Ma-ri hăng hái bắt tay ngay vào việc khai thác chất phóng xạ đang thiếu...

Năm này qua năm khác, phương tiện của phòng thí nghiệm giàu thêm. Người ta thường thấy bà cùng giáo sư Pe-ranh đến các bộ xin thêm trợ cấp và học bổng. Vì là "bà Qui-ri" nên ai cũng đều lắng nghe. Năm 1930, bà giành được một ngân sách đặc biệt là năm trăm nghìn quan cho việc nghiên cứu.

Cũng có lúc mệt nhọc và hơi bực vì cứ phải chạy chọt, bà kể lại cho E-vơ những buổi chầu chực ở phòng đợi, những nỗi lo âu bực bội và nói đùa:

– Không biết chừng đến lúc họ đuổi mình ra khỏi cửa như những kẻ ăn mày.

Được một tay lái vững vàng như vậy, phòng thí nghiệm Qui-ri dần dần đi vào khám phá tất cả các lĩnh vực của khoa phóng xạ còn bí ẩn.

Từ 1919 đến 1934, những nhà hóa học và vật lý ở Viện Ra-đi-om cho đăng bốn trăm tám mươi ba báo cáo khoa học, gồm ba mươi luận án. Trong số bốn trăm tám mươi ba thông báo đó, ba mươi mốt bài là của bà Qui-ri.

Con số dù cao vẫn được chú thích thêm – về cuối đời mình, bà Qui-ri chuẩn bị cho tương lai với một tinh thần hy sinh cao cả, và dành phần lớn thời giờ vào nhiệm vụ lãnh đạo và giảng dạy. Nếu bà cũng có thể để mỗi phút của mình vào công việc nghiên cứu của mình như những anh em trẻ cùng làm việc, thử hỏi sự nghiệp sáng tạo của bà còn tiến triển đến đâu? Và ai có thể nói được phần đóng góp của Ma-ri vào bao công trình nghiên cứu mà bà đã gợi ý, dìu dắt từng bước?

Ma-ri không hề đặt cho mình hai câu hỏi đó. Bà lấy làm mừng về những thắng lợi đạt được do tập thể những nhà bác học mà bà gọi với một giọng tự hào kín đáo là "Phòng thí nghiệm".

Những khiếu về tâm lý và lòng nhân đạo đã giúp nhà nữ bác học vốn cô độc, trở thành một người có tài cổ vũ. Bình thường rất ít thân mật, bà Qui-ri đã giành được lòng quý mến tận tụy của người cùng làm việc mà sau bao nhiêu năm cộng tác hằng ngày, bà vẫn trân trọng gọi là "cô" hay "ông".

Nếu Ma-ri mải bàn về một vấn đề khoa học mà ngồi ngoài trời quá lâu trên cái ghế dài ngoài vườn thì lập tức giọng lo âu của một chị phụ tá nhắc nhở:

– Mời bà vào ngay cho kẻo bị lạnh!

Và nếu Ma-ri mải làm việc quên cả ăn, cũng có những bàn tay kín đáo đặt một ít bánh mì, hoa quả ngay bên cạnh bà.

Anh em "lao công" ở phòng thí nghiệm và những công nhân cảm thấy quý bà vô hạn. Khi Ma-ri mượn một lái xe riêng, thì người ta thấy anh Gioóc Boa-tơ từ trước vẫn kiêm lao công, thợ máy, lái xe, làm vườn, rưng rưng nước mắt vì từ nay sẽ không được đưa bà Qui-ri từ phố Pi-e Qui-ri đến bến Bê-tuyn.

Một lòng thương yêu vô hạn, tuy không bộc lộ ra, gắn bó Ma-ri với những người cùng đấu tranh và giúp bà thấy được trong gia đình lớn này những tâm hồn nồng nhiệt cao quý nhất. Chưa lần nào mẹ tôi buồn như hồi tháng chín năm 1932 khi được tin một trong những học trò giỏi của bà bị chết đột ngột.

Bà viết cho tôi:

"*Đến Pa-ri mẹ bị một nỗi buồn lớn. Nhà hóa học trẻ Ray-mông mà mẹ rất mến chết đuối ở một sông nhỏ vùng Ác-đéc sơ. Mẹ đã xúc động đến bàng hoàng. Bà mẹ anh viết thư nói rằng những năm trời làm việc ở phòng thí nghiệm là những năm quý nhất trong đời anh. Nhưng có ích gì nếu cuộc đời kết thúc như thế. Một tuổi trẻ đầy hứa hẹn, một thanh niên khôi ngô, tuấn tú đáng yêu, những năng khiếu đặc sắc – tất cả đều mất đi chỉ vì một cuộc tắm sông tai hại*".

Cặp mắt sáng suốt của Ma-ri phân biệt cái kém và cái giỏi, nghiêm khắc nhìn ra chỗ mắc mớ thường làm cho người nghiên cứu không vươn lên thành nhà bác học được. Bà sợ nhất những ai vụng về. Còn sợ hơn cả kẻ hay khoe khoang. Một bàn tay lóng ngóng làm đổ vỡ cả một công trình lắp máy trong phòng thí nghiệm làm bà phát bực. Một hôm, bà thân mật nói về một người làm thí nghiệm không có tài:

– Nếu ai cũng như anh ta, thì môn vật lý khó mà tiến được.

Mỗi lần một đồng sự trình bày xong một luận án, một đề tài tốt nghiệp hoặc được một giải thưởng thì cả phòng thí nghiệm thường tổ chức ăn mừng. Mùa hạ, làm ở ngoài trời, dưới bóng những cây trà ở ngoài vườn.

Mùa đông, tiếng bát đĩa loảng xoảng bỗng làm rối loạn sự yên tĩnh của thư viện, gian phòng rộng rãi nhất của Viện Ra-đi-om. Bát đĩa thật kỳ dị! Cốc kết tủa được dùng làm chén nước trà và ly rư ợu sâm banh, đũa khuấy bằng thủy tinh thay cho thìa.

Chị em sinh viên bưng bánh mời các bạn, các thầy và các công nhân viên. Đến dự có Ăng-đrê Đờ-biếc-nơ, giáo sư phụ trách các buổi thuyết trình của Viện; Phéc-năng Hô-nếch, trưởng phòng thí nghiệm và một bà Qui-ri hoạt bát, vui tươi, tay cứ phải giữ cốc nước trà cho khỏi bị đám đông va chạm.

Bỗng ai nấy im lặng. Bà Qui-ri sắp chúc mừng người trúng tuyển. Vài lời nói ấm áp, khen ngợi công trình độc đáo, và nêu bật khó khăn đã vượt qua. Cả phòng hoan hô nhiệt liệt khi bà chúc mừng cha mẹ nhân vật chính của bữa tiệc, hay nếu là một người nước ngoài thì thăm hỏi tổ quốc xa xôi của anh: "*Trở về đất nước tươi đẹp của anh, đất nước mà tôi biết rất rõ, và đã được đồng bào của anh đón tiếp ân cần, mong anh sẽ giữ mãi một kỷ niệm tốt đẹp ở Viện Ra-đi-om. Anh sẽ thấy rằng chúng ta làm việc rất nhiều, làm hết sức mình*".

Có một vài bữa tiệc trà đã làm Ma-ri cảm động đặc biệt. Đó là hai lần ăn mừng luận án tiến sĩ khoa học của con gái và con rể.

Ma-ri thấy rõ sự phát triển thiên tư của hai nhà bác học trẻ tuổi ấy, dưới sự chỉ đạo của mình. Năm 1934, hai vợ chồng I-ren đạt được một thành công rực rỡ: Sau nhiều năm nghiên cứu về sự biến chất nguyên tử, I-ren và Phrê-đê-rích Giô-li-ô đã tìm ra được "**phóng xạ nhân tạo**": đem bắn phá hạt nhân của một vài chất như nhôm (Al), họ đã có thể biến chất này thành những chất phóng xạ mới, chưa có trong thiên nhiên, từ nay sẽ là những nguồn phóng xạ. Có thể dễ dàng đoán được tác dụng của sự cấu tạo nguyên thủy lạ lùng đó trong các lĩnh vực hóa học, sinh lý học, y học. Rồi đây người ta sẽ chế tạo trong công nghiệp hàng loạt các chất có tính phóng xạ giống như Ra-đi để đáp ứng nhu cầu trị bệnh bằng phóng xạ.

Trong một buổi họp ở Hội vật lý mà con gái và con rể trình bày công trình của họ, Ma-ri chăm chú tự hào, ngồi lẫn với thính giả. Gặp An-be La-boóc, khi xưa là phụ tá của mình và của Pi-e Qui-ri, bà niềm nở khác thường.

– Thế nào? Chúng nói tốt đấy chứ? Tôi nhớ lại cái thời oanh liệt của chúng mình ở phòng thí nghiệm cũ.

Bà xúc động quá, say sưa quá, ngồi mãi trong buổi liên hoan. Lúc về, đi bộ dọc bến tàu cùng với nhiều bạn đồng nghiệp, câu chuyện vẫn xoay quanh thành công của đôi trẻ.

ù

Bên kia vườn của Viện ở phố Pi-e Qui-ri, nhóm cộng tác của giáo sư Rơ-gô mà Ma-ri thường thân mật gọi là "những người đàng trước mặt" đang lao vào tìm tòi cách trị bệnh ung thư. Từ 1919 đến 1935, tám nghìn ba trăm mười chín bệnh nhân được chữa ở Viện Ra-đi-om.

Clốt Rơ-gô, một nòng cốt của phòng thí nghiệm, cũng ra sức tập trung phương tiện cần thiết cho sự nghiệp của mình: chất Ra-đi, máy móc điều trị, các phòng làm việc, một bệnh viện. Trước con số rất lớn những ca khỏi bệnh và do nhu cầu khẩn cấp, ông phải đi vay Ra-đi – Hội liên hiệp mỏ ở Ca-tăng-ga Thượng cho mượn đến mười gam Ra-đi – và vận động nhà nước và tư nhân trợ cấp. Có một nhà hảo tâm biếu hội Qui-ri ba triệu bốn trăm nghìn Phơ-răng mà tế nhị giữ kín, không cho biết tên.

Trung tâm chữa bệnh theo phương pháp Qui-ri nổi tiếng nhất nước Pháp thành hình. Uy tín của nó rất lớn. Rồi đây, hơn hai trăm thầy thuốc ở năm châu sẽ đến xin thực tập để học cách chữa bệnh ung thư.

Tuy không tham dự vào công việc sinh lý học và y học, bà Qui-ri rất chăm chú theo dõi bước tiến của hai ngành này. Bà rất tâm đồng ý hợp với giáo sư Rơ-gô, người đồng sự có một ý thức phục vụ cao cả và một tinh thần vô tư tuyệt đối. Cũng như Ma-ri, ông luôn luôn gạt bỏ những lợi nhuận vật chất. Giá đi vào khám bệnh tư, ông có thể giàu to, nhưng riêng ý nghĩ đó cũng không hề nẩy ra trong tâm trí ông.

Bà Qui-ri và ông Rơ-gô rất đỗi kinh ngạc về sự hiệu nghiệm của cách chữa bệnh theo phương pháp Qui-ri, khi có bàn tay chuyên môn giỏi, nhưng cũng chung một lo lắng. Họ vô cùng lo ngại, và bất lực trước tệ lạm dụng chất Ra-đi thiếu lương tâm, đang lan tràn trên thế giới. Chỗ này, những thầy thuốc vì chưa hiểu, cứ dùng bừa chất phóng xạ đối với người bệnh, mà không hề nghĩ đến nguy cơ của lối "điều trị" đó. Nơi kia bán thuốc men hoặc mỹ phẩm "có chất Ra-đi" đôi khi còn lấy cả tên Qui-ri để làm quảng cáo...

Nhưng mẹ tôi, gia đình Qui-ri, giáo sư Rơ-gô và Viện Ra-đi-om tuyệt

đối xa lạ với những việc làm đó.

*

*   *

– Bác xem hộ có gì quan trọng không? – Ma-ri bận rộn chỉ cho bà Ra-đê thư ký riêng tập thư từ báo chí đến hôm trước.

Những phong bì thường chỉ ghi vắn tắt "Bà Qui-ri Pa-ri" hay "Bà Qui-ri, nữ bác học Pháp". Một nửa là thư xin chữ ký.

Với loại này đã có một phiếu in sẵn câu trả lời: Vì không muốn cho chữ ký, hoặc ký vào ảnh, bà Qui-ri xin lỗi... Đối với hạng cuồng nhiệt, viết tám hay mười trang, bằng nhiều thứ mực, điên rồ, dớ dẩn, thì chỉ có một cách trả lời là im lặng.

Các trường hợp khác, bà Qui-ri cặn kẽ đọc cho thư ký từng bức điện gửi đồng nghiệp ở nước ngoài, từng lá thư trả lời bao tiếng cầu cứu tuyệt vọng của những người cứ nghĩ rằng đã là Ma-ri Qui-ri là có thể cứu chữa được mọi bệnh hoạn, làm nhẹ mọi đau đớn; lại còn thư của mấy nhà chế tạo máy móc, rồi bản giá cả, hóa đơn, phúc đáp công văn, tất cả thành bốn mươi bảy hồ sơ. Nào như thế đã đủ đối với quan hệ rộng lớn của nhà nữ bác học. Khắp nơi gửi đến thư xin gặp. Cứ sáng thứ ba và thứ sáu, Ma-ri mặc cái áo đen lịch sự nhất của mình mà nói:

– Hôm nay là ngày giao thiệp. Ta phải chỉnh tề chứ.

Từ sớm, hành lang phòng thí nghiệm đã đông người ngồi đợi, có cả nhà báo mà một lời dặn trước của bà thư ký Ra-đê làm họ cụt hứng:

– Bà Qui-ri chỉ tiếp những vị nào hỏi về vấn đề kỹ thuật. Xin miễn phỏng vấn riêng.

Ma-ri vốn rất nhã nhặn, nhưng trong gian phòng chật hẹp, nghiêm nghị, với mấy chiếc ghế không đệm, sơ sài, trước sự sốt ruột không giấu nổi của Ma-ri lúc lúc lại đưa mắt lên nhìn đồng hồ, khách đến nói chuyện không tài nào ngồi lâu được.

Cứ đến thứ hai và thứ tư, mới sáng ra Ma-ri đã đứng ngồi không yên.

Vì đúng năm giờ chiều phải lên lớp. Sau bữa ăn sáng, bà vào phòng riêng ở bến Bê-tuyn soạn bài giảng. Bà biên sẵn ra một tờ giấy đầu đề từng chương. Khoảng bốn giờ rưỡi, bà đến nơi làm việc và lại ngồi ở một phòng nhỏ để chuẩn bị thêm. Lúc này ai muốn gặp cũng không được.

Hai mươi nhăm năm dạy học, thế nhưng mỗi khi bước lên bục giảng đường nhỏ, trước mặt ba mươi bảy, bốn mươi học trò, bà vẫn không khỏi xúc động.

Một nếp hoạt động căng thẳng đáng sợ. Ma-ri còn viết báo, soạn sách khoa học. Một quyển nói về "Sự đồng vị và chất đồng vị", một tiểu sử Pi-e Qui-ri xúc tích và cảm động, một quyển sách thu gọn toàn bộ bài giảng của Ma-ri Qui-ri với một hình thức hoàn hảo.

ù

Những năm trời trong sáng và phong phú đó cũng là những năm chiến đấu dũng cảm! Ma-ri có nguy cơ bị hỏng cả hai mắt.

Kể từ năm 1920, thầy thuốc đã báo động là cả hai mắt có triệu chứng thành màng, và sẽ hoàn toàn không nhìn thấy gì. Ma-ri không để cho ai đoán biết nỗi thất vọng của mình. Bà nói thẳng với hai con cái tai họa ấy và bàn ngay đến cách chữa; độ hai, ba năm nữa sẽ mổ mắt. Từ nay nhãn mắt mờ dần, như đặt một đám sương mù vĩnh viễn giữa bà và thế giới bên ngoài, với công việc nghiên cứu.

Ma-ri viết cho Brô-ni-a, 10 tháng 11 năm 1920:

"*Em bị rầy rà nhất về hai mắt và hai tai. Mắt kém lắm rồi, và có điều trị chắc cũng chẳng ăn thua gì. Tai cứ ù suốt ngày, có khi đến nhức óc. Em rất lo, công việc có thể bị trở ngại, thậm chí gián đoạn hẳn. Mấy triệu chứng trên có lẽ do chất Ra-đi gây ra, nhưng không khẳng định hẳn đư ợc.*

Đó là những nỗi buồn của em. Chị đừng nói với ai, để cho khỏi lan ra ngoài. Thôi, ta bàn chuyện khác".

"*Đừng nói với ai*", với I-ren và E-vơ, Ma-ri cũng dặn như thế, với các anh chị, với anh ruột là những người tâm sự duy nhất của mình. Ma-ri chỉ có một lo ngại là, nếu không giữ kín, để tin này lan ra, và một ngày kia, báo sẽ đăng "Bà Qui-ri bị tàn phế".

Hai bác sĩ điều trị cho bà Qui-ri, cũng lo như vậy. Người bệnh lấy một tên khác. Đó là bà Ca-rê nào đó bị mắt có màng. Và mỗi lần E-vơ vào hiệu thuốc hỏi mua kính, cũng là mua cho bà Ca-rê đó thôi.

Ma-ri viết cho E-vơ ngày 13 tháng 7 1923:

"*Mẹ định đi mổ mắt vào ngày 18, sáng thứ tư. Con chỉ cần về từ tối hôm trước. Với cái nóng khủng khiếp này e rằng con mệt. Con nói hộ với bạn bè ở Lác-cu-ét rằng mẹ đang bận về một cuốn sách mà hai mẹ con ta cùng làm, do đó mẹ cần đến con vì người ta giục gấp.*

Mẹ hôn con

Nói càng ít càng hay con nhé!"

Những ngày nóng nực nằm bệnh viện, E-vơ phải bón súp bằng thìa cho bà Ca-rê im lặng, đầu quấn toàn băng. Mối lo ngại bệnh có thể trở chứng gây xuất huyết, hàng tuần lễ làm tiêu tan hy vọng khỏi bệnh.

Hai lần mổ mắt nữa vào tháng ba 1924. Một lần thứ tư vào năm 1930. Vừa mới được tháo băng, Ma-ri đã tập dùng đôi mắt không bình thường, đã mất nhân, không còn điều tiết được nữa.

Ma-ri viết cho E-vơ , từ nơi điều dưỡng ở Ca-va-le vài tháng sau lần mổ thứ nhất:

"*Mẹ cố tập đi lại không dùng kính có tiến bộ. Đã hai lần đi chơi núi, đường hiểm, sỏi đá gập ghềnh, thế mà vẫn bước nhanh, không có chuyện gì. Cái khó khăn hiện nay là cứ nhìn một hóa hai, thành thử không nhận ra được ai đến gần. Mỗi ngày mẹ tập đọc và tập viết. Đến nay việc đó còn khó hơn tập đi. Có lẽ con sẽ phải giúp mẹ biên soạn bài cho Bách khoa Toàn thư Anh quốc*".

Dần dần Ma-ri đã thắng số mệnh. Nhờ đeo thêm kính to bà đã có thể nhìn gần như bình thường, đi ra phố một mình, lái xe lấy và ở phòng thí nghiệm lại làm được việc cân đo tỉ mỉ. Một sự kỳ diệu của bà! Ma-ri lại thoát khỏi bóng tối, lại có đủ ánh sáng để làm việc, làm việc cho đến hết đời.

Một bức thư nhỏ, Ma-ri viết cho Brô-ni-a, từ tháng chín 1927, cho bà

biết bí quyết của thắng lợi này:

"*Nhiều lúc em không còn đủ can đảm nữa và tự nhủ rằng có lẽ đến phải nghỉ hẳn, về sống ở thôn quê vui với vườn tược. Nhưng trăm nghìn dây ràng buộc, biết bao giờ mới thu xếp được như thế. Em cũng chẳng rõ, mà dù chỉ viết sách khoa học, chả chắc mình đã có thể rời được và thí nghiệm*".

*

*   *

"*Chả chắc mình có thể rời được phòng thí nghiệm...*"

Muốn hiểu được lời thốt từ đáy lòng ấy, phải thấy Ma-ri trước những dụng cụ thí nghiệm của mình mỗi khi xong sự vụ hàng ngày là bà lại có thể say sưa nghiên cứu. Không cứ phải một thí nghiệm quan trọng, khuôn mặt gày gò mới tỏ ra đăm chiêu ngây ngất. Chỉ việc thổi thủy tinh được Ma-ri làm với một bàn tay nghệ sĩ, hoặc cân đo chính xác cũng làm cho bà sung sướng hân hoan. Sau này, một cô phụ tá chăm chú và nhạy cảm tên là Sa-mi-ê sẽ nhớ lại miêu tả bà Qui-ri hằng ngày, tiếc rằng không có một bức ảnh nào ghi lại vẻ say sưa ngây ngất ấy:

"*Bà ngồi trước máy, làm cái việc đo lường trong ánh sáng mập mờ của một phòng không sưởi ấm, để tránh những thay đổi nhiệt độ. Mọi thao tác như mở máy bấm đồng hồ đo, nhấc quả cân v.v... đều được Ma-ri làm với một kỷ luật và một sự nhịp nhàng đáng phục. Một nhạc sĩ đánh dương cầm cũng không sử dụng đôi tay nhịp nhàng đến vậy. Đó là một kỹ xảo tuyệt trần, xuống mức thấp nhất hệ số sai lầm của bản thân*".

Sau khi tính toán rất nhanh để so sánh kết quả, bà tỏ ra vui sướng thật sự vì sai số còn thấp hơn giới hạn cho phép rất nhiều, đảm bảo rằng đo lường đã chính xác.

Ma-ri thường làm việc rất say sưa. Có lần, vào năm 1927, I-ren ốm nặng, làm bà lo lắng mất ăn mất ngủ, nhưng khi đã đứng trước máy trong phòng thí nghiệm, thì bà như quên tất cả, người quen đến hỏi tin về I-ren chỉ được trả lời vắn tắt, lạnh lùng và sau đó Ma- ri còn tỏ ra bực dọc là "*không được yên mà làm việc*".

Ta hãy ngắm Ma-ri đang làm một thí nghiệm cơ bản chế tạo ra Ac-ti-

ni X để lấy quang phổ của những tia an-pha, công trình cuối cùng của nhà nữ bác học.

– Phải lấy Ac-ti-ni X nguyên chất ở một trạng thái hóa học làm cho nó không thể tỏa khí được.

Cả một ngày làm việc vẫn chưa thể tách riêng được chất đó, Ma-ri Qui-ri ở lại và thí nghiệm, bỏ bữa ăn chiều. Nhưng chất đó đâu chịu tách ra nhanh, phải làm việc cả đêm cho cái nguồn phóng xạ đang được điều chế không kịp giảm đi nhiều.

Đến hai giờ sáng, vẫn còn một thao tác cuối cùng: phải ly tâm dung dịch trong một giờ, trên một cái giá đặc biệt. Tiếng máy ly tâm chạy nghe rất mệt. Nhưng Ma-ri cứ đứng cạnh nó, không chịu rời căn phòng. Mắt bà gắn với cái máy, tưởng chừng như lòng tha thiết mong cho thí nghiệm có kết quả có thể bất chấp Ac-ti-ni X kết tủa.

Lúc này, đối với bà Qui-ri, ngoài máy ly tâm ra, không còn gì trên đời nữa; cả cuộc sống ngày mai, cả cái mệt cơ thể. Thật là một sự tập trung cao độ vào việc đang làm…

Khi thí nghiệm không đạt kết quả mong muốn, trông Ma-ri thật thiểu não. Ngồi trên ghế, hai tay khoanh lại, lưng khom, mắt nhìn trống rỗng, Ma-ri giống như một bà cụ thôn quê, rất già, mặt buồn rầu trước một cái tang lớn. Ai nấy tưởng như một tai họa gì xảy ra. Hỏi thì được câu trả lời thống thiết:

– Thế là không lấy được chất Ac-ti-ni!

Hoặc bà đổ lỗi:

– Chất Pô-lô-ni nó thù tôi!

Nhưng nếu có kết quả thì lòng nhẹ nhõm, vui vẻ ríu rít, Ma-ri ra dạo vườn hoa, như muốn thổ lộ với những khóm hồng, mấy gốc trà, với mặt trời tất cả niềm vui sướng của mình. Ma-ri lại làm lành với khoa học rồi, lại cười nói vui vẻ.

Nếu một người nghiên cứu, nhân lúc đó, ngỏ ý muốn để bà xem một thí nghiệm đang làm, lập tức bà cùng đi đến tận cái máy đang đếm nguyên tử

để ngắm quặng uy-lê-mít đang phát quang, do ảnh hưởng của Ra-đi.

Trước những sự kỳ diệu quen thuộc đó, đôi mắt màu tro sáng lên vì sung sướng, dường như Ma-ri đang ngắm một bức họa của Bô-ti-xê-li[56] hoặc của Véc-me[57] vậy.

CHƯƠNG XXVII

NHIỆM VỤ ĐÃ XONG

Nhiều lúc Ma-ri nói đến cái chết của mình. Bà bàn luận về hiện tượng không tránh được này một cách bình thản, và nói đến những hậu quả thiết thực của nó không chút xao xuyến:

– Cố nhiên là tôi không thể sống được nhiều năm nữa.

Hoặc:

– Tôi lo ngại số phận của Viện Ra-đi-om sau khi tôi chết.

Thực ra trong lòng Ma-ri không hề bình thản cam chịu số mệnh. Với tất cả bản năng của mình, Ma-ri đẩy xa cái ý nghĩ kết thúc. Những người khâm phục Ma-ri thường nghĩ rằng bà đã có một cuộc sống không gì sánh tày. Nhưng đối với Ma-ri, cuộc sống đó nào có đáng kể chi so với sự nghiệp đang tiến hành.

Ba mươi năm trước đây, như linh cảm trước cái chết do ngẫu nhiên đưa lại, Pi-e Qui-ri cũng đã lao vào công việc với một nhiệt tình bi thảm. Nay lại đến lượt Ma-ri thách thức với thần chết. Như để chống lại cuộc tấn công mà bà thấy trước, Ma-ri nôn nóng dựng lên một bức tường kế hoạch và nhiệm vụ, bất chấp sự mệt nhọc ngày một tăng, bất chấp các bệnh mãn tính đang đày đọa mình: mắt kém, tai ù, thấp khớp bả vai.

Những cái đó có nghĩa lý gì? Còn nhiều việc khác quan trọng hơn. Ma-ri mới cho xây một nhà máy khai thác Ra-đi từ các quặng phóng xạ. Bà đã từng ao ước nó từ lâu và giờ đây đang làm ở đó những thí nghiệm đầu tiên đầy hào hứng. Bà còn bận về quyển sách mà sau khi bà chết đi, sẽ không ai làm được. Rồi công việc về nhóm Ac-ti-ni chưa tiến được bao nhiêu, sau đó lại còn phải nghiên cứu cấu trúc tinh vi của tia an-pha. Sáng dậy sớm, tất bật đến phòng thí nghiệm, tối ăn xong lại quay về phòng thí nghiệm…

Bà làm việc một cách vội vã khác thường – và với một sự thiếu thận trọng đối với bản thân đã thành nếp, bà vẫn xem thường những điều chú ý

mà bà nghiêm khắc buộc học trò phải theo, như cầm các ống nghiệm đựng chất phóng xạ bằng kẹp, dùng những “mộc” chì để bảo vệ mình chống những tia độc. Có chăng bà chịu đi thử máu theo điều lệ của Viện Ra-đi-om.

Công thức máu của Ma-ri không bình thường. Chao! Ba mươi lăm năm trời tiếp xúc với chất Ra-đi, thở khí tỏa của Ra-đi, bốn năm chiến tranh phải chịu đựng những tia Rơn-ghen nguy hiểm hơn nữa mà chỉ bị một sự thay đổi nhỏ về máu, một vài chỗ bỏng ở hai bàn tay, tuy có đau và khó chịu, lúc thì khô lúc lại làm mủ, xét đến cùng, chẳng phải là những hình phạt nặng nề gì!

Tháng chạp năm 1933, một trận ốm ngắn làm cho Ma-ri lo ngại hơn. Chiếu điện thấy túi mật sỏi khá to. Cũng căn bệnh đã gây cái chết của ông Xkhua-đốp-xki! Không muốn mổ, bà phải theo chế độ kiêng khem, và giữ sức hơn.

Bà cảm thấy mệt, nhưng để có thể tự chủ là mình còn khỏe, bà đi trượt băng ở Véc-xây và đến với I-ren trên những bãi trượt tuyết ở Thụy Sĩ. Bà sung sướng thấy đôi chân còn dẻo dai, nhanh nhẹn. Ngày lễ Phục Sinh, nhân dịp Brô-ni-a sang Pa-ri chơi, Ma-ri lái xe dẫn chị đi thăm miền Nam nước Pháp.

Chuyến đi thật là tai hại. Ma-ri muốn qua nhiều nơi để Brô-ni-a có dịp ngắm cảnh đẹp. Sau nhiều chặng, khi tới biệt thự của mình ở Ca-va-lê, Ma-ri bị nhiễm lạnh kiệt sức. Đến nơi, nhà lạnh như băng, và lò sưởi đốt vội lên không kịp làm Ma-ri ấm lại. Ma-ri run bắn lên, òa khóc trong lòng Brô-ni-a như một đứa trẻ. Bị ám ảnh về quyển sách đang viết, bà chỉ lo bị sưng cuống phổi, không còn sức hoàn thành. Được Brô-ni-a săn sóc an ủi, ngày hôm sau, Ma-ri tự trấn tĩnh hơn.

Một vài ngày nắng làm cho Ma-ri phấn khởi hẳn lên. Trở về Pa-ri, Ma-ri thấy khá hơn. Một thầy thuốc nói là cúm và cũng như tất cả thầy thuốc đã từng nói từ bốn mươi năm nay – do quá lao lực. Cơn sốt cứ âm ỉ, nhưng Ma-ri cho là không có gì đáng quan tâm. Brô-ni-a trở về Ba Lan mà lòng không yên. Trước con tàu đi Vác-xô-vi, trên sân ga quen thuộc, hai chị em ôm hôn nhau một lần cuối cùng.

Ma-ri cứ nửa ốm nửa khỏe, những ngày cảm thấy khá hơn, thì đến phòng thí nghiệm. Khi thấy hơi choáng váng và mệt, bà ở nhà viết sách...

Song kẻ thù nham hiểm đã nhanh hơn. Sốt vẫn dai dẳng với những cơn rét ác liệt hơn. E-vơ phải nói khéo lắm mẹ mới cho mời thầy thuốc. Từ trước đến nay Ma-ri chưa khi nào chịu có một thầy thuốc theo dõi sức khỏe của mình, lấy cớ là “phiền toái” và “không có cách nào thanh toán với họ được” – vì không có bác sĩ nào ở Pháp chịu lấy tiền sau khi khám bệnh cho bà Qui-ri.

Nhà bác học ấy, người bạn của tiến bộ ấy, cũng ghét khám và chữa bệnh như chị em nông dân vậy.

Giáo sư Rơ-gô đến thăm sức khỏe của Ma-ri, gợi ý là nên đến hỏi giáo sư Ra-vô, ông này lại giới thiệu đến giáo sư Bu-lanh, bác sĩ phụ trách bệnh viện Pa-ri. Thấy vẻ mặt tái nhợt của Ma-ri, ông nói ngay:

– Phải nằm điều trị, phải nghỉ.

Bà Qui-ri đã nghe những câu ấy không biết bao nhiêu lần rồi nên chẳng để ý tới nữa. Bà vẫn cứ lên xuống những cầu thang ở bến Bê-tuyn và gần như ngày nào cũng đến làm việc ở Viện Ra-đi-om.

Một buổi trưa nắng chói tháng 5-1934, Ma-ri ở mãi đến ba rưỡi ở phòng Vật lý, xếp đặt một cách mệt nhọc những bát sứ, dụng cụ đo lường – những người bạn trung thành. Bà trao đổi vài lời với những người đồng sự rồi nói:

– Tôi bị sốt. Tôi về đây.

Ma-ri còn đi một vòng quanh vườn, nay đã rực rỡ những khóm hoa mới trồng. Bỗng nhiên bà dừng lại trước một cây hồng khẳng khiu, và gọi anh thợ máy lại:

– Gioóc, anh hãy nhìn cây hồng này, phải chăm sóc nó ngay mới được.

Một nữ sinh bước lại gần khẩn khoản đề nghị bà không nên ở lâu ngoài vườn và nên về nhà ngay. Tuy làm theo ý cô, trước khi lên xe, bà còn nghoảnh lại:

– Gioóc – đừng quên đấy – cây hồng...

Con mắt lo ngại nhìn khóm hồng héo rũ là cái nhìn vĩnh biệt của bà Qui-ri với phòng thí nghiệm.

ù

Bà không rời giường bệnh nữa. Một cuộc chiến đấu rất nản chống lại một căn bệnh không biết rõ, lúc thì gọi là cúm, lúc thì nghi là sưng cuống phổi buộc Ma-ri phải chịu đựng những sự chăm sóc chỉ làm cho người ốm thêm mệt nhọc.

Bà bằng lòng cho đưa đến một bệnh viện để khám toàn bộ. Hai lần chiếu điện, năm sáu lần xét nghiệm, các nhà chuyên môn vẫn phân vân. Nội tạng bình thường, không có một bệnh nào rõ rệt. Nhưng vì chiếu phổi thấy hơi mờ nên các bác sĩ quyết định phải chườm và giác cho bà, trở về bến Bê-tuyn, Ma-ri chẳng thấy khá hơn mà cũng chẳng yếu thêm, người ta đã xì xào đến tiếng "an dưỡng đường".

E-vơ rụt rè nói ra chuyện đó, Ma-ri cũng chấp nhận, bằng lòng đi. Bà đặt hy vọng vào một khí trời trong sạch hơn, cho rằng bụi và tiếng động trong thành phố làm cho bệnh không khỏi. Mọi người bàn tính. E-vơ sẽ cùng đi với mẹ và sẽ ở lại an dưỡng đường vài tuần rồi ông anh và các bà chị Ma-ri ở Ba Lan sẽ sang tiếp, sau đó I-ren sẽ ở với mẹ cả tháng tám và đến mùa thu bệnh sẽ khỏi.

Trong buồng bệnh, vợ chồng I-ren nói chuyện với bà Qui-ri về công việc phòng thí nghiệm, về ngôi nhà ở Xô, về việc sửa bản thảo cuốn sách mà Ma-ri vừa làm xong. Một người cộng sự trẻ của giáo sư Rơ-gô, hàng ngày đến thăm Ma-ri, ca ngợi cuộc sống dễ chịu và tác dụng của an dưỡng đường.

Tuy các bác sĩ không có vẻ bi quan, trong nhà không có ai tỏ vẻ lo lắng, E-vơ vẫn có cảm giác chắc chắn là có sự chẳng lành.

Những ngày quang đãng rạng rỡ mùa xuân năm ấy, E-vơ sống gần gũi thân mật với mẹ, giờ đây phải nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng. Lúc này cô mới thấy hết tâm hồn trong trắng và trái tim rộng lớn của Ma-ri, và tính dịu dàng không bờ bến của bà. Ma-ri là người mẹ dịu hiền năm xưa, và trước hết là cô gái cách đây bốn mươi sáu năm đã viết:

"*...những người đa cảm như tôi mà không thể thay đổi bản chất đó, ít ra cũng nên giữ càng kín càng tốt...*"

Đó là bí quyết một tâm hồn e lệ, đa cảm, kín đáo. Suốt cuộc đời vẻ vang của mình Ma-ri luôn luôn giữ không để có những biểu hiện yếu đuối, không thốt nên lời kêu gọi giúp đỡ.

Giờ đây cũng vậy, bà Qui-ri không thổ lộ, không phàn nàn hoặc rất tế nhị kín đáo. Bà chỉ nói đến tương lai... Tương lai phòng thí nghiệm, tương lai Viện Ra-đi-om Vác-xô-vi, tương lai con cái... Bà hy vọng và biết rằng I-ren và Phrê-đê-rích Giô-li-ô sắp nhận được giải Nô-ben.

Ma-ri yếu dần. Trước khi đưa mẹ đi an dưỡng, E-vơ đã cố mời bốn bác sĩ giỏi nhất ở Pháp đến hội chẩn. Tiếc thay căn bệnh quá bí ẩn, không tài nào xác định được. Các lương y chỉ còn kết luận là do những chấn thương về bệnh lao tái phát, và cho rằng đi lên vùng núi một thời gian sẽ khỏi hẳn sốt. Họ đã nhầm.

Chuẩn bị quá vội vàng, tai hại. Để giữ sức cho Ma-ri, phải hạn chế chỉ để bà tiếp xúc với vài người thân. Tuy vậy bà cũng lén cho gọi người cộng sự của mình là Cốt-len đến và căn dặn:

– Phải cất kỹ chất Ac-ti-ni, đợi đến khi tôi về. Tôi trông cậy ở chị thu xếp mọi việc. Sau hè, chúng ta sẽ làm tiếp việc này.

*

*   *

Tuy bệnh tình bỗng trầm trọng, các thầy thuốc vẫn khuyên đi ngay. Chuyến đi vất vả đau thương khôn tả. Trên xe lửa, khi đến Xanh Giéc-ve, Ma-ri mệt quá, ngất đi trong tay E-vơ và người nữ y tá. Cuối cùng, khi bà được đặt nằm trong gian phòng đẹp nhất của an dưỡng đường Xăng Xe-lơ-mô-dơ, lại chiếu điện và xét nghiệm: phổi vẫn không có gì. Chuyến đi đã vô ích!

Sốt quá bốn mươi độ. Không thể giấu Ma-ri việc đó vì tự bà soát lại mức thủy ngân với sự cẩn thận của nhà bác học. Bà không nói một lời, nhưng đôi mắt biến sắc tỏ ra rất lo ngại. Giáo sư Rốc ở Thụy Điển được mời gấp đến, so sánh những bảng thử máu mới nhất thấy con số hồng cầu và bạch cầu rút rất nhanh. Ông chẩn đoán là một bệnh thiếu máu biến chứng hiểm nghèo. Ông an ủi Ma-ri cứ bị ám ảnh về sỏi thận và quả quyết với Ma-

ri rằng sẽ không mổ và sẽ cố chữa. Nhưng cuộc sống đã rời dần cái cơ thể quá ốm yếu này.

Bây giờ bắt đầu một cuộc chiến khốc liệt mà người ta gọi là "một cái chết nhẹ nhàng" khi thân thể không muốn chết còn chống lại kịch liệt. Ở bên cạnh mẹ, E-vơ lại phải tiến hành một cuộc chiến đấu khác: trong bộ óc của Ma-ri còn rất sáng suốt, ý nghĩ về cái chết chưa lọt vào được. Cần phải duy trì sự kỳ diệu đó, tránh cho Ma-ri một nỗi buồn quá lớn, mà không có sự cam phận nào có thể làm dịu được. Nhất là phải làm bớt đau khổ về thể xác trong khi giữ cho tâm hồn được thư thái. Giờ đây chăm sóc chỉ làm cho người bệnh thêm mệt. Truyền máu lúc này vô ích mà chỉ ảnh hưởng đến thần kinh. Và không cần tập hợp xung quanh người sắp chết, vì thấy người thân đến đông đủ, người bệnh sẽ chỉ thấy sự thật khốc hại và chỉ thêm đau khổ.

Cuộc sống của an dưỡng đường như dừng lại, khi nghe tin xé ruột gan:

Ma-ri Qui-ri sắp chết! Tòa nhà chỉ còn thấy sự kính trọng, tha thiết, im lặng. Hai thầy thuốc thay nhau túc trực trong buồng Ma-ri, nâng đỡ bà, an ủi bà. Và cũng chăm sóc luôn cả E-vơ, giúp E-vơ chiến đấu, bày cho cách chiến đấu và hứa sẽ tiêm thuốc làm dịu những cơn đau cuối cùng của mẹ cô.

Ngày mồng 3 tháng 7, buổi sáng bàn tay run rẩy của Ma-ri còn cầm được hàn thử biểu, đọc được mức thủy ngân một lần cuối cùng, và thấy được sự hạ nhiệt độ đột ngột thường vẫn đi trước sự kết thúc. Bà mỉm cười vui sướng khi nghe E-vơ khẳng định rằng đó là dấu hiệu khỏi bệnh, và bây giờ bà sẽ khỏi. Bà nhìn ra cửa sổ mở, về phía mặt trời, và phía núi non im lặng, lòng tràn đầy ước vọng, tha thiết muốn sống. Bà nói:

– Chẳng phải thuốc đã làm mẹ dễ chịu đâu, mà là khí trời miền núi.

Trong lúc hấp hối, khi thì rên rỉ vì đau, khi thì phàn nàn, mơ màng, ngạc nhiên:

– Tôi không nói được nữa... tôi như mất hồn...

Bà không gọi tên một người nào. Không gọi tên con gái lớn vừa mới đến Xăng Xe-lơ-môi-dơ cùng chồng, không gọi E-vơ, không gọi họ hàng thân thiết. Những mối lo nghĩ lớn hay nhỏ về công việc nghiên cứu lại trở về

tràn ngập bộ óc kỳ diệu thành những câu đứt quãng:

– Đầu mục chương sách phải sắp xếp như nhau. Tôi đã nghĩ đến việc xuất bản.

Và nhìn chằm chặp vào cái chén rồi cố khuấy cái thìa – không, đâu phải nhìn cái thìa, mà là cái bay – một dụng cụ mỏng manh của phòng thí nghiệm:

– Họ làm cái này bằng Ra-đi hay bằng Mê-đô-tô-ri đấy nhỉ.

Ma-ri đã xa rời những con người để đến với những đồ vật đáng yêu mà bà hiến cả cuộc đời.

Miệng bà chỉ lắp bắp không ra lời, và bỗng nhiên, khi thấy thuốc đến tiêm, bà khẽ thốt lên mệt nhọc:

– Thôi! để cho tôi yên.

*

* *

Những phút cuối cùng tỏa ra sức chống đỡ mãnh liệt của một người mà vẻ mảnh dẻ chỉ là bề ngoài, một trái tim rất khỏe lồng vào trong thớ thịt đang lạnh dần, nhưng vẫn cứ đập day dứt, không mệt mỏi. Mười sáu giờ liền, bác sĩ Pi-e Lu-ít và E-vơ mỗi người cầm một bàn tay lạnh ngắt của một cơ thể mà cái sống và cái chết đều không muốn nhận. Mãi đến sáng hôm sau khi mặt trời điểm hồng rặng núi và bắt đầu cuộc hành trình của nó trong một bầu trời trong suốt, khi ánh nắng một buổi sáng rạng rỡ ùa vào trong phòng, tràn đến tận giường, chiếu vào đôi má gầy guộc, và đôi mắt vô tri vô giác màu tro mà cái chết đã hóa như thủy tinh, thì quả tim mới ngừng đập.

Trước thi hài, khoa học còn nhiệm vụ phải lên tiếng. Những triệu chứng không bình thường, các cuộc xét nghiệm máu khác với các bệnh nhân thiếu máu đã được biết, cuối cùng đã tố ra thủ phạm: đó là chất Ra-đi.

Bác sĩ Rơ-gô viết:

"*Bà Qui-ri có thể coi là một trong những nạn nhân dài hạn của chất*

phóng xạ mà chồng bà và bản thân bà đã tìm ra".

Bác sĩ Tô-bê cũng viết:

"*Bà Pi-e Qui-ri chết ngày 4 tháng 7 năm 1934 ở Xăng Xê-lơ-môi-dơ. Căn bệnh là sự thiếu máu hiểm nghèo, diễn biến rất nhanh, có sốt, tủy xương mất khả năng phản ứng, có lẽ vì bị hư hại do nhiễm phóng xạ quá nhiều*".

Tin buồn từ an dưỡng đường lan ra thế giới, chạm vào những điểm đau nhói: ở Vác-xô-vi có Hê-la; ở Béc-lanh, trên một chuyến xe lửa chạy gấp về nước Pháp, có Dô-dếp và Brô-ni-a; ở Mông-pê-li-ê, có Giắc Qui-ri, ở Lơn-đơn có bà Mê-lô-nây; ở Pa-ri, những người bạn chân thành.

Trước những dụng cụ không còn sức sống ở Viện Ra-đi-om, các nhà bác học trẻ nức nở.

Giờ đây, bà Qui-ri an nghỉ, xa hẳn những nỗi đau thương đó, xa hẳn mọi sự huyên náo, trên giường bệnh, trong một an dưỡng đường trước những nhà khoa học đã tận tụy cứu chữa đến phút cuối cùng. Bà nằm đó, mặc toàn đồ trắng, mái tóc bạc để lộ một vầng trán mênh mông, khuôn mặt bình thản nghiêm nghị và dũng cảm như một tráng sĩ; trong giờ phút này, tượng trưng cho cái gì đẹp đẽ, cao cả.

Đôi tay xương xương, khô ráp đã thành chai, có những vết sẹo rất sâu vì Ra-đi làm bỏng. Đôi tay đã duỗi thẳng và cứng lại, không còn cái tật quen thuộc, luôn động đậy các ngón nữa.

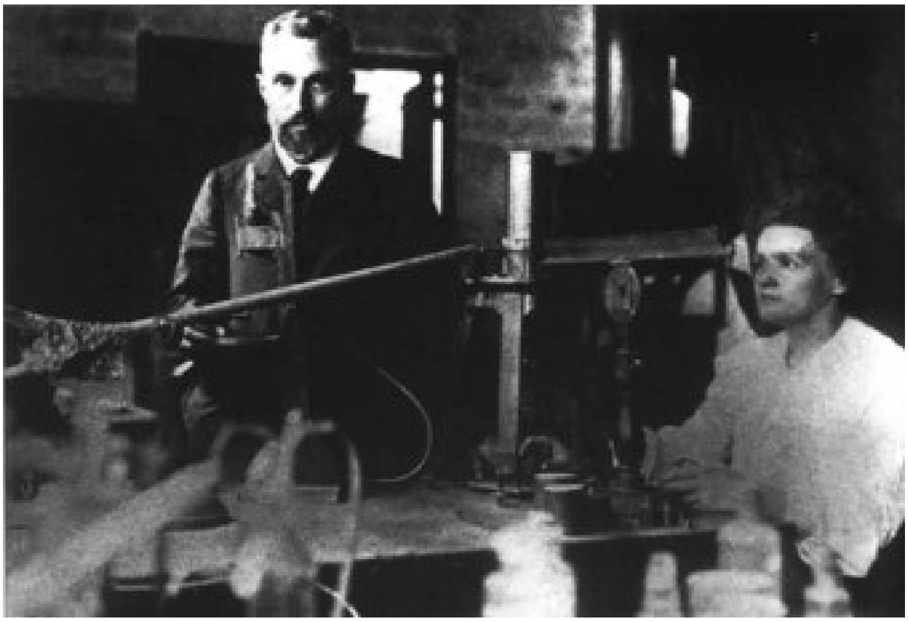
Đôi bàn tay ấy đã làm việc nhiều biết chừng nào!

Ngày thứ 6, 6 tháng 7 năm 1934, buổi trưa, không điếu văn, không quân nhạc, không một chính khách tiễn đưa, Ma-ri Qui-ri âm thầm đi đến nơi an nghỉ cuối cùng. Bà được an táng ở nghĩ địa Xô, trước mặt người thân, bạn hữu và những người cộng sự. Cái quan tài mới được đặt trên quan tài Pi-e Qui-ri. Dô-dếp và Brô-ni-a ném xuống huyệt một nắm đất đem từ Ba Lan sang! Mộ chí khắc thêm một tên mới: ***Ma-ri Xkhua-đốp-xka 1867- 1934***. Một năm sau, cuốn sách mà Ma-ri viết xong trước khi mất, mang lại cho những người "yêu vật lý" một tài liệu cuối cùng của nhà nữ bác học.

Trên bìa xám có in tên tác giả: "*Bà Pi-e Qui-ri, Giáo sư trường Đại học Xoóc-bon. Giải thưởng Nô-ben Vật lý. Giải thưởng Nô-ben Hóa học*".

Và tên sách chỉ có mỗi hai chữ, nghiêm nghị và rạng rỡ:

“PHÓNG XẠ”





PHỤ LỤC

NHỮNG SỰ KIỆN KHOA HỌC LỚN ĐƯƠNG THỜI MA-RI QUI-RI

NĂM SỰ KIỆN

1857 Louis Pasteur (1822 – 1895) nhà bác học Pháp khai sinh ra ngành Vi Sinh học (bacteriologie)

1863 Alred Nobel (1833 – 1896) nhà bác học Thụỵ Điển, phát minh ra chất nổ

1867 Karl Marx (1818 – 1883) nhà bác học Đức xuất bản tập 1 cuốn tư bản luận

1869 Charles Darwin (1809 – 1882) nhà khoa học tự nhiên Anh xuất bản tác phẩm "Sự hình thành các loài do luật tự nhiên đào thải" một bước ngoặc trong lịch sử sinh vật học

1869 Mendelejew (1834 – 1907) bác học Nga đưa ra bảng Phân loại chu kỳ các nguyên tố hoá học

1882-83 Robert Koch (1843 – 1910) tìm ra vi trùng lai (1882) và dịch tả (1883)

1882 Fernand Forest (1851 – 1914) kỹ sư Pháp phát minh máy nổ 4 pha

1886 Henri Moissan (1852 -1907) nhà hoá học Pháp tìm ra chất fluor

1893 Rudolf Diesel (1858 – 1913) kỹ sư Đức phát minh ra máy nổ Di-êden

1895 Sáng lập giải Nôben do Alfred Nobel di chúc

trước khi chết. Giải Noben về vật lý, hoá học, y học, văn học và giải hoà bình Noben, mỗi giải phát hàng năm trị giá 160.000 cu-ron (tiền Thuỵ Điển) trích ở lãi Ngân hàng gia tài của ông Nobel (khoảng 32triệu tiền Thuỵ Điển)

1895 Conrad Rontgen (1845 – 1923) nhà vật lý Đức – (giải Noben) khám phá ra quang tuyến X

1895 Hai anh em bác học Pháp Auguste Lumiere (1862 – 1954) v à Louis Lumiere (1864 – 1948) phát minh máy chiếu bóng

1896 Henri Becquerel (1852 – 1908) nhà vật lý Pháp (giải Noben) tìm ra hiện tượng phóng xạ

1896-98 Pierre Curie (1859 – 1906) và Marie Curie (1867 – 1934) khám phá ra hiện tượng phóng xạ tự nhiên

1903 Pierre Curie và Marie Curie tìm ra chất Ra-di (giải Noben)

1903 Anh em kỹ sư Mỹ Orcille Wright (1871 – 1948) và Wilbur Wright (1867 – 1912) lần đầu tiên thực hiện chuyến bay máy bay hai cánh

1905 Albert Einstein (1879 – 1955) nhà vật lý Đức (giải Noben) đề xướng thuyết tương đối

1911 Niels Bohr (1885 – 1962) nhà vật lý Đan Mạch (giải Noben) đề xướng “mẫu hành tinh” của nguyên t ử

1913 Frederik Soddy (1377 -1956) nhà hoá học

Anh (giải Noben) phát hiện ra hiện tượng isotop trong chất phóng xạ

1919 F.W. Aston (1877 – 1945) Nhà vật lý Anh phát hiện ra isotop trong chất hoá học ổn định

1919 Ernest Rutheford (1871 – 1937) nhà vật lý Anh (giải Noben) thực hiện phản ứng hạt nhân nhân tạo đầu tiên

1932 Ernest Orlando Lawrence (1901 – 1958) nhà vật lý Mỹ (giải Noben) phát minh ra máy gia tốc (Zyklotro)

1932 Harold Clayton Urey (sinh 1893) nhà hoá học Mỹ (giải Noben) một trorng những người đã phát triển bom nguyên tử khám phá ra hạt deuteron (hy-dro nặng) và nước nặng

1934 Vợ chồng Frederic Joliot (1900 – 1958) và Jrene Curie (1897 – 1956) hai nhà bác học Pháp khám phá ra hiện tượng phóng xạ nhân tạo

4-7-1934 Marie Curie mất tại Sancellemoz (Thuỵ Sĩ)

---

[1] Marie Curie chết ngày 4-7-1934 tại Sancellemoz (Thuỵ Sĩ)

[2] Tên của thành phố Lê-nin-gơ-rát (Liên xô)

[3] Một tàhnh phố miền Nam nước Pháp (Toulouse)

[4] Le Titien hoạ sĩ Ý nổi tiếng (1477-1576) là người thầy trường phái hội hoạ Vơ-nidơ thời Phục Hưng

[5] Charles Dickens (1812 -1870) viết tác phẩm David Copperfield năm 1859, truyện một đứa trẻ mồ côi bị hành hạ nhưng về sau được sung sướng.

[6] Pan Tadeuse là tên một tác phẩm nổi tiếng của Adam Mickiewcz (1798 – 1855) nhà thơ lớn nhất của nhân dân Ba Lan

[7] August Conte (1798 -1857) nhà toán học và triết học Pháp, đề xướng ra thuyết thực tiễn (Positivisme)

[8] Herbert Spencer (1820 – 1903) nhà triết học Anh, đề xướng ra thuyết tiến hoá (Revolutionnisme)

[9] Louis Pasteur (1822 – 1895) nhà hoá học và sinh vật học Pháp nổi tiếng về nghiên cứu phương pháp trị bệnh chó dại.

[10] Charles Robert Darwin (1809 – 1882) nhà sinh lý học người Anh nổi tiếng về tác phẩm "Nguồn gốc các giống"

[11] Claude Bernard (1813 – 1878) Nhà sinh lý học Pháp

[12] Dostojeewki (1821 -1882) Nhà văn hiện thực phê phán người Nga

[13] Gontscharow (1812 -1891) Nhà văn hiện thực phê phán người Nga

[14] Boleslav Prus (1874 – 1912) Nhà văn Ba Lan tên thật là Alexander Glowacki đã tham gia khởi nghĩa 1863 ở Ba Lan

[15] La Fontaine (1621 – 1695) nhà ngụ ngôn Pháp

[16] Max Nordot : nhà văn Hunggari

[17] Ignacy Krasicki (1735 -1801) nhà văn Ba Lan, viết tiểu thuyết, truyện châm biếm, cổ tích, ngụ ngôn và cả làm thơ

[18] Juliusz Slovacki (1809 -1849) nhà thơ lãng mạn lớn của nhân dân Ba Lan, sau Mickiewicz

[19] Heinrich Heine (1797 – 1856) Nhà thơ Đức lớn nhất của thế kỷ 19, một nhân vật lớn trong phong trào d n chủ cách mạng Đức

[20] Ernest Ronan (1823 – 1892) nhà văn, nhà sử học về tôn giáo người Pháp

[21] Louis Blanc (1811 -1882) nhà chính trị Pháp, xu hướng tiến bộ.

[22] Georges Brandes (1842 -1927) nhà triết học, phê bình Đan Mạch

[23] Alfred de Mussei (1810 -1857) nhà thơ lãng mạn Pháp viết truyện

ngắn, làm thơ, viết bi hài kịch

[24] Sully Prudhomme (1839 - 1907) nhà thơ Pháp

[25] Francois Coppe (1842 -1908) nhà thơ Pháp viết về những tầng lớp nghèo khổ trong xã hội

[26] John Frederic Daniell (1790 -1845) nhà nghiên cứu tự nhiên người Anh, phát minh ra mỏ hàn để tạo những ngọn lửa có nhiệt độ cao hơn

[27] Herbert Spencer (1820- 1903) nhà triết học Anh

[28] Paul Bert (1833 -1886) Nhà sinh lý học Pháp, làm cả chính trị, đã từng làm thống sứ thực dân Pháp ở Bắc kỳ

[29] Miền Đông Bắc nước Pháp (Alsace)

[30] Ignace Paderewski (1860-1941) Nhạc sĩ biểu diễn piano và sáng tác, đồng thời là một nhà hoạt động chính tr ị người Ba Lan

[31] Trong tiếng Ba Lan ngôi thứ ba dùng chỉ người trên là một biểu hiện lễ độ.

[32] Edmond de Goncourt (1822-1896) và Jules Goncourt (1830 -1870) là hai nhà văn Pháp chuyên viết tiểu thuyết lịch sử. Edmond de Goncourt đã sáng lập ra giải Gong-cua cho tiểu thuyết Pháp khá nhất mỗi năm.

[33] Ile de France - một hòn đảo giữa sông Xen ở Pa-ri

[34] Henri Poincare (1854 – 1912) nhà toán học Pháp

[35] Roentgen (1845 – 1923) nhà vật lý người Đức đã khám phá ra quang tuyến X (Giải No-ben 1901)

[36] Henri Becquerel (1852 -1908) nhà vật lý người Pháp đã tìm ra hiện tượng phóng xạ (Giải No-ben 1903)

[37] Lavoisier (1753 - 1794) nhà hoá học Pháp, một trong những người sáng lập ra ngành hoá học hiện đại

[38] Henri Poincera (1854 -1912) nhà toán học Pháp

[39] Montaigne, một nhà luân lý học Pháp vào thế k ỷ XVI (1533 – 1592)

[40] Chỉ Pi-e

[41] Buflalo : một tỉnh ở Mỹ

[42] Thủ đô nước Anh

[43] August Rodin (1840 -1917) thuộc phái hiện thực

[45] Victor Hugo (1802-1885) nhà văn Pháp

[46] Edouard Branly (1844-1940) nhà vật lý và hóa học Pháp chế ra máy tiếp sóng (cohereur) làm cho khoa điện báo đi vào thực hành.

[47] Henryk Sienkiewicz(1846 -1916) tác giả tác phẩm nổi tiếng Quo Vadis (Giải No-ben 1905)

[48] Albert Eistein (1879 -1955) nhà bác học vật lý người Đức, đề ra thuyết tương đối về thời gian và không gian.

[49] Louis Pasteur (1822-1895) bác sĩ người Pháp tìm được thuốc chữa bệnh chó dại

[50] Contard Rontgen (1845-1923) nhà bác học Đức

[51] Trích trong quyển "Pan Tadeusz" của nhà thơ Ba Lan A-dam Mich-ki-e-vich (Adam Mickienrica) (1798-1855)

[52] Don Quichotte, một nhân vật trong tác phẩm cùng tên của nhà văn Tây Ban Nha Cervantes, tượng trưng cho lòng hào hiệp vì nghĩa quên mình.

[53] Tháp ở trong Thánh Kinh có nhiều người ở các nước khác nhau đến ở nên ngôn ngữ bất đồng.

[54] Nhà viết tiểu thuyết Anh (Rudyard Kipling 1865 -1936)

[55] Nữ văn sĩ Pháp (Gabiele Colette 1873 – 1954)

[56] Botticelli, họa sĩ Ý thời trước Phục Hưng

[57] Vermeer Van Delft, họa sĩ Hà Lan (1622-1675)